

Số: 48.../QĐ-YDC

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo
Ngành: Y sỹ Đa khoa, trình độ: cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ Y – DƯỢC VIỆT NAM

Căn cứ vào Quyết định số 962/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 08/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Tư thực Đức Trí;

Căn cứ Quyết định số 1879/QĐ-LĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên trường Cao đẳng Tư thực Đức Trí thành Trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam;

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam được ban hành kèm theo quyết định số 01/QĐ-YDC ngày 13/02/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam;

Căn cứ thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành Y sỹ Đa khoa trình độ cao đẳng áp dụng giảng dạy tại trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam.

Điều 2: Phòng Đào tạo và Công tác HSSV có trách nhiệm chỉ đạo các khoa, bộ môn, giảng viên biên soạn giáo trình, giáo án theo đúng quy định.

Điều 3: Trưởng phòng Đào tạo và Công tác HSSV, trưởng khoa Y – Dược, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các phòng, khoa;
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Văn Ánh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số: 48/QĐ-YDC ngày 07 tháng 07 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam)

Tên ngành : Y sỹ đa khoa
Mã ngành : 6720101
Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Hình thức đào tạo : Chính quy
Đối tượng tuyển sinh : Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
Thời gian đào tạo : 3 năm (6 học kỳ)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Y sỹ đa khoa trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề khám chữa bệnh ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đào tạo Y sỹ đa khoa có đủ ý đức, có kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về lâm sàng và cộng đồng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 2 khung năng lực châu Âu, có khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học y học trong bảo vệ và chăm sóc khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Mục tiêu chuẩn đầu ra

CDR 1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc sức khỏe.

CDR 2. Áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe, thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác một số/các bệnh lý thông thường ở tuyến Y tế cơ sở.

CDR 3. Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, nhiệm vụ ở tuyến Y tế cơ sở, đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

CDR 4. Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

CDR 5. Hợp tác với các thành viên trong nhóm, sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, các phương tiện truyền thông phù hợp để thiết lập mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả, cung cấp các thông tin về sức khỏe; giáo dục sức khỏe cho cán bộ y tế, người bệnh, gia đình và cộng đồng.

CDR 6. Tham gia quản lý công tác điều trị chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác ở tuyến Y tế cơ sở để điều trị, chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng.

CDR 7. Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong điều trị, chăm sóc người bệnh.

CDR 8. Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.

CDR 9: Trình độ Ngoại ngữ: có trình độ có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên.

CDR 10: Trình độ Tin học: có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT

1.2.2. Về kiến thức

- Khỏi kiến thức chung

+ Vận dụng được các kiến thức về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

+ Áp dụng được kiến thức công nghệ thông tin trong phục vụ người bệnh và nghiên cứu khoa học.

+ Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn.

+ Đánh giá, phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.

- Kiến thức chung theo lĩnh vực

+ Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên như hóa học, sinh học, vật lý, lý sinh để giải thích các hiện tượng bệnh lý.

+ Phân tích được các hiện tượng, các cơ chế hoạt động, nguyên lý vận hành của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán và điều trị.

+ Tiếp cận được với các kiến thức sinh học và kỹ thuật y được hiện đại.

- *Kiến thức chung của khối ngành*

+ Vận dụng được kiến thức cốt lõi về khoa học sức khỏe và các mối liên quan giữa sức khỏe với các yếu tố môi trường, xã hội.

+ Đánh giá và phân tích được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường và các yếu tố tâm lý-xã hội.

- *Kiến thức chung của nhóm ngành và ngành*

+ Hiểu được đặc điểm giải phẫu, cấu trúc và hoạt động của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.

+ Đánh giá được sự thay đổi các trạng thái cơ thể trong những điều kiện bình thường và bệnh lý.

+ Áp dụng được những kiến thức cơ bản, cơ sở để giải thích các triệu chứng bệnh lý của người bệnh.

+ Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán các tình trạng bệnh lý.

+ Áp dụng được các phương pháp, các kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.

- *Kiến thức thực tập và tốt nghiệp*

Vận dụng tổng hợp kiến thức thu được để phân tích và đánh giá các vấn đề sức khỏe tại Bệnh viện và cộng đồng trước khi trở thành bác sĩ đa khoa.

1.2.2. Về kỹ năng

Kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề

+ Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề sức khỏe.

+ Chỉ định và phân tích được kết quả các xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản.

+ Chẩn đoán được một số bệnh thông thường.

+ Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp.

- Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

+ Xây dựng được giả thuyết về sức khỏe và bệnh tật.

+ Đánh giá, phân tích được vấn đề sức khỏe.

- + Đề xuất giải pháp và giải quyết được các vấn đề sức khỏe.
- Kỹ năng nghiên cứu và khám phá
- + Có khả năng hình thành giả thuyết nghiên cứu.
- + Có kỹ năng thu thập thông tin.
- + Thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của chuyên gia.
- + Có kỹ năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế.
- Kỹ năng tư duy theo hệ thống
- + Phân tích được mối liên quan sức khỏe với các yếu tố môi trường, văn hóa, kinh tế-xã hội.
- + Xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên.
- + Phân tích sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết.
- + Có tư duy phân tích đa chiều các vấn đề sức khỏe, bệnh tật.
- Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh
- + Thể hiện được vai trò và trách nhiệm của Y sĩ đa khoa đối với xã hội.
- + Đáp ứng chuẩn mực của xã hội về ngành y và Y sĩ đa khoa.
- + Đánh giá sự phát triển và các vấn đề sức khỏe toàn cầu đến nghề nghiệp.
- Bối cảnh tổ chức
- + Phân tích được đặc điểm, tình hình của đơn vị.
- + Xây dựng được kế hoạch và phát triển đơn vị.
- + Tạo được mối liên hệ với các đối tác chủ yếu.
- Vận dụng kiến thức vào thực tiễn
- + Áp dụng và thực hiện được các kỹ thuật, thủ thuật trong lâm sàng.
- + Sử dụng thành thạo các thiết bị trong đơn vị.
- + Phát hiện được những vấn đề mới trong chuyên môn.
- Năng lực sáng tạo, phát triển và khả năng thay đổi trong chuyên môn.
- + Cải tiến các kỹ thuật chăm sóc, điều trị.
- + Cập nhật được các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công việc.
- + Có năng lực làm việc trong các vị trí khác nhau trong đơn vị.

Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ
- + Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý.
- + Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc.
- + Học và tự học, tự nghiên cứu suốt đời.
- + Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.
- Kỹ năng làm việc nhóm
- + Xây dựng, điều hành nhóm làm việc hiệu quả.
- + Liên kết được các nhóm.
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo
- + Tổ chức, phân công công việc trong đơn vị.
- + Đánh giá hoạt động của cá nhân và tập thể.
- + Liên kết được với các đối tác chủ yếu.
- Giao tiếp
- + Sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp.
- + Giao tiếp được bằng văn bản, qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông
- + Khả năng thuyết trình lưu loát.
- + Có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân: tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, trao đổi và chia sẻ với đồng nghiệp...

- Sử dụng ngoại ngữ: tiếng Anh A2

- Tin học và công nghệ thông tin: sử dụng thành thạo phần mềm thông dụng SPSS.

1.2.3. Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Có tinh thần tôn trọng, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp, bệnh nhân và gia đình họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe;
- Trung thực, khách quan, luôn cố gắng học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Đạo đức cá nhân
- + Sẵn sàng đương đầu với khó khăn.
- + Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo.
- + Cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp, người bệnh.

- Đạo đức nghề nghiệp
- + Tận tâm, tận lực, trung thực và trách nhiệm.
- + Tác phong làm việc chuyên nghiệp.
- + Văn hóa ứng xử của thầy thuốc (12 điều y đức).
- Đạo đức xã hội
- + coi trọng nền y học cổ truyền dân tộc.
- + Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- + Giữ gìn và quảng bá hình ảnh người Y sĩ đa khoa trong xã hội

1.2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng, người học có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, tham gia nghiên cứu khoa học và quản lý; đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí sau:

Tại đơn vị khám, chữa bệnh tuyến cơ sở công lập và tư nhân, trạm y tế xã phường
 Làm công tác chuyên môn Y tế trường học, Y tế cơ quan...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học/mô đun : 42 môn học/Mô đun
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa : 110 Tín chỉ (2.730 giờ)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương : 435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn : 2295 giờ
- Khối lượng lý thuyết : 834 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm : 1756 giờ
- Giờ kiểm tra : 140 giờ

3. Nội dung chương trình:

MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Tổng		Thời gian học tập (giờ)		
		Số tín chỉ	Số tiết	Trong đó		
				LT	TH	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	17	435	157	255	23
MH01	Giáo dục chính trị	3	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4

MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH05	Ngoại ngữ 1(Tiếng anh cơ sở)	5	120	42	72	6
MH06	Tin học	2	75	15	58	2
II.	Các môn học chuyên ngành	88	2295	677	1501	117
II.1	Môn học cơ sở	26	540	229	287	24
MĐ 01	Tiếng Anh chuyên ngành	3	60	29	28	3
MĐ 02	Vi sinh – ký sinh	2	45	14	29	2
MĐ 03	Sinh lý bệnh miễn dịch	2	45	14	29	2
MĐ 04	Hoá sinh	2	45	14	29	2
MĐ 05	Giải phẫu sinh lý	3	60	29	28	3
MĐ 06	Dược lý	3	60	29	28	3
MĐ 07	Kỹ thuật điều dưỡng	3	60	29	28	3
MĐ 08	Thực hành Lâm sàng Kỹ thuật điều dưỡng	2	60	0	60	0
MH 07	Tâm lý người bệnh- Y đức	2	30	28	0	2
MĐ 09	Giao tiếp- Giáo dục SK trong thực hành y khoa	2	45	15	28	2
MH 08	Môi trường và sức khỏe	2	30	28	0	2
II.2	Môn học chuyên môn ngành	62	1650	405	1159	86
MĐ 10	Bệnh học người lớn 1	3	60	30	25	5
MĐ 11	Bệnh học người lớn 2	3	60	30	25	5
MĐ 12	Bệnh học người lớn 3	4	75	45	25	5
MĐ 13	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 1	3	90	0	85	5
MĐ 14	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 2	3	90	0	85	5
MĐ 15	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 3	3	90	0	85	5
MH 09	Ung Thư	3	45	43	0	2
MĐ 16	Sản	3	60	30	25	5
MĐ 17	Thực hành lâm sàng Sản	2	60	0	55	5

MH 10	Tổ chức quản lý y tế	2	30	28	0	2
MĐ 18	Thống kê y học - Nghiên cứu khoa học	2	45	15	28	2
MĐ 19	Nhi	2	45	15	28	2
MĐ 20	Thực hành lâm sàng Nhi	2	60	0	55	5
MĐ 21	Cấp cứu - cấp cứu ngoại viện	2	45	15	28	2
MĐ 22	Lâm sàng Cấp cứu, cấp cứu ngoại viện	2	60	0	55	5
MH 11	Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	2	30	28	0	2
MĐ 23	Lâm sàng Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng	2	60	0	55	5
MH 12	Bệnh chuyên khoa	4	60	55	0	5
MĐ 25	Lâm sàng Bệnh chuyên khoa	3	90	0	85	5
MH 13	Y học gia đình	2	30	28	0	2
MH 14	Y tế cộng đồng	2	30	28	0	2
MĐ 28	Thực tập Lâm sàng nghề nghiệp	3	135	0	130	5
MĐ 29	Khóa luận tốt nghiệp/Học môn thay thế	5	300	15	285	0
II.3	Mô đun/môn học tự chọn	5	105	43	55	7
Nhóm 1-Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng						
MH 15	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	3	45	43	0	2
MĐ 26	Lâm sàng Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	60	0	55	5
Nhóm 2- Bệnh chuyên khoa nâng cao						
MH 16	Bệnh chuyên khoa nâng cao	3	45	43	0	2
MĐ 27	Lâm sàng Bệnh chuyên khoa	2	60	0	55	5
TỔNG CỘNG		110	2730	834	1756	140

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn sử dụng các môn học chung

Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, bố trí cho sinh viên tham quan, thực tập tay nghề tại các đơn vị hoạt động trong ngành/nghề, lĩnh vực có liên quan.

Để mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội, tăng cường thể chất, bố trí cho học sinh tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, các hoạt động xã hội khác...

Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Sau giờ học: từ 17h đến 19h hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Tham gia câu lạc bộ văn nghệ của Nhà trường	Ngoài giờ học: từ 18h đến 20h (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Tổ chức các buổi giao lưu trong tháng thanh niên, tháng thi đua học tập
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi năm 1 lần

4.3 Hướng dẫn tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun, học phần:

Thời gian tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, học phần được xác định và có hướng cụ thể theo từng môn học, học phần trong chương trình đào tạo

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ và khối lượng của chương trình đào tạo theo đúng quy định của Quy chế đào tạo theo thông tư số 04/2022/TT- BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định.
- Hoàn thành học phần giáo dục quốc phòng – an ninh và giáo dục thể chất.

- Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành ngành Y sỹ đa khoa theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các khoa phối hợp với phòng đào tạo có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý



HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Văn Ánh



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã môn học: MH01

Số tín chỉ: 4 (3-1-0)

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 41 giờ; Thảo luận: 29 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí môn học Chính trị là môn học bắt buộc nằm ở học kỳ I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2.2. Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	2	2	0	0
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin	13	9	4	0

3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4	0
4	Kiểm tra	2			2
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	0
6	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	0
7	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	0
8	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	0
9	Kiểm tra	2	0	0	2
10	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	0
11	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	0
12	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	0
13	Kiểm tra	1			1
Tổng cộng		75	41	29	05

2. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1. Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lenin, Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;

- Bước đầu vận dụng được thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2. Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh, Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4. Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp

2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 5. Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;

- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 6. Tăng cường Quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;
- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 7. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 8. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ tổ quốc, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;
- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài 9. Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt, Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phân đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Giáo dục Chính trị.

- Về kỹ năng: hình thành những kỹ năng nhận định, phân tích, so sánh, khái quát cho sinh viên.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Môn học không đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Chương trình môn học Những nguyên lý cơ bản của của chủ nghĩa Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, NXB Chính trị quốc gia.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), Giáo trình các môn học Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Hà Nội, NXB Chính trị Quốc Gia.

[4] Lê Văn Lực, Trần Văn Phòng (2008), Một số chuyên đề về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Hà Nội, NXB Lý luận Chính trị.

[5] Lê Hữu Toàn (2003), Học thuyết Mác với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam, Hà Nội, NXB Chính trị Quốc gia.

[6] Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

[7] Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

[8] Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

[9] Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

[10] Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

[11] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

[12] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

[13] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

[14] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[15] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[16] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[17] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

[18] Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

[19] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[20] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[21] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[22] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[23] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

[24] Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

[25] Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã môn học: MH 02

Số tín chỉ: 2 (2-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận: 10 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí môn học Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc ở học kỳ I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất môn học Pháp luật đại cương là một trong những nội dung quan trọng của chương trình đào tạo, là môn học cơ sở nhằm cung cấp những kiến thức về pháp luật cho sinh viên. Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam; Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2.2. Về kỹ năng:

+ Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

+ Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội, trong lao động, trong cuộc sống hàng ngày.

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	0
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	0
3	Bài 3: Pháp luật dân sự	5	3	2	0
4	Bài 4: Pháp luật lao động	7	5	2	0
5	Bài 5: Pháp luật hành chính	4	3	1	0
6	Bài 6: Pháp luật hình sự	5	3	2	0
7	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	0
8	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	0
9	Kiểm tra	2	0	0	2
	Tổng cộng	30	18	10	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2. Hiến pháp, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3. Pháp luật dân sự, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự;

- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự

2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

2.3.2. Hợp đồng

Bài 4. Pháp luật lao động, Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.

- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 5. Pháp luật hành chính, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính

2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính

2.2.1. Vi phạm hành chính

2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 6. Pháp luật hình sự, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của pháp luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự

2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự

2.2.1. Tội phạm

2.2.2. Hình phạt

Bài 7. Pháp luật phòng, chống tham nhũng, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật phòng, chống tham nhũng;
- Biết cách phân tích những hoạt động về pháp luật phòng chống tham nhũng của các cơ quan tổ chức.
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tham nhũng

2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng

2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 8. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Pháp luật đại cương

- Về kỹ năng: Xử lý được các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; tổ chức được các hoạt động hợp pháp góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội (thực hiện và tuyên truyền thực hiện nội quy, quy chế, các quy định khác đối với công dân... và cách xử sự trong các mối quan hệ).

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Sinh viên có thái độ học tập đúng đắn

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình

- Phương pháp vấn đáp

- Phương pháp thảo luận nhóm

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học không đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] TS. Lê Văn Hưng, Ths. Nguyễn Việt Khoa, Ths Võ Phước Long, Giáo trình Pháp luật đại cương, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP Hồ Chí Minh, NXB Lao động - Xã hội, 2008;

[2] TS. Nguyễn Hợp Toàn (Chủ biên); Giáo trình Pháp luật đại cương, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2008.

[3] Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

[4] Bộ Luật lao động, 2012.

[5] Bộ Luật dân sự, 2015.

[6] Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.

[8] Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.

[9] Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.

[10] Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

[11] Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.

[12] Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.

[13] Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

[14] Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.

[15] Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

[16] Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

[17] Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

[18] Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

[19] Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

[20] Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

[21] Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

[22] Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

[23] Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

[24] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

[25] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.

[26] Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học: MH 03

Số giờ: 60 giờ

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 05 giờ; Thực hành: 51 giờ; Kiểm tra: 04 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Môn học Giáo dục thể chất là môn học bắt buộc ở học kỳ I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

+ Nêu được mục đích, ý nghĩa, tác dụng của luyện tập thể thao đối với phát triển con người toàn diện;

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp tập luyện thể dục thể thao.

2.2 Về kỹ năng: Thực hiện được các phương pháp tập luyện nâng cao sức khỏe nói chung và thể dục nghề nghiệp.

2.3 Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Tích cực luyện tập và hướng dẫn người bệnh, cộng đồng tập luyện thể thao để nâng cao sức khỏe.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1	0	0
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1	12	0
2	Bài 2: Điền kinh	14	1	13	0
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2	0	0	2

III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	30	2	26	2
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	30	2	26	2
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	30	2	26	2
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	30	2	26	2
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	30	2	26	2
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	30	2	26	2
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	30	2	26	2
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	30	2	26	2
Tổng cộng		60	5	51	4

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU, Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: Thể dục cơ bản , Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: Điền kinh, Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

2.3.1. Nhảy cao

2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao

2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao

2.3.2. Nhảy xa

2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa

2.3.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

Chuyên đề 1: Môn bơi lội, Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay – chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.2.5. Kỹ thuật xuất phát

2.2.6. Kỹ thuật quay vòng

2.2.7. Kỹ thuật về đích

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: Môn cầu lông , Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.2.7. Kỹ thuật đập cầu

2.2.8. Chiến thuật thi đấu

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền, Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng

2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: Môn bóng rổ, Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay

2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay

2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực

2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: Môn bóng đá, Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5 Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân

2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân

2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6. Môn bóng bàn, Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật bạt bóng thuận và trái tay

2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7. Môn thể dục thể thao khác, Thời gian: 30 giờ

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Sân bãi

2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ thể dục thể thao liên quan đến môn học

3. Học liệu, dụng cụ: trang phục thể thao, dụng cụ học tập liên quan đến tài liệu học tập.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên biết được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất; Biết cách chạy bền trên địa hình tự nhiên và khắc phục một số hiện tượng thường gặp trong khi chạy, kỹ thuật và luật thi đấu các môn: chạy 100m hoặc chạy tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa hoặc nhảy cao và các môn thể thao tự chọn; Hiểu được các môn thể thao đã được học trong chương trình

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được kỹ năng chạy bền trên địa hình tự nhiên, các giai đoạn kỹ thuật chạy 100m hoặc chạy tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa kiểu “Ưỡn thân” hoặc nhảy cao kiểu “Úp bụng”;

+ Thực hành được kỹ thuật các môn thể thao tự chọn;

+ Tổ chức thi đấu được, làm được trọng tài các môn thể thao đã được học;

+ Vận dụng được những điều đã học vào đời sống và tích cực tham gia các phong trào Thể dục thể thao trong, ngoài nhà trường

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Giáo dục tính linh hoạt, nhanh nhẹn trong khi thực hành các động tác;

+ Phối hợp trong thảo luận nhóm, tập luyện cá nhân.

+ Trung thực trong học tập và nghiêm túc trong rèn luyện.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp làm mẫu.

- Phương pháp.

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLDTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thực hành để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo

[1]. Nhiều tác giả, *Giáo trình thể dục*, NXB Giáo dục, 2006.

[2]. TS. Trương Anh Tuấn, *dự án đào tạo giáo viên trung học phổ thông*, Giáo trình thể dục của Bộ giáo dục và đào tạo.

[3] Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

[4] Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

[5] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

[6] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

[7] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

[8] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

[9] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

[10] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.

[11] Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

[12] Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

[13] Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

[14] Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.

[15] Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

[16] Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.

[17] Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.

[18] Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.

[19] Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

[20] Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

[21] Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐT BXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

Mã môn học: MH 04

Số giờ: 75 giờ

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 36 giờ; Thực hành: 35 giờ; Kiểm tra: 04 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: Môn học Giáo dục Quốc phòng an ninh là môn học bắt buộc học kỳ II trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

2.3. Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2	0	
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1	0	0	1
8	Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về	5	3	2	

	bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng				
9	Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
10	Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
11	Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
12	Kiểm tra	1	0	0	1
13	Bài 11: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
14	Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5	14	
15	Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	0
16	Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng cộng		75	36	35	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Nhập môn giáo dục quốc phòng và an ninh, Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2. Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt nam, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

Bài 3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia,

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;

- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7. Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 8. Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân

2.3.1. Tổ chức thể trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 9. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 10. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 11. Đội ngũ đơn vị, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

Bài 12. Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm

2.1.4. Súng diệt tăng B41

2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1

2.3. Thực hành

Bài 13. Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Chăm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bài tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;

- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thắt lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. *Phòng học*: Sân bãi
2. *Trang thiết bị máy móc*: dụng cụ thể dục thể thao liên quan đến môn học
3. *Học liệu, dụng cụ*: trang phục thể thao, dụng cụ học tập liên quan đến tài liệu học tập.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “điển biến hòa bình”, bạo hành lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.

- Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp làm mẫu;
- Phương pháp luyện tập, kiểm tra.

Áp dụng Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học*: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết;
- + Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thực hành để vận dụng kiến thức vào thực tiễn;
- + Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.
- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm:

Học phần I: Đường lối quân sự của Đảng

Học phần có đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

Học phần II: Công tác quốc phòng, an ninh

Học phần đề cập những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh chống tội phạm, trật tự an toàn xã hội.

Học phần III: Quân sự chung

Học phần bao gồm lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh (Dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Tập 1)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh (Dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Tập 2)*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
- [4] Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
- [5] Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
- [6] Luật Biên giới quốc gia, 2004.
- [7] Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
- [8] Luật an ninh quốc gia, 2004.
- [9] Bộ luật hình sự, 2015.
- [10] Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
- [11] Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
- [12] Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
- [13] Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
- [14] Luật biển Việt Nam, 2012.
- [15] Luật Dân quân tự vệ, 2009.
- [16] Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
- [17] Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
- [18] Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
- [19] Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
- [20] Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
- [21] Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
- [22] Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
- [23] Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

[24] Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

[25] Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

[26] Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

[27] Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

[28] Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

[29] Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

[30] Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.

[31] Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.

[32] Sách dạy bắn súng trung liên RPĐ, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.

[33] Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Thông tư số 03/2019/TT-BLĐT BXH ngày 17/01/2019 Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh)

Tên môn học: TIẾNG ANH

Mã môn học: MH 05

Số tín chỉ: 5 (3-2-0)

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ; (Lý thuyết: 42 giờ; bài tập: 72 giờ; Kiểm tra: 06 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn Tiếng Anh căn bản là môn học bắt buộc trong học kì I trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học:

2.1. Về kiến thức: Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2.2. Về kỹ năng: Xử lý được các tình huống giao tiếp cơ bản trong cuộc sống hằng ngày cũng như trong lớp học.

- Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

- Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng;

mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

- Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp; Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

I. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Bài 1. Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	0
2	Bài 2. Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	0
3	Bài 3. Địa điểm (Places)	9	3	6	0
4	Bài 4. Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	0
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2	0	2
6	Bài 5. Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	0
7	Bài 6. Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	0
8	Bài 7. Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	0
9	Bài 8. Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	0
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2	0	2
11	Bài 9. Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	0

12	Bài 10. Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	0
13	Bài 11. Công nghệ (Technology)	9	3	6	0
14	Bài 12. Mua sắm (Shopping)	9	3	6	0
15	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2	0	2
	Tổng cộng	120	42	72	6

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Gia đình và bạn bè (FAMILY AND FRIENDS), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;
- 2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. Thời gian rảnh rỗi (LEISURE TIME) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;

- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. Địa điểm (PLACES), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. Các loại thực phẩm và đồ uống (FOOD AND DRINK)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should/shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;

- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với ***much*** hoặc ***many***;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. Các sự kiện đặc biệt (SPECIAL OCCASIONS), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;
- 2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;
- 2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì hiện tại đơn;
- 2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- 2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;
- 2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. Kỳ nghỉ (VACATION), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. Các hoạt động hàng ngày (ACTIVITIES), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. Sở thích (HOBBIES AND INTERESTS), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: **play, go** và **do**;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Sở thích;
- 2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;
- 2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 9. Các kế hoạch trong tương lai (FUTURE PLANS)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Lễ hội;
- 2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Cấu trúc Will và going to;
- 2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 10. Ngoại hình và tính cách (APPEARANCE AND PERSONALITY)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 11. Công nghệ (TECHNOLOGY), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Cấu trúc How long...?;

2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 12. Mua sắm (SHOPPING), Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;

- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ)

II. Điều kiện thực hiện môn học:

1. *Phòng học*: phòng học lý thuyết có máy chiếu
2. *Trang thiết bị máy móc*: 50 bộ bàn ghế, 50 tai nghe, máy chiếu,
3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*: sách giáo trình, băng và bút lông

III. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản của Tiếng Anh giao tiếp.
- Về kỹ năng: Sinh viên có thể hiểu và phản xạ tốt những tình huống giao tiếp cơ bản trong cuộc sống hằng ngày. Tự tin hơn khi giao tiếp bằng Tiếng Anh.
- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình
- Phương pháp vấn đáp
- Phương pháp ôn tập, luyện tập
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

IV. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh 1 được sử dụng để giảng dạy cho trình độ đào tạo Cao đẳng chính quy của Khoa Cơ Bản.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Đối với giáo viên, giảng viên: Kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy. Phương pháp giảng dạy chính là thuyết trình và giao bài tập cho sinh viên.

Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học. Các bài tập ở nhà, mini-test, và bài thi cuối kì phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Tất cả các bài

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

[2] Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

[3] Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

[4] Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

[5] Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

[6] Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

[7] Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: TIN HỌC

Mã môn học: MH06

Số tín chỉ: 3(1-2-0)

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận: 58 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí môn học Tin học đại cương là môn học bắt buộc ở học kỳ I trong chương trình đào tạo.
- Tính chất môn học Tin học đại cương là một trong những nội dung quan trọng của chương trình đào tạo, là môn học nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về tin học văn phòng cho sinh viên. Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về Kiến thức: Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2.2. Về kỹ năng: Sử dụng được công năng của máy vi tính để tính toán trên bảng tính, soạn thảo văn bản, lập các báo cáo, khai thác internet.

+ Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

+ Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

+ Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

+ Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

+ Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

+ Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

+ Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

+ Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin

2.3 Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Sinh viên chủ động, tích cực trong học tập, thực hành; khai thác một cách có hiệu quả công năng của máy tính phục vụ hữu hiệu chuyên môn. Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp; Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	TH, TN, BT, TL	Kiểm tra
1	Chương 1. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	0
2	Chương 2. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	0
3	Chương 3. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	0
4	Kiểm tra	1	0	0	1
5	Chương 4. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	0
6	Chương 5. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	0
7	Chương 6. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	0
8	Kiểm tra	1	0	0	1
Tổng cộng		75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

- 2.1.1.1. Thông tin
- 2.1.1.2. Dữ liệu
- 2.1.1.3. Xử lý thông tin
- 2.1.2. Phần cứng
 - 2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm
 - 2.1.2.2. Thiết bị nhập
 - 2.1.2.3. Thiết bị xuất
 - 2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ
- 2.2. Phần mềm
 - 2.2.1. Phần mềm hệ thống
 - 2.2.2. Phần mềm ứng dụng
 - 2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng
 - 2.2.4. Phần mềm nguồn mở
- 2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính
 - 2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính
 - 2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ
- 2.4. Mạng cơ bản
 - 2.4.1. Những khái niệm cơ bản
 - 2.4.2. Internet, Intranet, Extranet
 - 2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng
 - 2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng
 - 2.4.3.2. Tốc độ truyền
 - 2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)
 - 2.4.4. Phương tiện truyền thông
 - 2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông
 - 2.4.4.2. Băng thông
 - 2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây
 - 2.4.5. Download, Upload
- 2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông
 - 2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh
 - 2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương 2. Sử dụng máy tính cơ bản, Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Sử dụng Control Panel

2.3.1. Khởi động Control Panel

2.3.2. Region and Language

2.3.3. Devices and Printers

2.3.4. Programs and Features

2.4. Một số phần mềm tiện ích

2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.4.2. Phần mềm diệt virus

2.5. Sử dụng tiếng Việt

2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin

2.7. Đa phương tiện

2.8. Sử dụng máy in

2.8.1. Lựa chọn máy in

2.8.2. In

Chương 3. Xử lý văn bản cơ bản, Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

- 2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word
- 2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word
 - 2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn
 - 2.2.2.2. Tạo một tập tin mới
 - 2.2.2.3. Lưu tập tin
 - 2.2.2.4. Đóng tập tin
- 2.2.3. Định dạng văn bản
 - 2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)
 - 2.2.3.2. Định dạng đoạn văn
 - 2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
 - 2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
 - 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
 - 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
 - 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
 - 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
 - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
 - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
 - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
 - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
 - 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
 - 2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)
 - 2.2.3.7. Hoàn tất văn bản
 - 2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản
 - 2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
 - 2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản
- 2.2.5. Phân phối văn bản
- 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
- 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương 4. Sử dụng bảng tính cơ bản, Thời gian: 29 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xóa dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

- 2.4.2.3. Mở nhiều trang tính
- 2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính
- 2.5. Định dạng ô, dãy ô
 - 2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ
 - 2.5.2. Định dạng văn bản
 - 2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền
- 2.6. Biểu thức và hàm
 - 2.6.1. Biểu thức số học
 - 2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học
 - 2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản
 - 2.6.1.3. Các lỗi thường gặp
 - 2.6.2. Hàm
 - 2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm
 - 2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >
 - 2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)
 - 2.6.2.4. Hàm điều kiện IF
 - 2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)
 - 2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)
 - 2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)
 - 2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)
 - 2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)
- 2.7. Biểu đồ
 - 2.7.1. Tạo biểu đồ
 - 2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ
- 2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính
 - 2.8.1. Trình bày trang tính để in
 - 2.8.2. Kiểm tra và in
 - 2.8.3. Phân phối trang tính

Chương 5. Sử dụng trình chiếu cơ bản, Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.1.7. Chèn Audio, Video

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương 6. Sử dụng INTERNET cơ bản, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, www (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ www (World Wide Web)

2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản

2.2.1.2. Thiết đặt (setting)

2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác

2.2.1.4. Đánh dấu

2.2.2. Sử dụng Web

2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công

2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)

2.2.2.3. Lưu nội dung

2.2.2.4. In

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử

2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử

2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử

2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời

2.3.2. Cộng đồng trực tuyến

2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. *Phòng học*: Phòng thực hành tin học

2. *Trang thiết bị máy móc*: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế, máy tính.

3. *Học liệu, dụng cụ:* Internet, sách, giáo trình (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Sinh viên phải nắm được những kiến thức cơ bản của học phần Tin học đại cương.

- Về kỹ năng: Sử dụng được các hệ điều hành để vận hành và quản lý hoạt động của máy tính; Sử dụng máy tính để soạn thảo văn bản với Microsoft Office Word; Xử lý số liệu trên bảng tính với các hàm cơ bản và một số hàm nâng cao; Soạn thảo và trình chiếu với Microsoft Office Powepoint; Vận dụng kiến thức cho quá trình tự học thông qua mạng internet cũng như qua các tài liệu về tin học.

- Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp thực hành: Làm mẫu, sinh viên thực hành trên máy dưới sự hướng dẫn của giáo viên

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học:* Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi nội dung bài học, sinh viên thực hành trên máy tính.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Lữ Đức Hào, Microsoft Office 2007 - Tin Học Cho Nhân Viên Văn Phòng, NXB Hồng Đức, 2007;

[2] Đậu Quang Tuấn, Hướng Dẫn Giải Một Số Bài Tập Về Excel Một Cách Nhanh Chóng Và Có Hiệu Quả, NXB Giao thông vận tải, 2010;

[3] Đậu Quang Tuấn, Tự học Microsoft Office 2007, NXB Giao thông vận tải, 2010.

[4] Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

[5] Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

[6] Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

[7] Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

[8] Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

[9] Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

[10] Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

[11] Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

[12] Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

[13] Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

[14] Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Mã mô đun: MD 01

Số tín chỉ: 3 (3-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thảo luận: 28 giờ; Kiểm tra: 03 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Tiếng Anh chuyên ngành là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: tập trung giảng dạy các kỹ năng cơ bản và rất cần thiết để sinh viên có thể giao tiếp bằng Tiếng Anh với đồng nghiệp và bệnh nhân, có khả năng nắm bắt thông tin nghe được, xử lý và cung cấp lại thông tin bằng hình thức nói, viết, dịch hoặc đặt câu hỏi.. Ngoài ra, sinh viên sau khi ra trường còn có thể đọc hiểu và nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh cũng như tìm hiểu, sưu tầm các tài liệu y học bằng tiếng Anh nhằm nâng cao chuyên môn của mình.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

- Có vốn từ y học nhất định liên quan đến các chủ điểm thông dụng như stress, các chất độc, AIDS, hút thuốc lá, bệnh tim, đột quỵ.....

- Phát triển vốn từ vựng chuyên ngành qua các bài tập về synonyms, root words, compound words.

2.2. Kỹ năng:

- Sử dụng được các cấu trúc câu cơ bản: the verb to be, possessive pronouns, preps of time, articles, this/that/these/those, plurals of nouns, prepositions, present simple tense, some/any/no/none, past tense, have/has, possessive words, present continuous, the future tense (active + passive), the present perfect (active + passive), relative pronouns.

- Đọc hiểu được những tài liệu chuyên ngành để mở rộng kiến thức và phục vụ cho công việc.

- Nghe những từ vựng, cấu trúc, tình huống giao tiếp liên quan đến các chủ đề đã học.

- Nghe những từ vựng, cấu trúc, tình huống giao tiếp liên quan đến các chủ đề đã học.

- Nghe những từ vựng, cấu trúc, tình huống giao tiếp liên quan đến các chủ đề đã học.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Rèn luyện phẩm chất đạo đức của sinh viên, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê học ngoại ngữ, sáng tạo, đổi mới.

- Hiểu được tầm quan trọng của môn học.
- Tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng internet.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Unit 1: Stress Section 1: Reading Section 2: Speaking Section 3: Grammar	5	2	3	0
2	Unit 2: Relaxation Section 1: Reading Section 2: Speaking Section 3: Grammar	6	3	3	0
3	Unit 3: Alcoholism Section 1: Reading Section 2: Speaking Section 3: Grammar	6	3	3	0
4	Unit 4: Drug Abuse Section 1: Reading Section 2: Speaking Section 3: Grammar	6	3	3	0
5	Unit 5: Poison Section 1: Reading Section 2: Speaking Section 3: Grammar	6	3	3	0
6	Unit 6: AIDS Section 1: Reading Section 2: Speaking Section 3: Grammar	6	3	3	0
7	Unit 7: Smoking Section 1: Reading Section 2: Speaking Section 3: Grammar	6	3	3	0
8	Unit 8: Heart disease Section 1: Reading Section 2: Speaking Section 3: Grammar	5	3	2	0
9	Unit 9: Stroke Section 1: Reading Section 2: Speaking Section 3: Grammar	6	3	3	0
10	Unit 10: Cancer Section 1: Reading Section 2: Speaking Section 3: Grammar	5	3	2	0
11	Review + Test	3	0	0	3
Tổng		60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết

Unit 1: Stress

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Know the knowledge of stress.
- Know and use correctly some grammar points: the verb to be, subjects that do with the verb to be, possessive adjectives, adverbs of time, articles, demonstratives.
- Help and give care for patients who have stress.

2. Nội dung:

1.1. Reading: Stress

1.2. Speaking

1.3 Grammar and vocabulary

+ the verb to be

+ possessive pronouns

+ preps of time

+ articles

+ this/that/these/those

+ medical words

Unit 2: Relaxation

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Know the knowledge of relaxation, know ways to relax and recharge
- Use polite request when giving care for patients
- Know how to change a singular noun to a plural.

2. Nội dung:

2.1. Reading: Relaxation

2.2. Speaking

2.3 Grammar and vocabulary

+ plurals of nouns

+ prepositions

+ medical words

Unit 3: Alcoholism

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Know the knowledge of alcoholism
- Use some grammar points correctly: the present tense, some, any, no, none and some phrasal verbs

- Help an alcoholic to have a better life.

2. Nội dung:

3.1. Reading: Alcoholism

3.2. Speaking

3.3 Grammar and vocabulary

+ present simple tense

+ some/any/no/none

+ medical words

Unit 4: Drug Abuse

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Know the knowledge of drug abuse.

- Use correctly: prepositions of position, have or has, the past simple tense and possessive adjs or pronouns.

- Help patients with drug abuse.

2. Nội dung:

4.1. Reading: Drug abuse

4.2. Speaking

4.3 Grammar and vocabulary

+ past tense

+ have/has

+ possessive words

+ synonyms

Unit 5: Poison

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Know the knowledge of poison

- Know and use correctly the present continuous tense

- Know how to help people with poison.

2. Nội dung:

5.1. Reading: Poison

5.2. Speaking

5.3 Grammar and vocabulary

+ present continuous

+ medical words

Unit 6: AIDS **Thời gian: 6 giờ**

1. Mục tiêu

- Know the knowledge of AIDS
- Use correctly the simple past tense and compound words
- Know how to help people with AIDS.

2. Nội dung:

6.1. Reading: AIDS

6.2. Speaking

6.3 Grammar and vocabulary

+ review present simple/past simple

+ root words

+ compound words

Unit 7: Smoking **Thời gian: 6 giờ**

1. Mục tiêu

- Understand problems on ‘Smoking’
- Give advice to people who smoke
- Use future tense (active and passive) correctly.

2. Nội dung:

7.1. Reading: Smoking

7.2. Speaking

7.3 Grammar and vocabulary

+ the future tense (active + passive)

+ medical words

Unit 8: Heart disease **Thời gian: 6 giờ**

1. Mục tiêu

- Know the knowledge of heart disease
- Help patients who have heart disease
- Use the Present Perfect Tense correctly.

2. Nội dung:

8.1. Reading: Heart Disease

8.2. Speaking

8.3 Grammar and vocabulary

+ the present perfect (active

+ passive)

Unit 9: Stroke Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Know the knowledge of stroke
- Remember the meaning of new words
- Use relatives and compound words correctly
- Help patients who have stroke.

2. Nội dung:

9.1. Reading: Stroke

9.2. Speaking

9.3 Grammar and vocabulary

+ Relatives

+ Compound words

+ Synonyms

Unit 10: Cancer Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Know the knowledge of cancer
- Help the patients with cancer
- Use the past continuous tense correctly.

2. Nội dung:

10.1 Reading: Cancer

10.2. Speaking

10.3. Grammar and

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Phòng lab.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Những kiến thức đã được học trong giáo trình.
- Về kỹ năng: hình thành 4 kỹ năng chính: nghe- nói- đọc- viết.
- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: đánh giá chủ yếu qua quá trình học tập trên lớp (thái độ học tập; khi thực hành theo cặp, nhóm) và qua sản phẩm tự học sinh viên nộp cuối kỳ.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:
 - + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
 - + Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, sau mỗi bài học học sinh cần tăng cường tính tự học vào thực tiễn. Sinh viên cần chuẩn bị phần từ vựng, bài tập trước khi đến lớp; phần tự học và bài tập về nhà; chủ động tìm hiểu kiến thức bổ trợ cho môn học, rèn luyện 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết trên mạng Internet và sách tham khảo.
 - + Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.
- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học:
 - + Read and translate into Vietnamese further reading passage: Avoid unnecessary stress.
 - + Read and translate in to Vietnamese further reading passage: Stress relief: Relaxation practices that reduce stress.
 - + Read and translate into Vietnamese further reading Write down on student's notebook. Passage: Alcohol Abuse.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Drug abuse: Problems and solutions.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Kids and poisons.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: AIDS.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Smoking.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Heart Disease.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Stroke.

+ Read and translate into Vietnamese further reading passage: Cancer.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Virginia Allum and Patricia Mc Garr, *English for nursing*, NXB Đồng Nai.

[2] Professional English in Use, Medicine – Eric H.Glendinning and Ron Howard – Cambridge University Press.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: VI SINH - KÝ SINH TRÙNG

Mã mô đun: MD 02

Số tín chỉ: 2 (1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết 15 giờ; thực hành 25 giờ, kiểm tra 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí mô đun Vi sinh – Ký sinh trùng là môn học kiến thức cơ sở ngành được bố trí vào học kỳ 2 trong chương trình đào tạo.

- Tính chất mô đun Vi sinh – Ký sinh trùng cung cấp cho sinh viên kiến thức sinh vật học khả năng gây bệnh, đặc điểm bệnh học, đường xâm nhập và tác hại của Vi sinh - Ký sinh trùng. Đồng thời, cung cấp kiến thức đặc điểm của sinh vật học và phân loại Vi sinh, Ký sinh trùng. Bên cạnh đó, còn có kiến thức mối tương quan giữa vi sinh - ký sinh trùng với cơ thể và môi trường.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm của sinh vật học và phân loại Vi sinh, Ký sinh trùng;
- Trình bày được đặc điểm của sinh vật học, khả năng gây bệnh, đặc điểm bệnh học, đường xâm nhập và tác hại của Vi sinh - Ký sinh trùng;
- Nêu được hình thể vi sinh - ký sinh trùng gây bệnh thường gặp;
- Nêu được mối tương quan giữa vi sinh - ký sinh trùng với cơ thể và môi trường.

2.2. Về kỹ năng: Vận dụng và liên hệ được các kiến thức vi sinh và ký sinh trùng y học vào việc học tập, nghiên cứu các môn khoa học cơ sở có liên quan và các môn y học lâm sàng.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Chủ động và sáng tạo trong học tập, có tinh thần trách nhiệm cao.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT,	Kiểm tra/thi
PHẦN LÝ THUYẾT					
1	Bài 1: Đại cương về vi khuẩn – virus 1.1. Đại cương về vi khuẩn và virus 1.2. Đại cương về vi khuẩn 1.3. Đại cương về virus	1	1	0	0

2	Bài 2: Virus gây bệnh thường gặp 2.1. Tổng quan về các loại virus gây bệnh thường gặp 2.2. Nhiễm trùng virus 2.2.1. Quá trình nhiễm virus 2.2.2. Các loại nhiễm virus 2.2.3. Một số nhiễm virus thường gặp 2.2.3.1. Dengue.Picornavirus 2.2.3.2. Adenovirus 2.2.3.3. Rotavirus 2.2.3.4. HIV – Herpesvirus 2.2.3.5. Arbovirus	1	1	0	0
3	Bài 3: Cầu khuẩn gây bệnh: tụ cầu, liên cầu, lậu cầu, phế cầu và não mô cầu. 3.1. Tổng quan về các loại cầu khuẩn gây bệnh 3.1.1. Tụ cầu 3.1.2. Liên cầu 3.1.3. Lậu cầu 3.1.4. Phế cầu 3.1.5. Não mô cầu 3.2. Đặc điểm về hình thái, điều kiện nuôi cấy, khả năng gây bệnh và cách phòng của các loại cầu khuẩn. 3.2.1. Đặc điểm về hình thái 3.2.2. Tụ cầu 3.2.3. Liên cầu 3.2.4. Lậu cầu 3.2.5. Phế cầu 3.2.6. Não mô cầu 3.3. Điều kiện nuôi cấy 3.3.1. Tụ cầu 3.3.2. Liên cầu 3.3.3. Lậu cầu 3.3.4. Phế cầu 3.3.5. Não mô cầu 3.4. Khả năng gây bệnh và cách phòng 3.4.1. Tụ cầu 3.4.2. Liên cầu 3.4.3. Lậu cầu 3.4.4. Phế cầu 3.4.5. Não mô cầu	1	1	0	0
4	Bài 4: Vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hoá (thương hàn, lỵ, tả) 4.1. Đặc điểm về hình thái 4.2. Điều kiện nuôi cấy của các loại vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa	2	2	0	0

	4.3. Khả năng gây bệnh và cách phòng				
5	Bài 5: Trùng khuẩn gây bệnh: trùng khuẩn mủ xanh, uốn ván, lao 5.1. Tổng quan về các loại trùng khuẩn gây bệnh 5.1.1. Trùng khuẩn mủ xanh 5.1.2. Trùng khuẩn uốn ván 5.1.3. Trùng khuẩn lao 5.2. Đặc điểm về hình thái, điều kiện nuôi cấy, khả năng gây bệnh và cách phòng của các loại trùng khuẩn. 5.2.1. Đặc điểm về hình thái 5.2.2. Trùng khuẩn mủ xanh 5.2.3. Trùng khuẩn uốn ván 5.2.4. Trùng khuẩn lao 5.3. Điều kiện nuôi cấy của các loại vi khuẩn gây bệnh. 5.3.1. Trùng khuẩn mủ xanh 5.3.2. Trùng khuẩn uốn ván 5.3.3. Trùng khuẩn lao 5.4. Khả năng gây bệnh và cách phòng 5.4.1. Trùng khuẩn mủ xanh 5.4.2. Trùng khuẩn uốn ván 5.4.3. Trùng khuẩn lao	2	2	0	0
6	Bài 6: Xoắn khuẩn giang mai 6.1. Đặc điểm về hình thái 6.2. Điều kiện nuôi cấy 6.3. Khả năng gây bệnh và cách phòng của xoắn khuẩn.	2	2	0	0
7	Bài 8: Đơn bào 8.1. Amip (<i>Entamoeba histolytica</i>) 8.1.1. Hình thể 8.1.2. Chu trình phát triển 8.1.3. Bệnh học 8.1.4. Chẩn đoán 8.1.5. Phòng bệnh 8.2. Ký sinh trùng sốt rét 8.2.1. Đại cương 8.2.2. Chu trình phát triển 8.2.3. Đặc điểm các loài ký sinh trùng sốt rét 8.2.4. Phương thức truyền bệnh 8.2.5. Tiến trình của bệnh 8.2.6. Phòng bệnh	2	2	0	0
8	Bài 9: Giun 9.1. Giun đũa (<i>Ascaris lumbricoides</i>)	2	2	0	0

	9.1.1. Hình thể 9.1.2. Chu trình phát triển 9.1.3. Bệnh học 9.1.4. Chẩn đoán 9.1.5. Phòng bệnh 9.2. Giun tóc (<i>Trichuris trichiura</i>) 9.2.1. Hình thể 9.2.2. Chu trình phát triển 9.2.3. Bệnh học 9.2.4. Chẩn đoán 9.2.5. Phòng bệnh 9.3. Giun móc (<i>Ancylostoma oudenale</i> và <i>Necator americanus</i>) 9.3.1. Hình thể 9.3.2. Chu trình phát triển 9.3.3. Bệnh học 9.3.4. Chẩn đoán 9.3.5. Phòng bệnh 9.4. Giun kim (<i>Enterobius ertmicularis</i>) 9.4.1. Hình thể 9.4.2. Chu trình phát triển 9.4.3. Bệnh học 9.4.4. Chẩn đoán 9.4.5. Phòng bệnh 9.5. Giun chỉ (<i>Wuchereria bancrofti</i> và <i>Brugia malayi</i>) 9.5.1. Hình thể 9.5.2. Chu trình phát triển 9.5.3. Bệnh học 9.5.4. Chẩn đoán 9.5.5. Phòng bệnh				
9	Bài 10: Sán 10.1. Sán lá gan lớn (<i>Fasciola epatica</i>) 10.1.1. Hình thể 10.1.2. Chu trình phát triển 10.1.3. Bệnh học 10.1.4. Chẩn đoán 10.1.5. Phòng bệnh 10.2. Sán lá phổi (<i>Paragomimus westermani</i>) 10.2.1. Hình thể 10.2.2. Chu trình phát triển 10.2.3. Bệnh học 10.2.4. Chẩn đoán 10.2.5. Phòng bệnh 10.3. Sán dây lợn (<i>Toenia solium</i>) 10.3.1. Hình thể 10.3.2. Chu trình phát triển 10.3.3. Bệnh học	3	3	0	0

	10.3.4. Chẩn đoán 10.3.5. Phòng bệnh 10.4. Sán dây bò (<i>Toenia saginata</i>) 10.4.1. Hình thể 10.4.2. Chu trình phát triển 10.4.3. Bệnh học 10.4.4. Chẩn đoán 10.4.5. Phòng bệnh				
PHẦN THỰC HÀNH					
11	Bài 1: Các kỹ thuật cơ bản 1.1. Sử dụng kính hiển vi quang học 1.1.1. Cấu tạo 1.1.2. Cách sử dụng 1.2. Kỹ thuật cấy và phân lập 1.2.1. Cấy vi khuẩn 1.2.2. Phân lập vi khuẩn	4	0	4	0
12	Bài 2: Khảo sát hình thái vi khuẩn trên môi trường nuôi cấy 2.1. Quan sát và mô tả hình thái khóm vi khuẩn trên các môi trường: <i>E.coli</i> , <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Staphylococcus aureus</i> 2.2.1. Môi trường đặc 2.2.2. Môi trường lỏng 2.2. Nhuộm Gram, quan sát và vẽ hình: <i>E.coli</i> , <i>Staphylococcus aureus</i>	5	0	4	0
13	Bài 3: Khảo sát các yếu tố lý hóa ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của vi khuẩn, thử nghiệm kháng sinh đồ 3.1. Khảo sát tác động của các yếu tố lý hóa 3.1.1. Nhiệt độ 3.1.2. pH 3.1.3. Áp suất thẩm thấu 3.2. Thử nghiệm kháng sinh đồ	4	0	4	0
4	Bài 4: Phương pháp phát hiện đơn bào 4.1. Trùng chân giả 4.2. Trùng giày	4	0	4	0
5	Bài 5: Phương pháp phát hiện giun ký sinh 5.1. Giun đũa (<i>Ascaris lumbricoides</i>) 5.2. Giun kim (<i>Enterobius vermicularis</i>) 5.3. Giun tóc (<i>Trichuris trichiura</i>) 5.4. Giun móc (<i>Ancylostoma duodenale</i>)	4	0	4	0
6	Bài 6: Phương pháp phát hiện sán ký sinh	4	0	4	0

	6.1. Sán lá gan lớn (<i>Fasciola hepatica</i>) 6.2. Sán lá phổi (<i>Paragomimus westermani</i>) 2.3. Sán dây lợn (<i>Toenia solium</i>)				
7	Bài 7: Phương pháp phát hiện sán ký sinh Sán dây bò (<i>Toenia saginata</i>)	4	0	4	0
Kiểm tra		2	0	0	2
Tổng cộng		45	14	29	2

2. Nội dung:

A. LÝ THUYẾT

Bài 1: Đại cương về vi khuẩn – virus, Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Kiến Trình bày được đặc điểm hình thái, tính chất bắt màu, điều kiện nuôi cấy, khả năng gây bệnh và cách phòng của các loại vi khuẩn; Trình bày được đặc điểm, phân loại, quy trình nhân lên, khả năng gây bệnh và cách phòng của các loại virus;

Rèn luyện về kỹ năng nhận dạng, tính chất của vi khuẩn – virus;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

1.1. Đại cương về vi khuẩn và virus

1.2. Đại cương về vi khuẩn

1.3. Đại cương về virus

Bài 2: Virus gây bệnh thường gặp: Dengue.Picornavirus; Adenovirus; Rotavirus; HIV – Herpesvirus; Arbovirus, Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được tổng quan về các loại virus thường gặp rèn luyện về kỹ năng nhận dạng, tính chất của virus;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc;

Sinh viên có thái độ học tập tích cực, chủ động;

Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan về các loại virus gây bệnh thường gặp

2.2. Nhiễm trùng virus

- 2.2.1. Quá trình nhiễm virus
- 2.2.2. Các loại nhiễm virus
- 2.2.3. Một số nhiễm virus thường gặp
 - 2.2.3.1. Dengue.Picornavirus
 - 2.2.3.2. Adenovirus
 - 2.2.3.3. Rotavirus
 - 2.2.3.4. HIV – Herpesvirus
 - 2.2.3.5. Arbovirus

**Bài 3: Cầu khuẩn gây bệnh: tụ cầu, liên cầu, lậu cầu, phế cầu và não mô cầu,
Thời gian: 01 giờ**

1. Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm, điều kiện nuôi cấy, khả năng gây bệnh và cách phòng;

Rèn luyện về kỹ năng nhận dạng, tính chất của cầu khuẩn;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

3.1. Tổng quan về các loại cầu khuẩn gây bệnh

3.1.1. Tụ cầu

3.1.2. Liên cầu

3.1.3. Lậu cầu

3.1.4. Phế cầu

3.1.5. Não mô cầu

3.2. Đặc điểm về hình thái, điều kiện nuôi cấy, khả năng gây bệnh và cách phòng của các loại cầu khuẩn.

3.2.1. Đặc điểm về hình thái

3.2.2. Tụ cầu

3.2.3. Liên cầu

3.2.4. Lậu cầu

3.2.5. Phế cầu

3.2.6. Não mô cầu

3.3. Điều kiện nuôi cấy

3.3.1. Tụ cầu

3.3.2. Liên cầu

3.3.3. Lậu cầu

3.3.4. Phế cầu

3.3.5. Não mô cầu

3.4. Khả năng gây bệnh và cách phòng

3.4.1. Tụ cầu

3.4.2. Liên cầu

3.4.3. Lậu cầu

3.4.4. Phế cầu

3.4.5. Não mô cầu

Bài 4: Vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hoá (thương hàn, lỵ, tả);

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm, điều kiện nuôi cấy, khả năng gây bệnh và cách phòng;

Rèn luyện về kỹ năng nhận dạng, tính chất của vi khuẩn đường tiêu hóa;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

4.1. Đặc điểm về hình thái

4.2. Điều kiện nuôi cấy của các loại vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa

4.3. Khả năng gây bệnh và cách phòng

Bài 5: Trực khuẩn gây bệnh: trực khuẩn mủ xanh, uốn ván, lao

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm, điều kiện nuôi cấy, khả năng gây bệnh và cách phòng;

Rèn luyện về kỹ năng nhận dạng, tính chất của trực khuẩn;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

5.1. Tổng quan về các loại trực khuẩn gây bệnh

5.1.1. Trực khuẩn mủ xanh

5.1.2. Trực khuẩn uốn ván

5.1.3. Trực khuẩn lao

5.2. Đặc điểm về hình thái, điều kiện nuôi cấy, khả năng gây bệnh và cách phòng của các loại trực khuẩn.

5.2.1. Đặc điểm về hình thái

5.2.2. Trực khuẩn mủ xanh

5.2.3. Trực khuẩn uốn ván

5.2.4. Trực khuẩn lao

5.3. Điều kiện nuôi cấy của các loại vi khuẩn gây bệnh.

5.3.1. Trực khuẩn mủ xanh

5.3.2. Trực khuẩn uốn ván

5.3.3. Trực khuẩn lao

5.4. Khả năng gây bệnh và cách phòng

5.4.1. Trực khuẩn mủ xanh

5.4.2. Trực khuẩn uốn ván

5.4.3. Trực khuẩn lao

Bài 6: Xoắn khuẩn giang mai, Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm, điều kiện nuôi cấy, khả năng gây bệnh và cách phòng;

Rèn luyện về kỹ năng nhận dạng, tính chất của xoắn khuẩn;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

6.1. Đặc điểm về hình thái

6.2. Điều kiện nuôi cấy

6.3. Khả năng gây bệnh và cách phòng của xoắn khuẩn

Bài 8: Đơn bào

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày hình thể, chu trình phát triển và bệnh học của amip ; Mô tả hình thể 4 loại KST sốt rét; Nêu được chu trình phát triển của KST sốt rét; Trình bày bệnh học và cách phòng bệnh sốt rét;

Rèn luyện về kỹ năng nhận dạng, tính chất của đơn bào;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

8.1. Amip (*Entamoeba histolytica*)

8.1.1. Hình thể

8.1.2. Chu trình phát triển

8.1.3. Bệnh học

8.1.4. Chẩn đoán

8.1.5. Phòng bệnh

8.2. Ký sinh trùng sốt rét

8.2.1. Đại cương

8.2.2. Chu trình phát triển

8.2.3. Đặc điểm các loài ký sinh trùng sốt rét

8.2.4. Phương thức truyền bệnh

8.2.5. Tiến trình của bệnh

8.2.6. Phòng bệnh

Bài 9: Giun

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Nêu được cấu tạo, dịch tễ bệnh học của giun; Mô tả hình thể và chu kỳ của giun tóc, giun móc, giun đũa, giun kim, giun chỉ; Trình bày bệnh học và cách phòng bệnh của giun tóc, giun móc, giun đũa, giun kim, giun chỉ;

Rèn luyện về kỹ năng nhận dạng, tính chất của đơn bào;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

9.1. Giun đũa (*Ascaris lumbricoides*)

9.1.1. Hình thể

9.1.2. Chu trình phát triển

9.1.3. Bệnh học

9.1.4. Chẩn đoán

9.1.5. Phòng bệnh

9.2. Giun tóc (*Trichuris trichiura*)

9.2.1. Hình thể

9.2.2. Chu trình phát triển

9.2.3. Bệnh học

9.2.4. Chẩn đoán

9.2.5. Phòng bệnh

9.3. Giun móc (*Ancylostoma oudenale* và *Necator americanus*)

9.3.1. Hình thể

9.3.2. Chu trình phát triển

9.3.3. Bệnh học

9.3.4. Chẩn đoán

9.3.5. Phòng bệnh

9.4. Giun kim (*Enterobius vermicularis*)

9.4.1. Hình thể

9.4.2. Chu trình phát triển

9.4.3. Bệnh học

9.4.4. Chẩn đoán

9.4.5. Phòng bệnh

9.5. Giun chỉ (*Wuchereria bancrofti* và *Brugia malayi*)

9.5.1. Hình thể

9.5.2. Chu trình phát triển

9.5.3. Bệnh học

9.5.4. Chẩn đoán

9.5.5. Phòng bệnh

Bài 10: Sán

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

Nêu được cấu tạo, dịch tễ bệnh học của sán; Mô tả hình thể và chu trình phát triển của sán lá gan lớn, sán lá phổi, sán dây bò, dây lợn; Trình bày bệnh học và cách phòng bệnh của sán lá gan lớn, sán lá phổi, sán dây bò, dây lợn;

Rèn luyện về kỹ năng nhận dạng, tính chất của sán;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

10.1. Sán lá gan lớn (*Fasciola hepatica*)

10.1.1. Hình thể

10.1.2. Chu trình phát triển

- 10.1.3. Bệnh học
- 10.1.4. Chẩn đoán
- 10.1.5. Phòng bệnh
- 10.2. Sán lá phổi (*Paragonimus westermani*)
 - 10.2.1. Hình thể
 - 10.2.2. Chu trình phát triển
 - 10.2.3. Bệnh học
 - 10.2.4. Chẩn đoán
 - 10.2.5. Phòng bệnh
- 10.3. Sán dây lợn (*Toenia solium*)
 - 10.3.1. Hình thể
 - 10.3.2. Chu trình phát triển
 - 10.3.3. Bệnh học
 - 10.3.4. Chẩn đoán
 - 10.3.5. Phòng bệnh
- 10.4. Sán dây bò (*Toenia saginata*)
 - 10.4.1. Hình thể
 - 10.4.2. Chu trình phát triển
 - 10.4.3. Bệnh học
 - 10.4.4. Chẩn đoán
 - 10.4.5. Phòng bệnh**

B. THỰC HÀNH

Bài 1: Các kỹ thuật cơ bản

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Biết sử dụng kính hiển vi cho các mục đích khác nhau; Biết cách chuẩn bị dụng cụ để thành vi sinh; Làm quen với kỹ thuật cấy và phân lập;

Rèn luyện về kỹ năng sử dụng kính hiển vi;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

1.1. Sử dụng kính hiển vi quang học

1.1.1. Cấu tạo

1.1.2. Cách sử dụng

1.2. Kỹ thuật cấy và phân lập

1.2.1. Cấy vi khuẩn

1.2.2. Phân lập vi khuẩn

Bài 2: Khảo sát hình thái vi khuẩn trên môi trường nuôi cấy;

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Nắm vững các phương pháp nhận định vi khuẩn: phương pháp dùng kính hiển vi, phương pháp dùng mắt thường; Nhuộm đúng kỹ thuật, nhuộm màu Gram đúng;

Rèn luyện về kỹ năng sử dụng kính hiển vi, nhuộm gram vi khuẩn;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, chính xác trong công việc.

1. Nội dung

2.1. Quan sát và mô tả hình thái vi khuẩn trên các môi trường: *E.coli*, *Bacillus subtilis*, *Staphylococcus aureus*

2.2.1. Môi trường đặc

2.2.2. Môi trường lỏng

2.2. Nhuộm Gram, quan sát và vẽ hình: *E.coli*, *Staphylococcus aureus*

Bài 3: Khảo sát các yếu tố lý hóa ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của vi khuẩn, thực nghiệm kháng sinh đồ, Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

Hiểu được tác động của các yếu tố lý hóa trong quá trình nuôi cấy và phân lập vi khuẩn; Nắm được kỹ thuật xác định tính nhạy cảm của vi khuẩn;

Rèn luyện về kỹ năng sử dụng phân lập và làm kháng sinh đồ;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

3.1. Khảo sát tác động của các yếu tố lý hóa

3.1.1. Nhiệt độ

3.1.2. pH

3.1.3. Áp suất thẩm thấu

3.2. Thử nghiệm kháng sinh đồ

Bài 4: Phương pháp phát hiện đơn bào

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Nhận biết được trùng chân giả, trùng roi Rèn luyện về kỹ năng tìm đơn bào trên mẫu.

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ chính xác trong công việc.

2. Nội dung

4.1. Trùng chân giả

4.2. Trùng roi

Bài 5: Phương pháp phát hiện giun ký sinh

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Nhận biết được trứng giun đũa, giun kim, giun tóc, giun móc;

Rèn luyện về kỹ năng tìm trứng trong phân;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ chính xác trong công việc.

2. Nội dung

5.1. Giun đũa (*Ascaris lumbricoides*)

5.2. Giun kim (*Enterobius vermicularis*)

5.3. Giun tóc (*Trichuris trichiura*)

5.4. Giun móc (*Ancylostoma duodenale*)

Bài 6: Phương pháp phát hiện sán ký sinh

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Nhận biết được sán ký sinh: Sán lá gan lớn, Sán lá phổi, Sán dây lợn;

Rèn luyện về kỹ năng tìm trứng sáng trong phân;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ chính xác trong công việc.

2. Nội dung

6.1. Sán lá gan lớn (*Fasciola hepatica*)

6.2. Sán lá phổi (*Paragonimus westermani*) 2.3. Sán dây lợn (*Toenia solium*)

Bài 7: Phương pháp phát hiện sán ký sinh

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Nhận biết được sán ký sinh: Sán dây bò;

Rèn luyện về kỹ năng tìm trứng sáng trong phân;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

Sán dây bò (*Toenia saginata*)

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học*: Phòng lý thuyết, phòng thực hành
2. *Trang thiết bị máy móc*: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, ghế.
3. *Học liệu, dụng cụ*: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Trình bày được các chuyên đề bệnh lý về virus thường gặp.
- Về kỹ năng: Phát triển kỹ năng chuẩn đoán, phân tích nguyên nhân các loại bệnh do virus gây nên.
- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết giảng;
 - Sử dụng phương pháp thuyết trình;
 - Phương pháp vấn đáp;
 - Phương pháp thảo luận nhóm;
 - Phương pháp ôn tập, luyện tập, hướng dẫn thực hành;
 - Phương pháp kiểm tra, đánh giá
- + Viết trắc nghiệm: Sử dụng bộ câu hỏi, bài tập để đánh giá kiểm tra mức độ tiếp kiến thức của sinh viên.
- + Dựa trên năng lực thực hành của sinh viên bằng các thí nghiệm, các bài thực hành.

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 100 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình

độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện tở tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

Học liệu:

+ Đèn cồn, que cấy

+ Tài liệu hướng dẫn người học.

+ Tranh, phiếu học tập

+ Tiêu bản mẫu đơn bào, giun, sán, vi sinh vật

+ Các môi trường nuôi cấy vi sinh vật, thuốc nhuộm Gram

+ Các chủng vi sinh vật

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá tr lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

Sinh viên đi học: tối thiểu 80% số giờ lý thuyết, 100% số giờ thực hành.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Các vi sinh vật gây bệnh; Giun, sán ký sinh.

4. Tài liệu cần tham khảo

Giáo trình chính:

[1] BS. Nguyễn Thanh Hà, *Vi sinh ký sinh trùng*, Nxb Hà Nội, 2016.

Tài liệu Tham khảo:

[1] Nguyễn văn Thanh, *Vi Sinh học*, Nxb Y học.

[2] Nguyễn Đình Nga, *Ký Sinh trùng*, Nxb Giáo dục, 2019.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: SINH LÝ BỆNH MIỄN DỊCH

Mã mô đun: MD 03

Số tín chỉ: 2 (1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 14; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra đánh giá: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Mô đun thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.
- Mô đun này cung cấp kiến thức cơ bản về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh và quá trình bệnh lý. Cơ chế hình thành, phát sinh và phát triển của bệnh ở cơ quan, hệ thống cơ quan. Mô tả sinh lý bệnh quá trình lão hóa và mô tả đại cương hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, vai trò của hệ thống miễn dịch trong khả năng đề kháng phòng chống bệnh tật của cơ thể. Học phần làm cơ sở cho các môn chuyên môn ngành nghề.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản về sinh lý bệnh và miễn dịch; Phân tích, giải thích được cơ chế bệnh sinh của một số bệnh thường gặp và mối liên quan với quá trình điều trị và phòng bệnh.

2.2. Về kỹ năng: Nhận định, đánh giá được tình trạng người bệnh phù hợp về trạng thái bệnh lý và quá trình bệnh lý; Vận dụng được các kiến thức về sinh lý bệnh để giải thích triệu chứng, hội chứng trong một số bệnh thông thường.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Nhận thức được vai trò của môn học trong việc giải thích cơ chế hình thành bệnh, quá trình bệnh lý, trạng thái bệnh lý trong chẩn đoán, chăm sóc người bệnh và nghiên cứu khoa học.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

T T	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Bài 1: Giới thiệu môn sinh lý bệnh, khái niệm về bệnh 1.1. Giới thiệu môn sinh lý bệnh 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Nội dung môn học 1.1.3. Tính chất của môn sinh lý bệnh 1.1.4. Vai trò của sinh lý bệnh trong y học 1.2. Khái niệm về bệnh	1	1	0	0

	1.2.1. Một số khái niệm trong lịch sử 1.2.2. Quan niệm về bệnh hiện nay 1.2.3. Một số điểm cần chú ý để hiểu khái niệm bệnh 1.2.4. Cách xếp loại bệnh 1.2.5. Các thời kỳ của một bệnh 1.2.6. Quá trình bệnh lý và trạng thái bệnh lý				
2	Bài 2: Khái niệm về bệnh nguyên, bệnh sinh 2.1. Bệnh nguyên 2.1.1. Khái niệm về bệnh nguyên 2.1.2. Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên 2.1.3. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện gây bệnh 2.1.4. Quy luật nhân quả trong bệnh nguyên học 2.1.5. Xếp loại bệnh nguyên 2.2. Bệnh sinh 2.2.1. Khái niệm về bệnh sinh 2.2.2. Vai trò của cơ thể trong quá trình bệnh sinh 2.2.3. Diễn biến của quá trình bệnh sinh	1	1	0	0
3	Bài 3: Sinh lý bệnh quá trình viêm 3.1. Đại cương 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Nguyên nhân gây viêm 3.2. Viêm cấp 3.2.1. Vai trò của tế bào 3.2.2. Vai trò của hệ thống protein huyết tương (plasma proteine systems) 3.2.3. Những biến đổi chủ yếu trong viêm cấp 3.3. Viêm mạn 3.3.1. Mối liên quan giữa ổ viêm và toàn thân 3.3.2. Ảnh hưởng của toàn thân đối với phản ứng viêm 3.3.3. Ảnh hưởng của phản ứng viêm đối với toàn thân 3.4. Ý nghĩa sinh học của viêm	2	2	0	0
4	Bài 4: Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – Sốt 4.1. Khái niệm điều hòa thân nhiệt và phản ứng sốt 4.1.1. Thân nhiệt 4.1.2. Trung tâm điều hòa nhiệt 4.1.3. Rối loạn thân nhiệt 4.2. Sinh lý bệnh quá trình sốt	2	2	0	0

	4.2.1. Định nghĩa 4.2.2. Nguyên nhân gây sốt 4.2.3. Các giai đoạn của quá trình sốt 4.2.4. Cơ chế gây sốt 4.2.5. Ảnh hưởng của sốt đối với cơ thể 4.2.6. Ý nghĩa của sốt				
5	Bài 5: Rối loạn chuyển hóa nước, điện giải và rối loạn thăng bằng acid – base 5.1. Rối loạn chuyển hoá nước và điện giải 5.1.1. Đại cương về chuyển hoá nước và điện giải 5.1.2. Rối loạn chuyển hóa nước 5.1.2.1. Mất nước 5.1.2.2. Tích nước (phù) 5.1.3. Rối loạn cân bằng điện giải 5.2. Rối loạn cân bằng ACID – Base 5.2.1. Đại cương 5.2.2. Rối loạn cân bằng acid-base	2	2	0	0
6	Chương Bài 6: Rối loạn chuyển hóa Glucid, Protid, Lipid 6.1. Rối loạn chuyển hóa glucid 6.1.1. Giảm glucose máu 6.1.2. Tăng glucose máu 6.1.3. Bệnh tiểu đường 6.2. Rối loạn chuyển hoá Protein 6.2.1. Rối loạn tổng hợp Protein về lượng 6.2.2. Rối loạn Protein huyết tương 6.2.3. Rối loạn tổng hợp Protein về chất 6.3. Rối loạn chuyển hóa lipid 6.3.1. Tăng lipid máu 6.3.2. Bệnh xơ vữa động mạch 6.3.3. Béo phì 6.3.4. Gầy 6.3.5. Mỡ hóa gan (thường gọi là gan nhiễm mỡ)	2	2	0	0
7	Bài 7: Sinh lý bệnh tạo máu 7.1. Rối loạn cấu tạo hồng cầu 7.1.1. Tổ chức hồng cầu 7.1.2. Rối loạn tạo hồng cầu 7.1.3. Những hoạt động thích nghi của cơ thể khi thiếu máu 7.2. Rối loạn cấu tạo bạch cầu 7.2.1. Rối loạn về số lượng bạch cầu 7.2.2. Rối loạn về chất lượng bạch cầu. 7.2.3. Rối loạn cấu tạo tiểu cầu và quá trình đông máu	2	2	0	0
8	Bài 8 : Sinh lý bệnh hô hấp 8.1. Đại cương	2	2	0	0

	8.1.1. Khái quát chức năng hô hấp 8.1.2. Quá trình hô hấp bao gồm 4 giai đoạn 8.2. Rối loạn hô hấp 8.2.1. Rối loạn quá trình thông khí 8.2.2. Rối loạn quá trình khuếch tán 8.2.3. Rối loạn quá trình vận chuyển oxy 8.2.4. Rối loạn quá trình hô hấp tế bào 8.3. Suy hô hấp và đái oxy 8.3.1. Khái niệm về thiếu năng hô hấp và đái oxy 8.3.2. Xanh tím 8.3.3. Hoạt động thích nghi của cơ thể khi thiếu năng hô hấp				
9	Bài 9 : Sinh lý bệnh tuần hoàn 9.1. Khả năng thích nghi của hệ tuần hoàn. 9.1.1. Khả năng thích nghi của tim 9.1.2. Khả năng thích nghi của mạch 9.1.3. Khả năng thích nghi của hệ hô hấp 9.1.4. Các biện pháp thích nghi của tim 9.2. Suy tim 9.2.1. Định nghĩa 9.2.2. Cơ chế suy tim 9.2.3. Nguyên nhân gây suy tim 9.2.4. Rối loạn hoạt động khi tim suy 9.3. Rối loạn hoạt động hệ mạch máu 9.3.1. Xơ vữa động mạch 9.3.2. Tăng huyết áp 9.3.3. Giảm huyết áp	2	2	0	
10	Bài 10 : Sinh lý bệnh tiêu hóa 10.1. Đại cương 10.1.1. Các yếu tố bảo vệ 10.1.2. Các yếu tố tấn công 10.1.3. Những tác nhân gây tăng acid và làm giảm khả năng bảo vệ 10.1.4. Rối loạn chức năng co bóp 10.2. Sinh lý bệnh chức năng ruột 10.2.1. Rối loạn tiết dịch và co bóp tại ruột 10.2.2. Rối loạn hấp thu	2	2	0	0
11	Bài 11 : Sinh lý bệnh Gan – mật 11.1. Đại cương 11.1.1. Nguyên nhân rối loạn chức năng gan 11.1.2. Các yếu tố gây bệnh 11.1.3. Đường xâm nhập của các yếu tố gây bệnh 11.2. Rối loạn chức năng của gan 11.2.1. Rối loạn chuyển hóa do bệnh gan 11.2.2. Rối loạn chức năng chống độc	2	2	0	0

	11.2.3. Rối loạn chức phận cấu tạo và bài tiết mật 11.2.4. Rối loạn tuần hoàn và chức phận tạo máu 11.3. Suy gan 11.3.1. Suy gan cấp 11.3.2. Suy gan mạn 11.3.3. Hôn mê gan				
12	Bài 12 : Sinh lý bệnh chức năng thận 12.1. Đại cương về chức năng thận 12.1.1. Chức năng nội tiết 12.1.2. Chức năng ngoại tiết 12.1.3. Bài tiết và tái hấp thu 12.2. Các biểu hiện bệnh lý ở nước tiểu và máu 12.2.1. Biểu hiện trong nước tiểu 12.2.2. Biểu hiện ở máu 12.3. Thay đổi về toàn thân 12.3.1. Phù: 12.3.2. Tăng huyết áp 12.3.3. Sinh lý bệnh cầu thận và ống thận 12.3.4. Suy thận	2	2	0	0
13	Bài 13 : Sinh lý bệnh quá trình lão hóa 13.1. Rối loạn tiết dịch trong bệnh sinh của loét dạ dày – tá tràng 13.2. Sinh lý bệnh chức năng ruột 13.3. Nguyên nhân rối loạn chức năng gan 13.4. Rối loạn chức năng gan 13.5. Suy gan	2	2	0	0
14	Bài 14 : Đại cương về miễn dịch học cơ bản 14.1. Các biện pháp đề kháng của cơ thể 14.1.1. Đề kháng không đặc hiệu 14.1.2. Đề kháng đặc hiệu 14.2. Kháng nguyên 14.2.1. Định nghĩa 14.2.2. Đặc tính của kháng nguyên 14.2.3. Số phận của kháng nguyên 14.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới tính sinh kháng thể của kháng nguyên 14.3. Kháng thể và đáp ứng miễn dịch 14.3.1. Bỏ thể (C) 14.3.2. Phản ứng kết hợp kháng nguyên – kháng thể (KN-KT)	2	2	0	0
15	Bài 15: Miễn dịch bệnh lý 15.1. Khái niệm về miễn dịch bệnh lý 15.2. Phân loại miễn dịch bệnh lý 15.2.1. Quá mẫn (QM) 15.2.2. Suy giảm miễn dịch	2	2	0	0

16	Kiểm tra đánh giá	2	0	0	2
Tổng cộng		30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Giới thiệu môn sinh lý bệnh, khái niệm về bệnh; Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được tính chất và vai trò của môn sinh lý bệnh trong y học;

Trình bày được quan niệm hiện nay về bệnh;

Trình bày được các đặc điểm cơ bản để hiểu về bệnh;

Phân biệt được bệnh, quá trình bệnh lý, trạng thái bệnh lý.

2. Nội dung

1.1. Giới thiệu môn sinh lý bệnh

1.1.1. Định nghĩa

1.1.2. Nội dung môn học

1.1.3. Tính chất của môn sinh lý bệnh

1.1.4. Vai trò của sinh lý bệnh trong y học

1.2. Khái niệm về bệnh

1.2.1. Một số khái niệm trong lịch sử

1.2.2. Quan niệm về bệnh hiện nay

1.2.3. Một số điểm cần chú ý để hiểu khái niệm bệnh

1.2.4. Cách xếp loại bệnh

1.2.5. Các thời kỳ của một bệnh

1.2.6. Quá trình bệnh lý và trạng thái bệnh lý

Bài 2: Khái niệm về bệnh nguyên, bệnh sinh, Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm về bệnh nguyên, mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện gây bệnh, quy luật nhân quả trong bệnh nguyên;

Trình bày được vai trò của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh;

Trình bày được các yếu tố của cơ thể ảnh hưởng đến quá trình bệnh sinh;

Giải thích được sự hình thành vòng xoắn bệnh lý và ý nghĩa thực tiễn;

Trình bày được diễn biến của quá trình bệnh sinh

2. Nội dung

2.1. Bệnh nguyên

- 2.1.1. Khái niệm về bệnh nguyên
- 2.1.2. Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên
- 2.1.3. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện gây bệnh
- 2.1.4. Quy luật nhân quả trong bệnh nguyên học
- 2.1.5. Xếp loại bệnh nguyên
- 2.2. Bệnh sinh
 - 2.2.1. Khái niệm về bệnh sinh
 - 2.2.2. Vai trò của cơ thể trong quá trình bệnh sinh
 - 2.2.3. Diễn biến của quá trình bệnh sinh**

Bài 3: Sinh lý bệnh quá trình viêm; Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày tóm tắt được các tế bào, hệ thống tham gia vào quá trình viêm cấp;
Trình bày được cơ chế các rối loạn vận mạch tại ổ viêm cấp;
Giải thích được cơ chế hình thành dịch rỉ viêm, các loại dịch rỉ viêm thường gặp;
Trình bày được mối liên quan giữa ổ viêm và toàn thân. Giải thích được vì sao viêm là phản ứng bảo vệ cơ thể;
Phân tích được mặt tốt mặt xấu của các rối loạn trong quá trình viêm.

2. Nội dung

- 3.1. Đại cương
 - 3.1.1. Khái niệm
 - 3.1.2. Nguyên nhân gây viêm
- 3.2. Viêm cấp
 - 3.2.1. Vai trò của tế bào
 - 3.2.2. Vai trò của hệ thống protein huyết tương (plasma proteine systems)
 - 3.2.3. Những biến đổi chủ yếu trong viêm cấp
- 3.3. Viêm mạn
 - 3.3.1. Mối liên quan giữa ổ viêm và toàn thân
 - 3.3.2. Ảnh hưởng của toàn thân đối với phản ứng viêm
 - 3.3.3. Ảnh hưởng của phản ứng viêm đối với toàn thân
- 3.4. Ý nghĩa sinh học của viêm

Bài 4: Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – sốt; Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Liệt kê được các trường hợp tăng thân nhiệt, hạ thân nhiệt;
Trình bày được định nghĩa sốt và các nguyên nhân gây sốt;
Trình bày được cơ chế gây sốt và các giai đoạn của quá trình sốt;
Trình bày được những ảnh hưởng của sốt đối với cơ thể;
Phân tích được các ý nghĩa của sốt.

2. Nội dung

4.1. Khái niệm điều hòa thân nhiệt và phản ứng sốt

4.1.1. Thân nhiệt

4.1.2. Trung tâm điều hòa nhiệt

4.1.3. Rối loạn thân nhiệt

4.2. Sinh lý bệnh quá trình sốt

4.2.1. Định nghĩa

4.2.2. Nguyên nhân gây sốt

4.2.3. Các giai đoạn của quá trình sốt

4.2.4. Cơ chế gây sốt

4.2.5. Ảnh hưởng của sốt đối với cơ thể

4.2.6. Ý nghĩa của sốt

Bài 5: Rối loạn chuyển hóa nước, điện giải và rối loạn thăng bằng ACID – BASE

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các yếu tố tham gia điều hòa nước điện giải trong và ngoài tế bào, trong và ngoài lòng mạch;

Trình bày được 3 cách phân loại mất nước;

Trình bày được một số loại mất nước thường gặp;

Giải thích được cơ chế gây phù và phân loại phù;

Trình bày được rối loạn thăng bằng kiềm toan.

2. Nội dung

5.1. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải

5.1.1. Đại cương về chuyển hóa nước và điện giải

5.1.2. Rối loạn chuyển hóa nước

5.1.2.1. Mất nước

5.1.2.2. Tích nước (phù)

5.1.3. Rối loạn cân bằng điện giải

5.2. Rối loạn cân bằng ACID – Base

5.2.1. Đại cương

5.2.2. Rối loạn cân bằng acid-base

Bài 6: Rối loạn chuyển hóa GLUCID, PROTID, LIPID, Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được cơ chế và biểu hiện lâm sàng của rối loạn chuyển hóa Glucid;

Trình bày được cơ chế và biểu hiện lâm sàng của rối loạn chuyển hóa Protid;

Trình bày được cơ chế và biểu hiện lâm sàng của rối loạn chuyển hóa Lipid.

2. Nội dung

6.1. Rối loạn chuyển hóa glucid

6.1.1. Giảm glucose máu

6.1.2. Tăng glucose máu

6.1.3. Bệnh tiểu đường

6.2. Rối loạn chuyển hoá Protein

6.2.1. Rối loạn tổng hợp Protein về lượng

6.2.2. Rối loạn Protein huyết tương

6.2.3. Rối loạn tổng hợp Protein về chất

6.3. Rối loạn chuyển hóa lipid

6.3.1. Tăng lipid máu

6.3.2. Bệnh xơ vữa động mạch

6.3.3. Béo phì

6.3.4. Gầy

Bài 7: Sinh lý bệnh tạo máu; Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các hình thái bệnh lý của rối loạn sinh hồng cầu;

Trình bày được phân loại thiếu máu theo cơ chế bệnh sinh;

Trình bày được các nguyên nhân chính gây giảm và tăng bạch cầu;

Phân tích được những nguyên nhân chính gây rối loạn đông máu.

2. Nội dung

7.1. Rối loạn cấu tạo hồng cầu

7.1.1. Tổ chức hồng cầu

- 7.1.2. Rối loạn tạo hồng cầu
- 7.1.3. Những hoạt động thích nghi của cơ thể khi thiếu máu
- 7.2. Rối loạn cấu tạo bạch cầu
- 7.2.1. Rối loạn về số lượng bạch cầu
- 7.2.2. Rối loạn về chất lượng bạch cầu.
- 7.2.3. Rối loạn cấu tạo tiểu cầu và quá trình đông máu

Bài 8: Sinh lý bệnh hô hấp; Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được nguyên nhân, cơ chế, hậu quả của quá trình rối loạn thông khí;
Giải thích được cơ chế, hậu quả của các rối loạn khuếch tán;
Trình bày được các biểu hiện của suy hô hấp.

2. Nội dung

- 8.1. Đại cương
 - 8.1.1. Khái quát chức năng hô hấp
 - 8.1.2. Quá trình hô hấp bao gồm 4 giai đoạn
- 8.2. Rối loạn hô hấp
 - 8.2.1. Rối loạn quá trình thông khí
 - 8.2.2. Rối loạn quá trình khuếch tán
 - 8.2.3. Rối loạn quá trình vận chuyển oxy
 - 8.2.4. Rối loạn quá trình hô hấp tế bào
- 8.3. Suy hô hấp và đói oxy
 - 8.3.1. Khái niệm vì thiếu năng hô hấp và đói oxy
 - 8.3.2. Xanh tím
 - 8.3.3. Hoạt động thích nghi của cơ thể khi thiếu năng hô hấp

Bài 9: Sinh lý bệnh tuần hoàn; Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được biện pháp thích nghi của hệ tuần hoàn;
Trình bày được các rối loạn hoạt động khi suy tim;
Trình bày được các biện pháp thích nghi của mạch;
Giải thích được cơ chế, hậu quả của tăng huyết áp, hạ huyết áp.

2. Nội dung

- 9.1. Đại cương

- 9.1.1. Khái quát chức năng hô hấp
- 9.1.2. Quá trình hô hấp bao gồm 4 giai đoạn
- 9.2. Rối loạn hô hấp
 - 9.2.1. Rối loạn quá trình thông khí
 - 9.2.2. Rối loạn quá trình khuếch tán
 - 9.2.3. Rối loạn quá trình vận chuyển oxy
 - 9.2.4. Rối loạn quá trình hô hấp tế bào
- 9.3. Suy hô hấp và đói oxy
 - 9.3.1. Khái niệm vì thiếu năng hô hấp và đói oxy
 - 9.3.2. Xanh tím
 - 9.3.3. Hoạt động thích nghi của cơ thể khi thiếu năng hô hấp

Bài 10: Sinh lý bệnh tiêu hóa; Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được cơ chế bệnh sinh và yếu tố nguy cơ của loét dạ dày-tá tràng;
 Trình bày được các rối loạn tiết dịch, co bóp và hấp thu tại ruột;
 Giải thích được cơ chế bệnh sinh của tiêu chảy;
 Phân tích được nguyên nhân và hậu quả của rối loạn hấp thu tại ruột.

2. Nội dung

- 10.1. Đại cương
 - 10.1.1. Các yếu tố bảo vệ
 - 10.1.2. Các yếu tố tấn công
 - 10.1.3. Những tác nhân gây tăng acid và làm giảm khả năng bảo vệ
 - 10.1.4. Rối loạn chức năng co bóp
- 10.2. Sinh lý bệnh chức năng ruột
 - 10.2.1. Rối loạn tiết dịch và co bóp tại ruột
 - 10.2.2. Rối loạn hấp thu

Bài 11: Sinh lý bệnh gan – mật; Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

Giải thích được cơ chế chức phận chống độc của gan;
 Trình bày được các rối loạn chuyển hóa do bệnh gan;
 Trình bày được rối loạn chức phận cấu tạo và bài tiết mật của gan;
 Trình bày được các mức độ rối loạn chức năng gan trong suy gan.

2. Nội dung

11.1. Đại cương

11.1.1. Nguyên nhân rối loạn chức năng gan

11.1.2. Các yếu tố gây bệnh

11.1.3. Đường xâm nhập của các yếu tố gây bệnh

11.2. Rối loạn chức năng của gan

11.2.1. Rối loạn chuyển hóa do bệnh gan

11.2.2. Rối loạn chức năng chống độc

11.2.3. Rối loạn chức phận cấu tạo và bài tiết mật

11.2.4. Rối loạn tuần hoàn và chức phận tạo máu

11.3. Suy gan

11.3.1. Suy gan cấp

11.3.2. Suy gan mạn

11.3.3. Hôn mê gan

Bài 12: Sinh lý bệnh chức năng thận; Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được nguyên nhân, cơ chế, của rối loạn chức năng cầu thận;

Trình bày được bệnh lý ở nước tiểu và máu rồi khi rối loạn chức năng thận;

Giải thích được cơ chế suy thận cấp và suy thận mạn;

Trình bày được nguyên nhân, cơ chế, của rối loạn chức năng ống thận.

2. Nội dung

12.1. Đại cương về chức năng thận

12.1.1. Chức năng nội tiết

12.1.2. Chức năng ngoại tiết

12.1.3. Bài tiết và tái hấp thu

12.2. Các biểu hiện bệnh lý ở nước tiểu và máu

12.2.1. Biểu hiện trong nước tiểu

12.2.2. Biểu hiện ở máu

12.3. Thay đổi về toàn thân

12.3.1. Phù:

12.3.2. Tăng huyết áp

12.3.3. Sinh lý bệnh cầu thận và ống thận

12.3.4. Suy thận

Bài 13: Sinh lý bệnh tiêu hóa – gan mật; Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được cơ chế bệnh sinh và yếu tố nguy cơ của loét dạ dày-tá tràng;

Trình bày được các rối loạn tiết dịch, co bóp và hấp thu tại ruột.

2. Nội dung

13.1. Rối loạn tiết dịch trong bệnh sinh của loét dạ dày – tá tràng

13.2. Sinh lý bệnh chức năng ruột

13.3. Nguyên nhân rối loạn chức năng gan

13.4. Rối loạn chức năng gan

13.5. Suy gan

Bài 14: Đại cương miễn dịch học cơ bản; Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các biện pháp đề kháng của cơ thể;

Trình bày được đặc tính của kháng nguyên, kháng thể;

Phân tích được ý nghĩa của phản ứng kết hợp kháng nguyên – kháng thể;

Trình bày được vai trò của bộ thể trong đáp ứng miễn dịch.

2. Nội dung

14.1. Các biện pháp đề kháng của cơ thể

14.1.1. Đề kháng không đặc hiệu

14.1.2. Đề kháng đặc hiệu

14.2. Kháng nguyên

14.2.1. Định nghĩa

14.2.2. Đặc tính của kháng nguyên

14.2.3. Số phận của kháng nguyên

14.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới tính sinh kháng thể của kháng nguyên

14.3. Kháng thể và đáp ứng miễn dịch

14.3.1. Bộ thể (C)

14.3.2. Phản ứng kết hợp kháng nguyên – kháng thể (KN-KT)

Bài 15: Miễn dịch bệnh lý; Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được cơ chế bệnh sinh sốc phản vệ ở người;

Giải thích được cơ chế bệnh sinh của các loại quá mẫn type 1, 2, 3, 4;

Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến hệ miễn dịch của cơ thể.

2. Nội dung

15.1. Khái niệm về miễn dịch bệnh lý

15.2. Phân loại miễn dịch bệnh lý

15.2.1. Quá mẫn (QM)

15.2.2. Suy giảm miễn dịch

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học*: Phòng lý thuyết, thực hành.

2. *Trang thiết bị máy móc*: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. *Học liệu, dụng cụ*: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. *Nội dung*

- Về kiến thức: có kiến thức cơ bản về hệ một số căn bệnh thường gặp.
- Về kỹ năng: Thực hành các bài theo chương trình.
- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. *Phương pháp*

- Sử dụng phương pháp thuyết giảng;
 - Sử dụng phương pháp thuyết trình;
 - Phương pháp vấn đáp;
 - Phương pháp thảo luận nhóm;
 - Phương pháp ôn tập, luyện tập, hướng dẫn thực hành;
 - Phương pháp kiểm tra, đánh giá
- + Viết trắc nghiệm: Sử dụng bộ câu hỏi, bài tập để đánh giá kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên.

+ Dựa trên năng lực thực hành của sinh viên bằng các thí nghiệm, các bài thực hành.

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình

độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên: Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Học phần này bao gồm các nội dung chính sau: các bài trong phần I và phần II.

4. Tài liệu cần tham khảo

Giáo trình chính:

[1] GS. Phạm Hoàng Phiệt, *Sinh lý bệnh miễn dịch*, Nxb Y học, 2017.

Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ Miễn dịch, *Sinh lý bệnh*, ĐHY Hà Nội, NXB Y học, 2016.

[2] Bộ Miễn dịch, *Sinh lý bệnh, Tài liệu tập huấn cập nhật Miễn dịch – Sinh lý bệnh*, ĐHY Hà Nội, 2016.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: HÓA SINH

Mã mô đun: MD 04

Số tín chỉ: 2 (1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra đánh giá: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun Hóa sinh thuộc khối kiến thức các môn cơ sở ngành ở học kỳ II trong chương trình đào tạo.

- Tính chất mô đun cung cấp các kiến thức về mối liên quan giữa các quá trình hóa học sinh vật học, nông nghiệp và y học; mối liên quan giữa cấu trúc và chức năng sống của các cơ quan trong cơ thể; cơ chế điều hòa toàn bộ quá trình sống.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức: Trình bày được cấu tạo, tính chất lý hóa, vai trò của các hợp chất hữu cơ cấu tạo nên cơ thể người; Trình bày được quá trình chuyển hóa của các chất hữu cơ điển hình trong cơ thể người; Trình bày được chức năng hóa sinh tiêu biểu của một số cơ quan trong cơ thể; Giải thích được các nguyên tắc, nguyên nhân xuất hiện một số bệnh sinh ra do rối loạn chuyển hóa glucid, protid, lipid.

2.2. Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức hóa sinh để giải thích các bệnh lý do rối loạn chuyển hóa các chất trong cơ thể người.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- + Thể hiện thái độ tự mỹ, chính xác, khách quan, trung thực;
- + Thể hiện ý thức trách nhiệm trong công tác thực hành và chuyên môn;
- + Thể hiện sự khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với đồng nghiệp.

II. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Bài 1: Saccharide 1.1. Monosaccharide 1.1.1. Cấu tạo và danh pháp 1.1.2. Công thức vòng của monosaccharide 1.1.3. Hiện tượng hổ biến của monosaccharide	3	1	2	0

	1.1.4. Tính chất của monosaccharide 1.1.5. Các monose quan trọng 1.2. Oligosaccharide 1.2.1. Disaccharide 1.2.2. Trisaccharide 1.3. Polysaccharide 1.3.1. Polysaccharide thực vật 1.3.2. Polysaccharide thực vật 1.3.3. Một số polysaccharide phổ biến khác				
2	Bài 2: Lipid 2.1. Lipid đơn giản 2.1.1. Glycerid 2.1.2. Cerid 2.1.3. Sterid 2.2. Lipid phức tạp 2.2.1. Glycerophospholipid (phosphatid) 2.2.2. Sphingophospholipid 2.2.3. Glycolipid 2.2.4. Sphingolipid	4	1	3	0
3	Bài 3: Protein 3.1. Amino acid 3.1.1. Cấu tạo chung 3.1.2. Phân loại amino acid 3.1.3. Các amino acid thường gặp 3.1.4. Các amino acid không thể thay thế 3.1.5. Các amino acid ít gặp 3.1.6. Một số tính chất của amino acid 3.1.7. Các phản ứng hoá học của amino acid 3.2. Peptide 3.2.1. Khái niệm chung 3.2.2. Các phương pháp xác định peptide 3.2.3. Các peptide thường gặp trong thiên nhiên 3.3. Protein 3.3.1. Cấu trúc phân tử bậc 1, 2, 3, 4 3.3.2. Một vài tính chất của protein 3.3.3. Phân loại protein	4	1	3	0
4	Bài 4: Nucleic acid 4.1. Thành phần hoá học của nucleic acid 4.1.1. Base nito (Nitrogen) 4.1.2. Đường pentose 4.1.3. Phosphoric acid 4.1.4. Sự tạo thành nucleoside 4.1.5. Sự tạo thành nucleotide 4.1.6. Sự tạo thành nucleic acid 4.1.7. Một số nucleotide quan trọng không tham gia cấu tạo nucleic acid 4.1.8. Các coenzyme nucleotide	4	1	3	0

	4.2. Cấu trúc của nucleic acid 4.3. DNA (Desoxyribonucleic acid)Thành phần hoá học của nucleic acid 4.3.1. Base nitơ (Nitrogen) 4.3.2. Đường pentose 4.3.3. Phosphoric acid 4.3.4. Sự tạo thành nucleoside 4.3.5. Sự tạo thành nucleotide 4.3.6. Sự tạo thành nucleic acid 4.3.7. Một số nucleotide quan trọng không tham gia cấu tạo nucleic acid 4.3.8. Các coenzyme nucleotide 4.4. Cấu trúc của nucleic acid 4.4.1. DNA (Desoxyribonucleic acid) 4.4.2. RNA (Ribonucleic acid) 4.4.3. Một số tính chất của nucleic acid				
5	Bài 5: Vitamin 5.1. Vitamin tan trong nước 5.1.1. Vitamin B1 (Thiamin) 5.1.2. Vitamin B2 (Riboflavin) 5.1.3. Vitamin PP (Nicotinic acid, nicotinamid) 5.1.4. Vitamin B6 (Pyridoxin) 5.1.5. Vitamin C (Ascorbic acid) 5.1.6. Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 5.2. Vitamin tan trong chất béo 5.2.1. Vitamin A (retinol) 5.2.2. Vitamin D 5.2.3. Vitamin E (Tocopherol) 5.2.4. Vitamin K 5.2.5. Vitamin F 5.2.6. Vitamin Q (Ubiquinon) 5.2.7. Vitamin P (Rutin)	5	2	3	0
6	Bài 6: Enzym 6.1. Bản chất hóa học của enzyme 6.2. Cơ chế tác dụng 6.3. Trung tâm hoạt động (TTHĐ) của enzyme 6.4. Tính đặc hiệu của enzyme 6.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ của phản ứng enzyme 6.5.1. Ảnh hưởng của nồng độ enzyme 6.5.2. Ảnh hưởng của nồng độ cơ chất [S] 6.5.3. Ảnh hưởng của chất kìm hãm (inhibitor) 6.5.4. Ảnh hưởng của nhiệt độ 6.5.5. Ảnh hưởng của pH 6.5.6. Các yếu tố khác	4	1	3	0

	6.6. Cách gọi tên và phân loại enzyme 6.7. Các coenzyme quan trọng				
7	Bài 7: Hormon 7.1. Cơ chế tác dụng của hormone 7.2. Các hormone quan trọng 7.2.1. Hormone động vật 7.2.2. Hormone thực vật	4	1	3	0
8	Bài 8: Sự trao đổi saccharide 8.1. Sự phân giải saccharide 8.1.1. Sự phân giải polysaccharide và disaccharide 8.1.2. Sự oxy hoá monosaccharide 8.2. Sự tổng hợp saccharide 8.2.1. Sự tổng hợp saccharide đơn giản. Quá trình quang hợp 8.2.2. Tổng hợp oligosaccharide	5	2	3	0
9	Bài 9: Trao đổi lipid 9.1. Sự phân giải lipid 9.1.1. Phân giải glycerid 9.1.2. Sự oxi hóa acid béo 9.1.3. Phân giải glycerin 9.1.4. Phân giải glycero phospho lipide 9.2. Tổng hợp lipid 9.2.1. Tổng hợp acid béo 9.2.2. Tổng hợp glycerin 9.2.3. Tổng hợp glyceride 9.2.4. Tổng hợp glycero phospholipid 9.2.5. Tổng hợp sterid	5	2	3	0
10	Bài 10: Trao đổi Protein 10.1. Sự phân giải protein và amino acid 10.1.1. Phân giải protein 10.1.2. Phân giải amino acid 10.2. Tổng hợp amino acid 10.2.1. Amine hóa 10.2.2. Amide hóa 10.2.3. Chuyển vị amine 10.2.4. Oxim hóa 10.3. Tổng hợp protein 10.3.1. Các thành phần tham gia tổng hợp protein 10.3.2. Tổng hợp chuỗi polypeptide tại ribosome 10.3.3. Hoàn thiện phân tử protein 10.3.4. Điều hòa tổng hợp protein	5	2	3	0
11	Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng cộng		45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Saccharide

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm của Saccharide;

Trình bày được cấu tạo, danh pháp và tính chất của Saccharid;

Phân biệt được các loại saccharide;

Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế;

Có thái độ học tập tích cực, chủ động.

2. Nội dung

1.1. Monosaccharide

1.1.1. Cấu tạo và danh pháp

1.1.2. Công thức vòng của monosaccharide

1.1.3. Hiện tượng hồ biến của monosaccharide

1.1.4. Tính chất của monosaccharide

1.1.5. Các monose quan trọng

1.2. Oligosaccharide

1.2.1. Disaccharide

1.2.2. Trisaccharide

1.3. Polysaccharide

1.3.1. Polysaccharide thực vật

1.3.2. Polysaccharide thực vật

1.3.3. Một số polysaccharide phổ biến khác

Bài 2: Lipid, Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tính chất của Lipid;

Trình bày được định nghĩa và cách phân loại lipid;

Trình bày được tính chất vật lý và tính chất hóa học của lipid;

Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế;

Có thái độ học tập tích cực, chủ động.

2. Nội dung

2.1. Lipid đơn giản

2.1.1. Glycerid

- 2.1.2. Cerid
- 2.1.3. Sterid
- 2.2. Lipid phức tạp
 - 2.2.1. Glycerophospholipid (phosphatid)
 - 2.2.2. Sphingophospholipid
 - 2.2.3. Glycolipid
 - 2.2.4. Sphingolipid**

Bài 3: Protein, Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được cấu tạo và cách phân loại Protein;
 Trình bày được một số tính chất của aminoacid;
 Phân tích được các chức năng sinh học của protein;
 Phân tích được cấu trúc bậc III của myoglobin và bậc IV của hemoglobin;
 Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế;
 Có thái độ học tập tích cực, chủ động.

2. Nội dung

- 3.1. Amino acid
 - 3.1.1. Cấu tạo chung
 - 3.1.2. Phân loại amino acid
 - 3.1.3. Các amino acid thường gặp
 - 3.1.4. Các amino acid không thể thay thế
 - 3.1.5. Các amino acid ít gặp
 - 3.1.6. Một số tính chất của amino acid
 - 3.1.7. Các phản ứng hoá học của amino acid
- 3.2. Peptide
 - 3.2.1. Khái niệm chung
 - 3.2.2. Các phương pháp xác định peptide
 - 3.2.3. Các peptide thường gặp trong thiên nhiên
- 3.3. Protein
 - 3.3.1. Cấu trúc phân tử bậc 1, 2, 3, 4
 - 3.3.2. Một vài tính chất của protein

3.3.3. Phân loại protein

Bài 4: Nucleic acid, Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, tính chất, đặc điểm của Nucleic acid;

Trình bày được thành phần hóa học của nucleic acid;

Phân tích được cấu trúc của nucleic acid;

Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế;
thái độ học tập tích cực, chủ động.

2. Nội dung

4.1. Thành phần hoá học của nucleic acid

4.1.1. Base nitơ (Nitrogen)

4.1.2. Đường pentose

4.1.3. Phosphoric acid

4.1.4. Sự tạo thành nucleoside

4.1.5. Sự tạo thành nucleotide

4.1.6. Sự tạo thành nucleic acid

4.1.7. Một số nucleotide quan trọng không tham gia cấu tạo nucleic acid

4.1.8. Các coenzyme nucleotide

4.2. Cấu trúc của nucleic acid

4.3. DNA (Desoxyribonucleic acid)Thành phần hoá học của nucleic acid

4.3.1. Base nitơ (Nitrogen)

4.3.2. Đường pentose

4.3.3. Phosphoric acid

4.3.4. Sự tạo thành nucleoside

4.3.5. Sự tạo thành nucleotide

4.3.6. Sự tạo thành nucleic acid

4.3.7. Một số nucleotide quan trọng không tham gia cấu tạo nucleic acid

4.3.8. Các coenzyme nucleotide

4.4. Cấu trúc của nucleic acid

4.4.1. DNA (Desoxyribonucleic acid)

4.4.2. RNA (Ribonucleic acid)

4.4.3. Một số tính chất của nucleic acid

Bài 5: Vitamin

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm vitamin và cách phân loại các vitamin;

Trình bày được những đặc điểm cơ bản về tính chất, đặc điểm của Vitamin;

Chỉ ra được vai trò của các vitamin đối với cơ thể;

Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế;

Có thái độ học tập tích cực, chủ động.

2. Nội dung

5.1. Vitamin tan trong nước

5.1.1. Vitamin B1 (Thiamin)

5.1.2. Vitamin B2 (Riboflavin)

5.1.3. Vitamin PP (Nicotinic acid, nicotinamid)

5.1.4. Vitamin B6 (Pyridoxin)

5.1.5. Vitamin C (Ascorbic acid)

5.1.6. Vitamin B12 (Cyanocobalamin)

5.2. Vitamin tan trong chất béo

5.2.1. Vitamin A (retinol)

5.2.2. Vitamin D

5.2.3. Vitamin E (Tocopherol)

5.2.4. Vitamin K

5.2.5. Vitamin F

5.2.6. Vitamin Q (Ubiquinon)

5.2.7. Vitamin P (Rutin)

Bài 6: Enzym, Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm của Enzym;

Trình bày bản chất hóa học của enzyme;

Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng của enzyme;

Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế;

Có thái độ học tập tích cực, chủ động.

2. Nội dung

6.1. Bản chất hóa học của enzyme

6.2. Cơ chế tác dụng

6.3. Trung tâm hoạt động (TTHĐ) của enzyme

6.4. Tính đặc hiệu của enzyme

6.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ của phản ứng enzyme

6.5.1. Ảnh hưởng của nồng độ enzyme

6.5.2. Ảnh hưởng của nồng độ cơ chất [S]

6.5.3. Ảnh hưởng của chất kìm hãm (inhibitor)

6.5.4. Ảnh hưởng của nhiệt độ

6.5.5. Ảnh hưởng của pH

6.5.6. Các yếu tố khác

6.6. Cách gọi tên và phân loại enzyme

6.7. Các coenzyme quan trọng

Bài 7: Hormon, Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, tính chất của Hormon;

Trình bày được cơ chế tác dụng của hormone;

Trình bày được cách phân loại các hormone quan trọng;

Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế;

Có thái độ học tập tích cực, chủ động.

2. Nội dung

7.1. Cơ chế tác dụng của hormone

7.2. Các hormone quan trọng

7.2.1. Hormone động vật

7.2.2. Hormone thực vật

Bài 8: Sự trao đổi saccharide

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, tính chất của sự trao đổi saccharide;

Trình bày được sự phân giải saccharide;

Phân tích sự tổng hợp saccharide;

Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế;

Có thái độ học tập tích cực, chủ động.

2. Nội dung

8.1. Sự phân giải saccharide

8.1.1. Sự phân giải polysaccharide và disaccharide

8.1.2. Sự oxy hoá monosaccharide

8.2. Sự tổng hợp saccharide

8.2.1. Sự tổng hợp saccharide đơn giản. Quá trình quang hợp

8.2.2. Tổng hợp oligosaccharide

Bài 9: Trao đổi lipid

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, tính chất của sự trao đổi lipid;

Trình bày được sự phân giải lipid;

Giải thích được các quá trình tổng hợp lipid;

Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế;

Có thái độ học tập tích cực, chủ động.

2. Nội dung

9.1. Sự phân giải lipid

9.1.1. Phân giải glycerid

9.1.2. Sự oxy hóa acid béo

9.1.3. Phân giải glycerin

9.1.4. Phân giải glycerophospholipide

9.2. Tổng hợp lipid

9.2.1. Tổng hợp acid béo

9.2.2. Tổng hợp glycerin

9.2.3. Tổng hợp glyceride

9.2.4. Tổng hợp glycerophospholipid

9.2.5. Tổng hợp sterid

Bài 10: Trao đổi Protein

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, tính chất của sự trao đổi Protein;

Trình bày được sự phân giải protein và amino acid;

Giải thích được quá trình tổng hợp amino acid;

Phân tích được các thành phần tham gia tổng hợp protein;

Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế;

Có thái độ học tập tích cực, chủ động.

2. Nội dung

10.1. Sự phân giải protein và amino acid

10.1.1. Phân giải protein

10.1.2. Phân giải amino acid

10.2. Tổng hợp amino acid

10.2.1. Amine hóa

10.2.2. Amide hóa

10.2.3. Chuyển vị amine

10.2.4. Oxim hóa

10.3. Tổng hợp protein

10.3.1. Các thành phần tham gia tổng hợp protein

10.3.2. Tổng hợp chuỗi polypeptide tại ribosome

10.3.3. Hoàn thiện phân tử protein

10.3.4. Điều hòa tổng hợp protein

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học*: Phòng lý thuyết, Phòng học thực hành.

2. *Trang thiết bị máy móc*: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.

3. *Học liệu, dụng cụ*: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức:

- + Trình bày được cấu tạo, tính chất lý hóa, vai trò của các hợp chất hữu cơ cấu tạo nên cơ thể người;
- + Trình bày được quá trình chuyển hóa của các chất hữu cơ diễn ra trong cơ thể người;
- + Trình bày được chức năng hóa sinh tiêu biểu của một số cơ quan trong cơ thể;
- + Giải thích được các nguyên tắc, nguyên nhân xuất hiện một số bệnh sinh ra do rối loạn chuyển hóa glucid, protid, lipid.

- Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức hóa sinh để giải thích các bệnh lý do rối loạn chuyển hóa các chất trong cơ thể người.

- Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- + Thể hiện thái độ tỷ mỉ, chính xác, khách quan, trung thực;
- + Thể hiện ý thức trách nhiệm trong công tác thực hành và chuyên môn;
- + Thể hiện sự khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với đồng nghiệp.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp ôn tập, luyện tập, hướng dẫn thực hành;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá.
- Viết trắc nghiệm: Sử dụng bộ câu hỏi, bài tập để đánh giá kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên.

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

VII. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:
 - + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết
 - + Môn học đi sâu vào kiến thức lý thuyết và bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

+ Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

Sinh viên đi học: tối thiểu 80% số giờ lý thuyết.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Các vi sinh vật gây bệnh; Giun, sán ký sinh.

4. Tài liệu cần tham khảo

Giáo trình chính:

[1] PGS.TS. Lê Xuân Trường, *Hóa sinh*, Nxb Y học, 2015.

Tài liệu Tham Khảo:

[1] Trần Thị Ân (chủ biên), *Hóa sinh đại cương (tập I, II)*, Nxb KH&KT Hà Nội, 2017.

[2] Đái Duy Ban, *Hóa sinh học và hóa sinh y học, Hóa sinh học*. 1: 8-13, 2019.

[3] Phạm Thị Trân Châu, Trần Thị Áng, *Hóa sinh học*, Nxb Giáo dục Hà Nội, 2018.

[4] Lê Doãn Diên, *Hóa sinh thực vật*, Nxb Nông nghiệp Hà Nội, 2016.

[5] Nguyễn Tiến Thắng, Nguyễn Đình Huyền, *Giáo trình sinh hóa hiện đại*, Nxb Giáo dục Hà Nội, 2018.

[6] Nguyễn Xuân Thắng, Đào Kim Chi, Phạm Quang Tùng, Nguyễn Văn Đồng, *Hóa sinh học*, Nxb Y học Hà Nội, 2014.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: GIẢI PHẪU SINH LÝ

Mã mô đun: MD 05

Số tín chỉ: 3 (2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết 29 giờ, Thực hành 28 giờ, kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Mô đun Giải phẫu sinh lý thuộc kiến thức cơ sở ngành bắt buộc ở học kỳ II trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Giải phẫu nghiên cứu về cấu trúc của cơ thể. Giải phẫu có sức hấp dẫn nhất định vì nó cụ thể, có thể quan sát được, kiểm tra được không cần tưởng tượng. Những chức năng sinh lý của phần cơ thể, những hoạt động nội tại của các cơ quan trong cơ thể. Những kiến thức đó, cung cấp cho người học hiểu biết được những thực thể thống nhất trên trong cơ thể và đó là kiến thức hữu ích vận dụng vào trong quá trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức: Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, cấu tạo, hình thể trong của các cơ quan trong cơ thể người; trình bày được các mốc chủ yếu của các cơ quan đó trên tranh, trên mô hình sẵn có và trên người.

2.2. Về kỹ năng: Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

II. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian :

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
PHẦN LÝ THUYẾT					
PHẦN 1: GIẢI PHẪU					
1	Bài 1: Đại cương giải phẫu – GP hệ cơ xương khớp 1.1. Đại cương 1.2. Hệ thần kinh trung ương 1.3. Hệ thần kinh tự chủ 1.4. Màng não tủy và sự lưu thông của dịch não tủy 1.5. Hệ thần kinh ngoại biên	2	2	0	0

2	Bài 2: Giải phẫu hệ thần kinh 2.1. Đại cương 2.2. Giải phẫu hệ cơ 2.3. Giải phẫu hệ xương 2.4. Các khớp quan trọng trong cơ thể	2	2	0	0
3	Bài 3: Giải phẫu Hệ tuần hoàn 3.1. Đại cương 3.2. Tim 3.3. Hệ thống mạch máu	2	2	0	0
4	Bài 4: : Giải phẫu Hệ hô hấp 4.1. Đại cương 4.2. Mũi, Hầu 4.3. Thanh quản, khí quản 4.4. Phổi-màng phổi	2	2	0	0
5	Bài 5: Giải phẫu Hệ tiêu hoá 5.1. Đại cương 5.2. Miệng, thực quản 5.3. Dạ dày, tá tràng và tụy 5.4. Ruột non, ruột già	2	2	0	0
6	Bài 6: Giải phẫu Hệ tiết niệu, Hệ sinh dục 6.1. Đại cương 6.2. Thận, niệu quản 6.3. Bàng quang, niệu đạo 6.4. Cơ quan sinh dục nam 6.5. Cơ quan sinh dục nữ	2	3	0	0
7	Bài 7: Giải phẫu Hệ nội tiết 7.1. Đại cương 7.2. Tuyến yên 7.3. Tuyến giáp, tuyến cận giáp 7.4. Tuyến thượng thận	2	2	0	0
8	Bài 8: Các giác quan 8.1. Đại cương 8.2. Cơ quan thị giác 8.3. Cơ quan tiền đình - Ốc tai 8.4. Da	2	2	0	0
PHẦN II. SINH LÝ					
9	Bài 1: Sinh lý tế bào và màng tế bào 1.1. Cấu tạo của tế bào 1.2. Chức năng của tế bào 1.3. Điện thế màng tế bào	2	2	0	0
10	Bài 2: Sinh lý học nội giờ, chuyển hóa, điều hòa thân nhiệt 2.1. Sinh lý học nội giờ 2.2. Chuyển hóa chất 2.3. Chuyển hóa năng lượng 2.4. Điều hòa thân nhiệt	2	2	0	0
11	Bài 3: Sinh lý học tuần hoàn, máu và	2	2	0	0

	các dịch thể 3.1. Sinh lý học tuần hoàn, máu 3.2. Các dịch cơ thể 3.3. Xác định nhóm máu				
12	Bài 4: Sinh lý hô hấp, thần kinh, giác Quan 4.1. Hô hấp 4.2. Thần kinh 4.3. Giác quan	3	3	0	0
PHẦN III. THỰC HÀNH					
14	Bài 1: Đại cương giải phẫu – GP hệ cơ xương khớp 1.1. Cơ 1.2. Xương 1.3. Khớp	5	0	5	0
15	Bài 2: Giải phẫu hệ thần kinh và Giải phẫu Hệ tuần hoàn 2.1. Thần kinh 2.2. Tuần hoàn	5	0	5	0
16	Bài 3: Giải phẫu Hệ hô hấp Nhận thức được giải phẫu hệ: hô hấp	6	0	6	0
17	Bài 4: Giải phẫu Hệ giờ niệu, Hệ sinh dục và Giải phẫu Hệ nội giờ 4.1. Hệ tiết niệu 4.2. Hệ sinh dục 4.3. Hệ nội tiết	6	0	6	0
18	Bài 5: Giải phẫu Hệ tiêu hoá và Các giác quan 5.1. Hệ tiêu hoá 5.2. Các giác quan của cơ thể người	6	0	6	0
19	Kiểm tra	3	0	0	3
Tổng cộng		60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết

A. LÝ THUYẾT

PHẦN I. GIẢI PHẪU NGƯỜI

Bài 1: Đại cương giải phẫu -Giải phẫu hệ cơ xương khớp;Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Nêu được các thành phần và bốn chức năng chính của bộ xương người;

Kể tên được các xương đầu mặt;

Kể tên được các xương của thân mình, cấu tạo chung của các đốt sống và đặc điểm cơ bản để phân biệt các đốt sống;

Kể tên và cách sắp xếp của các xương bàn tay, cổ tay, cổ chân, bàn chân, ngón chân;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định được tên, vị trí, chức năng, sinh lý của hệ xương khớp trên cơ thể người.

Tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

2. Nội dung

1.1. Đại cương

1.2. Hệ thần kinh trung ương

1.3. Hệ thần kinh tự chủ

1.4. Màng não tủy và sự lưu thông của dịch não tủy

1.5. Hệ thần kinh ngoại biên

Bài 2. Giải phẫu hệ thần kinh; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Nêu được các thành phần của hệ thần kinh và chức năng của chúng;

Mô tả được hình thể ngoài và hình thể trong của tủy gai, trám não và trung não;

Mô tả sơ lược các thành phần của não thất ba, hình thể trong của não thất bên, đoạn não;

Mô tả sơ lược các thành phần của thần kinh giao cảm và phó giao cảm;

Kể tên sự chi phối của 12 đôi dây thần kinh sọ, cấu tạo của đám rối cổ, đám rối cánh tay;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định được tên, vị trí, chức năng, sinh lý của hệ thần kinh trên cơ thể người;

Tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Giải phẫu hệ cơ

2.3. Giải phẫu hệ xương

2.4. Các khớp quan trọng trong cơ thể

Bài 3: Giải phẫu Hệ tuần hoàn; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Các thành phần của hệ tim mạch, hình thể ngoài của tim;

Các đặc điểm phân biệt tâm nhĩ với tâm thất;

Mô tả hình thể trong của 2 tâm nhĩ, 2 tâm thất, hệ thống dẫn truyền của tim;

Mạch máu của tim;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định được tên, vị trí, chức năng, sinh lý của hệ tuần hoàn trên cơ thể người.

2. Nội dung

3.1. Đại cương

3.2. Tim

3.3. Hệ thống mạch máu

Bài 4: : Giải phẫu Hệ hô hấp; Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được Hình thể ngoài và cấu tạo của mũi ngoài, ổ mũi, xoang cạnh mũi; Hình thể ngoài, hình thể trong của thanh quản; Hình thể ngoài của phổi và sự phân chia cây phế quản;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định được tên, vị trí, chức năng, sinh lý của hệ hô hấp trên cơ thể người.

2. Nội dung

4.1. Đại cương

4.2. Mũi, Hầu

4.3. Thanh quản, khí quản

4.4. Phổi-màng phổi

Bài 5: Giải phẫu Hệ tiêu hoá; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được giới hạn và các phần của ổ miệng; Cấu tạo về răng, hình thể ngoài của lưỡi, thực quản; Hình thể ngoài, liên quan, cấu tạo mạch máu thần kinh của dạ dày; Ruột non, ruột già;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định được tên, vị trí, chức năng, sinh lý của hệ tiêu hóa trên cơ thể người

2. Nội dung

5.1. Đại cương

5.2. Miệng, thực quản

5.3. Dạ dày, tá tràng và tụy

5.4. Ruột non, ruột già

Bài 6: Giải phẫu Hệ tiết niệu, Hệ sinh dục; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được vị trí và liên quan của thận, đường đi và liên quan của các đoạn niệu quản; Hình thể ngoài và liên quan của bàng quang;

Phân biệt niệu đạo nam và niệu đạo nữ;

Kể tên các phần thuộc cơ quan sinh dục nam và sinh dục nữ;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định được tên, vị trí, chức năng, sinh lý của hệ niệu, sinh dục trên cơ thể người.

2. Nội dung

6.1. Đại cương

6.2. Thận, niệu quản

6.3. Bàng quang, niệu đạo

6.4. Cơ quan sinh dục nam

6.5. Cơ quan sinh dục nữ

Bài 7: Giải phẫu Hệ nội tiết; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Kể tên các cơ quan thuộc hệ nội tiết;

Trình bày được đặc điểm chung của các tuyến nội tiết; Vị trí, chức năng, hình thể ngoài và liên quan của tuyến yên, tuyến giáp;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định được tên, vị trí, chức năng, sinh lý của hệ nội tiết trên cơ thể người.

2. Nội dung

7.1. Đại cương

7.2. Tuyến yên

7.3. Tuyến giáp, tuyến cận giáp

7.4. Tuyến thượng thận

Bài 8: Các giác quan; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Kể tên đầy đủ các thành phần của hệ giác quan;

Nêu đặc điểm của tai ngoài, tai giữa, tai trong;

Mô tả cấu tạo của thượng bì, hạ bì, lông, móng của da;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định được tên, vị trí, chức năng, sinh lý của các giác quan trên cơ thể người.

2. Nội dung

8.1. Đại cương

8.2. Cơ quan thị giác

8.3. Cơ quan tiền đình - Ốc tai

8.4. Da

PHẦN II. SINH LÝ

Bài 1: Sinh lý tế bào và màng tế bào; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Nêu cấu tạo, chức năng của tế bào; Điện thế màng tế bào;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và nắm được sinh lý hoạt động bình thường của tế bào và màng tế bào.

2. Nội dung

1.1. Cấu tạo của tế bào

1.2. Chức năng của tế bào

1.3. Điện thế màng tế bào

Bài 2: Sinh lý học nội bào, chuyển hóa, điều hòa thân nhiệt; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được sinh lý học nội bào; Chuyển hóa chất; Chuyển hóa năng lượng;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và nắm được sinh lý hoạt động bình thường của nội tiết, chuyển hóa, điều hòa thân nhiệt.

2. Nội dung

2.1. Sinh lý học nội bào

2.2. Chuyển hóa chất

2.3. Chuyển hóa năng lượng

2.4. Điều hòa thân nhiệt

Bài 3: Sinh lý học tuần hoàn, máu và các dịch thể; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được tính chất, đặc điểm, của sinh lý học tuần hoàn, máu, các dịch cơ thể;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và nắm được sinh lý hoạt động bình thường của tuần hoàn, máu và các dịch thể.

2. Nội dung

3.1. Sinh lý học tuần hoàn, máu

3.2. Các dịch cơ thể

3.3. Xác định nhóm máu

Bài 4: Sinh lý hô hấp, thần kinh, giác quan; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, tính chất, đặc điểm của sinh lý hô hấp, sinh lý thần kinh, sinh lý giác quan;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và nắm được sinh lý hoạt động bình thường của hô hấp, thần kinh, giác quan.

2. Nội dung

4.1. Hô hấp

4.2. Thần kinh

4.3. Giác quan

PHẦN III. THỰC HÀNH

Bài 1: Đại cương giải phẫu – GP hệ cơ xương khớp; Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Nhận thức được giải phẫu hệ cơ xương khớp;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định hình thái, đặc điểm của giải phẫu hệ cơ xương khớp.

2. Nội dung

1.1. Cơ

1.2. Xương

1.3. Khớp

Bài 2: Giải phẫu hệ thần kinh và Giải phẫu Hệ tuần hoàn; Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Nhận thức được giải phẫu hệ thần kinh và giải phẫu hệ tuần hoàn;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định hình thái, đặc điểm của giải phẫu hệ thần kinh và giải phẫu hệ tuần hoàn.

2. Nội dung

2.1. Thần kinh

2.2. Tuần hoàn

Bài 3: Giải phẫu Hệ hô hấp; Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Nhận thức được giải phẫu hệ hô hấp;

Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định hình thái, đặc điểm của giải phẫu hệ hô hấp.

2. Nội dung

Nhận thức được giải phẫu hệ: hô hấp

Bài 4: Giải phẫu Hệ giờ niệu, Hệ sinh dục và Giải phẫu Hệ nội tiết; Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Nhận thức được giải phẫu hệ tiết niệu, hệ sinh dục và hệ nội tiết;

Vận dụng giải phẫu vào các tiết niệu, hệ sinh dục và hệ nội tiết. học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định hình thái, đặc điểm của giải phẫu hệ tiết niệu, hệ sinh dục và hệ nội tiết.

2. Nội dung

4.1. Hệ tiết niệu

4.2. Hệ sinh dục

4.3. Hệ nội tiết

Bài 5: Giải phẫu Hệ tiêu hoá và Các giác quan; Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Nhận thức được giải phẫu hệ tiêu hoá và các giác quan;

Vận dụng giải phẫu vào các tiết niệu, hệ sinh dục và hệ nội tiết. học phần khác theo nhiệm vụ chức năng chăm sóc người bệnh của mình và xác định hình thái, đặc điểm của giải phẫu hệ tiêu hoá và các giác quan.

2. Nội dung

5.1. Hệ tiêu hoá

5.2. Các giác quan của cơ thể người

V. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. *Phòng học lý thuyết*: phòng lab có máy chiếu/ phòng Lab
2. *Phòng học thực hành*: phòng thực hành giải phẫu sinh lý
3. *Trang thiết bị máy móc*: bàn ghế, máy chiếu, máy quạt/máy lạnh
4. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*: sách giáo trình, bảng và phấn, trang thiết bị.

VI. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải phẫu chức năng.

Về kỹ năng: Phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.

Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Phương pháp

Sử dụng phương pháp thuyết giảng;

Sử dụng phương pháp thuyết trình;

Phương pháp vấn đáp;

Phương pháp thảo luận nhóm;

Phương pháp ôn tập, luyện tập, hướng dẫn thực hành;

Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

+ Viết trắc nghiệm: Sử dụng bộ câu hỏi, bài tập để đánh giá kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên.

+ Dựa trên năng lực thực hành của sinh viên bằng các thí nghiệm, các bài thực hành.

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

1. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun.*

2. *Phạm vi áp dụng mô đun*: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết
- + Môn học đi sâu vào kỹ năng thực hành, tuy nhiên sau mỗi bài học học sinh cần có bài tập thảo luận về nhà để vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- + Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.
- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Sinh viên nắm được kiến thức của bài và vận dụng vào chuyên ngành.

4. Tài liệu cần tham khảo:

Giáo trình chính:

[1] TS. Đỗ Đình Xuân, GS. TS. Lê Gia Vinh, *Giải phẫu sinh lý Tập 1*, Nxb Y học Việt Nam, 2019.

[2] TS. Đỗ Đình Xuân, GS. TS. Lê Gia Vinh, *Giải phẫu sinh lý Tập 2* Nxb Y học Việt Nam, 2019.

Tài liệu tham khảo:

[3] Bộ môn Giải phẫu học, *Bài giảng giải phẫu học, tập 1*, Đại học Y – Dược Tp. HCM, Nxb Y học, Tp. HCM, 2018.

[4] Bộ môn Giải phẫu học, *Bài giảng giải phẫu học, tập 2*, Đại học Y – Dược Tp. HCM, NXB Y học, Tp. HCM, 2018.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: DƯỢC LÝ

Mã mô đun: MĐ 06

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí Dược lý cung cấp kiến thức cơ sở ngành ở học kỳ III trong chương trình đào tạo.
- Tính chất: Mô đun Dược lý cung cấp kiến thức về thuốc, dược phẩm,... quá trình tư vấn sử dụng thuốc cho bệnh nhân. Người học trang bị kiến thức cần thiết về thuốc điều trị, dược phẩm là kiến thức quan trọng phục vụ đặc lực trong công tác điều trị bệnh nhân.

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu học, Sinh lý học, Sinh lý bệnh – Miễn dịch.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

Trình bày và giải thích được cơ chế tác dụng, đặc điểm tác dụng của các nhóm thuốc; Trình bày được áp dụng điều trị của các thuốc đại diện trong từng nhóm; Nhận dạng được và hướng dẫn sử dụng đúng các thuốc theo dạng bào chế.

2.2. Về kỹ năng:

Phân tích được các tác dụng không mong muốn và độc tính của thuốc để biết cách phòng và xử trí; Kê được các đơn thuốc đúng nguyên tắc, đúng pháp lý, phù hợp chuyên môn; Phân tích được kết quả một số thí nghiệm dược lý và nêu được các ứng dụng trên lâm sàng.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Phân tích được các tác dụng không mong muốn và độc tính của thuốc để biết cách phòng và xử trí; Kê được các đơn thuốc đúng nguyên tắc, đúng pháp lý, phù hợp chuyên môn; Phân tích được kết quả một số thí nghiệm dược lý và nêu được các ứng dụng trên lâm sàng.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên bài	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, BT, TL	Kiểm tra
PHẦN LÝ THUYẾT					
1	Bài 1: Bài mở đầu – Số phận của thuốc trong cơ thể, cơ chế tác động của thuốc, độc tính của thuốc, sự liên quan giữa cấu trúc của thuốc và hoạt tính dược lực. 1.1. Sự hấp thu thuốc	1	1	0	0

	1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hấp thu thuốc 1.3. Các đường hấp thu thuốc 1.4. Sự biến đổi sinh học của thuốc 1.5. Sự đào thải thuốc				
2	Bài 2: Thuốc hạ nhiệt, thuốc giảm đau, thuốc chống viêm không Steroid 2.1. Cơ chế tác động dựa trên receptor 2.2. Cơ chế tác động không dựa vào nơi tiếp thu và dựa vào tính chất lý hóa của thuốc 2.3. Hoạt tính dược lực liên quan đến một nhóm hóa học 2.4. Hoạt tính dược lực liên quan đến cấu trúc hóa học trong không gian	4	2	2	0
3	Bài 3: Thuốc tác động trên hệ thần kinh trung ương (thuốc mê, thuốc tê, thuốc ngủ, thuốc an thần, thuốc kích thích TK trung ương) 3.1. Sinh lý về cảm giác đau 3.2. Phân loại thuốc giảm đau	5	3	2	0
4	Bài 4: Thuốc tác động trên hệ thần kinh thực vật 4.1. Đại cương 4.2. Cơ chế tác động 4.3. Phân loại	5	3	2	0
5	Bài 5: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp, thuốc kháng histamine H1 5.1. Một số đặc điểm của hệ thần kinh thực vật 5.2. Phân loại thuốc tác động trên hệ thần kinh thực vật	4	2	2	0
6	Bài 6: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa (thuốc trị loét dạ dày, các thuốc trị tiêu chảy, thuốc nhuận tràng) 6.1. Thuốc trị ho – long đờm, tiêu đờm 6.2. Thuốc trị hen suyễn 6.3. Thuốc kháng Histamin H1	4	2	2	0
7	Bài 7: Thuốc điều trị suy tim sung huyết, Thuốc điều trị loạn nhịp tim 7.1. Thuốc trị loét đường tiêu hóa 7.2. Thuốc nhuận tràng 7.3. Thuốc trị tiêu chảy	4	2	2	0
8	Bài 8: Thuốc điều trị cao huyết áp, Thuốc điều trị rối loạn lipid huyết 8.1. Đặc tính sinh lý của cơ tim 8.2. Phân loại thuốc trị suy tim 8.3. Phân loại thuốc trị loạn nhịp tim	4	2	2	0

9	Bài 9: Vitamin tan trong nước, tan trong dầu 9.1. Đại cương 9.2. Phân loại và cơ chế thuốc trị cao huyết áp 9.3. Điều trị rối loạn lipid huyết	5	2	3	0
10	Bài 10: Cơ chế tác động của kháng sinh và sự đề kháng của vi khuẩn, Kháng sinh nhóm beta-lactam, Kháng sinh nhóm aminosid, macrolid 10.1. Thiamin (Vitamin B1) 10.2. Niacin 10.3. Pyridoxin (Vitamin B6) 10.4. Acid folic (Vitamin B9) 10.5. Cyanocobalamin (Vitamin B12) 10.6. Acid ascorbic (Vitamin C) 10.7. Retinol (Vitamin A) 10.8. Calciferol (Vitamin D) 10.9. Tocoferol (Vitamin E) 10.10. Vitamin K	5	2	3	0
11	Bài 11: Kháng sinh nhóm uinnolon, phenicol và nhóm cyclin, Sulfamid kháng khuẩn 11.1. Tác động kháng sinh 11.2. Sự đề kháng của vi khuẩn 11.3. Tác dụng phụ của kháng sinh 11.4. Phân loại các nhóm kháng sinh kháng khuẩn 11.5. Các beta – lactam 11.6. Nhóm aminosid 11.7. Nhóm macrolid	6	3	3	0
12	Bài 12: Thuốc kháng virus – Thuốc điều trị lao – phong 12.1. Nhóm quinolon 12.2. Nhóm cyclin 12.3. Nhóm phenicol 12.4. Sulfamid kháng khuẩn	6	3	3	0
13	Bài 13: Thuốc điều trị ký sinh trùng 13.1. Thuốc kháng lao 13.2. Thuốc điều trị phong 13.3. Các thuốc kháng herpes virus 13.4. Các chất kháng retrovirus 13.5. Các thuốc kháng virus khác	3	0	0	3
14	Kiểm tra	5	2	3	0
Tổng cộng		60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Bài mở đầu – Số phận của thuốc trong cơ thể, cơ chế tác động của thuốc, độc tính của thuốc, sự liên quan giữa cấu trúc của thuốc và hoạt tính dược lực; Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các quá trình ảnh hưởng đến số phận của thuốc trong cơ thể và ý nghĩa của các thông số dược động;

Dự đoán được khả năng thẩm qua màng tế bào của thuốc là acid yếu hay base yếu nếu biết pKa của thuốc và pH nơi hấp thu;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

1.1. Sự hấp thu thuốc

1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hấp thu thuốc

1.3. Các đường hấp thu thuốc

1.4. Sự biến đổi sinh học của thuốc

1.5. Sự đào thải thuốc

Bài 2: Thuốc hạ nhiệt, thuốc giảm đau, thuốc chống viêm không Steroid; Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ chế tác động của các nhóm thuốc tiêu biểu. Nêu được khái niệm về tính chọn lọc của receptor và ứng dụng trong sử dụng thuốc. Nêu được một ví dụ về cấu trúc không gian liên quan đến hoạt tính thuốc;

Giải thích được 5 cách thuốc gắn vào receptor, cơ chế tác động của các nhóm thuốc tiêu biểu. Hiểu cơ chế của sự điều hòa receptor và ứng dụng khái niệm này trong sử dụng thuốc;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

2.1. Cơ chế tác động dựa trên receptor

2.2. Cơ chế tác động không dựa vào nơi tiếp thu và dựa vào tính chất lý hóa của thuốc

2.3. Hoạt tính dược lực liên quan đến một nhóm hóa học

2.4. Hoạt tính dược lực liên quan đến cấu trúc hóa học trong không gian

Bài 3: Thuốc tác động trên hệ thần kinh trung ương (thuốc mê, thuốc tê, thuốc ngủ, thuốc an thần, thuốc kích thích TK trung ương); Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân loại các thuốc giảm đau hạ sốt theo dẫn xuất hóa học và kể tên các chất tiêu biểu cho mỗi nhóm. Trình bày về tác động dược lý, cơ chế tác động, dược động, tác dụng phụ và độc tính của các thuốc giảm đau tiêu biểu ở mỗi nhóm;

Rèn luyện kỹ năng sử dụng trị liệu của các nhóm thuốc giảm đau ;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc.

2. Nội dung

3.1. Sinh lý về cảm giác đau

3.2. Phân loại thuốc giảm đau

Bài 4: Thuốc tác động trên hệ thần kinh thực vật; Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách phân loại thuốc mê, thuốc tê, thuốc ngủ, thuốc kích thích thần kinh trung ương;

Nắm rõ ưu và nhược điểm của các nhóm thuốc trên và rèn luyện kỹ năng sử dụng các nhóm thuốc tê, mê, ngủ, thuốc kích thích thần kinh trung ương hợp lý, hiệu quả;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc

2. Nội dung

4.1. Đại cương

4.2. Cơ chế tác động

4.3. Phân loại

Bài 5: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp, thuốc kháng histamine H₁; Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách phân loại các thuốc tác động lên hệ thần kinh thực vật. Kể tên các chất tiêu biểu và nêu ứng dụng trị liệu cho mỗi nhóm;

Rèn luyện kỹ năng giải thích cơ chế tác động của các thuốc tác động lên hệ thần kinh thực vật;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc

2. Nội dung

5.1. Một số đặc điểm của hệ thần kinh thực vật

5.2. Phân loại thuốc tác động trên hệ thần kinh thực vật

Bài 6: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa(thuốc trị loét dạ dày, các thuốc trị tiêu chảy, thuốc nhuận tràng); Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ chế gây phản ứng dị ứng và nắm vững cơ chế tác động của các thuốc kháng histamin H1. Trình bày được nguyên tắc sử dụng cá nhóm- thuốc trị hen suyễn, thuốc ho;

Rèn luyện kỹ năng sử dụng các nhóm thuốc ho, tiêu đờm, dị ứng, hen suyễn một cách hợp lý;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc

2. Nội dung

6.1. Thuốc trị ho – long đờm, tiêu đờm

6.2. Thuốc trị hen suyễn

6.3. Thuốc kháng Histamin H1

Bài 7: Thuốc điều trị suy tim sung huyết, Thuốc điều trị loạn nhịp tim; Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân loại và cơ chế các nhóm thuốc trị loét đường tiêu hóa, thuốc nhuận tràng, thuốc trị tiêu chảy và cho ví dụ của thuốc ở mỗi nhóm.;

Rèn luyện kỹ năng sử dụng và tác động khác nhau của các thuốc trị loét đường tiêu hóa, thuốc nhuận tràng, thuốc trị tiêu chảy;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc

2. Nội dung

7.1. Thuốc trị loét đường tiêu hóa

7.2. Thuốc nhuận tràng

7.3. Thuốc trị tiêu chảy

Bài 8: Thuốc điều trị cao huyết áp, Thuốc điều trị rối loạn lipid huyết; Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được 4 nhóm thuốc chính trị suy tim sung huyết. Có thể trình bày được sự khác biệt của 4 nhóm thuốc trị loạn nhịp tim chính. Mô tả sự ức chế chọn lọc do các thuốc trị loạn nhịp tim loại ổn định màng;

Giải thích các tác dụng phụ có lợi của chất giãn mạch và nhóm ức chế men chuyển trong điều trị suy tim. Giải thích tại sao sự tăng kali huyết, giảm kali huyết và các thuốc kháng loạn nhịp tim lại gây loạn nhịp tim;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc

2. Nội dung

8.1. Đặc tính sinh lý của cơ tim

8.2. Phân loại thuốc trị suy tim

8.3. Phân loại thuốc trị loạn nhịp tim

Bài 9: Vitamin tan trong nước, tan trong dầu; Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nhóm thuốc điều trị cao huyết áp và rối loạn lipid huyết chính, cho ví dụ ở mỗi nhóm. Trình bày cơ chế bù khi sử dụng mỗi loại thuốc trị cao huyết áp. Nắm vững cơ chế tác động của các nhóm thuốc trị rối loạn lipid huyết;

Giải thích tại sao sự phối hợp thuốc hợp lý với một nhóm thuốc này nhưng không hợp lý với nhóm thuốc khác;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc

2. Nội dung

9.1. Đại cương

9.2. Phân loại và cơ chế thuốc trị cao huyết áp

9.3. Điều trị rối loạn lipid huyết

Bài 10: Cơ chế tác động của kháng sinh và sự đề kháng của vi khuẩn, Kháng sinh nhóm beta-lactam, Kháng sinh nhóm aminosid, macrolid; Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, tính chất, đặc điểm của Vitamin;
Trình bày vai trò sinh học của các vitamin;

Giải thích những điểm cần lưu ý khi sử dụng các vitamin. Áp dụng trị liệu của từng vitamin;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc

2. Nội dung

10.1. Thiamin (Vitamin B1)

10.2. Niacin

10.3. Pyridoxin (Vitamin B6)

10.4. Acid folic (Vitamin B9)

10.5. Cyanocobalamin (Vitamin B12)

10.6. Acid ascorbic (Vitamin C)

10.7. Retinol (Vitamin A)

10.8. Calciferol (Vitamin D)

10.9. Tocoferol (Vitamin E)

10.10. Vitamin K

**Bài 11: Kháng sinh nhóm uinnolon, phenicol và nhóm cyclin, Sulfamid kháng khuẩn;
Thời gian: 5 giờ**

1. Mục tiêu

Trình bày được những cơ chế tác động khác nhau của các nhóm kháng sinh, khái niệm về kháng sinh phụ thuộc thời gian và kháng sinh phụ thuộc nồng độ. Mô tả phổ kháng khuẩn lý thuyết của kháng sinh nhóm beta – lactam, aminosid, macrolid;

Vận dụng để hiểu về việc sử dụng kháng sinh trên lâm sàng và sự tương tác của kháng sinh;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc

2. Nội dung

11.1. Tác động kháng sinh

11.2. Sự đề kháng của vi khuẩn

11.3. Tác dụng phụ của kháng sinh

11.4. Phân loại các nhóm kháng sinh kháng khuẩn

11.5. Các beta – lactam

11.6. Nhóm aminosid

11.7. Nhóm macrolid

Bài 12: Thuốc kháng virus – Thuốc điều trị lao – phong; Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Mô tả phổ kháng khuẩn lý thuyết của kháng sinh nhóm quinolon, nhóm phenicol, nhóm cyclin và sulfamid kháng khuẩn;

Vận dụng để hiểu về việc sử dụng kháng sinh trên lâm sàng và sự tương tác của kháng sinh;

Đánh giá tính tự giác, tính kỷ luật, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong công việc

2. Nội dung

12.1. Nhóm quinolon

12.2. Nhóm cyclin

12.3. Nhóm phenicol

12.4. Sulfamid kháng khuẩn

Bài 13: Thuốc điều trị ký sinh trùng; Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày và phân biệt các thuốc lao thuộc nhóm thuốc kháng lao tuyến đầu và tuyến thứ hai. Mô tả về sự tái bản của virus và cơ chế tác động của thuốc kháng virus;

Rèn luyện kỹ năng sử dụng trị liệu thuốc kháng lao qua một số phác đồ trị lao phổ biến.

2. Nội dung

13.1. Thuốc kháng lao

13.2. Thuốc điều trị phong

13.3. Các thuốc kháng herpes virus

13.4. Các chất kháng retrovirus

13.5. Các thuốc kháng virus khác

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế.

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, máy tính (liên quan đến tài liệu học tập)

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Phân loại và kể tên các thuốc trong từng nhóm theo tác dụng dược lý; Trình bày được tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc trong từng bài.

- Về kỹ năng: Đọc và viết được tên các thuốc thường gặp; Biết vận dụng kiến thức đã học để sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả.

- Về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Có thái độ học tập và giao tiếp tích cực, chủ động trong lớp học; Có thái độ tích cực, chủ động, hợp tác trong làm việc nhóm và các hoạt động học tập khác do giảng viên đề ra.

2. Phương pháp đánh giá

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- **Đối với giáo viên:** Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy học phần như: giảng đường phải có đầy đủ trang thiết bị dạy học như máy tính, máy chiếu, bảng, phấn. Dụng cụ thực hành bao gồm: Văn phòng phẩm; phần màu, mạng internet. Giảng viên phải tự trang bị được cho mình các hình ảnh, tư liệu để minh họa cho bài giảng.

Giảng viên bám sát vào đề cương chi tiết để giảng dạy, không tự ý thay đổi khối lượng kiến thức so với chương trình chi tiết của môn học. Giảng viên tích cực giảng dạy và hướng dẫn cho sinh viên các phương pháp học tập hiệu quả. Hướng dẫn cụ thể cho sinh viên trong việc áp dụng lý thuyết vào thực hành nghề nghiệp. Cung cấp, gợi ý nguồn tài liệu tham khảo cho sinh viên. Linh hoạt trong việc kết hợp các phương pháp giảng dạy để sinh viên dễ dàng lĩnh hội những kiến thức trong quá trình học.

- **Đối với sinh viên:** Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học, nghiên cứu tài liệu.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Nội dung trọng tâm: Các bài trọng tâm: Thuốc kháng sinh và sulfamid; Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm phi steroid; Thuốc chống viêm steroid; Thuốc chống dị ứng; Thuốc hệ tiêu hóa.

4. Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Thị Thu Hằng, *Dược lực học*, Nxb Y học, 2018.
- [2] PGS.TS Mai Tất Tố, TS Vũ Thị Châm, *Dược lý học tập 1*, NXB Y học, 2017.
- [3] PGS.TS Mai Tất Tố, TS Vũ Thị Châm, *Dược lý học tập 2*, NXB Y học, 2017.
- [4] GS.TS Đào Văn Phan, *Dược lý học lâm sàng*, NXB Y học, 2015.
- [5] Bộ môn Dược lâm sàng - Đại học Dược Hà nội, *Dược lâm sàng Đại cương*, NXBY học, 2017.
- [6] Bộ Y tế, *Dược thư quốc gia Việt Nam*, NXB Y học, 2017.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

Mã mô đun: MD 07

Số tín chỉ: 3 (2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thảo luận: 28 giờ; Kiểm tra: 03 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Kỹ thuật Điều dưỡng là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: Cấu tạo chức năng cơ thể; Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi

- Tính chất: Đây là mô đun cơ sở ngành.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức: Giải thích được mục đích, chỉ định, chống chỉ định và tai biến của các quy trình kỹ thuật cơ bản chăm sóc người bệnh; cấp cứu thường gặp.

2.2. Kỹ năng: Hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực chăm sóc người bệnh, tự học, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH /TN	Kiểm tra
1	Bài 1. Nhu cầu cơ bản của con người 1. Học thuyết của Abraham H. Maslow (1908-1970) về nhu cầu cơ bản của con người. 2. Nhu cầu cơ bản của người bệnh theo Virginnia Henderson	1	1	0	0
2	Bài 2. Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy A. Kiến thức liên quan đến bài học 1. Khái niệm. 2. Mục đích. 3. Tầm quan trọng của việc vệ sinh tay. 4. Chỉ định vệ sinh tay	2	1	1	0

	B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị dụng cụ 2. Chuẩn bị người ĐD 3. Thực hiện kỹ thuật				
3	Bài 3. Kỹ thuật mang và tháo phương tiện phòng hộ A. Kiến thức liên quan đến bài học 1. Mục đích 2. Chỉ định 3. Lưu ý khi sử dụng 4. Trình tự mang phương tiện phòng hộ. 5. Trình tự tháo phương tiện phòng hộ. B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị dụng cụ 2. Chuẩn bị người ĐD 3. Thực hiện kỹ thuật	2	1	1	0
4	Bài 4. Hỗ trợ tư thế, vận động và di chuyển người bệnh A. Kiến thức liên quan đến bài học Các tư thế nghỉ ngơi trị liệu Đại cương 1. Các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường vận chuyển người bệnh 1.1. Vận chuyển người bệnh và các vấn đề liên quan đến chăm sóc. 1.2. Vận chuyển/di dời người bệnh tại nơi cấp cứu tại hiện trường 1.3. Các điểm lưu ý khi vận chuyển người bệnh 1.4. Kỹ thuật vận chuyển người bệnh. 1.5. Một số nguy cơ có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển người bệnh. B. Quy trình kỹ thuật. 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị dụng cụ. 3. Thực hiện kỹ thuật	2	1	1	0
5	Bài 5. Chăm sóc người bệnh giai đoạn cuối A. Kiến thức liên quan đến bài học 1. Diễn biến tâm lý 2. Dấu hiệu nhận biết 3. Nguyên tắc 4. Tâm lý y học 5. Kỹ năng giao tiếp 6. Các trường hợp đặc biệt 7. Chăm sóc tại nhà B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị người ĐD 3. Chuẩn bị dụng cụ.	2	1	1	0

	4. Thực hiện kỹ thuật. 5. Ghi phiếu				
6	Bài 6. Theo dõi và chăm sóc dấu hiệu sinh tồn. A. Kiến thức liên quan đến bài học 1. Đại cương 2. Nguyên tắc 3. Nhiệt độ 4. Theo dõi mạch. 5. Theo dõi nhịp thở 6. Theo dõi huyết áp B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị người điều dưỡng. 3. Chuẩn bị dụng cụ. 4. Thực hiện kỹ thuật. 5. Ghi phiếu chăm sóc	2	1	1	0
7	Bài 7. Nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh, tiêm an toàn A. Kiến thức liên quan đến bài học 1. Nguyên tắc chung khi dùng thuốc 2. Tác dụng không mong muốn của thuốc 3. Dụng cụ đo lường thuốc 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc 5. Phác đồ cấp cứu phản vệ B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị người ĐD 3. Chuẩn bị dụng cụ. 4. Thực hiện kỹ thuật. 5. Ghi phiếu	2	1	1	0
8	Bài 8. Dùng thuốc đường uống và tại chỗ 1. Dùng thuốc qua da A. Kiến thức liên quan - Nguyên tắc - Các dạng thuốc - Những điểm cần lưu ý khi dùng thuốc qua da B. Quy trình kỹ thuật: - Chuẩn bị người bệnh - Chuẩn bị người điều dưỡng - Chuẩn bị dụng cụ - Thực hiện kỹ thuật - Ghi hồ sơ bệnh án 2. Dùng thuốc qua đường tiêu hóa A. Kiến thức liên quan - Nguyên tắc - Áp dụng	3	1	2	0

	- Không áp dụng - Những điểm cần lưu ý khi cho người bệnh dùng thuốc qua đường tiêu hóa. - Tai biến khi dùng thuốc B. Quy trình kỹ thuật: - Chuẩn bị người bệnh - Chuẩn bị người điều dưỡng - Chuẩn bị dụng cụ - Thực hiện kỹ thuật 3. Dùng thuốc qua đường niêm mạc A. Kiến thức liên quan B. Quy trình kỹ thuật: - Chuẩn bị người bệnh - Chuẩn bị người điều dưỡng - Chuẩn bị dụng cụ - Thực hiện kỹ thuật - Ghi hồ sơ bệnh án				
9	Bài 9. Tiêm trong da - test lấy da 1. Kỹ thuật tiêm trong da A. Kiến thức liên quan đến bài học - Định nghĩa - Vùng tiêm - Góc độ tiêm - Chỉ định tiêm trong da - Tai biến của tiêm trong da B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị người điều dưỡng. 3. Chuẩn bị dụng cụ. 4. Thực hiện kỹ thuật. 5. Ghi hồ sơ bệnh án 2. Kỹ thuật test lấy da A. Kiến thức liên quan đến bài học - Áp dụng - Không áp dụng - Vị trí test - Cách pha thuốc kháng sinh B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị người điều dưỡng. 3. Chuẩn bị dụng cụ. 4. Thực hiện kỹ thuật. 5. Ghi hồ sơ bệnh án	3	1	2	0
10	Bài 10. Kỹ thuật tiêm dưới da, bắp nông A. Kiến thức liên quan 1. Định nghĩa 2. Vùng tiêm 3. Góc độ tiêm 4. Chỉ định	3	2	1	0

	5. Chống chỉ định 6. Tai biến B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh 2. Chuẩn bị người điều dưỡng 3. Chuẩn bị dụng cụ 4. Thực hiện kỹ thuật 5. Ghi hồ sơ bệnh án				
11	Bài 11. Kỹ thuật tiêm bắp sâu A. Kiến thức liên quan 1. Định nghĩa 2. Vùng tiêm 3. Góc độ tiêm 4. Chỉ định 5. Chống chỉ định 6. Tai biến B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh 2. Chuẩn bị người điều dưỡng 3. Chuẩn bị dụng cụ 4. Thực hiện kỹ thuật 5. Ghi hồ sơ bệnh án	2	1	1	0
12	Bài 12. Tiêm tĩnh mạch Kiến thức liên quan 1. Định nghĩa 2. Vùng tiêm 3. Góc độ tiêm 4. Chỉ định 5. Chống chỉ định 6. Tai biến B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh 2. Chuẩn bị người điều dưỡng 3. Chuẩn bị dụng cụ 4. Thực hiện kỹ thuật 5. Ghi hồ sơ bệnh án	2	1	1	0
13	Bài 13. Kỹ thuật truyền dịch A. Kiến thức liên quan đến bài học 1. Định nghĩa 2. Mục đích 3. Chỉ định 4. Chống chỉ định 5. Vị trí truyền dịch 6. Các loại dung dịch thường dùng 7. Cách tính thời gian truyền dịch 8. Tai biến B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị người ĐD	2	1	1	0

	3. Chuẩn bị dụng cụ. 4. Thực hiện kỹ thuật. 5. Ghi hồ sơ bệnh án				
14	Bài 14. Kỹ thuật đặt và lưu kim catheter tĩnh mạch ngoại vi A. Kiến thức liên quan đến bài học 1. Đại cương 2. Chỉ định và chống chỉ định 3. Những điểm cần lưu ý 4. Tai biến và cách xử trí B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị người ĐD 3. Chuẩn bị dụng cụ. 4. Thực hiện kỹ thuật. 5. Ghi hồ sơ bệnh án	2	1	1	0
15	Bài 15. Hút thông đường hô hấp A. Kiến thức liên quan đến bài học Sơ lược về giải phẫu hệ hô hấp: Sơ lược về sinh lý hệ hô hấp: Vai trò của oxy với cơ thể: 1. Định nghĩa 2. Mục đích 3. Áp dụng 4. Phân loại 5. Những điểm cần lưu ý 6. Nguy cơ tai biến và cách dự phòng B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị NB 2. Chuẩn bị người ĐD 3. Chuẩn bị DC 4. Thực hiện KT 5. Ghi HSBA	2	1	1	0
16	Bài 16. Liệu pháp oxy A. Kiến thức liên quan đến bài học 1. Các nguyên nhân làm cho cơ thể thiếu oxy. 2. Dấu hiệu/ triệu chứng của người bệnh thiếu oxy 3. Phân loại 4. Các hình thức đưa oxy vào cơ thể 5. Nguyên tắc khi cho người bệnh thở oxy 6. Hạn chế của oxy liệu pháp 7. Các nguy cơ và tai biến khi cho người bệnh thở oxy B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị NB 2. Chuẩn bị người ĐD 3. Chuẩn bị DC	2	1	1	0

	4. Thực hiện KT 5. Ghi HSBA				
17	Bài 17. Quy trình kỹ thuật chăm sóc và phục hồi chức năng hô hấp A. Kiến thức liên quan đến kỹ thuật 1. Kỹ thuật tập thở cơ hoành 2. Kỹ thuật ho có điều khiển 3. Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế. 4. Kỹ thuật kích thích ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương 5. Kỹ thuật khí dung thuốc giãn phế quản B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị NB 2. Chuẩn bị người DD 3. Chuẩn bị DC 4. Thực hiện KT 5. Ghi HSBA	2	1	1	0
18	Bài 18. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày A. Kiến thức liên quan 1. Mục đích đặt ống sonde dạ dày 2. Các trường hợp áp dụng, không áp dụng đặt ống sonde dạ dày. 3. Những điểm cần lưu ý khi đặt ống sonde dạ dày. 4. Tai biến có thể xảy ra B. Quy trình kỹ thuật: 1. Chuẩn bị người bệnh 2. Chuẩn bị người điều dưỡng 3. Chuẩn bị dụng cụ 4. Thực hiện kỹ thuật 5. Ghi hồ sơ bệnh án	4	2	2	0
19	Bài 19. Kỹ thuật vệ sinh cá nhân A. Kiến thức liên quan đến bài học 1. Chăm sóc răng miệng 2. Rửa mặt cho người bệnh 3. Tắm cho người bệnh 4. Gội đầu B. Quy trình kỹ thuật 1. Kỹ thuật vệ sinh răng miệng thông thường. 2. Kỹ thuật vệ sinh răng miệng đặc biệt. 3. Kỹ thuật gội đầu cho người bệnh 4. Kỹ thuật tắm cho người bệnh	3	2	1	0
20	Bài 20. Kỹ thuật đặt nội khí quản, sốc điện phá rung, sốc điện chuyển nhịp A. Kiến thức liên quan 1. Mục đích 2. Áp dụng 3. Không áp dụng	4	2	2	0

	4. Những điểm lưu ý B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị người điều dưỡng. 3. Chuẩn bị dụng cụ. 4. Thực hiện kỹ thuật. 5. Ghi hồ sơ bệnh án				
21	Bài 21. Kỹ thuật thông tiểu A. Kiến thức liên quan 1. Mục đích 2. Áp dụng 3. Không áp dụng 4. Những điểm lưu ý B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị người điều dưỡng. 3. Chuẩn bị dụng cụ. 4. Thực hiện kỹ thuật. 5. Ghi hồ sơ bệnh án	4	2	2	0
22	Bài 22. Kỹ thuật thay băng- rửa vết thương A. Kiến thức liên quan đến kỹ thuật 1. Đại cương 2. Mục đích 3. Nguyên tắc 4. Những vật liệu sử dụng TBRVT 5. Phân loại vết thương. B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị người điều dưỡng. 3. Chuẩn bị dụng cụ. 4. Thực hiện kỹ thuật. 5. Ghi hồ sơ bệnh án	2	1	1	0
23	Bài 23. Kỹ thuật chườm A. Kiến thức liên quan 1. Chườm nóng 1.1 .Chườm nóng khô 1.2 .Chườm nóng ướt 2. Chườm lạnh 2.1 .Tác dụng 2.2 .Áp dụng 2.3 .Không áp dụng 2.4 .Phương pháp B. Quy trình kỹ thuật: 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị người điều dưỡng. 3. Chuẩn bị dụng cụ. 4. Thực hiện kỹ thuật. 5. Ghi phiếu chăm sóc	2	1	1	0

24	Bài 24. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm A. Kiến thức liên quan đến bài học: 1. Đại cương 2. Lấy nước tiểu xét nghiệm 3. Lấy phân làm xét nghiệm 4. Kỹ thuật lấy mủ làm xét nghiệm 5. Kỹ thuật lấy đờm làm xét nghiệm 6. Kỹ thuật lấy máu làm xét nghiệm B. Quy trình kỹ thuật 1. Chuẩn bị người bệnh. 2. Chuẩn bị người điều dưỡng. 3. Chuẩn bị dụng cụ. 4. Thực hiện kỹ thuật. 5. Ghi phiếu chăm sóc	2	1	1	0
25	Kiểm tra	3	0	0	3
Tổng		60	29	28	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Nhu cầu cơ bản của con người

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Phân tích được 5 nhu cầu cơ bản của con người theo bậc thang nhu cầu của Maslow.

Trình bày được 14 nhu cầu cơ bản của người bệnh theo Virginia Henderson.

2. Nội dung:

1. Học thuyết của Abraham H. Maslow (1908-1970) về nhu cầu cơ bản của con người.
2. Nhu cầu cơ bản của người bệnh theo Virginia Henderson

Bài 2: Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm, mục đích, tầm quan trọng của vệ sinh tay.

Kể tên các loại vệ sinh tay, các chỉ định vệ sinh tay thường quy của nhân viên y tế và phương tiện cần thiết cho vệ sinh tay thường quy.

Thực hiện được kỹ thuật rửa tay thường quy và kỹ thuật sát khuẩn tay bằng dung dịch chứa cồn theo đúng quy trình.

Thể hiện tác phong tỉ mỉ, cẩn thận khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học

1. Khái niệm.
2. Mục đích.

3. Tầm quan trọng của việc vệ sinh tay.

4. Chỉ định vệ sinh tay

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị dụng cụ

2. Chuẩn bị người ĐD

3. Thực hiện kỹ thuật

Bài 3: Kỹ thuật mang và tháo phương tiện phòng hộ; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các biện pháp sử dụng phương tiện phòng hộ trong y tế, mức độ áp dụng của từng vấn đề liên quan vào hoạt động y tế hàng ngày

Trình bày được mục đích, chỉ định, lưu ý khi sử dụng phương tiện phòng hộ.

Thực hiện được kỹ thuật mang phương tiện phòng hộ theo đúng quy trình

Thể hiện tác phong tỉ mỉ, cẩn thận khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học

1. Mục đích

2. Chỉ định

3. Lưu ý khi sử dụng

4. Trình tự mang phương tiện phòng hộ.

5. Trình tự tháo phương tiện phòng hộ.

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị dụng cụ

2. Chuẩn bị người điều dưỡng

3. Thực hiện kỹ thuật

Bài 4: Hỗ trợ tư thế, vận động và di chuyển người bệnh; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Áp dụng kiến thức về phản ứng miễn dịch để giải thích được sự đề kháng của cơ thể đối với nguyên nhân gây bệnh và sự phục hồi sau đáp ứng miễn dịch.

Vận dụng kiến thức trong điều trị và phòng bệnh cho cộng đồng.

Thể hiện được sự hợp tác với các thành viên trong nhóm, để bước đầu cung cấp các thông tin, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.

Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm, có tư duy phản biện và thuyết trình để trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết của người y sĩ tương lai.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học Các tư thế nghỉ ngơi trị liệu

1. Đại cương
2. Các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường vận chuyển người bệnh
 - 2.1. Vận chuyển người bệnh và các vấn đề liên quan đến chăm sóc.
 - 2.2. Vận chuyển/di dời người bệnh tại nơi cấp cứu tại hiện trường
 - 2.3. Các điểm lưu ý khi vận chuyển người bệnh
 - 2.4. Kỹ thuật vận chuyển người bệnh.
 - 2.5. Một số nguy cơ có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển người bệnh.

B. Quy trình kỹ thuật.

1. Chuẩn bị người bệnh.
2. Chuẩn bị dụng cụ.
3. Thực hiện kỹ thuật

Bài 5: Chăm sóc người bệnh giai đoạn cuối

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các biện pháp sử dụng phương tiện phòng hộ trong y tế, mức độ áp dụng của từng vấn đề liên quan vào hoạt động y tế hàng ngày

Trình bày được mục đích, chỉ định, lưu ý khi sử dụng phương tiện phòng hộ.

Thực hiện được kỹ thuật mang phương tiện phòng hộ theo đúng quy trình

Thể hiện tác phong tỉ mỉ, cẩn thận khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học

1. Mục đích
2. Chỉ định
3. Lưu ý khi sử dụng
4. Trình tự mang phương tiện phòng hộ.
5. Trình tự tháo phương tiện phòng hộ.

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị dụng cụ

2. Chuẩn bị người điều dưỡng

3. Thực hiện kỹ thuật

Bài 6: Theo dõi và chăm sóc dấu hiệu sinh tồn

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường.

Trình bày được quy tắc chung khi vận chuyển người bệnh.

Trình bày được các phương pháp vận chuyển người bệnh.

Trình bày được các nguy cơ cũng như những điểm lưu ý trong quá trình vận chuyển người bệnh.

Thực hiện được kỹ thuật đặt người bệnh ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu và vận chuyển người bệnh theo đúng quy trình, đảm bảo an toàn và hiệu quả

Thể hiện sự ân cần tỉ mỉ, chu đáo khi đặt người bệnh ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu và vận chuyển người bệnh.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học

1. Đại cương

2. Nguyên tắc

3. Nhiệt độ

4. Theo dõi mạch.

5. Theo dõi nhịp thở

6. Theo dõi huyết áp

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị dụng cụ

2. Chuẩn bị người điều dưỡng

3. Thực hiện kỹ thuật

Bài 7: Nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh, tiêm an toàn

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được nguyên tắc chung, tác dụng không mong muốn khi dùng thuốc cho người bệnh.

Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc

Trình bày được phác đồ xử trí phản vệ (theo thông tư 51/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017)

Áp dụng đúng các dụng đo lường thuốc để cho người bệnh dùng thuốc đúng chỉ định, an toàn và hiệu quả

Áp dụng được phác đồ xử trí sốc để cấp cứu người bệnh kịp thời khi bị phản vệ.

Thể hiện được sự tỷ mỉ, nghiêm túc khi cho người bệnh dùng thuốc.

Thể hiện được thái độ khẩn trương, nhanh chóng khi xử trí người bệnh bị phản vệ.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học

1. Nguyên tắc chung khi dùng thuốc
2. Tác dụng không mong muốn của thuốc
3. Dụng cụ đo lường thuốc
4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc
5. Phác đồ cấp cứu phản vệ

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh.
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ.
4. Thực hiện kỹ thuật.
5. Ghi phiếu

Bài 8. Dùng thuốc đường uống và tại chỗ

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các trường hợp áp dụng, không áp dụng, nguyên tắc khi cho người bệnh dùng thuốc qua đường uống.

Phân tích được những điểm cần lưu ý khi cho người bệnh dùng thuốc qua đường tiêu hóa.

Thực hiện được cho người bệnh dùng thuốc qua đường uống và tại chỗ đúng quy trình, an toàn và đạt hiệu quả trên tình huống giả định.

Thể hiện được sự nghiêm túc, ân cần khi cho người bệnh dùng thuốc.

2. Nội dung:

I. Dùng thuốc qua da

A. Kiến thức liên quan

1. Nguyên tắc
2. Các dạng thuốc
3. Những điểm cần lưu ý khi dùng thuốc qua da

B. Quy trình kỹ thuật:

1. Chuẩn bị người bệnh.
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ.
4. Thực hiện kỹ thuật.
5. Ghi phiếu

II. Dùng thuốc qua đường tiêu hóa

A. Kiến thức liên quan

1. Nguyên tắc
2. Áp dụng
3. Không áp dụng
4. Những điểm cần lưu ý khi cho người bệnh dùng thuốc qua đường tiêu hóa.
5. Tai biến khi dùng thuốc

B. Quy trình kỹ thuật:

1. Chuẩn bị người bệnh.
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ.
4. Thực hiện kỹ thuật.
5. Ghi phiếu

III. Dùng thuốc qua đường niêm mạc

A. Kiến thức liên quan

B. Quy trình kỹ thuật:

1. Chuẩn bị người bệnh.
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ.
4. Thực hiện kỹ thuật.
5. Ghi phiếu

Bài 9: Tiêm trong da - test lấy da

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các trường hợp áp dụng, không áp dụng và các tai biến có thể xảy ra trong và sau khi tiêm trong da, test lấy da.

Thực hiện được kỹ năng tiêm trong da, test lấy da cho người bệnh đúng quy trình, an toàn và đạt hiệu quả trên mô hình và tình huống giả định.

Thể hiện được sự ân cần, cảm thông với người bệnh và gia đình người bệnh, rèn luyện tác phong khấn trương, cẩn thận và chính xác trong khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học

1. Định nghĩa
2. Vùng tiêm
3. Góc độ tiêm
4. Chỉ định tiêm trong da
5. Tai biến của tiêm trong da

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh.
2. Chuẩn bị người điều dưỡng.
3. Chuẩn bị dụng cụ.
4. Thực hiện kỹ thuật.
5. Ghi hồ sơ bệnh án
6. Kỹ thuật test lấy da

B. Kiến thức liên quan đến bài học

1. Áp dụng
2. Không áp dụng
3. Vị trí test
4. Cách pha thuốc kháng sinh

C. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh.
2. Chuẩn bị người điều dưỡng.
3. Chuẩn bị dụng cụ.
4. Thực hiện kỹ thuật.
5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 10: Kỹ thuật tiêm dưới da, bắp nông

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được định nghĩa, vị trí, góc độ và các tai biến của tiêm dưới da, tiêm bắp nông.

Phân tích được chỉ định và chống chỉ định của tiêm dưới da, tiêm bắp nông.

Thực hiện được kỹ thuật tiêm dưới da, tiêm bắp nông theo đúng quy trình kỹ thuật.

Thể hiện được sự ân cần, cảm thông trong giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh.

Rèn luyện được tác phong khản trương, ý thức vô khuẩn, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan

1. Định nghĩa
2. Vùng tiêm
3. Góc độ tiêm
4. Chỉ định
5. Chống chỉ định
6. Tai biến

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ
4. Thực hiện kỹ thuật
5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 11: Kỹ thuật tiêm bắp sâu

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được định nghĩa, vị trí, góc độ và các tai biến của tiêm bắp sâu.

Phân tích được chỉ định và chống chỉ định của tiêm bắp sâu

Thực hiện được kỹ thuật tiêm bắp sâu theo đúng quy trình kỹ thuật.

Thể hiện được sự ân cần, cảm thông trong giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh.

Rèn luyện được tác phong khản trương, ý thức vô khuẩn, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan

1. Định nghĩa

2. Vùng tiêm
3. Góc độ tiêm
4. Chỉ định
6. Chống chỉ định
6. Tai biến

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ
4. Thực hiện kỹ thuật
5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 12: Tiêm tĩnh mạch

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được định nghĩa, vị trí, góc độ và các tai biến của tiêm tĩnh mạch.

Phân tích được chỉ định và chống chỉ định của tiêm tĩnh mạch.

Thực hiện được kỹ thuật tiêm tĩnh mạch theo đúng quy trình kỹ thuật.

Thể hiện được sự ân cần, cảm thông trong giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh.

Rèn luyện được tác phong khản trương, ý thức vô khuẩn, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan

1. Định nghĩa
2. Vùng tiêm
3. Góc độ tiêm
4. Chỉ định
5. Chống chỉ định
6. Tai biến

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ

4. Thực hiện kỹ thuật

5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 13: Kỹ thuật truyền dịch

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được định nghĩa, mục đích, chỉ định và chống chỉ định của truyền dịch.

Trình bày được vị trí truyền dịch, các loại dịch truyền hay sử dụng và cách tính thời gian truyền dịch.

Trình bày được các tai biến có thể xảy ra khi truyền dịch và cách xử trí.

Thực hiện được kỹ thuật truyền dịch cho người bệnh đúng quy trình, an toàn và đạt hiệu quả trên mô hình và tình huống giả định.

Thể hiện được sự ân cần, cảm thông với người bệnh và gia đình người bệnh, rèn luyện tác phong khấn trương, cẩn thận và chính xác trong khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học

1. Định nghĩa

2. Mục đích

3. Chỉ định

4. Chống chỉ định

5. Vị trí truyền dịch

6. Các loại dung dịch thường dùng

7. Cách tính thời gian truyền dịch

8. Tai biến

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh.

1. Chuẩn bị người bệnh

2. Chuẩn bị người điều dưỡng

3. Chuẩn bị dụng cụ

4. Thực hiện kỹ thuật

5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 14. Kỹ thuật đặt và lưu kim catheter tĩnh mạch ngoại vi

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được chỉ định và chống chỉ định của đặt kim luân tĩnh mạch.

Trình bày được nguyên tắc, những điểm cần lưu ý và các tai biến có thể xảy ra khi đặt kim luân tĩnh mạch.

Thực hiện được kỹ thuật đặt kim luân tĩnh mạch cho người bệnh đúng quy trình, an toàn và đạt hiệu quả trên mô hình và tình huống giả định.

Thể hiện được sự ân cần, cảm thông với người bệnh và gia đình người bệnh, rèn luyện tác phong khắt khe, cẩn thận và chính xác trong khi thực hiện kỹ thuật

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học

1. Đại cương
2. Chỉ định và chống chỉ định
3. Những điểm cần lưu ý
4. Tai biến và cách xử trí

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ
4. Thực hiện kỹ thuật
5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 15. Hút thông đường hô hấp

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được mục đích, áp dụng, những điểm cần lưu ý, tai biến khi hút thông đường hô hấp.

Thực hiện được các kỹ năng hút thông đường hô hấp cho người bệnh đúng quy trình, an toàn và hiệu quả.

Thể hiện được sự khắt khe, cẩn thận khi thực hiện kỹ năng hút thông đường hô hấp.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học Sơ lược về giải phẫu hệ hô hấp: Sơ lược về sinh lý hệ hô hấp:

Vai trò của oxy với cơ thể:

1. Định nghĩa
2. Mục đích
3. Áp dụng

4. Phân loại
5. Những điểm cần lưu ý
6. Nguy cơ tai biến và cách dự phòng

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ
4. Thực hiện kỹ thuật
5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 16. Liệu pháp oxy Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các dấu hiệu triệu chứng của người bệnh thiếu oxy, nguyên tắc và cách phân loại khi cho người bệnh thở oxy, các hình thức đưa oxy vào cơ thể.

Phân tích được các tai biến có thể xảy ra khi người bệnh thở oxy.

Thực hiện được các kỹ năng cho người bệnh thở oxy đúng quy trình, an toàn.

Thể hiện được sự khẩn trương, cẩn thận khi thực hiện kỹ năng cho người bệnh thở oxy.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học

1. Các nguyên nhân làm cho cơ thể thiếu oxy.
2. Dấu hiệu/ triệu chứng của người bệnh thiếu oxy
3. Phân loại
4. Các hình thức đưa oxy vào cơ thể
5. Nguyên tắc khi cho người bệnh thở oxy
6. Hạn chế của oxy liệu pháp
7. Các nguy cơ và tai biến khi cho người bệnh thở oxy

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ
4. Thực hiện kỹ thuật
5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 17. Quy trình kỹ thuật chăm sóc và phục hồi chức năng hô hấp

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định của các kỹ thuật chăm sóc và phục hồi chức năng hô hấp.

Trình bày được các bước thực hiện, những điểm cần lưu ý của các kỹ thuật chăm sóc và phục hồi chức năng hô hấp.

Phân tích được các tai biến có thể xảy ra khi áp dụng các kỹ thuật chăm sóc và phục hồi chức năng hô hấp cho người bệnh

Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc và phục hồi chức năng hô hấp cho người bệnh đúng quy trình, an toàn và hiệu quả.

Thể hiện được sự khẩn trương, cẩn thận khi thực hiện các kỹ thuật chăm sóc và phục hồi chức năng hô hấp.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến kỹ thuật

1. Kỹ thuật tập thở cơ hoành
2. Kỹ thuật ho có điều khiển
3. Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế.
4. Kỹ thuật kích thích ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
5. Kỹ thuật khí dung thuốc giãn phế quản

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ
4. Thực hiện kỹ thuật
5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 18. Kỹ thuật đặt sonde dạ dày Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Giải thích được mục đích, các trường hợp áp dụng và không áp dụng khi cho người bệnh ăn qua ống sonde.

Phân tích được những điểm cần lưu ý khi thực hiện cho người bệnh ăn qua sonde và chăm sóc theo dõi ống sonde

Thực hiện được kỹ thuật cho người bệnh ăn qua ống sonde dạ dày cho người bệnh theo đúng quy trình đảm bảo an toàn cho người bệnh

Theo dõi và xử trí được các tai biến có thể xảy ra khi cho người bệnh ăn qua sonde, đưa ra cách đề phòng tai biến.

Rèn luyện tác phong làm việc cẩn thận, chu đáo. Kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan

1. Mục đích đặt ống sonde dạ dày
2. Các trường hợp áp dụng, không áp dụng đặt ống sonde dạ dày.
3. Những điểm cần lưu ý khi đặt ống sonde dạ dày.
4. Tai biến có thể xảy ra

B. Quy trình kỹ thuật:

1. Chuẩn bị người bệnh
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ
4. Thực hiện kỹ thuật
5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 19. Kỹ thuật vệ sinh cá nhân Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được mục đích, trường hợp áp dụng, không áp dụng vệ sinh răng miệng, rửa mặt, tắm, gội đầu cho người bệnh.

Phân tích được những điểm cần lưu ý khi vệ sinh răng miệng, tắm, gội đầu cho người bệnh

Thực hiện được kỹ thuật vệ sinh răng miệng, rửa mặt, tắm, gội cho người bệnh theo đúng quy trình kỹ thuật.

Thể hiện được tác phong nhanh nhẹn, cẩn thận, thái độ ân cần khi thực hiện kỹ thuật vệ sinh cho người bệnh.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học

1. Chăm sóc răng miệng
2. Rửa mặt cho người bệnh
3. Tắm cho người bệnh
4. Gội đầu

B. Quy trình kỹ thuật

1. Kỹ thuật vệ sinh răng miệng thông thường.
2. Kỹ thuật vệ sinh răng miệng đặc biệt.
3. Kỹ thuật gọi đầu cho người bệnh
4. Kỹ thuật tắm cho người bệnh

Bài 20. Kỹ thuật đặt nội khí quản, sốc điện phá rung, sốc điện chuyển nhịp, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được mục đích, các trường hợp áp dụng, không áp dụng của đặt nội khí quản, sốc điện phá rung, sốc điện chuyển nhịp.

Phân tích được những điểm cần lưu ý khi đặt nội khí quản, sốc điện phá rung, sốc điện chuyển nhịp cho người bệnh

Thực hiện được kỹ thuật đặt nội khí quản, sốc điện phá rung, sốc điện chuyển nhịp cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn cho người bệnh

Thể hiện tác tác phong cẩn thận, chu đáo. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan

1. Mục đích
2. Áp dụng
3. Không áp dụng
4. Những điểm lưu ý

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ
4. Thực hiện kỹ thuật
5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 21. Kỹ thuật thông tiểu Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được mục đích, áp dụng, không áp dụng của thông tiểu.

Giải thích được các điểm cần lưu ý khi thực hiện thông tiểu.

Phân tích được nguyên nhân và cách dự phòng các tai biến có thể xảy ra trong và sau khi thực hiện kỹ thuật thông tiểu.

Thực hiện được kỹ thuật thông tiểu theo đúng quy trình, đảm bảo an toàn và hiệu quả.
Thể hiện thái độ ân cần, tế nhị và chu đáo khi chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan

1. Mục đích
2. Áp dụng
3. Không áp dụng
4. Những điểm lưu ý

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh
2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ
4. Thực hiện kỹ thuật
5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 22. Kỹ thuật thay băng- rửa vết thương Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được mục đích, nguyên tắc của thay băng rửa vết thương

Phân loại vết thương sạch, vết thương nhiễm khuẩn

Dự phòng một số tai biến có thể xảy ra khi thay băng vết thương

Thực hiện kỹ thuật chăm sóc vết thương sạch, nhiễm khuẩn cho người bệnh theo đúng quy trình, an toàn và hiệu quả

Thể hiện được sự ân cần, cảm thông với người bệnh, ý thức vô khuẩn khi tiến hành chăm sóc vết thương cho người bệnh.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến kỹ thuật

1. Đại cương
2. Mục đích
3. Nguyên tắc
4. Những vật liệu sử dụng TBRVT
5. Phân loại vết thương.

B. Quy trình kỹ thuật

1. Chuẩn bị người bệnh

2. Chuẩn bị người điều dưỡng
3. Chuẩn bị dụng cụ
4. Thực hiện kỹ thuật
5. Ghi hồ sơ bệnh án

Bài 23. Kỹ thuật chườm

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Giải thích được tác dụng của chườm nóng, chườm lạnh để người bệnh yên tâm hợp tác
Trình bày được những trường hợp áp dụng và không áp dụng cho chườm nóng, chườm lạnh.

Phân tích được những điểm cần lưu ý khi chườm nóng, chườm lạnh cho người bệnh
Thực hiện được kỹ thuật chườm nóng, chườm lạnh cho người bệnh đúng quy trình kỹ thuật

Thể hiện được tác phong nhanh nhẹn, cẩn thận khi thực hiện kỹ thuật chườm cho người bệnh.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan 1.Chườm nóng

1. Chườm nóng khô
2. Chườm nóng ướt
3. Chườm lạnh
4. Tác dụng
5. Áp dụng
6. Không áp dụng
7. Phương pháp

B. Quy trình kỹ thuật:

1. Chuẩn bị người bệnh.
2. Chuẩn bị người điều dưỡng.
3. Chuẩn bị dụng cụ.
4. Thực hiện kỹ thuật.
5. Ghi phiếu chăm sóc

Bài 24. Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Giải thích được mục đích của lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm.

Trình bày được các loại xét nghiệm.

Thực hiện được kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm cho người bệnh theo đúng quy trình, an toàn và đạt hiệu quả.

Thể hiện được sự ân cần, cảm thông với người bệnh và gia đình người bệnh, rèn luyện tác phong khắt khe, cẩn thận và chính xác trong khi thực hiện kỹ năng.

2. Nội dung:

A. Kiến thức liên quan đến bài học:

1. Đại cương
2. Lấy nước tiểu xét nghiệm
3. Lấy phân làm xét nghiệm
4. Kỹ thuật lấy mủ làm xét nghiệm
5. Kỹ thuật lấy đờm làm xét nghiệm
6. Kỹ thuật lấy máu làm xét nghiệm

B. Quy trình kỹ thuật:

1. Chuẩn bị người bệnh.
2. Chuẩn bị người điều dưỡng.
3. Chuẩn bị dụng cụ.
4. Thực hiện kỹ thuật.
5. Ghi phiếu chăm sóc

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Phòng lý thuyết, thực hành kỹ thuật điều dưỡng.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế
3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản.
- Về kỹ năng: Có khả năng thực hành bằng các bảng kiểm các kỹ thuật, bảng kiểm giao tiếp với bệnh nhân.
- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLDTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:
 - + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
 - + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên. Xây dựng các tình huống lâm sàng phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy.
 - + Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình chi tiết và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.
 - + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên.
 - + Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có minh họa, động não.
- Đối với sinh viên: Sinh viên tham dự đủ 80% số tiết học lý thuyết trên lớp và 100% buổi thảo luận lớp và thực hành. Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo đúng quy trình.

4. Tài liệu cần tham khảo

- [1] *Các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản*, Trường Cao đẳng y tế Thái Bình, năm 2018
- [2] Đỗ Đình Xuân, Trần Thị Thuận, *Hướng dẫn thực hành 55 Kỹ thuật điều dưỡng cơ bản*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, năm 2010.
- [3] Đỗ Đình Xuân, *Điều dưỡng cơ bản tập 1+2*, Nhà xuất bản y học, năm 2007.
- [4] Nguyễn Đạt Anh, *Điều dưỡng hồi sức cấp cứu*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam,

năm 2009.

[5] Các trang Web: Ykhoa.net; Hoidieuduong.org.vn; moh.gov.vn.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG KỸ THUẬT ĐIỀU DƯỠNG

Mã mô đun: MD 08

Số tín chỉ: 2 (0-2-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 60 giờ; Kiểm tra: 0 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Thực hành lâm sàng Kỹ thuật Điều dưỡng là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

Các mô đun học trước: kỹ thuật Điều dưỡng.

- Tính chất: Đây là mô đun cơ sở ngành. Mô đun này giúp sinh viên nhận biết được sơ đồ tổ chức của bệnh viện, nội quy, quy định của bệnh viện, các khoa phòng. Thực hiện được quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện. Giao tiếp cơ bản với nhân viên bệnh viện, người nhà và người bệnh. Thực hiện tốt các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản, kiến tập các kỹ thuật xâm lấn, đặc thù của các khoa phòng. Giúp cho người học định hướng rõ ràng về chức năng nhiệm vụ chuyên ngành để học tập và phát triển bản thân

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

- Thực hiện đúng quy định, nội quy, quy chế các khoa phòng bệnh viện, kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

- Thực hiện giao tiếp, tiếp đón người bệnh đúng quy định khoa phòng, nghề nghiệp

- Thiết lập được môi trường chăm sóc người bệnh hiệu quả, an toàn trên người bệnh dưới sự hướng dẫn của giáo viên lâm sàng

2.2. Kỹ năng:

- Thực hành chăm sóc người bệnh cụ thể tại các phòng bệnh dưới sự giám sát của giáo viên lâm sàng

- Thực hành kiến tập một số kỹ thuật đặc thù tại các khoa phòng

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Biết cách theo dõi, phát hiện và xử trí được các tai biến có thể xảy ra trong và sau khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh cụ thể.

- Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/TH/TN	Chỉ tiêu thực hiện
1	Bài 1. Vệ sinh đôi tay, rửa tay thường qui, mặc áo, mang và tháo khẩu trang, găng vô khuẩn	2	0	2	20
2	Bài 2. Vận chuyển người bệnh	2	0	2	20
3	Bài 3. Các tư thế nghỉ ngơi, điều trị thông thường	2	0	2	10
4	Bài 4. Chăm sóc người bệnh giai đoạn cuối, hấp hối, tử vong	3	0	3	3
5	Bài 5. Đo dấu hiệu sinh tồn	3	0	3	30
6	Bài 6. Giúp người bệnh uống thuốc, bôi thuốc, nhỏ thuốc mắt, mũi, tai	3	0	3	20
7	Bài 7. Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, thử test	3	0	3	30
8	Bài 8. Truyền dịch	3	0	3	20
9	Bài 9. Đặt kim luồn tĩnh mạch	3	0	3	5
10	Bài 10. Hút đờm rãi, thở Oxy cho người bệnh	3	0	3	5
11	Bài 11. Giúp người bệnh ăn qua sonde	3	0	3	10
12	Bài 12. Vệ sinh thân thể cho người bệnh	3	0	3	10
13	Bài 13. Thụt tháo	3	0	3	5
14	Bài 14. Đặt thông dạ dày và hút dịch dạ dày, rửa dạ dày	3	0	3	5
15	Bài 15. Thông tiểu	3	0	3	5
16	Bài 16. Thay băng vết thương, cắt chỉ	3	0	3	5
17	Bài 17. Chườm nóng, chườm lạnh	3	0	3	5
18	Bài 18. Lấy máu và các bệnh phẩm làm xét nghiệm	3	0	3	10
19	Bài 19. Xử lý chất thải tại khoa phòng	3	0	3	10
20	Bài 20. Ghi chép hồ sơ, bệnh án.	3	0	3	20
21	Bài 21. Hút đờm rãi, thở Oxy cho người bệnh	3	0	3	5
Tổng		60	0	60	

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Thực tập tại bệnh viện 199 – Bộ Công An.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế
3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản để thực hành lâm sàng tại bệnh viện
- Về kỹ năng: Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh theo chỉ tiêu thực hiện đề ra.
- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên: Hướng dẫn sinh viên thực hành các kỹ thuật theo quy trình; Lập kế hoạch giảng dạy lâm sàng, hướng dẫn sinh viên thực hiện các yêu cầu theo sổ tay lâm sàng điện tử; Áp dụng các phương pháp giảng dạy: Giải quyết tình huống, cầm tay chỉ việc...

- Đối với sinh viên:

- + Chấp hành nội quy – quy chế của cơ sở thực tập.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ học.

+ Báo cáo hàng ngày các nội dung công việc đã thực hiện theo đúng yêu cầu của môn học (trước 17h hàng ngày).

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng theo đúng quy định.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] *Các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản*, Trường Cao đẳng y tế Thái Bình, năm 2018

[2] Đỗ Đình Xuân, Trần Thị Thuận, *Hướng dẫn thực hành 55 Kỹ thuật điều dưỡng cơ bản*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, năm 2010.

[3] Đỗ Đình Xuân, *Điều dưỡng cơ bản tập 1+2*, Nhà xuất bản y học, năm 2007.

[4] Nguyễn Đạt Anh, *Điều dưỡng hồi sức cấp cứu*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, năm 2009.

[5] Các trang Web: Ykhoa.net; Hoidieuduong.org.vn; moh.gov.vn.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên môn học: TÂM LÝ NGƯỜI BỆNH – Y ĐỨC

Mã môn học: MDH 07

Số tín chỉ: 2 (2-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thảo luận/Thực hành/Bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: môn học Tâm lý người bệnh – Y đức là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Đây là môn học cơ sở ngành.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

- Có vốn từ y học nhất định liên quan đến các chủ điểm thông dụng như stress, các chất độc Trình bày được những kiến thức khái quát về tâm lý bệnh nhân, y đức, đạo đức, các yếu tố chính tác động đến tâm lý người cao tuổi, tầm quan trọng của tác động tâm lý tới sức khỏe, nguyên tắc cơ bản, phương pháp nghiên cứu tâm lý người.

Phân tích tác động của ngoại cảnh, môi trường sống, áp lực công việc đến tâm lý, sức khỏe con người và các giải pháp phòng tránh sang chấn tâm lý cho người cao tuổi.

Phân tích và giải quyết được các vấn đề liên quan đến bản chất tâm lý, đặc điểm của hiện tượng tâm lý, để xác định được nhu cầu chăm sóc sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn, hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

2.2. Kỹ năng:

Sử dụng các kỹ năng giao tiếp, lập kế hoạch, ra quyết định giải quyết vấn đề trong việc chăm sóc vệ sinh tâm lý người bệnh.

Thực hiện các quy định về y đức, đạo đức người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cho người bệnh.

dụng được nội dung chính của học phần thực hiện giao tiếp tốt với người cao tuổi khi thực hiện chăm sóc sức khỏe và cung cấp dịch vụ CSSK.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Thể hiện thái độ tôn trọng, chân thành, hợp tác với người bệnh

Thể hiện được phẩm chất, đạo đức, nhân cách người CBYT theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Việt Nam và Quốc tế trong học tập và thực hiện chăm sóc sức khỏe và cung cấp dịch vụ CSSK.

Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực chăm sóc người

bệnh, tự học, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương tâm lý 1. Khái niệm 2. Bản chất, Đặc điểm của hiện tượng tâm lý 3. Phân loại	2	2	0	0
2	Chương 2: Tâm lý y học 1. Khái niệm 2. Nhiệm vụ 3. Ý nghĩa	2	2	0	0
3	Chương 3: Tâm lý học nhân cách 1. Khái quát chung về nhân cách 2. Phẩm chất cơ bản của nhân cách người CBYT: 3. Một số nhân cách bệnh 4. Khái niệm nhu cầu động cơ 5. Phân loại 6. Bậc thang nhu cầu	4	4	0	0
4	Chương 4: Tâm lý người bệnh 1. Khái quát về tâm lý bệnh nhân 2. Bản chất tâm lý BN 3. Các trạng thái TLBN 4. Biểu hiện thường gặp của TLBN 5. Các phản ứng TLBN 6. Yếu tố tác động đến TLBN	4	4	0	0
5	Chương 5: Phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh 1. Nguyên tắc chung khi nghiên cứu TLBN 2. Một số phương pháp cơ bản nghiên cứu TLBN 3. Nguyên nhân, tác hại của một số tác động tâm lý và biện pháp phòng tránh	4	4	0	0
6	Chương 6: Đại cương đạo đức, y đức 1. Khái quát chung về đạo đức y đức 2. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức gắn với đạo đức y học. 3. Các dạng đạo đức trong xã hội.	4	4	0	0
7	Chương 7: Đạo đức y học Việt Nam 1. Bản chất đạo đức y học xã hội chủ nghĩa (XHCN)	2	2	0	0

	2. Các tấm gương đạo đức y học tiêu biểu				
8	Chương 8: Đạo đức người CBYT trong thực hành nghề nghiệp 1. Một số mô hình đạo đức y học 2. Thực trạng đạo đức trong ngành y tế hiện nay 3. Các nguyên nhân làm giảm sút đạo đức trong ngành y tế. 4. Biện pháp giáo dục nâng cao đạo đức nghề nghiệp CBYT Việt Nam	2	2	0	0
9	Chương 9: Một số quy định về Y đức 1. 12 điều y đức 2. Đạo đức người CBYT với nghiên cứu trong y học 3. Quy định với người CBYT về: - Các phẩm chất cá nhân của người cán bộ y tế - Phẩm chất về đạo đức - Phẩm chất mỹ học - Phẩm chất về trí tuệ - Nghĩa vụ nghề nghiệp của người CBYT	4	4	0	0
10	Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng		30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương tâm lý

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Phân tích được các vấn đề liên quan đến bản chất tâm lý, đặc điểm của hiện tượng tâm lý

Trình bày được tác động của môi trường đến sự hình thành và phát triển tâm lý

Vận dụng được kiến thức bài học phòng chống tác hại sai sót trong hình thành, phát triển tâm lý.

2. Nội dung:

1. Khái niệm
2. Bản chất, Đặc điểm của hiện tượng tâm lý
3. Phân loại

Chương 2: Tâm lý y học

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Phân tích được khái niệm, ý nghĩa nhiệm vụ tâm lý y học

Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý người bệnh.

Vận dụng được kiến thức bài học trong quá trình công tác.

2. Nội dung:

1. Khái niệm
2. Nhiệm vụ
3. Ý nghĩa

Chương 3: Tâm lý học nhân cách

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm, định nghĩa, đặc điểm, cấu trúc tâm lý, sự hình thành và phát triển của nhân cách, nhu cầu, động cơ

Trình bày được phân loại nhu cầu và các bậc thang nhu cầu của con người theo Maslow.

Rèn luyện nhân cách người CBYT theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của Việt Nam và Quốc tế.

2. Nội dung:

1. Khái quát chung về nhân cách
2. Phẩm chất cơ bản của nhân cách người CBYT:
3. Một số nhân cách bệnh
4. Khái niệm nhu cầu động cơ
5. Phân loại
6. Bậc thang nhu cầu

Chương 4: Tâm lý người bệnh

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được những kiến thức cơ bản về tâm lý bệnh nhân, các biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân.

Phân tích được các yếu tố chính tác động đến tâm lý người bệnh.

Nhận thức được các trạng thái tâm lý của BN và có thái độ thông cảm tế nhị khi tiếp xúc với BN trong học tập và công tác.

2. Nội dung:

1. Khái quát về tâm lý bệnh nhân
2. Bản chất tâm lý BN
3. Các trạng thái TLBN
4. Biểu hiện thường gặp của TLBN
5. Các phản ứng TLBN

6. Yếu tố tác động đến TLBN

Chương 5: Phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh; Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được nguyên tắc nghiên cứu tâm lý bệnh nhân

Phân tích được các phương pháp nghiên cứu tâm lý và ứng dụng trong công việc.

Phân tích được một số nguyên nhân, tác hại của động tâm lý gây sang chấn tâm lý.

2. Nội dung:

1. Nguyên tắc chung khi nghiên cứu TLBN
2. Một số phương pháp cơ bản nghiên cứu TLNB
3. Nguyên nhân, tác hại của một số tác động tâm lý và biện pháp phòng tránh

Chương 6: Đại cương đạo đức, y đức

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm, nguồn gốc, Chức năng, Nhiệm vụ của đạo đức

Phân tích được phạm trù đạo đức y học, các mối quan hệ trong y đức

Trình bày được ý nghĩa Ý nghĩa nghiên cứu đạo đức y học với CBYT.

2. Nội dung:

1. Khái quát chung về đạo đức y đức
2. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức gắn với đạo đức y học.
3. Các dạng đạo đức trong xã hội

Chương 7: Đạo đức y học Việt Nam

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Phân tích được bản chất đạo đức y học xã hội chủ nghĩa (XHCN)

Mô tả được một số tấm gương đạo đức y học VN tiêu biểu qua các thời kỳ và ý nghĩa.

2. Nội dung:

1. Bản chất đạo đức y học xã hội chủ nghĩa (XHCN)
2. Các tấm gương đạo đức y học tiêu biểu

Chương 8: Đạo đức người CBYT trong thực hành nghề nghiệp; Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được một số mô hình đạo đức y học tiêu biểu

Vận dụng được những kiến thức cốt lõi quy định về đạo đức người CBYT hiện nay đang thực hiện tại các cơ sở y tế.

2. Nội dung:

1. Một số mô hình đạo đức y học
2. Thực trạng đạo đức trong ngành y tế hiện nay
3. Các nguyên nhân làm giảm sút đạo đức trong ngành y tế.
4. Biện pháp giáo dục nâng cao đạo đức nghề nghiệp CBYT Việt Nam

Chương 9: Một số quy định về Y đức

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Phân tích được những kiến thức cốt lõi quy định về đạo đức người CBYT hiện nay đang thực hiện tại các cơ sở y tế.

Áp dụng được các kỹ năng: tự học, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình...ra quyết định thực hiện đúng chuẩn đạo đức người CBYT và Xử lý được một số tình huống giả định về vi phạm y đức trong chăm sóc sức khỏe.

Nghiêm túc tuân thủ pháp luật và các quy định đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập và thực hành.

2. Nội dung:

1. 12 điều y đức
2. Đạo đức người CBYT với nghiên cứu trong y học
3. Quy định với người CBYT về:
 - Các phẩm chất cá nhân của người cán bộ y tế
 - Phẩm chất về đạo đức
 - Phẩm chất mỹ học
 - Phẩm chất về trí tuệ
 - Nghĩa vụ nghề nghiệp của người CBYT

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế
3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được kiến thức về tâm lý người bệnh, y đức của người làm ngành y.

- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào nắm bắt tâm lý bệnh nhân, chăm sóc, giao tiếp với bệnh nhân.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Tích cực, chủ động trong học tập.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Môn học gắn liền với các tình huống cụ thể, sinh viên được thực hành tình huống sau mỗi bài học.

+ Xây dựng đề cương chi tiết môn học, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn quá trình học tập. Xây dựng vấn đề học tập. Giảng dạy theo đúng quy trình, phương pháp và kế hoạch theo đề cương chi tiết môn học. Tiến hành kiểm tra, lượng giá đúng quy trình. Xây dựng bộ câu hỏi đảm bảo đúng số lượng và chất lượng.

+ Thảo luận nhóm: Giảng viên nêu vấn đề, chia nhóm, thảo luận nhóm, giáo viên giới hạn thời gian sẽ hoàn thành. Sau khi thảo luận xong các nhóm bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi thảo luận, người báo cáo và báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét và giảng viên có thể chấm điểm phần báo cáo và nhận xét.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học:

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Bài 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010). *Tâm lý học đại cương*. NXB Giáo dục

- [2] Bộ Y tế (2012). *Tâm lý học y học*. NXB Y học
- [3] Bộ Y tế (2012). *Tâm lý học y học – y đức*. NXB Giáo dục Việt Nam
- [4] Bộ Y tế (2016). *Thực hành điều trị Tâm lý học*. NXB Y học
- [5] Bộ Y tế (2017). *Bài giảng Đạo đức y học*. NXB Y học.
- [6] Các VB, Luật pháp về y tế...

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: GIAO TIẾP – GIÁO DỤC SỨC KHỎE TRONG THỰC HÀNH Y KHOA

Mã mô đun: MD 09

Số tín chỉ: 2 (1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thảo luận/Thực hành/Bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Giao tiếp – Giáo dục sức khỏe trong thực hành y khoa là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Đây là môn học cơ sở ngành.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

Trình bày được những kiến thức khái quát về giao tiếp và giáo dục sức khỏe, các yếu tố của quá trình giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong y học.

Trình bày kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân, các yếu tố chính tác động đến quá trình giao tiếp với người bệnh, nguyên tắc cơ bản, các quy định thực hiện giao tiếp tại cơ sở y tế.

Phân tích những trở ngại trong quá trình giao tiếp với bệnh nhân, đồng nghiệp tại cơ sở y tế và các giải pháp để thực hiện giao tiếp tốt với bệnh nhân.

Trình bày được quy trình giáo dục sức khỏe, tư vấn sức khỏe thay đổi hành vi cho bệnh nhân và cộng đồng.

2.2. Kỹ năng:

Lựa chọn và thực hiện được các kỹ năng giao tiếp phù hợp để thiết lập mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả, với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng.

Vận dụng đúng các quy định giao tiếp trong cơ sở y tế để giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân, cộng đồng; thiết lập môi trường làm việc an toàn.

Thực hiện được hoạt động tư vấn cung cấp các thông tin về sức khỏe; giáo dục sức khỏe thay đổi hành vi cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Thể hiện thái độ tôn trọng, chân thành, hợp tác với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng.

Rèn luyện được các kỹ năng: tự học, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình...ra quyết định để giao tiếp có hiệu quả, thực hiện đúng chuẩn đạo đức người CBYT.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Bài 1: Đại cương giao tiếp 1. Khái niệm giao tiếp 2. Mục đích giao tiếp 3. Tầm quan trọng của giao tiếp 4. Các yếu tố của quá trình giao tiếp 4.1. Người gửi 4.2. Thông điệp 4.3. Người nhận 4.4. Phản hồi 4.5. Kênh truyền thông 4.6. Môi trường 5. Hình thức giao tiếp 5.1. Giao tiếp bằng ngôn ngữ 5.2. Giao tiếp không lời 6. Nguyên tắc giao tiếp 6.1. Nguyên tắc ABCD 6.2. Nguyên tắc AIDMA	4	2	2	
2	Bài 2: Kỹ năng giao tiếp cơ bản 1. Thông cảm 2. Tiếp xúc thích hợp 3. Sử dụng sự im lặng 4. Hỏi chuyện 5. Lắng nghe tích cực 6. Làm quen 7. Quan sát 8. Giải thích 9. Khuyến khích, động viên, khen ngợi 10. Giao tiếp bằng văn bản 11. Giao tiếp trong một số tình huống đặc biệt Với người bệnh bị khuyết tật về thính giác Với người bệnh bị rối loạn về ngôn ngữ Với người bệnh bị khuyết tật về thị giác 12. Một số nghi thức giao tiếp 12.1. Giao tiếp qua danh thiếp 12.2. Giao tiếp bằng thư tín 12.3. Giao tiếp qua điện thoại 12.4. Bắt tay 12.5. Chào hỏi, giới thiệu Giao tiếp	8	2	5	1

	trong cuộc họp				
3	Bài 3: Một số Quy tắc ứng xử của CBVC trong các đơn vị sự nghiệp y tế. 1. Thông tư 07/2014 2. Quyết định 29/2008/ QĐ-BYT ngày 18/8 3. Quyết định 031/2001/QĐ-BYT ngày 27/9	2	1	2	
4	Bài 4: Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân 1. Tầm quan trọng 1.1. Đối với CBYT 1.2. Đối với bệnh nhân 1.3. Đối với cơ sở y tế 2. Biện pháp giao tiếp với bệnh nhân 3. Giao tiếp với bệnh nhân tại các vị trí công tác 4. Một số kỹ năng giao tiếp trong tình huống đặc biệt 4.1. Kỹ năng thông báo tin xấu 4.2. Kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc giảm nhẹ....	8	4	4	
5	Bài 5: Đại cương Truyền thông - Giáo dục sức khỏe 1. Khái niệm giáo dục sức khỏe 2. Vị trí, tầm quan trọng của truyền thông - giáo dục sức khỏe 3. Trách nhiệm thực hiện GDSK 4. Mục tiêu chủ yếu của giáo dục sức khỏe 5. 10 điều cần ghi nhớ khi làm Giáo dục sức khỏe. 6. Các yêu cầu cơ bản trong thực hiện giao tiếp, GDSK 7. Nguyên tắc TTGDSK 7.1. Nguyên tắc khoa học trong TT-GDSK 7.2. Nguyên tắc đại chúng trong TT-GDSK 7.3. Nguyên tắc trực quan 7.4. Nguyên tắc thực tiễn 7.5. Nguyên tắc lòng ghép 7.6. Các nguyên tắc khác 8. Phương pháp và phương tiện TT - GDSK 8.1. Phương pháp TT- GDSK	8	2	6	

	8.2. Phương tiện TT- GDSK				
6	Bài 6: Hành vi và thay đổi hành vi sức khỏe 1. Khái niệm 1.1. Hành vi 1.2. Hành vi sức khỏe 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe 2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe 3. Quá trình thay đổi hành vi 3.1. Các bước thay đổi hành vi 3.2. Những điều kiện cần thiết để thay đổi hành vi	6	2	4	
7	Bài 7: Tư vấn sức khỏe 1. Khái niệm TVSK 2. Mục đích TVSK 3. Nguyên tắc TVSK 3.1. Chọn thời điểm và địa điểm thích hợp. 3.2. Xác định rõ được nhu cầu cần tư vấn của khách hàng 3.3. Cung cấp đủ thông tin cần thiết giúp đối tượng hiểu rõ vấn đề của họ 3.4. Thảo luận các biện pháp giải quyết vấn đề sức khỏe thích hợp với các đối tượng cần tư vấn. 3.5. Giữ bí mật và tôn trọng điều riêng tư của khách hàng 3.6. Không phán xét đối tượng tư vấn 4. Các bước TVSK 4.1. Tạo mối quan hệ tốt với đối tượng 4.2. Xác định nhu cầu của người được tư vấn. 4.3. Giúp đối tượng xác định các lựa chọn 4.4. Giúp khách hàng chọn và thực hiện giải pháp thích hợp nhất 4.5. Giúp đối tượng lập kế hoạch thực hiện Hẹn khách hàng quay lại 5. Phẩm chất cán bộ TVSK 5.1. Tôn trọng khách hàng 5.2. Thông cảm và thấu hiểu 5.3. Thành thật	8	2	5	1

	5.4. Thông tin rõ ràng, có trọng điểm				
	Tổng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương giao tiếp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các khái niệm cơ bản của giao tiếp, các yếu tố của quá trình giao tiếp, các nguyên tắc trong giao tiếp.

Phân tích được ưu - nhược điểm của các hình thức giao tiếp.

Vận dụng được nguyên tắc giao tiếp và hình thức giao tiếp vào tình huống giao tiếp cụ thể.

Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề.

2. Nội dung:

1. Khái niệm giao tiếp
2. Mục đích giao tiếp
3. Tầm quan trọng của giao tiếp
4. Các yếu tố của quá trình giao tiếp

4.1. Người gửi

4.2. Thông điệp

4.3. Người nhận

4.4. Phản hồi

4.5. Kênh truyền thông

4.6. Môi trường

5. Hình thức giao tiếp

5.1. Giao tiếp bằng ngôn ngữ

5.2. Giao tiếp không lời

6. Nguyên tắc giao tiếp

6.1. Nguyên tắc ABCD

6.3. Nguyên tắc AIDMA

Bài 2: Tâm lý y học Bài 2: Kỹ năng giao tiếp cơ bản

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Phân tích được một số kỹ năng giao tiếp cơ bản

Vận dụng các kỹ năng giao tiếp cơ bản để đóng vai xử lý tình huống giao tiếp cụ thể

Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thái độ tôn trọng, thông cảm với người bệnh và cộng đồng khi giao tiếp.

2. Nội dung:

1. Thông cảm
2. Tiếp xúc thích hợp
3. Sử dụng sự im lặng
4. Hỏi chuyện
5. Lắng nghe tích cực
6. Làm quen
7. Quan sát
8. Giải thích
9. Khuyến khích, động viên, khen ngợi
10. Giao tiếp bằng văn bản
11. Giao tiếp trong một số tình huống đặc biệt Với người bệnh bị khuyết tật về thính giác
Với người bệnh bị rối loạn về ngôn ngữ với người bệnh bị khuyết tật về thị giác
12. Một số nghi thức giao tiếp
 - 12.1. Giao tiếp qua danh thiếp
 - 12.2. Giao tiếp bằng thư tín
 - 12.3. Giao tiếp qua điện thoại
 - 12.4. Bắt tay
 - 12.5. Chào hỏi, giới thiệu
 - 12.6. Giao tiếp trong cuộc họp

Bài 3: Một số Quy tắc ứng xử của CBVC trong các đơn vị sự nghiệp y tế

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Nắm rõ một số quy tắc ứng xử của CBVC trong các đơn vị sự nghiệp y tế.

Áp dụng đúng quy tắc ứng xử của CBYT vào tình huống giả định.

Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thái độ tôn trọng người bệnh, người nhà bệnh nhân.

2. Nội dung:

1. Thông tư 07/2014
2. Quyết định 29/2008/ QĐ-BYT ngày 18/8

3. Quyết định 4031/2001/QĐ-BYT ngày 27/9

Bài 4: Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được tầm quan trọng giao tiếp trong cơ sở y tế, cách thức giao tiếp ứng xử với bệnh nhân trong các đơn vị sự nghiệp y tế

Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện giao tiếp với bệnh nhân trong tình huống giả định
Rèn thái độ tôn trọng, thông cảm với người bệnh và cộng đồng khi giao tiếp.

2. Nội dung:

1. Tầm quan trọng

1.1. Đối với CBYT

1.2. Đối với bệnh nhân

1.3. Đối với cơ sở y tế

2. Biện pháp giao tiếp với bệnh nhân

3. Giao tiếp với bệnh nhân tại các vị trí công tác

4. Một số kỹ năng giao tiếp trong tình huống đặc biệt

4.1. Kỹ năng thông báo tin xấu

4.2. Kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc giảm nhẹ....

Bài 5: Đại cương Truyền thông - Giáo dục sức khỏe

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm, vị trí, tầm quan trọng và mục tiêu của truyền thông – GDSK.

Phân tích được các yêu cầu, những nguyên tắc cơ bản trong GDSK

Ứng dụng được các kỹ năng và sử dụng được các phương pháp, phương tiện TT-GDSK trong quá trình giáo dục sức khỏe

Rèn thái độ tôn trọng, thông cảm với người bệnh và cộng đồng khi giao tiếp giáo dục sức khỏe.

2. Nội dung:

1. Khái niệm giáo dục sức khỏe

2. Vị trí, tầm quan trọng của truyền thông - giáo dục sức khỏe

3. Trách nhiệm thực hiện GDSK

4. Mục tiêu chủ yếu của giáo dục sức khỏe

5. 10 điều cần ghi nhớ khi làm Giáo dục sức khỏe.

6. Các yêu cầu cơ bản trong thực hiện giao tiếp, GDSK

7. Nguyên tắc TTGDSK

7.1. Nguyên tắc khoa học trong TT-GDSK

7.2. Nguyên tắc đại chúng trong TT-GDSK

7.3. Nguyên tắc trực quan

7.4. Nguyên tắc thực tiễn

7.5. Nguyên tắc lòng ghép

7.6. Các nguyên tắc khác

8. Phương pháp và phương tiện TT - GDSK

8.1. Phương pháp TT-GDSK

8.2. Phương tiện TT-GDSK

Bài 6: Hành vi và thay đổi hành vi sức khỏe

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm hành vi sức khỏe và các điều kiện cần thiết để thay đổi hành vi.

Phân tích được các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe và các bước trong quá trình thay đổi hành vi.

Vận dụng kiến thức bài học trong giao tiếp, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng nhằm tạo dựng hành vi có lợi cho sức khỏe.

2. Nội dung:

1. Khái niệm

1.1. Hành vi

1.2. Hành vi sức khỏe

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe

2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe

3. Quá trình thay đổi hành vi

3.1. Các bước thay đổi hành vi

3.2. Những điều kiện cần thiết để thay đổi hành vi

Bài 7: Tư vấn sức khỏe

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm cơ bản, mục đích của tư vấn trong nâng cao, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người dân.

Phân tích được các nguyên tắc trong tư vấn sức khỏe, các bước của quá trình tư vấn.

Vận dụng được các kiến thức đã học đóng vai người GDSK, đối tượng được GDSK giải quyết các tình huống tư vấn sức khỏe cụ thể.

Rèn luyện các phẩm chất cần có của người làm tư vấn sức khỏe.

2. Nội dung:

1. Khái niệm TVSK

2. Mục đích TVSK

3. Nguyên tắc TVSK

3.1. Chọn thời điểm và địa điểm thích hợp.

3.2. Xác định rõ được nhu cầu cần tư vấn của khách hàng

3.3. Cung cấp đủ thông tin cần thiết giúp đối tượng hiểu rõ vấn đề của họ

3.4. Thảo luận các biện pháp giải quyết vấn đề sức khỏe thích hợp với các đối tượng cần tư vấn.

3.5. Giữ bí mật và tôn trọng điều riêng tư của khách hàng

3.6. Không phán xét đối tượng tư vấn

4. Các bước TVSK

4.1. Tạo mối quan hệ tốt với đối tượng

4.2. Xác định nhu cầu của người được tư vấn.

4.3. Giúp đối tượng xác định các lựa chọn

4.4. Giúp khách hàng chọn và thực hiện giải pháp thích hợp nhất

4.5. Giúp đối tượng lập kế hoạch thực hiện

4.6. Hẹn khách hàng quay lại

5. Phẩm chất cán bộ TVSK

5.1. Tôn trọng khách hàng

5.2. Thông cảm và thấu hiểu

5.3. Thành thật

5.4. Thông tin rõ ràng, có trọng điểm

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Phòng lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Sinh viên nắm được kiến thức về giao tiếp, giáo dục sức khỏe trong thực hành y khoa.
- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào nắm bắt tâm lý bệnh nhân, giao tiếp thực hành với bệnh nhân.
- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Tích cực, chủ động trong học tập.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên:
 - + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
 - + Môn học gắn liền với các tình huống cụ thể, sinh viên được thực hành tình huống sau mỗi bài học.
 - + Xây dựng đề cương chi tiết môn học, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn quá trình học tập. Xây dựng vấn đề học tập. Giảng dạy theo đúng quy trình, phương pháp và kế hoạch theo đề cương chi tiết môn học. Tiến hành kiểm tra, lượng giá đúng quy trình. Xây dựng bộ câu hỏi đảm bảo đúng số lượng và chất lượng.
 - + Thảo luận nhóm: Giảng viên nêu vấn đề, chia nhóm, thảo luận nhóm, giáo viên giới hạn thời gian sẽ hoàn thành. Sau khi thảo luận xong các nhóm bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi thảo luận, người báo cáo và báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét và giảng viên có thể chấm điểm phần báo cáo và nhận xét.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học:

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Giáo trình “*Giáo dục sức khỏe*”, Trường đại học Y Thái bình, 2016.

[2] *Các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả của cán bộ y tế* (tài liệu dịch), Nhà xuất bản Y học. 2001

[4] Website ybox.com cổng thông tin dành cho sinh viên

[5] Website kynangsong.edu.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: MÔI TRƯỜNG VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Mã môn học: MH 08

Số tín chỉ: 2 (2-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thảo luận/Thực hành/Bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: môn học Môi trường và giáo dục sức khỏe là môn học bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Đây là môn học cơ sở ngành.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

Giải thích được mối liên quan của các yếu tố môi trường và sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Phân tích được tác hại của các yếu tố môi trường (môi trường sống và môi trường lao động) đến sức khỏe con người.

Phân tích được tình hình, nguyên nhân và biện pháp kiểm chế ô nhiễm môi trường.

Nhận định được tình hình môi trường và sức khỏe tại cộng đồng và nơi làm việc để lựa chọn được các biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp với hoàn cảnh.

2.2. Kỹ năng:

Vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về nâng cao sức khỏe, các phương tiện, phương pháp và các bước của nâng cao sức khỏe để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Biết cách tiếp cận và giáo dục nâng cao sức khỏe cho người dân về các tác hại của ô nhiễm môi trường và các hành vi sức khỏe.

Thể hiện được sự hợp tác với các thành viên trong nhóm để bước đầu tiếp cận và cung cấp các thông tin, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, sức khỏe môi trường.

Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả.

Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục.

Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt

tình giúp đỡ bạn bè, thực hiện đúng trách nhiệm người CBYT theo quy định của pháp luật ở từng vị trí công tác cụ thể.

Tạo thói quen ứng xử phù hợp theo chuẩn mực pháp luật, Có ý thức tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, tuân thủ quy định, chuẩn mực đúng nội quy, quy chế của ngành y tế, chuẩn mực của luật pháp Việt Nam và quốc tế trong hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Phần 1: Sức khỏe môi trường Chương 1: Đại cương sức khỏe môi trường 1. Khái niệm về môi trường và sức khỏe 2. Các yếu tố tác động đến sức khỏe 3. Mối liên quan giữa các yếu tố môi trường và sức khỏe 4. Các bệnh tật liên quan đến môi trường 5. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường nâng cao sức khỏe	2	2		
2	Chương 2: An toàn – vệ sinh lao động 1. Khái niệm chung về tác hại nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp 2. Phân loại các tác hại nghề nghiệp chủ yếu 3. Các bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm ở nước ta hiện nay 4. Các biện pháp dự phòng các tác hại nghề nghiệp	2	2		
3	Chương 3: Ô nhiễm nước và sức khỏe cộng đồng 1. Đại cương 2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm nước 3. Nguy cơ cho sức khỏe do ô nhiễm nước và các bệnh do ô nhiễm nước 4. Giải pháp chống ô nhiễm nước	2	2		
4	Chương 4: Cung cấp nước sạch cho cộng đồng 1. Đại cương 2. Tiêu chuẩn nước uống và nước sinh hoạt 3. Các loại mô hình cấp nước	2	2		

	4. Các phương pháp xử lý nước 5. Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020 và các giải pháp				
5	Chương 5: Ô nhiễm đất và sức khỏe cộng đồng 1. Nguyên nhân và nguồn gây ô nhiễm đất 2. Tác động ô nhiễm đất đến sức khỏe, bệnh tật 3. Nguyên tắc cơ bản phòng chống ô nhiễm đất	2	2		
6	Chương 6: Ô nhiễm không khí và sức khỏe cộng đồng 1. Định nghĩa và các nguồn gây ONKK 2. Sự lan truyền của các chất ô nhiễm trong môi trường không khí 3. Ảnh hưởng của ONKK tới sức khỏe con người 4. Tác hại của ONKK lên thực bì, hệ sinh thái và các công trình xây dựng 5. Ảnh hưởng toàn cầu của các chất ONKK 6. ONKK ở nước ta 7. Tiêu chuẩn cho phép của các chất ô nhiễm trong môi trường không khí 8. Các biện pháp phòng chống ONKK	2	2		
7	Chương 7: Vệ sinh nhà ở 1. Tình hình của ô nhiễm trong nhà 2. Các tác nhân, nguồn gây ô nhiễm trong nhà 3. Tác hại đến sức khỏe của ô nhiễm trong nhà 4. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm nhà ở	2	2		
8	Chương 8: Vệ sinh trường học 1. Đại cương 2. Vệ sinh xây dựng 3. Công trình vệ sinh trong trường học 4. Yêu cầu vệ sinh đối với bàn ghế học sinh 5. Yêu cầu vệ sinh đối với học phẩm, công cụ và phương tiện học tập 6. Các vấn đề về sức khỏe của học sinh và các yếu tố liên quan 7. Những yếu tố nguy cơ cho vệ sinh trường học 8. Tổ chức các hoạt động tăng cường vệ	2	1		1

	sinh ở trường học				
9	Phần 2: Nâng cao sức khỏe – hành vi con người Chương 9: Đại cương Nâng cao sức khỏe – hành vi con người 1. Sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu 2. Giáo dục sức khỏe 2.1. Khái niệm 2.2. Làm thế nào để giúp cho mọi người sống khỏe mạnh hơn? 2.3. Bản chất của giáo dục sức khỏe 2.4. Người làm công tác giáo dục sức khỏe 3. Nâng cao sức khỏe 3.1. Lịch sử và khái niệm nâng cao sức khỏe 3.2. Định nghĩa về nâng cao sức khỏe 3.3. Nâng cao sức khỏe ở các nước đang phát triển 4. Các nguyên tắc chính của nâng cao sức khỏe	4	4		
10	Chương 10: Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe 1. Những yếu tố quyết định sức khỏe 1.1. Các yếu tố về di truyền 1.2. Yếu tố môi trường 1.3. Những yếu tố liên quan đến hệ thống chăm sóc sức khỏe 2. Hành vi sức khỏe và những yếu tố ảnh hưởng 2.1. Hành vi sức khỏe 2.2. Các cấp độ ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe 3. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe 3.1. Một số lý thuyết về hành vi cá nhân 4. Quá trình thay đổi hành vi và can thiệp thích hợp 4.1. Các giai đoạn thay đổi hành vi 4.2. Các điều kiện tiên quyết để thay đổi hành vi	4	4		
11	Chương 11: Các phương thức tiếp cận và mô hình NCSK 1. Các phương thức tiếp cận NCSK 1.1. Tiếp cận y tế 1.2. Tiếp cận thay đổi hành vi 1.3. Tiếp cận giáo dục sức khỏe 1.4. Tiếp cận trao quyền về sức khỏe /nâng cao khả năng làm chủ về sức khỏe 1.5. Vận động tạo ra môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi cho các hoạt động nâng	4	4		

	cao sức khỏe 2. Các mô hình nâng cao sức khỏe 2.1. Mô hình của Caplan và Holland (1990) 2.2. Mô hình của Beattie (1991) 2.3. Mô hình của Tanahill (1996) Mô hình của Tones (1994)				
11	Chương 12: NCSK ở một số cơ sở 1. Nâng cao sức khỏe trong trường học 2. Nâng cao sức khỏe nơi làm việc	2	1		1
Tổng		30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Phần 1: Sức khỏe môi trường

Chương 1: Đại cương sức khỏe môi trường

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Phân tích được các yếu tố môi trường tác động đến sức khỏe.

Giải thích được các mối nguy hại của các yếu tố môi trường đến sức khỏe.

Phân tích được các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường nâng cao sức khỏe.

2. Nội dung:

1. Khái niệm về môi trường và sức khỏe
2. Các yếu tố tác động đến sức khỏe
3. Mối liên quan giữa các yếu tố môi trường và sức khỏe
4. Các bệnh tật liên quan đến môi trường
5. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường nâng cao sức khỏe

Chương 2: An toàn – vệ sinh lao động

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Giải thích được tác hại của các yếu tố tác hại nghề nghiệp đến con người.

Xác định được các yếu tố tác hại nghề nghiệp tương ứng với các công việc.

Phân tích và lựa chọn được các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các yếu tố tác hại nghề nghiệp.

2. Nội dung:

1. Khái niệm chung về tác hại nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp.
2. Phân loại các tác hại nghề nghiệp chủ yếu.
3. Các bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm ở nước ta hiện nay.
4. Các biện pháp dự phòng các tác hại nghề nghiệp

Chương 3: Ô nhiễm nước và sức khỏe cộng đồng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Xác định được nguyên nhân, nguồn, tác nhân gây nên ô nhiễm nước.

Giải thích được các tác hại của ô nhiễm nước đến sức khỏe.

Lựa chọn được các biện pháp phòng chống và giảm thiểu ô nhiễm nước phù hợp.

2. Nội dung:

1. Đại cương
2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm nước.
3. Nguy cơ cho sức khỏe do ô nhiễm nước và các bệnh do ô nhiễm nước.
4. Giải pháp chống ô nhiễm nước

Chương 4: Cung cấp nước sạch cho cộng đồng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Áp dụng các tiêu chuẩn về chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt để biết cách lựa chọn hình thức cung cấp nước cho phù hợp với địa phương.

Lựa chọn được biện pháp hợp lý để xử lý nguồn nước chưa đạt tiêu chuẩn ăn uống, sinh hoạt.

Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm, có tư duy phản biện và thuyết trình để trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết của người điều dưỡng tương lai.

2. Nội dung:

1. Đại cương.
2. Tiêu chuẩn nước uống và nước sinh hoạt.
3. Các loại mô hình cấp nước.
4. Các phương pháp xử lý nước.
5. Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020 và các giải pháp

Chương 5: Ô nhiễm đất và sức khỏe cộng đồng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Xác định được nguyên nhân, nguồn, tác nhân gây nên ô nhiễm đất.

Giải thích được các tác hại của ô nhiễm đất đến sức khỏe.

Lựa chọn được các biện pháp phòng chống và giảm thiểu ô nhiễm đất phù hợp.

2. Nội dung:

1. Nguyên nhân và nguồn gây ô nhiễm đất.

2. Tác động ô nhiễm đất đến sức khỏe, bệnh tật.

3. Nguyên tắc cơ bản phòng chống ô nhiễm đất

Chương 6: Ô nhiễm không khí và sức khỏe cộng đồng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Xác định được các nguồn gây nên ô nhiễm không khí.

Giải thích được các tác hại của ô nhiễm không khí đến sức khỏe.

Lựa chọn được các biện pháp phòng chống và giảm thiểu ô nhiễm không khí phù hợp.

2. Nội dung:

1. Định nghĩa và các nguồn gây ONKK
2. Sự lan truyền của các chất ô nhiễm trong môi trường không khí
3. Ảnh hưởng của ONKK tới sức khỏe con người
4. Tác hại của ONKK lên thực bì, hệ sinh thái và các công trình xây dựng
5. Ảnh hưởng toàn cầu của các chất ONKK
6. ONKK ở nước ta
7. Tiêu chuẩn cho phép của các chất ô nhiễm trong môi trường không khí
8. Các biện pháp phòng chống ONKK

Chương 7: Vệ sinh nhà ở

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Xác định được nguyên nhân, nguồn, tác nhân gây nên ô nhiễm nhà ở.

Giải thích được các tác hại của ô nhiễm nhà ở đến sức khỏe.

Lựa chọn được các biện pháp phòng chống và giảm thiểu ô nhiễm nhà ở phù hợp.

2. Nội dung:

1. Tình hình của ô nhiễm trong nhà
2. Các tác nhân, nguồn gây ô nhiễm trong nhà
3. Tác hại đến sức khỏe của ô nhiễm trong nhà
4. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm nhà ở

Chương 8: Vệ sinh trường học

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Nhận định được tình trạng vệ sinh trường học.

Phân tích được các tiêu chuẩn vệ sinh trong lớp học và khu trường học.

Phân tích và lựa chọn được các phương pháp dự phòng các tác hại đến học sinh trong quá trình học tập tại trường học.

2. Nội dung:

1. Đại cương
2. Vệ sinh xây dựng
3. Công trình vệ sinh trong trường học
4. Yêu cầu vệ sinh đối với bàn ghế học sinh
5. Yêu cầu vệ sinh đối với học phẩm, công cụ và phương tiện học tập
6. Các vấn đề về sức khỏe của học sinh và các yếu tố liên quan
7. Những yếu tố nguy cơ cho vệ sinh trường học
8. Tổ chức các hoạt động tăng cường vệ sinh ở trường học

Phần 2: Nâng cao sức khỏe – hành vi con người

Chương 9: Đại cương Nâng cao sức khỏe – hành vi con người Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Phân tích được tầm quan trọng của GDSK trong công tác y tế.

Xác định được vai trò của GDSK trong các hoạt động nâng cao sức khỏe.

Phân tích được các nguyên tắc thực hiện GDSK.

2. Nội dung:

1. Sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu
2. Giáo dục sức khỏe
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Làm thế nào để giúp cho mọi người sống khỏe mạnh hơn?
 - 2.3. Bản chất của giáo dục sức khỏe
 - 2.4. Người làm công tác giáo dục sức khỏe
3. Nâng cao sức khỏe
 - 3.1. Lịch sử và khái niệm nâng cao sức khỏe
 - 3.2. Định nghĩa về nâng cao sức khỏe
 - 3.3. Nâng cao sức khỏe ở các nước đang phát triển
 - 3.4. Các nguyên tắc chính của nâng cao sức khỏe

Chương 10: Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Phân tích được các hành vi và thói quen sức khỏe.

Xác định được các điều kiện cần thiết để thay đổi hành vi sức khỏe của cá nhân.

Vận dụng được các bước thay đổi hành vi sức khỏe trong công việc GDSK.

2. Nội dung:

1. Những yếu tố quyết định sức khỏe

- 1.1. Các yếu tố về di truyền
- 1.2. Yếu tố môi trường
- 1.3. Những yếu tố liên quan đến hệ thống chăm sóc sức khỏe

2. Hành vi sức khỏe và những yếu tố ảnh hưởng

- 2.1. Hành vi sức khỏe
- 2.2. Các cấp độ ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe

3. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe

- 3.1. Một số lý thuyết về hành vi cá nhân
4. Quá trình thay đổi hành vi và can thiệp thích hợp
- 4.1. Các giai đoạn thay đổi hành vi
- 4.2. Các điều kiện tiên quyết để thay đổi hành vi

Chương 11: Các phương thức tiếp cận và mô hình NCSK

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Phân tích các phương thức tiếp cận NCSK.

Vận dụng các mô hình NCSK trong công việc của người điều dưỡng trong BV và ngoài cộng đồng.

Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm, có tư duy phản biện và thuyết trình.

2. Nội dung:

1. Các phương thức tiếp cận NCSK

- 1.1. Tiếp cận y tế
- 1.2. Tiếp cận thay đổi hành vi
- 1.3. Tiếp cận giáo dục sức khỏe
- 1.4. Tiếp cận trao quyền về sức khỏe /nâng cao khả năng làm chủ về sức khỏe
- 1.5. Vận động tạo ra môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi cho các hoạt động nâng cao sức khỏe

2. Các mô hình nâng cao sức khỏe

- 2.1. Mô hình của Caplan và Holland (1990)
- 2.2. Mô hình của Beattie (1991)

2.3. Mô hình của Tanahill (1996)

2.4. Mô hình của Tones (1994)

Chương 12: NCSK ở một số cơ sở

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được tầm quan trọng của các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học, tại nơi làm, việc.

Mô tả được các chương trình nâng cao sức khỏe tiến hành tại các cơ sở cụ thể.

Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm, có tư duy phản biện và thuyết trình.

2. Nội dung:

1. Nâng cao sức khỏe trong trường học

2. Nâng cao sức khỏe nơi làm việc

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Trình bày được tầm quan trọng của các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học, tại nơi làm, việc.

- Về kỹ năng: Mô tả được các chương trình nâng cao sức khỏe tiến hành tại các cơ sở cụ thể.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm, có tư duy phản biện và thuyết trình.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học*: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên: Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết. Môn học gắn liền với các tình huống cụ thể, sinh viên được thực hành tình huống sau mỗi bài học.

+ Xây dựng đề cương chi tiết môn học, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn quá trình học tập. Xây dựng vấn đề học tập. Giảng dạy theo đúng quy trình, phương pháp và kế hoạch theo đề cương chi tiết môn học. Tiến hành kiểm tra, lượng giá đúng quy trình. Xây dựng bộ câu hỏi đảm bảo đúng số lượng và chất lượng.

+ Thảo luận nhóm: Giảng viên nêu vấn đề, chia nhóm, thảo luận nhóm, giáo viên giới hạn thời gian sẽ hoàn thành. Sau khi thảo luận xong các nhóm bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi thảo luận, người báo cáo và báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét và giảng viên có thể chấm điểm phần báo cáo và nhận xét.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học:

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Bộ Y tế (2011) *Sức khỏe môi trường (sách đào tạo cử nhân y tế công cộng)*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Trường Đại học Y Hà nội (2001), *Sức khỏe môi trường dịch tễ tập 1-2*.

[3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2003), *Khoa học môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[4] Bộ Y tế (2003) *Xây dựng y tế Việt Nam công bằng và phát triển*, Nhà xuất bản Y học.

[5] Bộ Y tế (2001) *Các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả của cán bộ y tế (tài liệu dịch)*. Nhà xuất bản Y học.

[6] Trường Đại học Y Thái Bình (2008) *Truyền thông – giáo dục sức khỏe*.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: BỆNH HỌC NGƯỜI LỚN 1

Mã mô đun: MD 10

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc
- Tính chất: Lý thuyết kết hợp tích hợp thực hành

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Áp dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý, vi sinh vật để phát hiện triệu chứng và các vấn đề sức khỏe hệ hô hấp - tuần hoàn trong các tình huống dạy học;
- Giải thích được các triệu chứng và dấu hiệu bệnh lý, từ đó đưa ra các lập luận chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý hô hấp - tuần hoàn thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể;
- Đưa ra được hướng xử trí và điều trị tại tuyến y tế cơ sở phù hợp cho NB trong tình huống giảng dạy.

2.2. Về kỹ năng:

- Khám phát hiện được triệu chứng của người bệnh mắc các bệnh hô hấp - tuần hoàn thường gặp;
- Tư vấn được NB cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.
- Tư vấn được cho NB cách phòng và điều trị bệnh nội khoa hô hấp – tuần hoàn trong tình huống giảng dạy.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
	Phần I: Giải phẫu - sinh lý - cơ chế, nguyên nhân gây bệnh và triệu chứng hệ hô hấp - tuần hoàn.				
1	Bài 1: Giải phẫu, sinh lý hệ hô hấp 1. Giải phẫu hệ hô hấp 2. Sinh lý hệ hô hấp 3. Cơ chế gây tổn thương hệ hô hấp	3	3	0	0
2	Bài 2: Giải phẫu, sinh lý hệ tuần hoàn 1. Giải phẫu hệ tuần hoàn 2. Sinh lý hệ tuần hoàn 3. Cơ chế gây tổn thương hệ tuần hoàn	3	3	0	0
3	Bài 3: Thực hành giải phẫu hệ hô hấp - tuần hoàn 1. Vị trí ngoài và liên quan của tim 2. Cấu tạo của tim 3. Mạch máu chi trên 4. Mạch máu chi dưới 5. Mạch máu vùng đầu, mặt cổ 5. Mạch máu thân mình 6. Hình thể ngoài và cấu tạo của mũi 7. Hình thể ngoài và cấu tạo của khí quản 8. Vị trí của, hình thể ngoài và cấu tạo của phổi	15	0	13	2
4	Bài 4: Nguyên nhân gây bệnh lý hô hấp - tuần hoàn do VK 1. Hình thể 2. Đặc điểm, tính chất sinh vật hóa học 3. Chẩn đoán vi sinh vật 4. Khả năng gây bệnh	3	3	0	0
5	Bài 5: Triệu chứng thường gặp khi tổn thương BM hô hấp tuần hoàn 1. Triệu chứng thường gặp khi tổn thương BM tuần hoàn 1.1. Triệu chứng cơ năng 1.2. Triệu chứng thực thể 1.3. Triệu chứng cận lâm sàng 2. Triệu chứng thường gặp khi tổn thương BM hô hấp 2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng thực thể 2.3. Triệu chứng cận lâm sàng.	3	3	0	0

6	Bài 6: Thực hành khám hệ hô hấp - Tuần hoàn 1. Triệu chứng cơ năng, thực thể hệ tuần hoàn 2. Triệu chứng cơ năng, thực thể hệ hô hấp	12	0	10	2
7	Bài 7: Cách làm bệnh án 1. Hành chính 2. Lý do vào viện 3. Bệnh sử 4. Thăm khám 5. Tiền sử 6. Chẩn đoán sơ bộ 7. Tóm tắt bệnh án 8. Chẩn đoán xác định	5	3	2	0
Phần 2: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp- tuần hoàn					
8	Bài 8: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp 1. Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp: 2. Thuốc điều trị ho 2.1. Cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn 2.2. Liều lượng Những lưu ý khi sử dụng 3. Thuốc điều trị hen 3.1. Cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn 3.2. Liều dùng 3.3. Những lưu ý khi sử dụng	3	3	0	0
9	Bài 9: Thuốc tác dụng trên hệ tuần hoàn: 1. Thuốc trợ tim 1.1. Cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn 1.2. Liều lượng 1.3. Những lưu ý khi sử dụng 2. Thuốc hạ áp 2.1. Cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn. 2.2. Liều dùng 2.3. Những lưu ý khi sử dụng 3. Thuốc lợi tiểu: 3.1. Cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn 3.2. Liều dùng 3.3. Những lưu ý khi sử dụng 4. Thuốc giãn mạch: 4.1. Cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn	4	4	0	0

	4.2. Liều dùng 4.3. Những lưu ý khi sử dụng 5. Thuốc chống loạn nhịp: 5.1. Cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn 5.2. Liều dùng				
	Phần III: Bệnh hô hấp - tuần hoàn thường gặp				
10	Bài 10: Bệnh tim mạch nội khoa thường gặp: Bệnh tăng huyết áp, suy tim, đau thắt ngực, nhồi máu cơ tim 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	3	3	0	0
11	Bài 11: Bệnh hô hấp nội khoa thường gặp: hen phế quản, tâm phế, viêm phổi 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	4	3	0	1
12	Bài 12: Bệnh ngoại khoa tim mạch thường gặp: Chấn thương ngực kín, vết thương ngực 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	2	2	0	0
Tổng		60	30	25	5

2. Nội dung chi tiết

Phần 1: Giải phẫu - sinh lý - cơ chế, nguyên nhân gây bệnh và triệu chứng hệ hô hấp - tuần hoàn

Bài 1: Giải phẫu, sinh lý hệ tuần hoàn

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được các mốc giải phẫu hệ tuần hoàn và ứng dụng vào việc nhận định, thăm khám NB.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Giải phẫu hệ tuần hoàn
- 2.2. Sinh lý hệ tuần hoàn
- 2.3. Cơ chế gây tổn thương hệ tuần hoàn

Bài 2: Giải phẫu, sinh lý hệ hô hấp

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được các mốc giải phẫu hệ hô hấp và ứng dụng vào việc nhận định, thăm khám NB.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Giải phẫu hệ hô hấp
- 2.2. Sinh lý hệ hô hấp
- 2.3. Cơ chế gây tổn thương hệ hô hấp

Bài 3: Thực hành giải phẫu hệ hô hấp - tuần hoàn

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được các mốc giải phẫu hệ hô hấp, tuần hoàn, vị trí mạch máu và ứng dụng vào việc nhận định, thăm khám NB;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Vị trí ngoài và liên quan của tim
- 2.2. Cấu tạo của tim
- 2.3. Mạch máu chi trên
- 2.4. Mạch máu chi dưới
- 2.5. Mạch máu vùng đầu, mặt cổ
- 3.1. Mạch máu thân mình
- 4.1. Hình thể ngoài và cấu tạo của mũi
- 4.2. Hình thể ngoài và cấu tạo của khí quản
- 4.3. Vị trí của, hình thể ngoài và cấu tạo của phổi.

Bài 4: Nguyên nhân gây bệnh lý hô hấp- tuần hoàn do VK

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết hình thể, đặc điểm, tính chất vi khuẩn gây bệnh hệ hô hấp, tuần hoàn và ứng

dụng vào việc nhận định, thăm khám NB;

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Hình thể

2.2. Đặc điểm, tính chất sinh vật hóa học.

2.3. Chẩn đoán vi sinh vật.

2.4. Khả năng gây bệnh.

Bài 5: Triệu chứng thường gặp khi tổn thương BM hô hấp - tuần hoàn

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được triệu chứng hệ hô hấp - tuần hoàn và ứng dụng vào việc nhận định, thăm khám NB;

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Triệu chứng thường gặp khi tổn thương BM tuần hoàn

2.1.1. Triệu chứng cơ năng

2.1.2. Triệu chứng thực thể

2.1.3. Triệu chứng cận lâm sàng.

2.2. Triệu chứng thường gặp khi tổn thương BM hô hấp

2.2.1. Triệu chứng cơ năng

2.2.2. Triệu chứng thực thể

2.2.3. Triệu chứng cận lâm sàng

Bài 6: Thực hành khám hệ hô hấp – Tuần hoàn

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

- Khám được hệ hô hấp - tuần hoàn;

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Triệu chứng cơ năng, thực thể hệ tuần hoàn

2.2. Triệu chứng cơ năng, thực thể hệ hô hấp

Bài 7: Cách làm bệnh án

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức nguyên nhân, triệu chứng để hỏi bệnh, khám làm được bệnh án nội khoa, ngoại khoa;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Hành chính
- 2.2. Lý do vào viện
- 2.3. Bệnh sử
- 2.4. Thăm khám
- 2.5. Tiền sử
- 2.6. Chẩn đoán sơ bộ
- 2.7. Tóm tắt bệnh án
- 2.8. Chẩn đoán xác định
- 2.9. Phòng bệnh

Phần II: Bệnh hô hấp - tuần hoàn thường gặp

Bài 8: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nhóm thuốc, tác dụng chính, tác dụng không mong muốn và tư vấn được cho NB sử dụng thuốc an toàn, hợp lý;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Thuốc kháng sinh
- 2.2. Thuốc chữa ho hen
- 2.3. Thuốc tác dụng trên hệ tim mạch

Bài 9: Thuốc tác dụng trên hệ tuần hoàn

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nhóm thuốc, tác dụng chính, tác dụng không mong muốn và tư vấn được cho NB sử dụng thuốc an toàn, hợp lý;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Thuốc hạ áp
- 2.2. Thuốc điều trị đau thắt ngực
- 3.4. Thuốc chống loạn nhịp

Phần III: Bệnh hô hấp - tuần hoàn thường gặp

Bài 10: Bệnh tim mạch nội khoa thường gặp

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức giải phẫu, nguyên nhân, triệu chứng để khám và chẩn đoán được NB mắc bệnh tim mạch nội khoa thường gặp;
- Điều trị và tư vấn được cho người bệnh mắc bệnh tim mạch thường gặp.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Bệnh tăng huyết áp
- 2.2. Bệnh Suy tim
- 2.3. Bệnh đau thắt ngực
- 2.4. Bệnh nhồi máu cơ tim

Bài 11: Bệnh hô hấp nội khoa thường gặp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức giải phẫu, nguyên nhân, triệu chứng để khám và chẩn đoán được NB mắc bệnh hô hấp nội khoa thường gặp;
- Điều trị và tư vấn được cho người bệnh mắc bệnh hô hấp nội khoa thường gặp.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Bệnh hen phế quản
- 2.2. Bệnh tâm phế
- 2.3. Bệnh viêm phổi

Bài 12: Bệnh ngoại khoa hô hấp - tim mạch thường gặp

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức giải phẫu, nguyên nhân, triệu chứng để khám và chẩn đoán được NB mắc bệnh ngoại hô hấp – tim mạch khoa thường gặp.
- Điều trị và tư vấn được cho NB mắc bệnh hô hấp – tim mạch ngoại khoa thường gặp.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng

yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Chấn thương ngực kín

2.2. Vết thương ngực

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên

- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.

- Mô hình khám tim phổi, giường bệnh, ống nghe, huyết áp

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống lâm sàng.

4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn.

- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa, được giảng dạy vào kỳ II

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên;
- + Xây dựng các tình huống lâm sàng phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy. (lưu ý: các câu hỏi trong tình huống phải phù hợp với mục tiêu của bài);
- + Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có minh họa, động não.

- Đối với người học:

- + Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).
- + Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp. Các nhóm hoàn thành nội dung thảo luận và gửi mail cho HS trước buổi học 2 ngày.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giải phẫu sinh lý hệ hô hấp, tuần hoàn;
- Nguyên nhân gây bệnh, thuốc điều trị;
- Chẩn đoán và điều trị các bệnh hô hấp, tuần hoàn thường gặp.

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] Tài liệu giảng dạy: *Bệnh học người lớn 1* - sách dùng cho y sĩ . Bộ môn Nội - Trường cao đẳng Y Thái Bình (2022)
- [2] *Triệu chứng học nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, 2018.
- [3] *Triệu chứng học ngoại - khoa*, Nhà xuất bản Y học, 2020
- [4] *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện*, Bộ Y tế - 2020
- [5] Bộ môn ngoại trường đại học Y Hà Nội, *Bài giảng Ngoại khoa tập 1*, 2NXB y học 2009.
- [6] Phạm Thị Minh Đức: *Sinh lý học* (Dành cho các trường Cao đẳng Y) (2017), Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: BỆNH HỌC NGƯỜI LỚN 2

Mã mô đun: MD 11

Số tín chỉ: 3(2-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc
- Tính chất: Lý thuyết kết hợp tích hợp thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Áp dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý, vi sinh vật để phát hiện triệu chứng và các vấn đề sức khỏe hệ tiêu hóa, tiết niệu trong các tình huống dạy học;
- Giải thích các triệu chứng và dấu hiệu bệnh lý, từ đó đưa ra các lập luận chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý hệ tiêu hóa, tiết niệu thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể;
- Đưa ra được hướng xử trí tại tuyến y tế cơ sở phù hợp cho NB trong tình huống giảng dạy.

2.2. Về kỹ năng:

- Khám phát hiện được triệu chứng của người bệnh mắc các bệnh lý thuộc hệ tiêu hóa, tiết niệu thường gặp;
- Hướng dẫn được người bệnh cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý;
- Tư vấn cho người bệnh cách phòng bệnh phù hợp.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
	Phần I: Giải phẫu, sinh lý, cơ chế bệnh sinh				
1	Bài 1: Giải phẫu, sinh lý hệ tiêu hóa 1. Miệng, hầu, thực quản 2. Dạ dày – tá tràng 3. Ruột non 4. Đại trực tràng 5. Tuyến tiêu hóa 6. Sinh lý hệ tiêu hóa	3	3	0	0
2	Bài 2: Giải phẫu, sinh lý hệ tiết niệu 1. Thận 2. Niệu quản 3. Bàng quang – niệu đạo 4. Sinh lý hệ tiết niệu	3	3	0	0
3	Bài 3: Thực hành GP hệ tiêu hóa - tiết niệu 1. Tiêu hóa 1.1. Miệng, hầu, thực quản 1.2. Dạ dày – tá tràng 1.3. Ruột non 1.4. Đại trực tràng 1.5. Tuyến tiêu hóa 2. Tiết niệu 2.1. Thận 2.2. Niệu quản Bàng quang – niệu đạo	15	0	13	2
4	Bài 4: Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh hệ tiêu hóa, tiết niệu do vi sinh vật 1. Vi sinh vật gây bệnh trên hệ tiêu hóa 1.1. Trùng khuẩn thương hàn 1.2. Trùng khuẩn lỵ 1.3. Trùng khuẩn E. coli 1.4. Phẩy khuẩn tả 1.5. Xoắn khuẩn H.pylory 1.6. Các virus viêm gan 1.7. Giun 1.8. Sán lá – sán dây 2. Vi sinh vật gây bệnh trên hệ tiết niệu 2.1. Lậu cầu 2.2. Xoắn khuẩn gian mai Trùng roi đường sinh dục tiết niệu.	4	4	0	0
5	Bài 5: Triệu chứng thường gặp khi tổn thương hệ tiêu hoá - tiết niệu 1. Triệu chứng thường gặp khi tổn thương BM tiêu hóa 1.1. Triệu chứng cơ năng	5	5	0	0

	1.2. Triệu chứng thực thể 1.3. Triệu chứng cận lâm sàng. 2. Triệu chứng thường gặp khi tổn thương BM tiết niệu 2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng thực thể Triệu chứng cận lâm sàng				
6	Bài 6: Thực hành khám hệ tiêu hóa, tiết niệu 1. Khám hệ tiêu hóa 2. Khám hệ tiết niệu	10	0	8	2
	Phần 2: Thuốc tác dụng trên các hệ tiêu hóa, tiết niệu				
8	Bài 7: Thuốc tác động lên hệ tiêu hóa, tiết niệu 1. Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa 1.1. Thuốc giảm co thắt tác dụng trên cơ trơn. 1.2. Thuốc chống táo bón. 1.3. Thuốc cầm ỉa. 1.4. Dung dịch bù nước, điện giải. 1.5. Thuốc kháng sinh tác dụng trên hệ tiêu hóa. 2. Thuốc tác dụng trên hệ tiết niệu 2.1. Thuốc lợi niệu 2.3. Thuốc kích thích tạo hồng cầu.	4	4	0	0
	Phần III: Các bệnh về hệ tiêu hóa, tiết niệu thường gặp				
10	Bài 8: Bệnh tim mạch nội khoa thường gặp: Bệnh tăng huyết áp, suy tim, đau thắt ngực, nhồi máu cơ tim 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	4	2	2	0
11	Bài 9: Bệnh nội khoa tiết niệu thường gặp: Suy thận, viêm cầu thận, hội chứng thận hư 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	5	4	0	1
12	Bài 10: Bệnh ngoại khoa tiêu hóa thường gặp: Sỏi mật, Trĩ, rò hậu môn, thoát vị bẹn 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân	3	2	1	0

	3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh				
	Bài 11: Bệnh ngoại khoa tiết niệu thường gặp Sỏi thận, sỏi niệu quản, tăng sản lành tính tuyến tiền liệt 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	2	1	1	0
	Bài 12: Bệnh ngoại khoa tiết niệu thường gặp Sỏi thận, sỏi niệu quản, tăng sản lành tính tuyến tiền liệt 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	2	2	0	0
Tổng		60	30	25	5

2. Nội dung chi tiết

Phần 1: Giải phẫu, sinh lý, cơ chế bệnh sinh

Bài 1: Giải phẫu, sinh lý, cơ chế bệnh sinh hệ tiêu hóa Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức về giải phẫu sinh lý hệ tiêu hóa để giải thích được triệu chứng của người bệnh;
- Vận dụng các kiến thức để tư vấn cho người bệnh phòng bệnh tiêu hóa;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Miệng, hầu, thực quản

2.2. Dạ dày – tá tràng

2.3. Ruột non

2.4. Đại trực tràng

2.5. Tuyến tiêu hóa

2.6. Sinh lý hệ tiêu hóa

Bài 2: Giải phẫu, sinh lý hệ tiết niệu

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức về giải phẫu sinh lý hệ tiết niệu để giải thích được triệu chứng của người bệnh;
- Vận dụng các kiến thức để tư vấn cho người bệnh phòng các bệnh hệ tiết niệu;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

1.1. Thận

1.2. Niệu quản

1.3. Bàng quang – niệu đạo

1.4. Sinh lý hệ tiết niệu

Bài 3: Thực hành GP hệ tiêu hóa - tiết niệu

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng kiến thức giải phẫu để xác định được đúng mốc giải phẫu của các cơ quan hệ tiêu hóa, tiết niệu trên mô hình cụ thể;
- Vận dụng kiến thức giải phẫu để xác định được các vị trí thăm khám, nhận định BN tổn thương hệ tiêu hóa, tiết niệu.

2. Nội dung

2.1. Tiêu hóa

2.1.1. Miệng, hầu, thực quản

2.1.2. Dạ dày – tá tràng

2.1.3. Ruột non

2.1.4. Đại trực tràng

2.1.5. Tuyến tiêu hóa

2.2. Tiết niệu

2.2.1. Thận

2.2.2. Niệu quản

2.2.3. Bàng quang – niệu đạo

Bài 4: Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh hệ tiêu hóa, tiết niệu do vi sinh vật

Thời gian: 4giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức về đặc điểm tính chất sinh vật hóa học để giải thích cơ chế gây bệnh, đường lây của các vi sinh vật gây bệnh lý đường tiêu hóa và tiết niệu;

- Vận dụng kiến thức bài học để bước đầu tư vấn được cho NB cách phòng và điều trị bệnh hệ tiêu hóa - tiết niệu do vi sinh vật gây nên;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.

2. Nội dung

2.1. Vi sinh vật gây bệnh trên hệ tiêu hóa

- 2.1.1. Trực khuẩn thương hàn
- 2.1.2. Trực khuẩn lỵ
- 2.1.3. Trực khuẩn E.coli
- 2.1.4. Phẩy khuẩn tả
- 2.1.5. Xoắn khuẩn H.pylory
- 2.1.6. Các virus viêm gan
- 2.1.7. Giun
- 2.1.8. Sán lá – sán dây

Bài 5: Triệu chứng thường gặp khi tổn thương hệ tiêu hoá - tiết niệu

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được triệu chứng hệ hô hấp - tuần hoàn và ứng dụng vào việc nhận định, thăm khám NB;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

- 2.1. Triệu chứng thường gặp khi tổn thương BM tiêu hóa
 - 2.1.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.1.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.1.3. Triệu chứng cận lâm sàng.
- 2.2. Triệu chứng thường gặp khi tổn thương BM tiết niệu
 - 2.2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.2.3. Triệu chứng cận lâm sàng.

Bài 6: Thực hành khám hệ tiêu hóa, tiết niệu

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng kiến thức giải phẫu để xác định được đúng các vị trí các cơ quan trên cơ thể người cụ thể;

- Vận dụng kiến thức giải phẫu để xác định được các vị trí thăm khám, nhận định tổn thương hệ tiêu hóa, tiết niệu trên cơ thể người.

2. Nội dung

2.1. Khám hệ tiêu hóa

2.3. Khám hệ tiết niệu

Phần II: Thuộc tác dụng trên các hệ tiêu hóa, tiết niệu

Bài 7: Thuộc tác động lên hệ tiêu hóa, tiết niệu

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức sinh lý, dược lý để giải thích được cơ chế, tác dụng, tác dụng không mong muốn của các thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa, tiết niệu;

- Vận dụng các kiến thức để tư vấn cho người bệnh sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

2. Nội dung

2.1. Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa

2.1.1. Thuốc giảm co thắt tác dụng trên cơ trơn.

2.1.2. Thuốc chống táo bón.

2.1.3. Thuốc cầm ỉa.

2.1.4. Dung dịch bù nước, điện giải.

2.1.5. Thuốc kháng sinh tác dụng trên hệ tiêu hóa.

2.2. Thuốc tác dụng trên hệ tiết niệu

2.2.2. Thuốc lợi niệu

2.2.3. Thuốc kích thích tạo hồng cầu.

Phần III: Các bệnh về hệ tiêu hóa, tiết niệu thường gặp

Bài 8: Thuốc tác dụng trên hệ tuần hoàn

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nhóm thuốc, tác dụng chính, tác dụng không mong muốn và tư vấn được cho người bệnh sử dụng thuốc an toàn, hợp lý;

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Thuốc hạ áp

2.2. Thuốc điều trị đau thắt ngực

3.4. Thuốc chống loạn nhịp

hư

Bài 9: Bệnh nội khoa tiết niệu thường gặp: Suy thận, viêm cầu thận, hội chứng thận

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Giải thích được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây ra bệnh lý trong ca bệnh;
- Chỉ ra được các triệu chứng bệnh nội khoa tiêu hóa trong ca bệnh;
- Sử dụng bằng chứng phù hợp để đưa ra chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt;
- Đưa ra hướng xử trí phù hợp ca bệnh;
- Đưa ra được tiên lượng trong ca bệnh.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.3. Điều trị

2.4. Chẩn đoán

2.5. Biến chứng

2.6. Điều trị

Bài 10: Bệnh ngoại khoa tiêu hóa thường gặp

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Giải thích được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây ra bệnh lý trong ca bệnh;
- Chỉ ra được các triệu chứng bệnh trong ca bệnh;
- Sử dụng bằng chứng phù hợp để đưa ra chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt;
- Đưa ra hướng xử trí phù hợp ca bệnh;
- Đưa ra được tiên lượng trong ca bệnh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Điều trị

2.4. Chẩn đoán

2.5. Biến chứng

2.6. Điều trị

Bài 11: Bệnh ngoại khoa tiết niệu

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Giải thích được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây ra bệnh lý trong ca bệnh;

- Chỉ ra được các triệu chứng bệnh trong ca bệnh;
- Sử dụng bằng chứng phù hợp để đưa ra chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt;
- Đưa ra hướng xử trí phù hợp ca bệnh;
- Đưa ra được tiên lượng trong ca bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Điều trị
- 2.4. Chẩn đoán
- 2.5. Biến chứng
- 2.6. Điều trị

Bài 12: Bệnh ngoại khoa tiết niệu thường gặp: Sỏi thận, sỏi niệu quản, tăng sản lành tính tuyến tiền liệt **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu

- Giải thích được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây ra bệnh lý trong ca bệnh;
- Chỉ ra được các triệu chứng bệnh trong ca bệnh;
- Sử dụng bằng chứng phù hợp để đưa ra chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt;
- Đưa ra hướng xử trí phù hợp ca bệnh;
- Đưa ra được tiên lượng trong ca bệnh.

2. Nội dung

- 1.1. Đại cương
- 1.2. Triệu chứng
- 1.3. Điều trị
- 1.4. Chẩn đoán
- 1.5. Biến chứng
- 1.6. Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:
 - Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên
 - Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế
2. Trang thiết bị máy móc:
 - Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.

- Mô hình hệ tiêu hóa, tiết niệu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống lâm sàng.

4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn.

- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa, được giảng dạy vào kỳ II

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên;

+ Xây dựng các tình huống lâm sàng phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy. (lưu ý: các câu hỏi trong tình huống phải phù hợp với mục tiêu của bài);

+ Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có minh họa, động não.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).

+ Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học

theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp. Các nhóm hoàn thành nội dung thảo luận và gửi mail cho HS trước buổi học 2 ngày.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Tất cả các bài.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. *Bệnh học người lớn 2* - sách dùng cho y sĩ. Bộ môn nội - Trường cao đẳng y Thái Bình (2019)

[2] *Triệu chứng học nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, 2013.

[3] *Triệu chứng học ngoại-khoa*, Nhà xuất bản Y học, 2016

[4] *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện*, Bộ Y tế - 2018

[5] Bộ môn ngoại trường đại học Y Hà Nội, *Bài giảng Ngoại khoa tập 1*, NXB y học 2009.

[6] Phạm Thị Minh Đức: *Sinh lý học* (Dành cho các trường Cao đẳng Y) (2017) Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: BỆNH HỌC NGƯỜI LỚN 3

Mã mô đun: MD 12

Số tín chỉ: 4(3-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 75 giờ (Lý thuyết: 45 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc
- Tính chất: Lý thuyết kết hợp tích hợp thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Vận dụng các kiến thức về giải phẫu, sinh lý để xác định các mốc giải phẫu trong nhận định người bệnh;
- Vận dụng kiến thức về vi sinh, ký sinh trùng, sinh lý bệnh để giải thích nguyên nhân, cơ chế gây bệnh và triệu chứng bệnh nội tiết – chuyển hóa, triệu chứng bệnh về máu, bệnh về cơ xương khớp, thần kinh, truyền nhiễm thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể;
- Sử dụng chứng cứ phù hợp để lập luận, giải thích các chẩn đoán y khoa và hướng xử trí và điều trị cụ thể cho người bệnh mắc các bệnh nội tiết, máu, cơ xương khớp, thần kinh, truyền nhiễm trong các tình huống học tập.

2.2. Về kỹ năng:

- Khám phát hiện được triệu chứng của người bệnh mắc các bệnh nội tiết, máu, cơ xương khớp, thần kinh, truyền nhiễm khoa thường gặp;
- Chẩn đoán, điều trị các bệnh về nội tiết chuyển hóa, bệnh về máu, cơ xương khớp, thần kinh, truyền nhiễm khoa thường gặp;
- Tư vấn cho người bệnh cách phòng bệnh phù hợp.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
	Phần I: Giải phẫu – sinh lý, cơ chế bệnh sinh hệ cơ xương khớp, máu, thần kinh, nội tiết				
1	Bài 1: Giải phẫu, sinh lý, cơ chế bệnh sinh hệ cơ, xương - khớp, thần kinh 1. Đại cương về xương khớp 2. Xương đầu mặt cổ 3. Xương thân mình 4. Xương chi trên 5. Xương chi dưới 6. Sinh lý tạo xương và hủy xương 7. Cơ đầu mặt cổ 8. Cơ chi trên 9. Cơ chi dưới 10. Sinh lý cơ cơ 11. Giải phẫu sinh lý Neuron thần kinh 12. Giải phẫu não (bán cầu đại não, thân não, tiểu não, 12 đôi dây thần kinh sọ) 13. Giải phẫu tủy sống	6	6	0	0
2	Bài 2: Giải phẫu, sinh lý và cơ chế gây bệnh một số tuyến nội tiết: tuyến giáp, tuyến tụy 1. Đại cương về hệ nội tiết và hormon 2. Đại cương về vùng dưới đồi và tuyến yên 3. Giải phẫu, sinh lý và một số rối loạn của tuyến giáp trạng 4. Giải phẫu, sinh lý và một số rối loạn của tuyến tụy nội tiết Sinh lý – sinh lý bệnh hệ tạo máu 1. Chức năng và đặc tính của máu 2. Sinh lý – sinh lý bệnh dòng hồng cầu 3. Sinh lý – sinh lý bệnh dòng bạch cầu 4. Sinh lý cầm máu và rối loạn đông cầm máu	6	4	0	2
3	Bài 3: Thực hành Giải phẫu hệ xương - khớp 1. Xương đầu mặt 2. Xương chi trên 3. Xương thân mình 4. Xương chi dưới 5. Khớp vai, khớp háng, khớp gối	5	0	5	0
4	Bài 4: Thực hành Giải phẫu hệ cơ, hệ thần kinh 1. Cơ đầu mặt cổ	5	0	5	0

	2. Cơ chi trên liên quan đến cột sống 3. Cơ chi trên liên quan đến thành ngực 4. Cơ chi dưới 5. Cơ vùng bụng 6. Thần kinh trung ương 7. Thần kinh ngoại biên				
Phần II: Thuốc tác động trên hệ cơ xương khớp, máu, thần kinh, nội tiết					
5	Bài 5: Thuốc tác động lên hệ cơ – xương – khớp, thần kinh. 1. Thuốc tác động lên hệ cơ xương khớp 1.1. Thuốc hạ sốt giảm đau: Paracetamol 1.2. Thuốc chống viêm non steroid: Diclofenac, Ibuprofen, Meloxicam, Celecoxib. 1.3. Thuốc Steroid: Prednisonol và các steroid khác. 1.4. Thuốc điều trị gút (Colchicin và Allopurinol). 1.5. Thuốc điều trị viêm khớp dạng thấp. 1.6. Thuốc điều trị thoái hóa khớp. 2 Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh 2.1. Thuốc an thần gây ngủ. 2.2. Thuốc tăng cường chuyển hóa tế bào thần kinh	4	4	0	0
6	Bài 6: Thuốc tác động lên hệ máu, nội tiết – chuyển hóa 1. Thuốc tác động lên hệ nội tiết - chuyển hóa 1.1. Thuốc hạ glucose máu - Thuốc uống hạ glucose máu - Insulin 1.2. Thuốc điều bệnh lý tuyến giáp - Thuốc kháng giáp trạng tổng hợp 1.3. Thuốc hạ lipoprotein máu 2. Thuốc tác động lên hệ máu: 2.1. Thuốc chữa thiếu máu: Sắt, Vitamin B12, Acid folic và một số thuốc chống thiếu máu khác 2.2. Thuốc tác động lên quá trình đông máu và tiêu fibrin	4	4	0	0
Phần III: Triệu chứng, bệnh học và điều trị các bệnh về máu, nội tiết – chuyển hóa, cơ – xương – khớp, thần kinh, truyền nhiễm thường gặp					
7	Bài 7: Triệu chứng học cơ quan tạo máu – Bệnh về máu thường gặp: Thiếu máu, suy tủy xương, bạch cầu cấp 1.1. Khái niệm 1.2. Nguyên nhân	4	4	0	0

	1.3. Triệu chứng 1.4. Chẩn đoán 1.5. Điều trị 1.6. Phòng bệnh				
9	Bài 8: Thực hành thăm khám hệ vận động 1.1. Khám cột sống 1.2. Khám khớp gối 1.3. Khám khớp háng 1.4. Khám khớp vai 1.5. Khám tầm vận động khớp 1.6. Khám cơ lực, trương lực cơ	4	0	4	0
9	Bài 9: Thực hành thăm khám hệ thần kinh. 1.1. Đánh giá về ý thức 1.2. Khám vận động 1.3. Khám trương lực 1.4. Khám phản xạ 1.5. Rối loạn cơ tròn	7	0	5	2
10	Bài 10: Thực hành khám tuyến nội tiết – máu- hệ thống hạch 1.1. Khám đánh giá thiếu máu 1.2. Khám hạch 1.3. Khám tuyến giáp	5	0	5	0
11	Bài 11: Bệnh ngoại khoa tiết niệu thường gặp Sỏi thận, sỏi niệu quản, tăng sản lành tính tuyến tiền liệt 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	4	3	1	0
12	Bài 12: Bệnh lý cơ xương khớp nội khoa thường gặp: Gút, viêm khớp dạng thấp, thoái hóa khớp 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	4	3	0	1

13	Bài 13: Bệnh lý thần kinh thường gặp: Liệt nửa người, Tăng áp lực nội sọ, Đau thần kinh tọa 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	4	4	0	0
14	Bài 14: Các bệnh cơ xương khớp ngoại khoa thường gặp 1. Đại cương gãy xương 2. Gãy xương chi trên 3. Gãy xương chi dưới	4	4	0	0
15	Bài 15: Chấn thương sọ não 1. Nguyên nhân, cơ chế chấn thương 2. Phân loại 3. Lâm sàng 4. Triệu chứng cận lâm sàng 5. Hướng điều trị Di chứng sau chấn thương sọ não Bỏ 1. Nguyên nhân 2. Phân loại bỏ 3. Tiên lượng 4. Biến chứng của Bỏ nặng 5. Sơ cứu bỏ	4	4	0	0
16	Bài 16: Bệnh truyền nhiễm lây qua đường máu thường gặp (<i>Viêm gan B, Viêm gan C, HIV</i>) 1. Dịch tễ học một số bệnh truyền nhiễm lây 2. qua đường máu thường gặp Triệu chứng lâm sàng 3. Cận lâm sàng 4. Chẩn đoán và hướng điều trị	2	2	0	0
17	Bài 17: Bệnh truyền nhiễm lây qua đường tiêu hóa thường gặp (<i>Tả, lỵ trực khuẩn, lỵ amip, Thương hàn</i>) 1. Dịch tễ học một số bệnh truyền nhiễm lây qua đường tiêu hóa thường gặp 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Đánh giá tình trạng mất nước 4. Hướng điều trị và biến chứng	3	3	0	0
Tổng		75	45	25	5

2. Nội dung chi tiết

Phần I: Giải phẫu – sinh lý, cơ chế bệnh sinh hệ cơ xương khớp, máu, thần kinh, nội tiết

Bài 1: Giải phẫu, sinh lý, cơ chế bệnh sinh hệ cơ, xương - khớp, thần kinh

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức về giải phẫu sinh lý hệ cơ xương khớp, thần kinh để giải thích được triệu chứng của người bệnh;
- Vận dụng các kiến thức để tư vấn cho người bệnh phòng bệnh cơ xương khớp, thần kinh;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về xương khớp

2.2. Xương đầu mặt cổ

2.3. Xương thân mình

2.4. Xương chi trên

2.5. Xương chi dưới

2.6. Sinh lý tạo xương và hủy xương

2.7. Cơ đầu mặt cổ

2.8. Cơ chi trên

2.9. Cơ chi dưới

2.10. Sinh lý cơ cơ

2.11. Giải phẫu sinh lý Neuron thần kinh

2.12. Giải phẫu não (bán cầu đại não, thân não, tiểu não, 12 đôi dây thần kinh sọ)

2.13. Giải phẫu tủy sống

Bài 2: Giải phẫu, sinh lý và cơ chế gây bệnh một số tuyến nội tiết: tuyến giáp, tuyến tụy
Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức về đặc điểm cấu trúc, chức năng của mỗi loại tế bào máu, tỉ lệ của chúng trong công thức máu để nhận định, giải thích được những triệu chứng của người bệnh trong ca bệnh;
- Vận dụng kiến thức để tư vấn cho người bệnh phòng bệnh về máu;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

Giải phẫu, sinh lý và cơ chế gây bệnh một số tuyến nội tiết: tuyến giáp, tuyến tụy

2.1. Đại cương về hệ nội tiết và hormon

2.2. Đại cương về vùng dưới đồi và tuyến yên

2.3. Giải phẫu, sinh lý và một số rối loạn của tuyến giáp trạng

2.4. Giải phẫu, sinh lý và một số rối loạn của tuyến tụy nội tiết

Sinh lý – sinh lý bệnh hệ tạo máu

2.5. Chức năng và đặc tính của máu

2.6. Sinh lý – sinh lý bệnh dòng hồng cầu

2.7. Sinh lý – sinh lý bệnh dòng bạch cầu

2.8. Sinh lý cầm máu và rối loạn đông cầm máu

Bài 3: Thực hành Giải phẫu hệ xương - khớp

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng kiến thức giải phẫu để xác định được đúng mức giải phẫu của các xương, khớp trên mô hình cụ thể.

- Vận dụng kiến thức giải phẫu để xác định được các vị trí thăm khám, nhận định BN tổn thương về xương và khớp.

2. Nội dung

2.1. Xương đầu mặt

2.2. Xương chi trên

2.3. Xương thân mình

2.4. Xương chi dưới

2.5. Khớp vai, khớp háng, khớp gối

Bài 4: Thực hành Giải phẫu hệ cơ , thần kinh

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng kiến thức giải phẫu để xác định được đúng mức giải phẫu của các cơ và hệ thần kinh trên mô hình cụ thể;

- Vận dụng kiến thức giải phẫu để xác định được các vị trí thăm khám, nhận định BN tổn thương về cơ và thần kinh.

2. Nội dung

2.1. Cơ đầu mặt cổ

2.2. Cơ chi trên liên quan đến cột sống

2.3. Cơ chi trên liên quan đến thành ngực

2.4. Cơ chi dưới

2.5. Cơ vùng bụng

2.6. Thần kinh trung ương

2.7. Thần kinh ngoại biên

Phần II: Thuốc tác động trên hệ cơ xương khớp, máu, thần kinh, nội tiết

Bài 5: Thuốc tác động lên hệ cơ – xương – khớp, thần kinh Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức sinh lý, dược lý để giải thích được cơ chế, tác dụng, tác dụng không mong muốn của các thuốc tác dụng trên hệ cơ xương khớp, thần kinh;
- Vận dụng các kiến thức để tư vấn cho người bệnh sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

2. Nội dung

2.1. Thuốc hạ sốt giảm đau: Paracetamol

2.2. Thuốc chống viêm non steroid: Diclofenac, Ibuprofen, Meloxicam, Celecoxib.

2.3. Thuốc Steroid: Prednisolone và các steroid khác.

2.4. Thuốc điều trị gút (Colchicine và Allopurinol).

2.5. Thuốc điều trị viêm khớp dạng thấp.

2.6. Thuốc điều trị thoái hóa khớp.

2.2. Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh

2.2.1. Thuốc an thần gây ngủ.

2.2.2. Thuốc tăng cường chuyển hóa tế bào thần kinh

Bài 6: Thuốc tác động lên hệ máu, nội tiết – chuyển hóa, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức sinh lý, dược lý để giải thích được cơ chế, tác dụng, tác dụng không mong muốn của các thuốc tác dụng trên hệ máu, nội tiết – chuyển hóa;
- Vận dụng các kiến thức để tư vấn cho người bệnh sử dụng.

2. Nội dung

2.1. Khám hệ tiêu hóa

2.3. Khám hệ tiết niệu

Phần III: Triệu chứng, bệnh học và điều trị các bệnh về máu, nội tiết – chuyển hóa, cơ – xương – khớp, thần kinh, truyền nhiễm thường gặp

Bài 7: Triệu chứng học cơ quan tạo máu – Bệnh về máu thường gặp: Thiếu máu, suy tủy xương, bạch cầu cấp Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Nêu và giải thích được nguyên nhân, cơ chế gây ra các triệu chứng của cơ quan tạo máu

trong ca bệnh;

- Chỉ ra được các triệu chứng bệnh về máu trong ca bệnh;
- Sử dụng bằng chứng phù hợp để đưa ra chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt;
- Đưa ra hướng xử trí phù hợp ca bệnh;
- Đưa ra được tiên lượng trong ca bệnh.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị

2.6. Phòng bệnh

Bài 8: Thực hành thăm khám hệ vận động

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng kiến thức giải phẫu để xác định được đúng các vị trí các cơ quan trên cơ thể người cụ thể;
- Vận dụng kiến thức giải phẫu để xác định được các vị trí thăm khám, nhận định tổn thương hệ cơ xương khớp trên cơ thể người.

2. Nội dung

2.1. Khám cột sống

2.2. Khám khớp gối

2.3. Khám khớp háng

2.4. Khám khớp vai

2.5. Khám tầm vận động khớp

2.6. Khám cơ lực, trương lực cơ

2.7. Khám trục chi, chiều dài chi

Bài 9: Thực hành thăm khám hệ thần kinh.

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng kiến thức giải phẫu để xác định được đúng các vị trí các cơ quan trên cơ thể người cụ thể;
- Vận dụng kiến thức giải phẫu để xác định được các vị trí thăm khám, nhận định tổn thương hệ thần kinh cơ thể người.

2. Nội dung

- 2.1. Đánh giá về ý thức
- 2.2. Khám vận động
- 2.3. Khám trương lực
- 2.4. Khám phản xạ
- 2.5. Rối loạn cơ tròn
- 2.6. Khám 12 đôi dây TK sọ não

Bài 10: Thực hành khám tuyến nội tiết – máu- hệ thống hạch

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng kiến thức giải phẫu để xác định được đúng các vị trí các cơ quan trên cơ thể người cụ thể;
- Vận dụng kiến thức giải phẫu để xác định được các vị trí thăm khám, nhận định thiếu máu, các tổn thương về tuyến giáp, hạch trên cơ thể người.

2. Nội dung

- 2.1. Khám đánh giá thiếu máu
- 2.2. Khám hạch
- 2.3. Khám tuyến giáp

Bài 11: Bệnh ngoại khoa tiết niệu thường gặp Sỏi thận, sỏi niệu quản, tăng sản lành tính tuyến tiền liệt

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Giải thích được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây ra bệnh lý trong ca bệnh.
- Chỉ ra được các triệu chứng bệnh trong ca bệnh.
- Sử dụng bằng chứng phù hợp để đưa ra chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt;
- Đưa ra hướng xử trí phù hợp ca bệnh;
- Đưa ra được tiên lượng trong ca bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Điều trị
- 2.4. Chẩn đoán
- 2.5. Biến chứng
- 2.6. Điều trị

Bài 12: Bệnh lý cơ xương khớp nội khoa thường gặp: Gút, viêm khớp dạng thấp, thoái hóa khớp **Thời gian: 4 giờ**

- Giải thích được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây ra bệnh lý trong ca bệnh.
- Chỉ ra được các triệu chứng bệnh trong ca bệnh.
- Sử dụng bằng chứng phù hợp để đưa ra chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt;
- Đưa ra hướng xử trí phù hợp ca bệnh;
- Đưa ra được tiên lượng trong ca bệnh.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.3. Điều trị

2.4. Chẩn đoán

2.5. Biến chứng

2.6. Điều trị

Bài 13: Bệnh lý thần kinh thường gặp: Liệt nửa người, Tăng áp lực nội sọ, đau thần kinh tọa **Thời gian: 4 giờ**

- Giải thích được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây ra bệnh lý trong ca bệnh.
- Chỉ ra được các triệu chứng bệnh trong ca bệnh.
- Sử dụng bằng chứng phù hợp để đưa ra chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt;
- Đưa ra hướng xử trí phù hợp ca bệnh;
- Đưa ra được tiên lượng trong ca bệnh.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.3. Điều trị

2.4. Chẩn đoán

2.5. Biến chứng

2.6. Điều trị

Bài 14: Các bệnh cơ xương khớp ngoại khoa thường gặp **Thời gian: 4 giờ**

- Giải thích được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây ra bệnh lý trong ca bệnh.
- Chỉ ra được các triệu chứng bệnh trong ca bệnh.
- Sử dụng bằng chứng phù hợp để đưa ra chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt;

- Đưa ra hướng xử trí phù hợp ca bệnh;
- Đưa ra được tiên lượng trong ca bệnh.

2. Nội dung

Chấn thương sọ não

- 2.1. Nguyên nhân, cơ chế chấn thương
- 2.2. Phân loại
- 2.3. Lâm sàng
- 2.4. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.5. Hướng điều trị
- 2.6. Di chứng sau chấn thương sọ não

Bóng

- 2.7. Nguyên nhân
- 2.8. Phân loại bóng
- 2.9. Tiên lượng
- 2.10. Biến chứng của Bóng nặng
- 2.11. Sơ cứu bóng

Bài 15: Chấn thương sọ não

Thời gian: 4 giờ

- Giải thích được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây ra bệnh lý trong ca bệnh.
- Chỉ ra được các triệu chứng bệnh trong ca bệnh.
- Sử dụng bằng chứng phù hợp để đưa ra chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt;
- Đưa ra hướng xử trí phù hợp ca bệnh;
- Đưa ra được tiên lượng trong ca bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Dịch tễ học một số bệnh truyền nhiễm lây qua đường máu thường gặp
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3. Cận lâm sàng
- 2.4. Chẩn đoán và hướng điều trị

Bài 16: Bệnh truyền nhiễm lây qua đường máu thường gặp (Viêm gan B, Viêm gan C, HIV)

Thời gian: 2 giờ

- Giải thích được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây ra bệnh lý trong ca bệnh.
- Chỉ ra được các triệu chứng bệnh trong ca bệnh.
- Sử dụng bằng chứng phù hợp để đưa ra chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt;

- Đưa ra hướng xử trí phù hợp ca bệnh;
- Đưa ra được tiên lượng trong ca bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Dịch tễ học một số bệnh truyền nhiễm lây qua đường máu thường gặp
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3. Cận lâm sàng
- 2.4. Chẩn đoán và hướng điều trị

Bài 17: Bệnh truyền nhiễm lây qua đường tiêu hóa thường gặp (*Tả, lý trực khuẩn, lý amip, Thương hàn*)

Thời gian: 2 giờ

- Giải thích được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi gây ra bệnh lý trong ca bệnh.
- Chỉ ra được các triệu chứng bệnh trong ca bệnh.
- Sử dụng bằng chứng phù hợp để đưa ra chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt;
- Đưa ra hướng xử trí phù hợp ca bệnh;
- Đưa ra được tiên lượng trong ca bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Dịch tễ học một số bệnh truyền nhiễm lây qua đường tiêu hóa thường gặp
- 2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3. Đánh giá tình trạng mất nước
- 2.4. Hướng điều trị và biến chứng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:
 - Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên
 - Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế
2. Trang thiết bị máy móc:
 - Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.
 - Mô hình giải phẫu, búa phản xạ, thước dây, thước đo tầm vận động khớp, giường bệnh
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống lâm sàng.
4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn
- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên;
- + Xây dựng các tình huống lâm sàng phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy. (lưu ý: các câu hỏi trong tình huống phải phù hợp với mục tiêu của bài);
- + Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có minh họa, động não.

- Đối với người học:

- + Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).
- + Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp. Các nhóm hoàn thành nội dung thảo luận và gửi mail cho HS trước buổi học 2 ngày.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giải phẫu, sinh lý hệ cơ, xương, khớp, thần kinh.
- Sinh lý, sinh lý bệnh về máu, tuyến nội tiết.
- Thuốc điều trị

- Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp

4.1. Tài liệu học tập

[1] *Bệnh học người lớn 3* - sách dùng cho cao đẳng y sĩ . Bộ môn Nội - Trường cao đẳng y Thái Bình.

4.2. Tài liệu tham khảo:

[1] *Triệu chứng học nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, 2013. 2. *Triệu chứng học ngoại-khoa*, Nhà xuất bản Y học, 2016 3. *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện*, Bộ Y tế - 2018

[2] Bộ môn ngoại trường đại học Y Hà Nội, *Bài giảng Ngoại khoa tập 1, 2* NXB y học 2021.

[3] Bài giảng Bệnh truyền nhiễm – Bộ môn Truyền nhiễm – ĐHY Hà Nội - NXB Y học 2016.

[4] *Bệnh học cơ xương khớp nội khoa*, NXB Giáo dục Việt Nam (2015).

[5] *Điều dưỡng cơ bản*, nhà xuất bản Y học (2016).

[6] *Dược lý học lâm sàng*, Đại học Y Hà Nội, nhà xuất bản Y Học (2016).

[7] Frank H.Netter (2017) .Atlas giải phẫu người, NXB Y Học

[8] *Hướng dẫn chăm sóc các bệnh truyền nhiễm – Bệnh viện bệnh nhiệt đới Trung ương* (2016) – NXB Y học.

[9] PGS. TS. Lê Quang Cường (2015) *Triệu Chứng Học Thần Kinh*, Nhà xuất bản Y học.

[10] Phạm Thị Minh Đức (2017) *Sinh lý học* (Dành cho các trường Cao đẳng Y) Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG BỆNH HỌC NGƯỜI LỚN 1

Mã mô đun: MD 13

Số tín chỉ: 3(0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 85 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành.
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh hô hấp - tuần hoàn một cách thành thạo;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh hô hấp - tuần hoàn thường gặp;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh hô hấp - tuần hoàn có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;
- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nội, ngoại khoa hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Bài 1. Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân bổ công việc thực hành	0	0	1	
2	Bài 2. Hướng dẫn cách khám người bệnh hô hấp nội khoa	0	0	2	
3	Bài 3. Thực hành khám người bệnh hô hấp nội khoa	0	0	15	
4	Bài 4. Hướng dẫn cách làm bệnh án nội khoa	0	0	3	
5	Bài 5. Làm bệnh án hô hấp nội khoa	0	0	3	
6	Bài 6. Hướng dẫn cách khám người bệnh tim mạch nội khoa	0	0	2	
7	Bài 7. Thực hành khám người bệnh tim mạch nội khoa	0	0	15	
8	Bài 8. Làm bệnh án tim mạch nội khoa	0	0	3	
9	Bài 9. Hướng dẫn khám người bệnh hô hấp ngoại khoa	0	0	2	
10	Bài 10. Thực hành khám người bệnh hô hấp ngoại khoa	0	0	15	
11	Bài 11. Làm bệnh án hô hấp ngoại khoa	0	0	3	
12	Bài 12. Hướng dẫn khám người bệnh tim mạch ngoại khoa	0	0	2	
13	Bài 13. Thực hành khám người bệnh tim mạch ngoại khoa	0	0	15	
14	Bài 14. Làm bệnh án tim mạch ngoại khoa	0	0	4	
15	Bài 15. Thi kết thúc	0	0	0	5
Tổng		90	0	85	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân bổ công việc thực hành

Thời gian: 01 giờ

- Địa điểm: Tại các khoa nội Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

Bài 2: Hướng dẫn cách khám NB hô hấp

Thời gian: 02 giờ

Bài 3: Thực hành khám NB hô hấp nội khoa

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh hô hấp;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh hô hấp theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân hô hấp tại phòng bệnh.
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân hô hấp tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 4: Hướng dẫn cách làm bệnh án nội khoa

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê được các mục trong bệnh án nội khoa;
- Vận dụng các kiến thức đã học để làm hoàn chỉnh bệnh án nội khoa.

2. Nội dung

- 2.1. Hướng dẫn chi tiết từng mục trong bệnh án nội khoa;
- 2.2. Hướng dẫn sinh viên làm bệnh án 1 người bệnh tại buồng điều trị.

Bài 5: Làm bệnh án hô hấp nội khoa

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh hô hấp nội khoa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án hô hấp nội khoa theo chỉ tiêu

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 1 bệnh án.

Bài 6: Hướng dẫn khám NB tim mạch nội khoa

Thời gian: 2 giờ

Bài 7: Thực hành khám NB tim mạch nội khoa

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh tim mạch nội khoa
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh tim mạch nội khoa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tim mạch tại phòng bệnh
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tim mạch tại phòng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 8: Làm bệnh án tim mạch nội khoa

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh tim mạch nội khoa
- Làm hoàn chỉnh bệnh án tim mạch nội khoa theo chỉ tiêu

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho giáo viên mỗi tuần 1 bệnh án.

Bài 9: Hướng dẫn khám NB hô hấp ngoại khoa

Thời gian: 2 giờ

Bài 10: Thực hành khám NB hô hấp ngoại khoa

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh hô hấp ngoại khoa;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh hô hấp ngoại khoa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám người bệnh hô hấp ngoại khoa tại phòng bệnh;
- Sinh viên chia nhóm khám người bệnh hô hấp ngoại khoa tại phòng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 11: Làm bệnh án hô hấp ngoại khoa

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh hô hấp ngoại khoa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án hô hấp ngoại khoa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho giáo viên mỗi tuần 1 bệnh án.

Bài 12: Hướng dẫn khám NB tim mạch ngoại khoa

Thời gian: 2 giờ

Bài 13: Thực hành khám NB tim mạch ngoại khoa

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh tim mạch ngoại khoa;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh tim mạch ngoại khoa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám người bệnh tim mạch ngoại khoa tại phòng bệnh.
- Sinh viên chia nhóm khám người bệnh tim mạch ngoại khoa tại buồng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 14: Làm bệnh án tim mạch ngoại khoa

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh tim mạch ngoại khoa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án tim mạch ngoại khoa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho giáo viên mỗi tuần 1 bệnh án.

Bài 15: Thi kết thúc vòng lâm sàng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Đánh giá kết quả thực tập lâm sàng Bệnh học người lớn 1.
- Hoàn thành được các tiêu chí của đợt thực tập

2. Nội dung

- Sinh viên bốc thăm người bệnh;
- Hỏi bệnh, thăm khám và làm bệnh án nộp;
- Giáo viên kiểm tra khám phát hiện triệu chứng trên người bệnh;
- Chấm điểm, đánh giá kết thúc đợt thực tập.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Các phòng bệnh tại các khoa nội, ngoại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.
- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: điện tim, Mornitor, máy tính,..

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;
- Ống nghe, đồng hồ đeo tay.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%

2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1] *Điều dưỡng Bệnh nội khoa người lớn* - sách dùng cho cao y sĩ đa khoa. Bộ môn nội - Trường cao đẳng y Thái Bình (2020).

[2] *Bệnh học nội khoa* - Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG BỆNH HỌC NGƯỜI LỚN 2

Mã mô đun: MD 14

Số tín chỉ: 3(0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 85 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun chuyên ngành.
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh tiêu hóa - tuần hoàn một cách thành thạo;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị người bệnh mắc bệnh tiêu hóa - tuần hoàn thường gặp;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh tiêu hóa - tuần hoàn có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;
- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nội, ngoại khoa hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Bài 1. Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân bổ công việc thực hành	0	0	1	
2	Bài 2. Hướng dẫn cách khám người bệnh tiêu hóa nội khoa	0	0	2	
3	Bài 3. Thực hành khám người bệnh tiêu hóa nội khoa	0	0	15	
4	Bài 4. Hướng dẫn cách làm bệnh án nội khoa	0	0	3	
5	Bài 5. Làm bệnh án tiêu hóa nội khoa	0	0	3	
6	Bài 6. Hướng dẫn cách khám người bệnh tiết niệu nội khoa	0	0	2	
7	Bài 7. Thực hành khám người bệnh tiết niệu nội khoa	0	0	15	
8	Bài 8. Làm bệnh án tiết niệu nội khoa	0	0	3	
9	Bài 9. Hướng dẫn khám người bệnh tiêu hóa ngoại khoa	0	0	2	
10	Bài 10. Thực hành khám người bệnh tiêu hóa ngoại khoa	0	0	15	
11	Bài 11. Làm bệnh án tiêu hóa ngoại khoa	0	0	3	
12	Bài 12. Hướng dẫn khám người bệnh tiết niệu ngoại khoa	0	0	2	
13	Bài 13. Thực hành khám người bệnh tiết niệu ngoại khoa	0	0	15	
14	Bài 14. Làm bệnh án tiết niệu ngoại khoa	0	0	4	
15	Bài 15. Thi kết thúc	0	0	0	5
Tổng		90	0	85	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân bổ công việc thực hành

Thời gian: 01 giờ

- Địa điểm: Tại các khoa nội Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

Bài 2: Hướng dẫn cách khám NB tiêu hóa

Thời gian: 02 giờ

Bài 3: Thực hành khám NB tiêu hóa nội khoa

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh tiêu hóa;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh tiêu hóa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tiêu hóa tại phòng bệnh.
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tiêu hóa tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 4: Hướng dẫn cách làm bệnh án nội khoa

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê được các mục trong bệnh án nội khoa;
- Vận dụng các kiến thức đã học để làm hoàn chỉnh bệnh án nội khoa.

2. Nội dung

- 2.1. Hướng dẫn chi tiết từng mục trong bệnh án nội khoa;
- 2.2. Hướng dẫn sinh viên làm bệnh án 1 người bệnh tại buồng điều trị.

Bài 5: Làm bệnh án tiêu hóa nội khoa

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh tiêu hóa nội khoa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án tiêu hóa nội khoa theo chỉ tiêu

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 1 bệnh án.

Bài 6: Hướng dẫn khám NB tiết niệu nội khoa

Thời gian: 2 giờ

Bài 7: Thực hành khám NB tiết niệu nội khoa

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh tiết niệu nội khoa
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh tiết niệu nội khoa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tiêu hóa tại phòng bệnh
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tiêu hóa tại phòng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 8: Làm bệnh án tiết niệu nội khoa

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh tiết niệu nội khoa
- Làm hoàn chỉnh bệnh án tiết niệu nội khoa theo chỉ tiêu

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 1 bệnh án.

Bài 9: Hướng dẫn khám NB tiêu hóa ngoại khoa

Thời gian: 2 giờ

Bài 10: Thực hành khám NB tiêu hóa ngoại khoa

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh tiêu hóa ngoại khoa;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh tiêu hóa ngoại khoa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám người bệnh tiêu hóa ngoại khoa tại phòng bệnh;
- Sinh viên chia nhóm khám người bệnh tiêu hóa ngoại khoa tại phòng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 11: Làm bệnh án tiêu hóa ngoại khoa

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh tiêu hóa ngoại khoa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án tiêu hóa ngoại khoa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 1 bệnh án.

Bài 12: Hướng dẫn khám NB tiết niệu ngoại khoa

Thời gian: 2 giờ

Bài 13: Thực hành khám NB tiết niệu ngoại khoa

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh tiết niệu ngoại khoa;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh tiết niệu ngoại khoa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám người bệnh tiết niệu ngoại khoa tại phòng bệnh.
- Sinh viên chia nhóm khám người bệnh tiết niệu ngoại khoa tại buồng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 14: Làm bệnh án tiết niệu ngoại khoa

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh tiết niệu ngoại khoa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án tiết niệu ngoại khoa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 1 bệnh án.

Bài 15: Thi kết thúc vòng lâm sàng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Đánh giá kết quả thực tập lâm sàng Bệnh học người lớn 1.
- Hoàn thành được các tiêu chí của đợt thực tập

2. Nội dung

- Sinh viên bốc thăm người bệnh;
- Hỏi bệnh, thăm khám và làm bệnh án nộp;
- Giáo viên kiểm tra khám phát hiện triệu chứng trên người bệnh;
- Chấm điểm, đánh giá kết thúc đợt thực tập.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Các phòng bệnh tại các khoa nội, ngoại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: điện tim, Mornitor, máy tính,..

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;
- Ống nghe, đồng hồ đeo tay

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%

3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%
---	--------------	---	-----

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1] *Điều dưỡng Bệnh nội khoa người lớn* - sách dùng cho cao y sĩ đa khoa. Bộ môn nội - Trường cao đẳng y Thái Bình (2020)

[2] *Bệnh học nội khoa* - Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG BỆNH HỌC NGƯỜI LỚN 3

Mã mô đun: MD 15

Số tín chỉ: 3(0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 85 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành.
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh về máu, nội tiết chuyển hóa, cơ xương khớp, truyền nhiễm, thần kinh một cách thành thạo;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám và điều trị;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh về máu, nội tiết chuyển hóa, cơ xương khớp, truyền nhiễm, thần kinh có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên.
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên.
- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Bài 1. Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành	0	0	1	
2	Bài 2. Hướng dẫn cách khám người bệnh mắc bệnh về máu	0	0	2	
3	Bài 3. Thực hành khám người bệnh mắc bệnh về máu	0	0	10	
4	Bài 4. Làm bệnh án bệnh về máu	0	0	2	
5	Bài 5. Hướng dẫn cách khám người bệnh nội tiết chuyển hóa	0	0	2	
6	Bài 6. Thực hành khám người bệnh nội tiết chuyển hóa	0	0	5	
7	Bài 7. Làm bệnh án nội tiết chuyển hóa	0	0	2	
8	Bài 8. Hướng dẫn khám người bệnh thần kinh nội khoa	0	0	2	
9	Bài 9. Thực hành khám người bệnh thần kinh nội khoa	0	0	5	
10	Bài 10. Làm bệnh án thần kinh nội khoa	0	0	2	
11	Bài 11. Hướng dẫn khám người bệnh truyền nhiễm	0	0	2	
12	Bài 12. Thực hành khám người bệnh truyền nhiễm	0	0	10	
13	Bài 13. Làm bệnh án truyền nhiễm	0	0	2	
14	Bài 14. Hướng dẫn khám người bệnh cơ xương khớp	0	0	2	
15	Bài 15. Thực hành khám người bệnh cơ xương khớp	0	0	7	
16	Bài 16. Làm bệnh án cơ xương khớp	0	0	2	
17	Bài 17. Hướng dẫn khám người bệnh chấn thương sọ não	0	0	2	
18	Bài 18. Thực hành khám người bệnh chấn thương sọ não	0	0	5	
19	Bài 19. Làm bệnh án chấn thương sọ não	0	0	2	
20	Bài 20. Hướng dẫn khám người bệnh bỏng	0	0	1	

21	Bài 21. Thực hành khám người bệnh bỏng	0	0	5	
22	Bài 22. Làm bệnh án bỏng	0	0	2	
23	Bài 23. Hướng dẫn khám người bệnh gãy xương	0	0	1	
24	Bài 24. Thực hành khám người bệnh gãy xương	0	0	7	
25	Bài 25. Làm bệnh án gãy xương	0	0	2	
26	Bài 26. Thi kết thúc	0	0	0	5
Tổng		90	0	85	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành

Thời gian: 01 giờ

- Địa điểm: Tại các khoa nội Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

Bài 2: Hướng dẫn cách khám NB tiêu hóa

Thời gian: 02 giờ

Bài 3: Thực hành khám NB mắc bệnh về máu

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh mắc bệnh về máu
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh bệnh về máu theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân bệnh về máu tại phòng bệnh

2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân bệnh về máu tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 4: Làm bệnh án bệnh về máu

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh bệnh về máu
- Làm hoàn chỉnh bệnh án bệnh về máu theo chỉ tiêu

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 3 bệnh án.

Bài 5: Hướng dẫn cách khám NB nội tiết chuyển hóa

Thời gian: 2 giờ

Bài 6: Thực hành khám NB nội tiết chuyển hóa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh nội tiết chuyển hóa

- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh nội tiết chuyển hóa theo chỉ tiêu.

2.Nội dung

Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân nội tiết chuyển hóa tại phòng bệnh

Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân nội tiết chuyển hóa tại phòng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 7: Làm bệnh án nội tiết chuyển hóa

Thời gian: 2 giờ

1.Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh nội tiết chuyển hóa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án nội tiết chuyển hóa theo chỉ tiêu

2.Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 3 bệnh án.

Bài 8: Hướng dẫn khám NB thần kinh nội khoa

Thời gian: 2 giờ

Bài 9: Thực hành khám NB thần kinh nội khoa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh thần kinh nội khoa;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh thần kinh nội khoa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân thần kinh nội khoa tại phòng bệnh
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân thần kinh nội khoa tại phòng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 10: Làm bệnh án thần kinh nội khoa

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh thần kinh nội khoa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án thần kinh nội khoa theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 3 bệnh án.

Bài 11: Hướng dẫn khám NB truyền nhiễm

Thời gian: 2 giờ

Bài 12: Thực hành khám NB truyền nhiễm

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh truyền nhiễm;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh truyền nhiễm

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân truyền nhiễm tại phòng bệnh;
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân truyền nhiễm tại phòng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 13: Làm bệnh án truyền nhiễm

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh truyền nhiễm.
- Làm hoàn chỉnh bệnh án truyền nhiễm theo chỉ tiêu

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 3 bệnh án.

Bài 14: Hướng dẫn khám NB cơ xương khớp

Thời gian: 2 giờ

Bài 15: Thực hành khám NB cơ xương khớp

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh cơ xương khớp.
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh cơ xương khớp theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân cơ xương khớp tại phòng bệnh.
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân cơ xương khớp tại phòng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 16: Làm bệnh án cơ xương khớp

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh cơ xương khớp;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án nội tiết theo chỉ tiêu

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 3 bệnh án.

Bài 17: Hướng dẫn khám NB chấn thương sọ não

Thời gian: 2 giờ

Bài 18: Thực hành khám NB chấn thương sọ não

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh chấn thương sọ não;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh chấn thương sọ não theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân chấn thương sọ não tại phòng bệnh;
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân chấn thương sọ não tại phòng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 19: Làm bệnh án chấn thương sọ não

Thời gian: 5 giờ

1.Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh chấn thương sọ não;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án chấn thương sọ não theo chỉ tiêu

2.Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 3 bệnh án.

Bài 20: Hướng dẫn khám NB bỏng

Thời gian: 1 giờ

Bài 21: Thực hành khám NB bỏng

Thời gian: 5 giờ

1.Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh bỏng;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh bỏng theo chỉ tiêu.

2.Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân bỏng tại phòng bệnh;
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân bỏng tại phòng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 22: Làm bệnh án bỏng

Thời gian: 2 giờ

1.Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh bỏng;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án bỏng theo chỉ tiêu

2.Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 3 bệnh án.

Bài 23: Hướng dẫn khám NB gãy xương

Thời gian: 1 giờ

Bài 24: Thực hành khám NB gãy xương

Thời gian: 7 giờ

1.Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh gãy xương;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh gãy xương theo chỉ tiêu.

2.Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân gãy xương tại phòng bệnh.
- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân gãy xương tại phòng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 25: Làm bệnh án gãy xương**Thời gian: 2 giờ****1. Mục tiêu**

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh gãy xương;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án gãy xương theo chỉ tiêu

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 3 bệnh án.

Bài 26: Thi kết thúc vòng lâm sàng**Thời gian: 5 giờ****1. Mục tiêu**

- Đánh giá kết quả thực tập lâm sàng người lớn 2;
- Hoàn thành được các tiêu chí của đợt thực tập

2. Nội dung

2.1. Sinh viên bốc thăm người bệnh

2.2. Hỏi bệnh, thăm khám và làm bệnh án nộp

2.3. Giáo viên kiểm tra khám phát hiện triệu chứng trên người bệnh

2.4. Chấm điểm, đánh giá kết thúc đợt thực tập.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Các phòng bệnh tại các khoa nội, ngoại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: điện tim, Mornitor, máy tính,..

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;
- Ống nghe, đồng hồ đeo tay

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
----	-----------------	----------	----------

1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (<i>trung bình cộng điểm của các giảng viên</i>)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4.1. Tài liệu tham khảo:

[1] *Bệnh học người lớn 2*- Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình, năm 2022.

4.2. Tài liệu tham khảo:

[2] *Các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản*- Trường Cao đẳng y tế Thái Bình, năm 2016.

[3] *Triệu chứng nội khoa tập 1, 2* - Trường Đại học Y Hà Nội - năm 2016

[4] *Bệnh học nội khoa tập 1-2*- Trường Đại học Y Hà Nội - năm 2016.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: UNG THU

Mã môn học: MH 09

Số tín chỉ: 3 (3-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành.
- Tính chất: Là môn học lý thuyết bắt buộc trong chương trình đào tạo.

II. Mục tiêu môn học:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Ung thư: Định nghĩa, đặc điểm tế bào ung thư, các nguyên nhân gây ung thư;
- Sinh viên nắm được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng chính để chẩn đoán và phân chia giai đoạn bệnh ung thư;
- Giúp sinh viên phát hiện, chẩn đoán và có hướng xử trí những bệnh ung thư hay gặp trong cộng đồng.

2.2. Về kỹ năng:

- Khám phát hiện được triệu chứng của người bệnh mắc các bệnh ung thư;
- Định hướng được Chẩn đoán, tư vấn và hỗ trợ chuyển tuyến kịp thời các bệnh ung thư;
- Điều trị hỗ trợ triệu chứng bệnh ung thư giai đoạn muộn.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
	Phần I: Ung thư người lớn				
1	Chương 1. Đại cương ung thư - Hóa xạ trị do ung thư - Ung thư ung thư phổi, ung thư phế quản 1. Đại cương ung thư 1.1. Định nghĩa TBUT 1.2. Nguyên nhân gây UT 1.3. Chẩn đoán UT 1.4. Nguyên tắc điều trị UT (Phối hợp, phẫu thuật, xạ trị, hóa chất, giảm nhẹ) 1.5. Phòng bệnh và sàng lọc ung thư 2. Hóa xạ trị ung thư 2.1. Xạ trị ung thư 2.2. Truyền hóa chất do ung thư 3. Ung thư phổi – phế quản 3.1. Đại cương 2.3. Nguyên nhân 3.3. Triệu chứng và chẩn đoán 3.4. Điều trị 3.5. Phòng bệnh	4	4	0	0
2	Chương 2: Ung thư hầu họng, ung thư khoang miệng, U trung thất Ung thư hầu họng 1. Đại cương 2. Triệu chứng và chẩn đoán 3. Điều trị 4. Phòng bệnh Ung thư khoang miệng 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh U trung thất 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	5	5	0	0
3	Chương 3: U lympho không Hodgkin và Hodgkin, Bạch cầu cấp dòng lympho, Bạch cầu kinh dòng lympho U lympho không Hodgkin và Hodgkin 1. Đại cương	5	5	0	0

	2. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh Bạch cầu cấp dòng lympho 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Điều trị 4. Phòng bệnh Bạch cầu kinh dòng lympho 1. Đại cương 2. Chẩn đoán 3. Điều trị 4. Phòng bệnh				
4	Chương 4. Ung thư tuyến giáp, Ung thư thận, Ung thư bàng quang. Ung thư tuyến giáp trạng 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh Ung thư thận, bàng quang 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	5	5	0	1
5	Chương 5: Ung thư vú, Ung thư cổ tử cung, Ung thư buồng trứng. Ung thư vú 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh Ung thư cổ tử cung 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh Ung thư buồng trứng 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	5	5	0	0
6	Chương 6: Ung thư xương, U não	4	4	0	0

	Ung thư xương 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh U não 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh				
	Phần II: Ung thư trẻ em				
7	Chương 1: Nguyên lý chẩn đoán ung thư trẻ em 1.1. Đánh giá các biểu hiện lâm sàng ung thư trẻ em 1.2. Khám thực thể 1.3. Biểu hiện ung thư liên quan đến tuổi 1.4. Xét nghiệm chẩn đoán ung thư trẻ em 1.5. Phân loại giai đoạn bệnh Chương 2: Tiếp cận chẩn đoán và xử trí khối u đặc thường gặp 2.1. Đại cương 2.2. Chẩn đoán 2.3. Xử trí Chương 3: Bạch cầu cấp dòng Lympho 3.1. Đại cương 3.2. Lâm sàng 3.3. Xét nghiệm 3.4. Phân loại 3.5. Chẩn đoán 3.6. Điều trị Chương 4: U nguyên bào thần kinh 4.1. Đại cương 4.2. Lâm sàng, cận lâm sàng 4.3. Chẩn đoán 4.4. Điều trị	15	15	0	1
Tổng		45	43	0	2

2. Nội dung chi tiết

Phần I: Ung thư người lớn

Chương 1: Đại cương ung thư - Hóa xạ trị do ung thư - Ung thư ung thư phổi, ung thư phế quản
Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức trong bài để mô tả được cơ chế gây ung thư và đặc điểm của tế bào ung thư;
- Trình bày được chỉ định của hóa xạ trị bệnh ung thư;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

Đại cương ung thư

- 2.1. Tế bào ung thư
- 2.2. Định nghĩa TBUT
- 2.3. Nguyên nhân gây UT
- 2.4. Chẩn đoán UT
- 2.5. Nguyên tắc điều trị UT (Phôi hợp, phẫu thuật, xạ trị, hóa chất, giảm nhẹ)
- 2.6. Phòng bệnh và sàng lọc ung thư

Xạ trị và truyền hóa chất do ung thư

- 2.7. Xạ trị ung thư
- 2.8. Truyền hóa chất do ung thư

Ung thư phổi, ung thư phế quản

- 2.9. Đại cương
- 2.10. Nguyên nhân
- 2.11. Triệu chứng và chẩn đoán
- 2.12. Điều trị
- 2.13. Phòng bệnh

Chương 2: Ung thư hầu họng, ung thư khoang miệng, U trung thất Ung thư hầu họng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức trong bài mô tả được triệu chứng bệnh ung thư hầu họng, ung thư khoang miệng, ung thư trung thất;
- Chẩn đoán sơ bộ được ung thư thực quản, ung thư dạ dày và tư vấn chuyển viện;
- Xử trí được NB ung thư hầu họng, ung thư khoang miệng, ung thư trung thất giai đoạn cuối tại tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung

- 2.1. Ung thư hầu họng
 - 2.1.1. Đại cương

2.1.2. Triệu chứng và chẩn đoán

2.1.3. Điều trị

2.1.4. Phòng bệnh

2.2. Ung thư khoang miệng

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.3. Điều trị

2.2.4. Phòng bệnh

2.3. U trung thất

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ

2.3.3. Chẩn đoán

2.3.4. Điều trị

2.3.5. Phòng bệnh

Chương 3: U lympho không Hodgkin và Hodgkin, Bạch cầu cấp dòng lympho, Bạch cầu kinh dòng lympho
Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức trong bài trình bày được các triệu chứng U lympho không Hodgkin và Hodgkin, Bạch cầu cấp dòng lympho, Bạch cầu kinh dòng lympho;

- Tư vấn được các biện pháp khám và sàng lọc phát hiện sớm U lympho không Hodgkin và Hodgkin, Bạch cầu cấp dòng lympho, Bạch cầu kinh dòng lympho.

2. Nội dung

2.1. U lympho không Hodgkin và Hodgkin

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.1.5. Phòng bệnh

2.2. Bạch cầu cấp dòng lympho

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Chẩn đoán

2.2.3. Điều trị

2.2.4. Phòng bệnh

2.3. Bạch cầu kinh dòng lympho

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Chẩn đoán

2.3.3. Điều trị

2.3.4. Phòng bệnh

Chương 4: Ung thư tuyến giáp, Ung thư thận, Ung thư bàng quang, Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức trong bài mô tả được các triệu chứng ung thư hệ tiết niệu, ung thư tuyến giáp trạng

- Tư vấn được các biện pháp phòng và phát hiện sớm ung thư tuyến giáp

- Chăm sóc được bệnh nhân có dẫn lưu thận – niệu quản – bàng quang do ung thư hệ tiết niệu trong cộng đồng

2. Nội dung

2.1. Ung thư tuyến giáp trạng

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.1.5. Phòng bệnh

2.2. Ung thư thận, bàng quang

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Nguyên nhân

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

2.2.5. Phòng bệnh

Chương 5: Ung thư vú, Ung thư cổ tử cung, Ung thư buồng trứng; Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức trong bài mô tả được các triệu chứng sớm của ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư buồng trứng;

- Tư vấn được các biện pháp phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư

buồng trứng;

- Tư vấn được các biện pháp phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư buồng trứng.

2. Nội dung

2.1. Ung thư vú

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.1.5. Phòng bệnh

2.2. Ung thư cổ tử cung

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Nguyên nhân

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

2.2.5. Phòng bệnh

2.3. Ung thư buồng trứng

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Nguyên nhân

2.3.4. Chẩn đoán

2.3.5. Điều trị

2.3.6. Phòng bệnh

Chương 6: Ung thư xương, U não

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức trong bài mô tả được triệu chứng ung thư xương, u não;
- Tư vấn được các biện pháp phát hiện sớm ung thư xương, u não;
- Chăm sóc được bệnh nhân có di chứng u não tại cộng đồng.

2. Nội dung

2.1. Ung thư xương

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.1.5. Phòng bệnh

2.2. U não

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Nguyên nhân

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

2.2.5. Phòng bệnh

Phần II: Ung thư trẻ em

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày tiếp cận lâm sàng chẩn đoán ung thư trẻ em;
- Phát hiện được các biểu hiện lâm sàng thường thấy trong ung thư ở trẻ em;
- Phân loại được các loại ung thư theo tuổi, vị trí

2. Nội dung

Chương 1: Nguyên lý chẩn đoán ung thư trẻ em

1.1. Đánh giá các biểu hiện lâm sàng ung thư trẻ em

1.2. Khám thực thể

1.3. Biểu hiện ung thư liên quan đến tuổi

1.4. Xét nghiệm chẩn đoán ung thư trẻ em

1.5. Phân loại giai đoạn bệnh

Chương 2: Tiếp cận chẩn đoán và xử trí khối u đặc thường gặp

2.1. Đại cương

2.2. Chẩn đoán

2.3. Xử trí

Chương 3: Bạch cầu cấp dòng Lympho

3.1. Đại cương

3.2. Lâm sàng

3.3. Xét nghiệm

3.4. Phân loại

3.5. Chẩn đoán

3.6. Điều trị

Chương 4: U nguyên bào thần kinh

- 4.1. Đại cương
- 4.2. Lâm sàng, cận lâm sàng
- 4.3. Chẩn đoán
- 4.4. Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên
- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.
- Mô hình giải phẫu, búa phản xạ, thước dây, thước đo tầm vận động khớp, giường bệnh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo án, giáo trình, các tình huống LS

4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn
- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. *Phạm vi áp dụng môn học:* Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa, được giảng dạy vào kỳ

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên;
- + Xây dựng các tình huống lâm sàng phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy. (lưu ý: các câu hỏi trong tình huống phải phù hợp với mục tiêu của bài);
- + Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có minh họa, động não.

- Đối với người học:

- + Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).
- + Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp. Các nhóm hoàn thành nội dung thảo luận và gửi mail cho HS trước buổi học 2 ngày.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giải phẫu, sinh lý hệ cơ, xương, khớp, thần kinh.
- Sinh lý, sinh lý bệnh về máu, tuyến nội tiết.
- Thuốc điều trị
- Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp

4.1. Tài liệu học tập

[1] Bệnh Ung thư - Trường cao đẳng y Thái Bình năm 2023.

4.2. Tài liệu tham khảo:

[1] ĐHY Hà Nội, *Bài giảng Ung thư*, NXB Y học 2022.

[2] Bộ y tế, *Chăm sóc người bệnh ung thư*, NXB Y học năm 2020.

[3] <https://www.nccn.org>

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: SẢN
Mã mô đun: MD 16
Số tín chỉ: 3(2-0-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc
- Tính chất: Lý thuyết kết hợp tích hợp thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Áp dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý, vi sinh vật để phát hiện triệu chứng và các vấn đề sức khỏe sinh sản trong các tình huống dạy học;
- Giải thích các triệu chứng và dấu hiệu bệnh lý, từ đó đưa ra các lập luận chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý sinh sản thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể;
- Đưa ra được hướng xử trí tại tuyến y tế cơ sở phù hợp cho NB trong tình huống giảng dạy.

2.2. Về kỹ năng:

- Khám phát hiện được triệu chứng của người bệnh mắc các bệnh Sản phụ khoa thường gặp;
- Tư vấn được NB cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý;
- Tư vấn được cho NB cách phòng và điều trị bệnh sản phụ khoa trong tình huống giảng dạy.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Bài 1: Hiện tượng thụ tinh, làm tổ, và phát triển của trứng 1. Sự thụ tinh 2. Sự di chuyển và làm tổ của trứng 3. Sự phát triển của trứng thành thai và phần phụ của thai. Tính chất thai nhi và phần phụ đủ tháng 1. Cấu tạo giải phẫu cơ quan sinh dục 2. Chức năng sinh lý của các cơ quan	3	3	0	0
2	Bài 2: Giải phẫu khung chậu nữ 1. Cấu tạo và hình thể 2. Xếp loại khung chậu 3. Xác định ngôi, thế, kiểu thế 4. Định nghĩa 5. Chẩn đoán ngôi, thế, kiểu thế Thay đổi giải phẫu và sinh lý của phụ nữ khi có thai 1. Thay đổi về nội tiết 2. Thay đổi về giải phẫu và sinh lý khi có thai 3. Những thay đổi các bộ phận khác Chẩn đoán thai nghén 1. Dấu hiệu hướng tới có thai 2. Dấu hiệu có thể có thai 3. Dấu hiệu chắc chắn có thai 4. Các phản ứng thử thai	3	3	0	0
3	Bài 3. Thực hành giải phẫu khung chậu nữ 1. Thực hành xác định ngôi, thế, kiểu thế 2. Chỉ và mô tả được giải phẫu khung xương chậu nữ theo phương diện sản khoa 2.1. Phân tích được ảnh hưởng của khung chậu trong chuyển dạ đẻ. 2.2. Xác định được các kiểu ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt của thai nhi	3	0	3	0
4	Bài 4: 1. Khám thai và quản lý thai nghén 1.1. Mục đích của mỗi lần khám thai 2.2. Các bước thực hành khám thai 2. Chuyển dạ đẻ 2.1. Những hiện tượng sinh lý trong thời kỳ chuyển dạ 2.2. Những triệu chứng lâm sàng trong thời kỳ chuyển dạ	4	3	0	1

	2.3. Theo dõi và chăm sóc chuyển dạ				
5	Bài 5: Thực hành quy trình khám thai 1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, mô hình. 2. Thực hiện được quy trình khám thai (3 tháng đầu, 3 tháng giữa, 3 tháng cuối) tại phòng thực hành 3. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình	4	0	3	1
6	Bài 6: Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ đối với trẻ thở được và không thở được - Thực hiện được 6 bước chăm sóc thiết yếu	3	3	0	0
7	Bài 7: Thực hành quy trình kỹ thuật đỡ đẻ thường 1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, mô hình 2. Thực hiện kỹ thuật đỡ đẻ thường đúng quy trình	4	0	4	0
8	Bài 8: Thực hành quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ đối với trẻ thở được và không thở được 1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, mô hình 2. Thực hiện được chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ đối với trẻ thở được và không thở được đúng quy trình.	4	0	4	0
9	Bài 9: Thực hành quy trình Kỹ thuật khâu tầng sinh môn 1. Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ khâu tầng sinh môn 2. Mô hình tầng sinh môn 3. Thực hiện được kỹ thuật khâu tầng sinh môn đúng quy trình	4	0	4	0
10	Bài 10: Thực hành quy trình Kỹ thuật tắm bé 1. Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, mô hình. 2. Thực hiện được kỹ thuật tắm bé đúng quy trình tại phòng thực hành	4	0	4	0
11	Bài 11: Hậu sản thường 1. Những hiện tượng giải phẫu sinh lý sau đẻ 2. Những hiện tượng lâm sàng thời kỳ sau đẻ 3. Chăm sóc sản phụ ngày đầu sau đẻ Chảy máu sau đẻ 1. Định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng. 2. Chẩn đoán 3. Xử trí 4. Dự phòng	3	3	0	0

	Nhiễm khuẩn hậu sản 1. Định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng 2. Các hình thái nhiễm khuẩn sau đẻ 3. Chẩn đoán 4. Xử trí 5. Dự phòng				
12	Bài 12: Bệnh lý trong 3 tháng đầu của thời kỳ thai nghén: dọa sảy, thai chết lưu, chữa ngoài tử cung, thai trứng 1. Định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng 2. Chẩn đoán 3. Xử trí 4. Dự phòng	3	3	0	0
13	Bài 13: Bệnh lý 3 tháng cuối của thời kỳ thai nghén: dọa đẻ non- đẻ non, dọa vỡ - vỡ tử cung, tiền sản giật- sản giật, rau tiền đạo 1. Định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng 2. Chẩn đoán 3. Xử trí 4. Dự phòng	3	3	0	0
14	Bài 14: Bệnh phụ khoa thông thường và các bệnh lây truyền qua đường tình dục 1. Định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng Chẩn đoán 3. Điều trị 4. Dự phòng	3	2	0	1
15	Bài 15: Thực thành quy trình Kỹ thuật Khám phụ khoa 1. Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, mô hình. 2. Thực hiện được kỹ thuật khám phụ khoa đúng quy trình tại phòng thực hành	3	0	3	0
16	Bài 16: U xơ tử cung, U nang buồng trứng Lạc nội mạc tử cung Buồng trứng đa nang 1. Triệu chứng lâm sàng 2. Chẩn đoán 3. Xử trí	3	3	0	0
17	Bài 17: U vú, Ung thư cổ tử cung, Ung thư niêm mạc tử cung Ung thư buồng trứng 1. Triệu chứng lâm sàng 2. Chẩn đoán 3. Xử trí	3	3	0	0
18	Bài 18: Các biện pháp tránh thai 1. Cơ chế tránh thai 2. Ưu điểm, nhược điểm 3. Tư vấn các biện pháp tránh thai	3	1	0	2
Tổng		60	30	25	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Hiện tượng thụ tinh, làm tổ, và phát triển của trứng - Tính chất thai nhi và phần phụ đủ tháng

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được các cấu trúc giải phẫu của cơ quan sinh dục, ứng dụng được vào công việc của người cán bộ y tế tuyến cơ sở;
- Vận dụng kiến thức để giải thích cơ chế sinh lý của cơ quan sinh dục nữ;
- Vận dụng kiến thức về sinh lý để giải thích hiện tượng thụ tinh, làm tổ và phát triển của trứng;
- Nhận biết được các đặc điểm của thai nhi và phần phụ đủ tháng;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình.

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu, sinh lý cơ quan sinh dục nữ

2.2. Hiện tượng thụ tinh, làm tổ, và phát triển của trứng

2.3. Tính chất thai nhi và phần phụ đủ tháng

Bài 2: Giải phẫu khung chậu nữ Xác định ngôi, thế, kiểu thế - Thay đổi giải phẫu và sinh lý của phụ nữ khi có thai Chẩn đoán thai nghén

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được các cấu trúc giải phẫu của khung chậu nữ để ứng dụng vào việc đánh giá, tiên lượng khung chậu nữ về sản khoa
- Nhận biết được các mốc giải phẫu để xác định được ngôi, thế, kiểu thế trên mô hình
- Nhận biết được các dấu hiệu về thay đổi giải phẫu, sinh lý ở người phụ nữ có thai để lên lịch khám, theo dõi, chăm sóc cho thai phụ
- Nhận biết được các dấu hiệu chẩn đoán thai nghén để chẩn đoán được tuổi thai, dự kiến sinh, chăm sóc tiền sản
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu khung chậu nữ Xác định ngôi thế kiểu thế

2.2. Thay đổi giải phẫu và sinh lý của phụ nữ khi có thai

2.3. Chẩn đoán thai nghén.

Bài 3: Thực hành giải phẫu khung chậu nữ - Thực hành xác định ngôi, thế, kiểu thế

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Chỉ và mô tả được giải phẫu khung xương chậu nữ theo phương diện sản khoa sản khoa

trên mô hình;

- Phân tích được ảnh hưởng của khung chậu trong chuyển dạ đẻ;
- Xác định được các kiểu ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt của thai nhi trên mô hình;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp;

2.Nội dung

2.1. Giải phẫu khung chậu nữ

2.2. Xác định ngôi thế kiểu thế

Bài 4: Khám thai và quản lý thai nghén - Chuyển dạ đẻ Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các bước khám thai, các nội dung chẩn đoán trước sinh 2;
- Trình bày được các công cụ quản lý thai nghén;
- Phân tích được những đánh giá tổng quát thai phụ trong chuyển dạ;
- Trình bày và phân tích được những lợi ích của các phương pháp hỗ trợ thai phụ trong chuyển dạ;
- Có khả năng chẩn đoán xác định chuyển dạ và các giai đoạn chuyển dạ;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình.

2.Nội dung

2.1. Khám thai

2.2. Quản lý thai nghén

2.3. Chuyển dạ đẻ

Bài 5: Thực hành quy trình khám thai

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, mô hình;
- Thực hiện được quy trình khám thai (3 tháng đầu, 3 tháng giữa, 3 tháng cuối) tại phòng thực hành;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình.

2.Nội dung

Khám thai

Bài 6: Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ đối với trẻ thở được và không thở được Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Giải thích được các dấu hiệu chuyển dạ và công việc người đỡ đẻ phải làm trong cuộc

để;

- Phân tích được các nội dung cần hướng dẫn bà mẹ phối hợp với người đỡ đẻ trong suốt quá trình cuộc đẻ;

- Thực hiện chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ đúng kỹ thuật và an toàn cho bà mẹ, trẻ sơ sinh với trẻ thở được và không thở được;

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình

2. Nội dung

- Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ đối với trẻ thở được và không thở được;

- Kỹ thuật khâu tầng sinh môn;

- Kỹ thuật tắm bé.

Bài 7: Thực hành quy trình Kỹ thuật đỡ đẻ thường Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức để thực hiện được kỹ thuật đỡ đẻ với từng tình huống cụ thể;

- Thể hiện được sự ân cần, cảm thông trong giao tiếp để người bệnh và gia đình người bệnh yên tâm vào công tác chăm sóc của người điều dưỡng;

- Rèn luyện được tác phong khắt khe, ý thức vô khuẩn, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.

2. Nội dung

Kỹ thuật đỡ đẻ thường

Bài 8: Thực hành quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ đối với trẻ thở được và không thở được Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức để thực hiện được chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ đối với trẻ thở được và không thở được với từng tình huống cụ thể;

- Thể hiện được sự ân cần, cảm thông trong giao tiếp để người bệnh và gia đình người bệnh yên tâm vào công tác chăm sóc của người điều dưỡng;

- Rèn luyện được tác phong khắt khe, ý thức vô khuẩn, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, mô hình

2.2. Thực hiện được chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ đối với trẻ thở được và không thở được đúng quy trình.

Bài 9: Thực hành quy trình Kỹ thuật khâu tầng sinh môn Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, mô hình;
- Thực hiện được quy trình kỹ thuật khâu tầng sinh môn trên mô hình tại phòng thực hành;
- Rèn luyện được tác phong khắt khe, ý thức vô khuẩn, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.

2. Nội dung

- Khâu tầng sinh môn

Bài 10: Thực hành quy trình Kỹ thuật tắm bé Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Giải thích được mục đích tắm cho bé để sản phụ yên tâm hợp tác;
- Thực hiện được kỹ thuật tắm bé theo đúng quy trình tại phòng thực hành;
- Rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, mô hình.

2.2. Thực hiện được kỹ thuật tắm bé đúng quy trình tại phòng thực hành

Bài 11: Hậu sản thường - Chảy máu sau đẻ - Nhiễm khuẩn hậu sản

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được các dấu hiệu để chẩn đoán được các dấu hiệu của hậu sản thường, chảy máu sau đẻ, nhiễm khuẩn hậu sản;
- Trình bày được các nguyên tắc xử trí, biện pháp dự phòng các biến chứng chảy máu sau đẻ, nhiễm khuẩn hậu sản;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình.

2. Nội dung

2.1. Hậu sản thường

2.2. Chảy máu sau đẻ

2.3. Nhiễm khuẩn hậu sản

Bài 12: Bệnh lý trong 3 tháng đầu của thời kỳ thai nghén: dọa sảy, thai chết lưu, chữa ngoài tử cung, thai trứng

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được các nguyên nhân của xuất huyết tử cung trong 3 tháng đầu thai kỳ;

- Trình bày và phân tích được các nguyên tắc tiếp cận xuất huyết tử cung trong 3 tháng đầu thai kỳ;
- Trình bày và phân tích được nguyên tắc xử trí xuất huyết tử cung bất thường trong 3 tháng đầu thai kỳ;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình

2. Nội dung

Bệnh lý trong 3 tháng đầu của thời kỳ thai nghén:

- 2.1. Dọa sảy
- 2.2. Thai chết lưu
- 2.3. Chửa ngoài tử cung
- 2.4. Thai trứng

Bài 13: Bệnh lý 3 tháng cuối của thời kỳ thai nghén: dọa đẻ non- đẻ non, dọa vỡ - vỡ tử cung, tiền sản giật- sản giật, rau tiền đạo **Thời gian: 3 giờ**

1. Mục tiêu

- Phân tích được các nguyên nhân của xuất huyết tử cung trong 3 tháng cuối thai kỳ;
- Trình bày và phân tích được các nguyên tắc tiếp cận xuất huyết tử cung trong 3 tháng cuối thai kỳ;
- Trình bày và phân tích được nguyên tắc xử trí xuất huyết tử cung bất thường trong 3 tháng cuối thai kỳ;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình.

2. Nội dung

Bệnh lý 3 tháng cuối của thời kỳ thai nghén:

- 2.1. Dọa đẻ non- đẻ non
- 2.2. Dọa vỡ - vỡ tử cung
- 2.3. Tiền sản giật- sản giật
- 2.4. Rau tiền đạo

Bài 14: Bệnh phụ khoa thông thường và các bệnh lây truyền qua đường tình dục **Thời gian: 3 giờ**

1. Mục tiêu

- Nhận biết được các dấu hiệu để chẩn đoán được các bệnh phụ khoa thông thường và các bệnh lây truyền qua quan hệ tình dục;
- Trình bày được các nguyên tắc xử trí, biện pháp dự phòng các bệnh phụ khoa thông thường và các bệnh lây truyền qua QHTD;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình;

2.Nội dung

Bệnh phụ khoa thông thường và các bệnh lây truyền qua quan hệ tình dục

Bài 15: Thực hành quy trình kỹ thuật khám phụ khoa Thời gian: 3 giờ

1.Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức để thực hiện được quy trình khám phụ khoa với từng tình huống cụ thể;
- Thể hiện được sự ân cần, cảm thông trong giao tiếp để gia đình sản phụ yên tâm vào công tác chăm sóc của người điều dưỡng;
- Rèn luyện được tác phong khắt khe, ý thức vô khuẩn, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.

2.Nội dung

Khám phụ khoa

Bài 16: U xơ tử cung U nang buồng trứng Lạc nội mạc tử cung Buồng trứng đa nang Thời gian: 3 giờ

1.Mục tiêu

- Nhận biết được các dấu hiệu để chẩn đoán được các bệnh u xơ tử cung, u nang buồng trứng, lạc nội mạc tử cung, buồng trứng đa nang;
- Trình bày được các nguyên tắc xử trí, biện pháp dự phòng các u xơ tử cung, u nang buồng trứng, lạc nội mạc tử cung, buồng trứng đa nang;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình.

2. Nội dung

2.1. U xơ tử cung

2.2. U nang buồng trứng

2.3. Lạc nội mạc tử cung

2.4. Buồng trứng đa nang

Bài 17: U vú - Ung thư cổ tử cung- Ung thư niêm mạc tử cung - Ung thư buồng trứng Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được các dấu hiệu để chẩn đoán được các bệnh u vú, ung thư CTC, ung thư niêm mạc tử cung, ung thư buồng trứng;
- Trình bày được các nguyên tắc xử trí, biện pháp dự phòng các u vú, ung thư CTC, ung thư niêm mạc tử cung, ung thư buồng trứng;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình.

2. Nội dung

2.1. U vú

2.2. Ung thư cổ tử cung

2.3. Ung thư niêm mạc tử cung

2.4. Ung thư buồng trứng

Bài 18: Các biện pháp tránh thai - Tư vấn các biện pháp tránh thai

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được chỉ định, chống chỉ định, cơ chế tác dụng, ưu điểm, nhược điểm của các BPTT;
- Tư vấn được cho khách hàng lựa chọn được BPTT phù hợp trong tình huống học tập;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình.

2. Nội dung

2.1. Các biện pháp tránh thai

2.2. Tư vấn các biện pháp tránh thai

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên
- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.
- Mô hình giải phẫu, búa phản xạ, thước dây, thước đo tầm vận động khớp, giường bệnh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống lâm sàng.

4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn
- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa, được giảng dạy vào kỳ II

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên;
- + Xây dựng các tình huống LS phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy. (lưu ý: các câu hỏi trong tình huống phải phù hợp với mục tiêu của bài);
- + Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có minh họa, động não.

- Đối với người học:

- + Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).
- + Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp. Các nhóm hoàn thành nội dung thảo luận và gửi mail cho HS trước buổi học 2 ngày.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giải phẫu, sinh lý hệ cơ, xương, khớp, thần kinh.
- Sinh lý, sinh lý bệnh về máu, tuyến nội tiết.
- Thuốc điều trị
- Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp

4.1. Tài liệu học tập

[1] *Sức khỏe sinh sản* - sách dùng cho y sĩ. Bộ môn Sản- Trường cao đẳng y Thái Bình (2019)

4.2. Tài liệu tham khảo:

[1] *Giáo trình “Điều dưỡng Sản phụ khoa”*, NXB Y học năm 2005

[2] *Giáo trình “Sản phụ khoa” tập 1, 2*, Trường Đại học Y Hà Nội năm 2007

[3] “Hướng dẫn chuẩn quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản” Bộ Y tế năm 2009 [4]

Một số Webside tham khảo: Benhhoc.com, Dieutri.vn, Baigiangykhoa.edu.vn, 123doc.org, Bacsinoitru.vn, youtube.com.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG SẢN

Mã mô đun: MD18

Số tín chỉ: 2(0-2-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 55 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại Bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh sản phụ khoa một cách thành thạo;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám và điều trị NB sản phụ khoa;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh sản phụ khoa có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;
- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án sản phụ khoa hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh.
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả.
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục.
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Lịch trình thực hành

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành	0	0	1	0
2	Theo dõi chuyển dạ đẻ, chăm sóc thai phụ tiền sản	0	0	2	0
3	Kỹ thuật đỡ đẻ thường	0	0	2	0
4	Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	0	0	2	0
5	Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Chảy máu sau đẻ	0	0	2	0
6	Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Chửa ngoài tử cung	0	0	2	0
7	Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Rau tiền đạo chảy máu	0	0	2	0
8	Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Rau bong non	0	0	2	0
9	Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Tiền sản giật – sản giật	0	0	2	0
10	Bình bệnh án sản phụ chuyển dạ đẻ	0	0	2	0
11	Tắm và chăm sóc rốn cho trẻ sơ sinh	0	0	2	0
12	Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh non yếu, bệnh lí	0	0	2	0
13	Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh vàng da	0	0	2	0
14	Bình bệnh án sơ sinh	0	0	1	0
15	Chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản bệnh: dọa sảy thai	0	0	2	0
16	Chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản bệnh: dọa đẻ non	0	0	3	0
17	Chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản bệnh: tiền sản giật	0	0	2	0
18	Chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản bệnh: Rau tiền đạo	0	0	3	0
19	Chăm sóc hậu sản thường	0	0	2	0

20	Chẩn đoán và xử trí các trường hợp nhiễm trùng sau đẻ, nhiễm trùng sau mổ lấy thai	0	0	2	0
21	Bệnh bệnh án sản khoa	0	0	2	0
22	Chẩn đoán và xử trí các bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa: u nang buồng trứng	0	0	2	0
23	Chẩn đoán và xử trí các bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa: u xơ tử cung	0	0	2	0
24	Chẩn đoán và xử trí các bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa: u vú	0	0	2	0
25	Chẩn đoán và xử trí các bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa: thai chết lưu	0	0	2	0
26	Tư vấn về các biện pháp tránh thai	0	0	2	0
27	Tư vấn các phương pháp đình chỉ thai nghén	0	0	2	0
28	Bệnh bệnh án phụ khoa	0	0	1	0
29	Kiểm tra	0	0	0	5
Tổng		60	0	55	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, buồng bệnh, Thời gian: 01 giờ

Địa điểm: Các khoa lâm sàng tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An (khoa đẻ - cấp cứu, khoa sơ sinh, khoa phụ, khoa sản, khoa điều trị tự nguyện)

Bài 2. Theo dõi chuyển dạ đẻ, chăm sóc thai phụ tiền sản Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám thai phụ đang chuyển dạ;
- Áp dụng các kiến thức đã học để chẩn đoán giai đoạn chuyển dạ.

2. Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước thăm khám thai phụ chuyển dạ đẻ

2.2. Sinh viên chia nhóm thăm khám thai phụ tại khoa đẻ - cấp cứu

Bài 3. Kỹ thuật đỡ đẻ thường

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước trong kỹ thuật đỡ đẻ thường;
- Kiên tập kỹ thuật đỡ đẻ thường tại khoa đẻ - cấp cứu.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước thăm khám thai phụ đang chuyển dạ đẻ, các bước trong kỹ thuật đỡ đẻ

- Sinh viên chia nhóm thăm khám thai phụ đang chuyển dạ, kiến tập kỹ thuật đỡ đẻ thường tại khoa đẻ - cấp cứu

Bài 4. Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ, Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước trong chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ;
- Kiến tập kỹ thuật đỡ đẻ thường và thực hành chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ tại khoa đẻ - cấp cứu.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ;
- Sinh viên chia nhóm kiến tập kỹ thuật đỡ đẻ thường và thực hành chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh ngay sau đẻ tại khoa đẻ - cấp cứu.

Bài 5. Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Chảy máu sau đẻ, Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Phát hiện sớm được các trường hợp nguy cơ chảy máu ngay sau đẻ, chảy máu thời kỳ hậu sản;
- Thực hành các bước cấp cứu bệnh nhân chảy máu sau đẻ.

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám sản phụ nhằm phát hiện sớm các trường hợp nguy cơ chảy máu sau đẻ và dự phòng các trường hợp nguy cơ.

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ nhằm phát hiện sớm các trường hợp nguy cơ chảy máu sau đẻ và dự phòng các trường hợp nguy cơ

Bài 6. Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Chửa ngoài tử cung, Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Phát hiện sớm được các trường hợp chửa ngoài tử cung, dự phòng chửa ngoài tử cung vỡ;
- Kiến tập các bước cấp cứu bệnh nhân chửa ngoài tử cung vỡ.

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám sản phụ nhằm phát hiện sớm các trường hợp nguy cơ chửa ngoài tử cung vỡ.

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ nhằm phát hiện sớm các trường hợp nguy cơ chửa ngoài tử cung vỡ.

Bài 7. Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Rau tiền đạo chảy máu, Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Phát hiện sớm được các trường hợp rau tiền đạo, dự phòng rau tiền đạo chảy máu;
- Kiến tập các bước cấp cứu bệnh nhân rau tiền đạo chảy máu.

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám sản phụ nhằm phát hiện sớm các trường hợp nguy cơ rau tiền đạo chảy máu.

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ nhằm phát hiện sớm các trường hợp nguy cơ rau tiền đạo chảy máu.

Bài 8. Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Rau bong non Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Phát hiện sớm được các trường hợp rau bong non, dự phòng rau bong non
- Kiến tập các bước cấp cứu bệnh nhân rau rau bong non

2.Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám sản phụ nhằm phát hiện sớm các trường hợp nguy cơ rau bong non.

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ nhằm phát hiện sớm các trường hợp nguy cơ rau bong non.

Bài 9. Chẩn đoán xử trí cấp cứu sản khoa: Tiền sản giật – sản giật

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Phát hiện sớm được các trường hợp tiền sản giật, dự phòng sản giật;
- Kiến tập các bước cấp cứu bệnh nhân sản giật.

2.Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám sản phụ nhằm phát hiện sớm các trường hợp nguy cơ tiền sản giật – sản giật

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ nhằm phát hiện sớm các trường hợp nguy cơ tiền sản giật – sản giật

Bài 10. Bình bệnh án sản phụ chuyển dạ đẻ

Thời gian: 02 giờ

- Sinh viên tiến hành thăm khám người bệnh;
- Giảng viên hướng dẫn thăm khám nhận định, hoàn thiện chẩn đoán;
- Sinh viên hoàn thành bệnh án;

- Bình bệnh án tại phòng giao ban khoa.

Bài 11. Tắm và chăm sóc rốn cho trẻ sơ sinh

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ, chăm sóc sơ sinh những ngày sau, các bước thực hiện kỹ thuật tắm cho trẻ sơ sinh;

- Thực hiện các bước chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ, chăm sóc sơ sinh những ngày sau, các bước thực hiện kỹ thuật tắm cho trẻ sơ sinh.

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ, chăm sóc sơ sinh những ngày sau, các bước thực hiện kỹ thuật tắm cho trẻ sơ sinh.

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước chăm sóc sơ sinh ngay sau đẻ, chăm sóc sơ sinh những ngày sau, các bước thực hiện kỹ thuật tắm cho trẻ sơ sinh

Bài 12. Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh non yếu, bệnh lý

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

Mô tả được các bước chăm sóc, theo dõi sơ sinh non yếu, bệnh lý

Thực hiện được bước chăm sóc, theo dõi sơ sinh non yếu, bệnh lý

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thăm khám , nhận định, chăm sóc, theo dõi sơ sinh non yếu, bệnh lý

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám , nhận định, chăm sóc, theo dõi sơ sinh non yếu, bệnh lý

Bài 13. Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh vàng da

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước chăm sóc, theo dõi sơ sinh sơ sinh vàng da;

- Thực hiện được bước chăm sóc, theo dõi sơ sinh sơ sinh vàng da

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thăm khám , nhận định, chăm sóc, theo dõi sơ sinh sơ sinh vàng da

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám , nhận định, chăm sóc, theo dõi sơ sinh sơ sinh vàng da

Bài 14. Bình bệnh án sơ sinh

Thời gian: 01 giờ

1.Sinh viên tiến hành thăm khám người bệnh

2.Giảng viên hướng dẫn thăm khám nhận định, hoàn thiện chẩn đoán

3.Sinh viên hoàn thành bệnh án

4. Bình bệnh án tại phòng giao ban khoa

Bài 15. Chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản bệnh: dọa sảy thai

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước thăm khám bệnh nhân dọa sảy thai;
- Áp dụng các kiến thức đã học để thăm khám bệnh nhân dọa sảy thai.

2. Nội dung

- 2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám bệnh nhân dọa sảy thai
- 2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ bệnh nhân dọa sảy thai.

Bài 16. Chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản bệnh: dọa đẻ non

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước thăm khám bệnh nhân dọa đẻ non;
- Áp dụng các kiến thức đã học để thăm khám bệnh nhân dọa đẻ non;

2. Nội dung

- 2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám bệnh nhân dọa đẻ non
- 2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ bệnh nhân dọa đẻ non

Bài 17. Chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản bệnh: tiền sản giật

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước thăm khám bệnh nhân tiền sản giật;
- Áp dụng các kiến thức đã học để thăm khám bệnh nhân tiền sản giật

2. Nội dung

- 2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám bệnh nhân tiền sản giật
- 2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ bệnh nhân tiền sản giật

Bài 18. Chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản bệnh: Rau tiền đạo

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước thăm khám bệnh nhân rau tiền đạo
- Áp dụng các kiến thức đã học để thăm khám bệnh nhân rau tiền đạo

2. Nội dung

- 2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám bệnh nhân rau tiền đạo

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ bệnh nhân rau tiền đạo

Bài 19. Chăm sóc hậu sản thường

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước thăm khám bệnh nhân hậu sản thường;
- Áp dụng các kiến thức đã học để thăm khám bệnh nhân hậu sản thường.

2.Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám bệnh nhân hậu sản thường

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ bệnh nhân hậu sản thường

Bài 20. Chẩn đoán và xử trí các trường hợp nhiễm trùng sau đẻ, nhiễm trùng sau mổ lấy thai

Thời gian: 02 giờ

1.Mục tiêu

- Mô tả được các bước thăm khám bệnh nhân nhiễm trùng sau đẻ, nhiễm trùng sau mổ lấy thai;
- Áp dụng các kiến thức đã học để thăm khám bệnh nhân nhiễm trùng sau đẻ, nhiễm trùng sau mổ lấy thai

2.Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám bệnh nhân nhiễm trùng sau đẻ, nhiễm trùng sau mổ lấy thai.

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ bệnh nhân nhiễm trùng sau đẻ, nhiễm trùng sau mổ lấy thai.

Bài 21. Bình bệnh án sản khoa

Thời gian: 02 giờ

- 1.Sinh tiến hành thăm khám người bệnh
- 2.Giảng viên hướng dẫn thăm khám nhận định, hoàn thiện chẩn đoán
- 3.Sinh viên hoàn thành bệnh án
- 4.Bình bệnh án tại phòng giao ban khoa

Bài 22. Chẩn đoán và xử trí các bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa: u nang buồng trứng

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước thăm khám bệnh nhân u nang buồng trứng;
- Áp dụng các kiến thức đã học để thăm khám bệnh nhân u nang buồng trứng.

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám bệnh u nang buồng trứng

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ bệnh nhân u nang buồng trứng

Bài 23. Chẩn đoán và xử trí các bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa: u xơ tử cung

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước thăm khám bệnh nhân u xơ tử cung.
- Áp dụng các kiến thức đã học để thăm khám bệnh nhân u xơ tử cung.

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám bệnh u xơ tử cung

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ bệnh nhân u xơ tử cung

Bài 24. Chẩn đoán và xử trí các bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa: u vú

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước thăm khám bệnh nhân u vú;
- Áp dụng các kiến thức đã học để thăm khám bệnh nhân u vú.

Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám bệnh u vú

2.1. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ bệnh nhân u vú

Bài 25. Chẩn đoán và xử trí các bệnh nhân mắc bệnh phụ khoa: thai chết lưu

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước thăm khám bệnh nhân thai chết lưu;
- Áp dụng các kiến thức đã học để thăm khám bệnh nhân thai chết lưu

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành thăm khám bệnh thai chết lưu.

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thăm khám sản phụ bệnh nhân thai chết lưu

Bài 26. Tư vấn các biện pháp tránh thai

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước tư vấn các biện pháp tránh thai;
- Áp dụng các kiến thức đã học để thăm khám bệnh nhân tư vấn các biện pháp tránh thai

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành tư vấn các biện pháp tránh thai

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thực hành tư vấn các biện pháp tránh thai

Bài 27. Tư vấn các phương pháp đình chỉ thai nghén**Thời gian: 02 giờ****1. Mục tiêu**

- Mô tả được các bước tư vấn các phương pháp đình chỉ thai nghén
- Áp dụng các kiến thức đã học để thăm khám bệnh nhân tư vấn các phương pháp đình chỉ thai nghén

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thực hành tư vấn các phương pháp đình chỉ thai nghén

2.2. Sinh viên kiến tập, thực hành các bước thực hành tư vấn các phương pháp đình chỉ thai nghén

Bài 28. Bình bệnh án phụ khoa**Thời gian: 01 giờ**

1. Sinh tiến hành thăm khám người bệnh
2. Giảng viên hướng dẫn thăm khám nhận định, hoàn thiện chẩn đoán
3. Sinh viên hoàn thành bệnh án
4. Bình bệnh án tại phòng giao ban khoa

Bài 29. Thi kết thúc**Thời gian: 5 giờ**

1. Sinh viên bốc khoa thi sau khi kết thúc thời gian thực hành
2. Sinh viên tiến hành bệnh án và thi thực hành tại khoa

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Khoa Phụ sản tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: Mornitor, máy tính...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;
- Ống nghe tim thai, đồng hồ đeo tay.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:**1. Nội dung:**

Kiến thức; Kỹ năng; Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng sản phụ khoa, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
----	-----------------	----------	----------

1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	- Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%
2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	- Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	- Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Sau khi sinh viên học xong môn phụ sản.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo

- [1] “Hướng dẫn chuẩn quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản” Bộ Y tế năm 2009.
- [2] “Tài liệu đào tạo người đỡ đẻ có kỹ năng” Vụ sức khỏe bà mẹ - trẻ em 2014
- [3] “Các thang điểm thiết yếu sử dụng trong thực hành lâm sàng” NXB Thế giới năm 2014.
- [4] Tạp chí y học sinh sản tập 37. Tháng 01.2016
- [5] Errol R. Norwitz và John O.Schorge biên dịch Nguyễn Duy Tài, “Sổ tay sản phụ khoa” NXB Y học năm 2014.
- [6] Nguyễn Thị Ngọc Phượng, “Nội tiết sinh sản”, NXB Y học, 2011.

[7] Nguyễn Đạt Anh, “*Các thang điểm thiết yếu sử dụng trong thực hành lâm sàng*”, NXB thế giới

[8] Một số website tham khảo

www.hosrem.org.vn (Hội nội tiết sinh sản và vô sinh Tp Hồ Chí Minh)
www.benhhoc.com; www.dieutri.vn

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TỔ CHỨC QUẢN LÝ Y TẾ

Mã môn học: MH 10

Số tín chỉ: 2(2-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 02 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo.
- Tính chất: Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quan điểm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác y tế, quản lý và tổ chức bộ máy ngành y tế, nhiệm vụ của Ngành Y tế, nguyên tắc cơ bản về quản lý, tổ chức ngành và chức trách, chế độ của người cán bộ y tế trong giai đoạn hiện nay để tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp thiết lập được môi trường làm việc an toàn theo Hiến pháp và pháp luật;

- Trình bày được những nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam hiện hành trong một số hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân;

- Trình bày được một số kỹ năng quản lý chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác, quản lý chăm sóc sức khỏe toàn diện người dân tại nhà, tại bệnh viện và từng vị trí công tác..quản lý bệnh viện, quản lý y tế cơ sở, lập kế hoạch y tế trong thực hành nghề nghiệp.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam trong lĩnh vực y tế; Hệ thống tổ chức ngành y tế, chức năng nhiệm vụ của từng vị trí công tác người cán bộ y tế;

- Vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật bảo vệ quyền lợi ích của người dân trong chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe, xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày;

- Áp dụng được các kỹ năng: tự học, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình...ra quyết định thực hiện đúng chuẩn đạo đức người CBYT và Xử lý được một số tình huống giả định về vi phạm pháp luật trong chăm sóc sức khỏe.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực quản lý tổ chức ngành y tế ở từng vị trí công tác. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, phù hợp với quy định của pháp luật của ngành y tế và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội trong các hoạt động chăm sóc sức khỏe và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả.

- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục.

- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè, thực hiện đúng trách nhiệm người CBYT theo quy định của pháp luật ở từng vị trí công tác cụ thể.

- Tạo thói quen ứng xử phù hợp theo chuẩn mực pháp luật, Có ý thức tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, tuân thủ quy định, chuẩn mực đúng nội quy, quy chế của ngành y tế, chuẩn mực của luật pháp Việt Nam và quốc tế trong hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Chương 1: Những quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng về công tác CS và BVSKND trong tình hình mới Quan điểm Mục tiêu Giải pháp	2	2	0	0
2	Chương 2: Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn hiện nay 1. Quan điểm 2. Mục tiêu 3. Giải pháp	2	2	0	0
3	Chương 3: Cơ cấu tổ chức và thành phần cơ bản của hệ thống Y tế Việt Nam 1. Mô hình 2. Sơ đồ Mô hình tổ chức y tế các tuyến của Việt Nam? Đặc điểm 4. Nguyên tắc tổ chức	3	2	0	1

4	Chương 4: Mô hình tổ chức y tế tuyến Trung ương của Việt Nam 1. Mô hình 2 Sơ đồ 2. Sơ đồ tổ chức bộ máy Bộ y tế WHO	2	2	0	0
5	Chương 5: Mô hình tổ chức y tế tuyến tỉnh/thành phố của Việt Nam Mô hình 2 Sơ đồ Sở Y tế Các đơn vị y tế	2	2	0	0
6	Chương 6: Mô hình tổ chức y tế tuyến quận/huyện, xã phường của Việt Nam 1. Mô hình 2.2 Sơ đồ 3. Y tế cơ sở	3	3	0	0
7	Chương 7: Tổ chức và quản lý bệnh viện 1. Đặc điểm 2. Phân hạng BV 3. Các đơn vị chức năng của BV 4. Nhiệm vụ	2	2	0	0
8	Chương 8: Trung tâm y tế, phòng y tế 1. Đặc điểm 2. Các đơn vị chức năng 3. Nhiệm vụ	2	2	0	0
9	Chương 9: Đại cương Quản lý, quản lý Y tế 1. Chức năng quản lý 2. Các cách quản lý, phong cách QL, người QL 3. Sơ đồ chu trình QL 4. Nội dung quản lý	2	2	0	0
10	Chương 10: Lập kế hoạch y tế 1. Tầm quan trọng của lập kế hoạch 2. Chú ý khi lập kế hoạch y tế tại cộng đồng 3. Các bước lập kế hoạch y tế 4. Các phương pháp thu thập thông tin 5. Bài tập lập kế hoạch về công tác y tế tại cơ quan bệnh viện tại địa phương mình? 6. Xây dựng chỉ số/ quy trình LKH, đánh giá, giám sát?	4	4		0
11	Chương 11: Luật pháp y tế 1. Khái niệm 2. Phân loại 3. Tầm quan trọng 4. Các nội dung cơ bản một số luật - Khám bệnh, chữa bệnh	6	5	0	1

- Bảo hiểm y tế - An toàn thực phẩm - Phòng chống bệnh TN/ HIV - Nguyên tắc trong hành nghề - Chính sách của nhà nước - Những hành vi bị cấm - Quyền và nghĩa vụ của người bệnh, người hành nghề - Các quy định về chuyên môn kỹ thuật - Nguyên tắc bảo hiểm y tế - Chính sách của Nhà nước về bảo hiểm y tế - Những hành vi bị cấm				
Tổng	30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Những quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng về công tác CS và BVSKND trong tình hình mới **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu

- Phân tích được các quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác chăm sóc và BVSKND trong tình hình mới;
- Trình bày được mục tiêu chỉ đạo của Đảng trong chăm sóc và BVSKND trong giai đoạn hiện nay;
- Chỉ ra được những hoạt động cụ thể tại địa phương mình để thực hiện những quan điểm của Đảng về công tác y tế hiện nay?

2. Nội dung

2.1. Quan điểm

2.2. Mục tiêu

2.3. Giải pháp

Chương 2: Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn hiện nay **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Phân tích được các quan điểm chỉ đạo của Nhà nước về công tác chăm sóc và BVSKND trong tình hình mới;
- Trình bày được các mục tiêu của Nhà nước trong chăm sóc và BVSKND trong giai đoạn hiện nay;
- Chỉ ra được những hoạt động cụ thể tại địa phương mình để thực hiện giải pháp của nhà nước về công tác y tế hiện nay?

2. Nội dung

2.1. Quan điểm

2.2. Mục tiêu

2.3. Giải pháp

Chương 3: Cơ cấu tổ chức và thành phần cơ bản của hệ thống Y tế Việt Nam

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được mô hình chung hệ thống tổ chức y tế Việt Nam;
- Vẽ sơ đồ tổ chức ngành y tế?;
- Phân tích các giải pháp Phát triển và hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế các tuyến ở Việt Nam?

2. Nội dung

2.1. Mô hình

2.2. Sơ đồ Mô hình tổ chức y tế các tuyến của Việt Nam?

2.3. Đặc điểm

2.4. Nguyên tắc tổ chức

Chương 3: Mô hình tổ chức y tế tuyến Trung ương của Việt Nam; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được mô hình tổ chức tuyến TW của Việt Nam
- Vẽ sơ đồ tổ chức ngành y tế tuyến TW?
- Các giải pháp phát triển

2. Nội dung

1. Mô hình

2. Sơ đồ

3. Sơ đồ tổ chức bộ máy Bộ y tế

4. WHO

Chương 4: Mô hình tổ chức y tế tuyến tỉnh/thành phố của Việt Nam; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được mô hình tổ chức tuyến tỉnh/ thành phố của Việt Nam;
- Vẽ sơ đồ tổ chức ngành y tế tuyến tỉnh/thành phố?;
- Các giải pháp.

2. Nội dung

2.1. Mô hình

2.2. Sơ đồ

3.3. Sở Y tế

3.4. Các đơn vị y tế

Chương 5: Mô hình tổ chức y tế tuyến quận/huyện, xã/phường của Việt Nam

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được mô hình tổ chức;
- Vẽ sơ đồ tổ chức.
- Hoạt động chính của TYT xã.

2. Nội dung

2.1. Mô hình

2.2. Sơ đồ

2.3. Y tế cơ sở

Chương 6: Tổ chức và quản lý bệnh viện; Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được mô hình tổ chức hoạt động của BV;
- Trình bày được nguyên tắc hoạt động, phân loại BV;
- Phân tích các nhiệm vụ của bệnh viện?;
- Vẽ sơ đồ tổ chức quản lý bệnh viện?.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm

2.2. Phân hạng BV

2.3. Các đơn vị chức năng của BV

2.4. Nhiệm vụ

Chương 7: Trung tâm y tế, phòng y tế; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được mô hình tổ chức hoạt động
- Phân tích các nhiệm vụ của TTYT, phòng YT?

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm

2.2. Các đơn vị chức năng

2.3. Nhiệm vụ

Chương 8 : Đại cương Quản lý, quản lý Y tế

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân tích được các khái niệm, nguyên tắc quản lý và chức năng cơ bản quản lý và các bước của chu trình quản lý y tế;
- Mô tả được mô hình chu trình quản lý;
- Áp dụng kiến thức bài học xây dựng quy trình quản lý y tế tại cơ sở;
- Giải thích và phân tích sơ đồ chu trình của quản lý? Vận dụng liên hệ thực tế hiện nay ở Việt Nam xây dựng được chu trình quản lý y tế một vấn đề SK cụ thể, một vấn đề quản lý trong lĩnh vực y tế.

2.Nội dung

2.1. Chức năng quản lý

2.2. Các cách quản lý, phong cách QL, Người QL

2.3. Sơ đồ chu trình QL

2.4. Nội dung quản lý

Chương 9 : Lập kế hoạch y tế

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được tầm quan trọng của lập kế hoạch y tế;
- Trình bày được các bước lập kế hoạch y tế;
- Vận dụng các kỹ năng lập kế hoạch trong công việc của người Y sĩ trong BV và ngoài cộng đồng, một vấn đề quản lý trong lĩnh vực được phân công.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của lập kế hoạch

2.2. Chú ý khi lập kế hoạch y tế tại cộng đồng

2.3. Các bước lập kế hoạch y tế

2.4. Các phương pháp thu thập thông tin

2.5. Bài tập lập kế hoạch về công tác y tế tại cơ quan bệnh viện tại địa phương mình?

2.6. Xây dựng chỉ số/ quy trình LKH, đánh giá, giám sát?

Chương 9: Luật pháp y tế

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được những kiến thức cốt lõi quy định hiện nay đang thực hiện tại các cơ sở y tế;

- Áp dụng được các kỹ năng: tự học, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình...ra quyết định thực hiện đúng chuẩn đạo đức người CBYT và Xử lý được một số tình huống giả định về vi phạm y đức trong chăm sóc sức khỏe;

- Nghiêm túc tuân thủ pháp luật và các quy định đạo đức nghề nghiệp trong quá trình học tập và thực hành.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Phân loại

2.3. Vai trò, ý nghĩa

2.4. Tầm quan trọng

2.5. Các nội dung cơ bản một số luật

- Khám bệnh, chữa bệnh

- Bảo hiểm y tế

- An toàn thực phẩm

- Phòng chống bệnh TN/ HIV

- Nguyên tắc trong hành nghề

- Chính sách của nhà nước

- Những hành vi bị cấm

- Quyền và nghĩa vụ của người bệnh, người hành nghề

- Các quy định về chuyên môn kỹ thuật

- Nguyên tắc bảo hiểm y tế

- Chính sách của Nhà nước về bảo hiểm y tế

- Những hành vi bị cấm

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên

- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.

- Mô hình giải phẫu, búa phản xạ, thước dây, thước đo tâm vận động khớp, giường bệnh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo án, giáo trình, các tình huống LS

4. Các điều kiện khác:

- Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn
- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. *Phạm vi áp dụng môn học:* Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- Xây dựng đề cương chi tiết mô đun, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn quá trình học tập. Xây dựng vấn đề học tập. Giảng dạy theo đúng quy trình, phương pháp và kế hoạch theo đề cương chi tiết môn học. Tiến hành kiểm tra, lượng giá đúng quy trình. Xây dựng bộ câu hỏi đảm bảo đúng số lượng và chất lượng;

- Thảo luận nhóm: Giảng viên nêu vấn đề, chia nhóm, thảo luận nhóm, giáo viên giới hạn thời gian sẽ hoàn thành. Sau khi thảo luận xong các nhóm bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi thảo luận, người báo cáo và báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét và giảng viên có thể chấm điểm phần báo cáo và nhận xét.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).

+ Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp.

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Để học tập hiệu quả môn học này, sinh viên cần chủ động tìm tài liệu trên Web, nhận xét và thảo luận.

4 . Tài liệu tham khảo:

- [1] *Y xã hội học và tổ chức y tế*, Trường đại học Y Hà Nội 2010.
- [2] *Giáo trình môn học Quản lý Y tế*, Trường đại học Y tế công cộng. 2014.
- [3] Các văn bản của Đảng, Chính phủ, Bộ Y tế về công tác y tế.
- [4] Quản lý các chương trình y tế ở tuyến y tế cơ sở, Nhà xuất bản Y học. 2016.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỐNG KÊ Y HỌC – NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã mô đun: MD 18

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thiện các môn học cơ sở, các học phần chuyên ngành, Tin học
- Tính chất: Đây là mô đun tích hợp lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về khái niệm cơ bản về thống kê y học, các khái niệm liên quan đến tập mẫu thống kê, lý thuyết ước lượng, kiểm định (so sánh) giả thuyết;
- Trình bày và phân tích được các phép thống kê suy luận: Khoảng tin cậy; kiểm định giả thuyết. Sử dụng được phần mềm SPSS để phân tích số liệu;
- Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học Y học.

2.2. Về kỹ năng:

- Lựa chọn được các phép thống kê mô tả và thống kê suy luận cho các số liệu định tính và định lượng để sử dụng được phần mềm SPSS 16.0 và phân tích số liệu;
- Làm được đề cương NCKH về lĩnh vực Y học;
- Nhận xét và tham gia đánh giá được các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu y học và nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh, biết cách phân tích và ứng dụng một cách hệ thống các nhận xét và đánh giá của các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học
- Thể hiện kỹ năng tra cứu tài liệu, làm việc độc lập, thảo luận nhóm, trình bày và giải quyết vấn đề khoa học.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái niệm và tầm quan trọng của NCKH. Lựa chọn vấn đề nghiên cứu, viết tên đề tài NC, mục tiêu NC.	4	2	2	0
2	Bài 2: Phương pháp tìm kiếm, viết tổng quan và trích dẫn tài liệu tham khảo.	4	2	2	0
3	Bài 3: Các thiết kế nghiên cứu cơ bản. Phương pháp chọn mẫu và tính toán cỡ mẫu.	4	2	2	0
4	Bài 4: Biến số NC; Kỹ thuật thu thập số liệu, quy trình tổ chức thu thập số liệu.	4	1	2	1
5	Bài 5: Tổng hợp phân tích, xử lý và trình bày số liệu	4	2	2	0
6	Bài 6: Viết và trình bày báo cáo nghiên cứu	4	2	2	0
7	Bài 7: Tổng quan về phần mềm SPSS for Windows; Định nghĩa biến và tạo khung biến	4	3	1	0
8	Bài 8: Nhập dữ liệu và làm sạch dữ liệu	4	0	4	0
9	Bài 9: Tính toán và xử lý số liệu thống kê	4	0	4	0
10	Bài 10: Thống kê mô tả và vẽ biểu đồ	4	0	4	0
11	Bài 11: Kiểm định giả thuyết thống kê Kiểm tra	5	0	4	1
Tổng		45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Khái niệm và tầm quan trọng của NCKH. Lựa chọn vấn đề nghiên cứu, viết tên đề tài NC, mục tiêu nghiên cứu. **Thời gian 04 giờ**

1. Mục tiêu

- Chọn được vấn đề nghiên cứu và lựa chọn được vấn đề nghiên cứu ưu tiên;
- Viết được tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu;
- Thể hiện kỹ năng tra cứu tài liệu, làm việc độc lập, thảo luận nhóm, trình bày và giải quyết vấn đề khoa học.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của NCKH
- 2.2. Lựa chọn vấn đề nghiên cứu ưu tiên.
- 2.3. Trình bày phân đặt vấn đề của nghiên cứu
- 2.4. Cách viết tên đề tài.

2.5. Phân tích (analysis) và đặt vấn đề nghiên cứu (problem statement):

2.6. Xây dựng các mục tiêu và giả thiết nghiên cứu.

Bài 2: Phương pháp tìm kiếm, viết tổng quan và trích dẫn tài liệu tham khảo

Thời gian 04 giờ

1. Mục tiêu

- Viết được trích dẫn nghiên cứu qua tài liệu tham khảo;
- Viết được mục tài liệu tham khảo;
- Thể hiện kỹ năng tra cứu tài liệu, trích dẫn tài liệu, làm việc độc lập, thảo luận nhóm, trình bày và giải quyết vấn đề khoa học.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan y văn

2.2. Các bước để thực hiện tổng quan y văn

Bài 3: Các thiết kế nghiên cứu cơ bản. Phương pháp chọn mẫu và tính toán cỡ mẫu

Thời gian 04 giờ

1. Mục tiêu

- Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu cho đề tài nhóm;
- Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang và chọn mẫu, tính được cỡ mẫu phù hợp cho nghiên cứu nhóm;

Thể hiện kỹ năng tra cứu tài liệu, làm việc độc lập, thảo luận nhóm, trình bày và giải quyết vấn đề khoa học.

2. Nội dung

2.1. Các loại thiết kế nghiên cứu thông dụng

2.2. Các loại mẫu trong nghiên cứu

2.3. Công thức tính cỡ mẫu

Bài 4: Biến số NC; Kỹ thuật thu thập số liệu, quy trình tổ chức thu thập số liệu

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Xác định được các biến số nghiên cứu của đề tài;
- Thiết kế được công cụ thu thập số liệu;
- Thể hiện kỹ năng tra cứu tài liệu, làm việc độc lập, thảo luận nhóm, trình bày và giải quyết vấn đề khoa học.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại biến số

2.3. Thiết kế công cụ thu thập số liệu

2.4. Xây dựng bộ câu hỏi

Bài 5: Tổng hợp phân tích, xử lý và trình bày số liệu **Thời gian 04 giờ**

1. Mục tiêu

- Chọn được phương pháp xử lý và phân tích số liệu phù hợp với nghiên cứu của nhóm;
- Chọn được các loại bảng và đồ thị phù hợp để trình bày số liệu;
- Thể hiện kỹ năng tra cứu tài liệu, làm việc độc lập, thảo luận nhóm, trình bày và giải quyết vấn đề khoa học.

2. Nội dung

2.1. Lựa chọn Test thống kê thích hợp trong phân tích số liệu

2.2. Trình bày kết quả nghiên cứu

Bài 6: Viết và trình bày báo cáo nghiên cứu **Thời gian 04 giờ**

1. Mục tiêu

- Viết được báo cáo nghiên cứu khoa học;
- Thể hiện kỹ năng tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm, trình bày và giải quyết vấn đề khoa học.

2. Nội dung

2.1. Một số lưu ý khi viết báo cáo khoa học

2.2. Viết báo cáo khoa học

Bài 7: Tổng quan về phần mềm SPSS for Windows; Định nghĩa biến và tạo khung biến **Thời gian: 04 giờ**

1. Mục tiêu

- Sử dụng phần mềm SPSS 16.0, tạo được khung biến cho bộ số liệu.
- Thể hiện được thái độ học tập nghiêm túc, thao tác cẩn thận, chính xác, tính kiên trì, sáng tạo trong công việc, có ý thức giữ gìn tài sản của phòng máy.

2. Nội dung

2.1. Hướng dẫn cài đặt

2.2. Khởi động chương trình

2.3. Khai báo biến.

2.4. Định nghĩa biến cho biến cho các biến khác

Bài 8: Nhập dữ liệu và làm sạch dữ liệu **Thời gian 04 giờ**

1. Mục tiêu

- Nhập được dữ liệu và làm sạch dữ liệu trên bố số liệu mẫu;
- Thể hiện được thái độ học tập nghiêm túc, thao tác cẩn thận, chính xác, tính kiên trì, sáng tạo trong công việc, có ý thức giữ gìn tài sản của phòng máy.

2. Nội dung

2.1. Nhập dữ liệu

2.2. Làm sạch dữ liệu

2.3. Cắt, sao chép và dán các trị số của dữ liệu.

2.4. Chèn thêm các đối tượng mới.

2.5. Chèn một biến mới

2.6. Thay đổi loại dữ liệu

Bài 9: Tính toán và xử lý số liệu thống kê

Thời gian 04 giờ

1. Mục tiêu

- Tính toán, mã hóa được biến trong tệp dữ liệu;
- Xử lý được số liệu thống kê: chọn lọc dữ liệu, sắp xếp dữ liệu, tạo biến đa lựa chọn;
- Thể hiện được thái độ học tập nghiêm túc, thao tác cẩn thận, chính xác, tính kiên trì, sáng tạo trong công việc, có ý thức giữ gìn tài sản của phòng máy.

2. Nội dung

2.1. Tính toán biến {Compute Variable}

2.2. Tạo biến mới bằng mã hóa các biến trong tệp dữ liệu.

2.3. Chọn lọc dữ liệu.

Bài 10: Thống kê mô tả và vẽ biểu đồ

Thời gian 04 giờ

1. Mục tiêu

- Tính được các giá trị thống kê mô tả: trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn, phương sai, tỷ lệ;
- Trình bày được số liệu bằng bảng, biểu đồ;
- Thể hiện được thái độ học tập nghiêm túc, thao tác cẩn thận, chính xác, tính kiên trì, sáng tạo trong công việc, có ý thức giữ gìn tài sản của phòng máy.

2. Nội dung

2.1. Tính toán thống kê cho một biến định lượng

2.2. Tính toán thống kê cho đơn biến định lượng có phân nhóm.

2.3. Thống kê tần số cho câu hỏi nhiều lựa chọn.

1. Mục tiêu

- Phân tích được các phép thống kê suy luận: Khoảng tin cậy; kiểm định giả thuyết
- Phiên giải được các giả thuyết nghiên cứu.
- Thể hiện được thái độ học tập nghiêm túc, thao tác cẩn thận, chính xác, tính kiên trì, sáng tạo trong công việc, có ý thức giữ gìn tài sản của phòng máy.

2. Nội dung

- 2.1. Phân tích một biến định lượng
- 2.2. Kiểm định tham số.
- 2.3. Kiểm định 1 tỷ lệ lý thuyết với 1 tỷ lệ nghiên cứu.
- 2.4. So sánh các tỷ lệ - xét mối liên quan giữa hai biến định tính.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, tài liệu tham khảo.
4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:**1. Nội dung:**

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống.
- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Đối với giáo viên, giảng viên giảng dạy tại phòng lý thuyết: Sử dụng phương pháp nêu vấn đề, thảo luận nhóm;

+ Đối với giáo viên, giảng viên giảng dạy tại phòng thực hành: Sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề, cầm tay chỉ việc.

- Đối với người học:

- + Sinh viên làm bài tập trên lớp theo nhóm 8 SV theo chuyên đề;
- + Từng nhóm trình bày và các nhóm khác nghe, phản biện, đặt câu hỏi nếu có;
- + Sinh viên thực hiện các bài thực hành trên máy tính cá nhân tại phòng thực hành máy tính.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

- Giảng viên kiểm tra đánh giá quá trình tự học của sinh viên thông qua các bài tập giao cho sinh viên trong quá trình thực hành tại phòng học.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] PGS.TS. Lưu Ngọc Hoạt, 2014, “*Nghiên cứu khoa học trong y học*”, trường Đại [2] học Y Hà Nội, nhà xuất bản y học.

[2] Bộ môn Toán- Tin, “*Lý thuyết SPSS & ứng dụng trong Y – Sinh học*”, trường Đại học Y Hà Nội.

[3] Bộ môn Toán- Tin, “*Thực hành SPSS & ứng dụng trong Y – Sinh học*”, trường Đại học Y Hà Nội.

[4] Bộ môn Tin học, “*Hướng dẫn sử dụng phần mềm Epidata*”, trường Đại học Y tế công cộng.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: NHI
Mã mô đun: MD 19
Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo.
- Tính chất: Lý thuyết kết hợp với thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Vận dụng được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý cơ thể trẻ em và từng thời kỳ phát triển vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh chung cho trẻ;
- Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của các bệnh lý hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, tiết niệu để lập luận đưa ra chẩn đoán, biện pháp điều trị phù hợp với trẻ trong tình huống giảng dạy.

2.2. Về kỹ năng:

- Đưa ra được hướng xử trí và điều trị cho trẻ bệnh trong tình huống giảng dạy;
- Tham vấn được cho bà mẹ cách nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ an toàn, phù hợp;
- Hướng dẫn được trẻ và gia đình trẻ cách sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn, hợp lý;
- Tư vấn được cho bà mẹ cách phòng tránh cho trẻ các bệnh lý hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, tiết niệu trong tình huống giảng dạy.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị;
- Thể hiện được khả năng giao tiếp làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra

1	Phần I: Nhi khoa đại cương Bài 1: Đặc điểm giải phẫu sinh lý trẻ em 1.1. Đặc điểm hệ da - cơ - xương 1.2. Đặc điểm hệ hô hấp 1.3. Đặc điểm hệ tiêu hóa 1.4. Đặc điểm hệ tuần hoàn 1.5. Đặc điểm sự tạo máu và máu ngoại biên 1.6. Đặc điểm hệ tiết niệu 1.7. Đặc điểm hệ thần kinh Bài 2: Các thời kỳ phát triển của trẻ em 2.1. Đại cương về sự phát triển 2.2. Đặc điểm phát triển của từng thời kỳ. Bài 3: Đặc điểm phát triển thể chất ở trẻ em 3.1. Sự phát triển về cân nặng 3.2. Biểu đồ tăng trưởng 3.3. Sự phát triển chiều cao 3.4. Sự phát triển vòng đầu, vòng ngực và vòng cánh tay 3.5. Tỷ lệ giữa các phần trong cơ thể 3.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất trẻ em. Bài 4: Sự phát triển tinh thần vận động của trẻ em 4.1. Những nguyên tắc chung của quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em 4.2. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em. 4.3. Những biểu hiện của sự phát triển tâm thần và vận động của trẻ em qua từng lứa tuổi 4.4. Một số bất thường về phát triển thường gặp ở trẻ em Bài 5: Chăm sóc sức khỏe ban đầu 5.1. Khái niệm CSSKBĐ 5.2. Nội dung CSSKBĐ cho trẻ em 5.3. Các chương trình quốc gia trong CSSKBĐ cho trẻ em Bài 6: Sử dụng thuốc ở trẻ em 6.1. Đặc điểm của trẻ liên quan đến sử dụng thuốc 6.2. Đặc điểm đường dẫn thuốc	5	4	1	0
---	---	---	---	---	---

	vào cơ thể trẻ 6.3. Cách tính liều lượng thuốc cho trẻ em 6.4. Một số vấn đề khi dùng thuốc cho trẻ em				
2	Phần 2: Sơ sinh <u>Bài 1:</u> Đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng, già tháng 1.1. Trẻ sơ sinh đủ tháng khoẻ mạnh 1.2. Trẻ sơ sinh thiếu tháng (đẻ non) 1.3. Trẻ sơ sinh già tháng <u>Bài 2:</u> Hội chứng vàng da sơ sinh 2.1. Các giai đoạn chuyển hoá bilirubin trong cơ thể 2.2. Nguyên nhân vàng da ở trẻ sơ sinh 2.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của hội chứng tăng Bilirubin trực tiếp 2.4. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và hậu quả của hội chứng tăng Bilirubin gián tiếp 2.5. Điều trị tăng Bilirubin tự do <u>Bài 3:</u> Nhiễm khuẩn sơ sinh 3.1. Đại cương 3.2. Đặc điểm sinh lý bệnh 3.3. Nguyên nhân và các yếu tố liên quan 3.4. Một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp ở trẻ sơ sinh	3	1	2	0
3	Phần 3: Hô hấp <u>Bài 1:</u> Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính 1.1. Đại cương 1.2. Nguyên nhân 1.3. Triệu chứng 1.4. Phân loại bệnh và xử trí 1.5. Điều trị 1.6. Phòng bệnh <u>Bài 2:</u> Viêm phế quản phổi trẻ em 2.1. Định nghĩa 2.2. Nguyên nhân 2.3. Triệu chứng 2.4. Chẩn đoán 2.5. Điều trị 2.6. Phòng bệnh	3	1	2	0
4	Phần 4: Tiêu hóa <u>Bài 1:</u> Bệnh tiêu chảy cấp	5	2	2	1

	1.1. Đại cương 1.2. Nguyên nhân 1.3. Hậu quả 1.4. Triệu chứng 1.5. Phân loại bệnh và xử trí 1.6. Điều trị 1.7. Phòng bệnh <u>Bài 2:</u> Táo bón ở trẻ em 2.1. Đại cương 2.2. Sinh lý của quá trình thải phân 2.3. Nguyên nhân 2.4. Triệu chứng 2.5. Chẩn đoán 2.6. Điều trị 2.7. Phòng bệnh <u>Bài 3:</u> Bệnh giun sán ở trẻ em 3.1. Dịch tễ học 3.2. Đặc điểm và chu trình sinh sản của giun 3.3. Tác hại 3.4. Triệu chứng 3.5. Biện chứng 3.6. Điều trị 3.7. Phòng bệnh <u>Bài 4:</u> Nôn trớ ở trẻ em 4.1. Đại cương 4.2. Nguyên nhân 4.3. Triệu chứng lâm sàng 4.4. Điều trị <u>Bài 5:</u> Đau bụng ở trẻ em 5.1. Đại cương 5.2. Nguyên nhân 5.3. Triệu chứng 5.4. Điều trị 5.5. Phòng bệnh				
5	Phần 5: Dinh dưỡng Bài 1: Dinh dưỡng trẻ em 4.1. Nhu cầu chất dinh dưỡng ở trẻ em 4.2. Nuôi dưỡng trẻ em Bài 2: Bệnh còi xương thiếu vitamin D 4.3. Đại cương 4.4. Nguyên nhân gây bệnh còi xương 4.5. Triệu chứng 4.6. Chẩn đoán 4.7. Điều trị 4.8. Phòng bệnh Bài 3: Suy dinh dưỡng	4	2	2	0

	4.9. Định nghĩa 4.10. Nguyên nhân 4.11. Tác hại 4.12. Dấu hiệu và phân loại SDD 4.13. Điều trị 4.14. Phòng bệnh Bài 4: Thiếu máu thiếu sắt 4.15. Định nghĩa 4.16. Nguyên nhân 4.17. Triệu chứng 4.18. Chẩn đoán 4.19. Điều trị 4.20. Phòng bệnh				
6	Phần 6: Tim mạch Bài 1: Bệnh tim bẩm sinh 1.1. Đại cương 1.2. Phân loại 1.3. Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp 1.4. Phòng bệnh Bài 2: Thấp tim 2.1. Khái niệm 2.2. Nguyên nhân gây bệnh 2.3. Triệu chứng 2.4. Chẩn đoán 2.5. Điều trị 2.6. Phòng bệnh	3	1	2	0
7	Phần 7: Thần kinh <u>Bài 1:</u> Hội chứng co giật ở trẻ em 1.1. Đại cương 1.2. Hội chứng co giật ở trẻ sơ sinh 1.3. Co giật ở trẻ nhũ nhi và trẻ lớn 1.4. Triệu chứng 1.5. Chẩn đoán 1.6. Điều trị <u>Bài 2:</u> Co giật do sốt 2.1. Đại cương 2.2. Chẩn đoán 2.3. Tiên lượng 2.4. Điều trị <u>Bài 3:</u> Xuất huyết não màng não 3.1. Đại cương 3.2. Nguyên nhân 3.3. Triệu chứng 3.4. Chẩn đoán 3.5. Điều trị 3.6. Phòng bệnh	3	1	2	0
8	Phần 8: Thận- Tiết niệu <u>Bài 1:</u> Bệnh viêm cầu thận cấp	3	1	2	0

	1.1. Đại cương 1.2. Nguyên nhân 1.3. Triệu chứng 1.4. Chẩn đoán 1.5. Điều trị 1.6. Phòng bệnh <u>Bài 2: Hội chứng thận hư</u> 2.1. Đại cương 2.2. Nguyên nhân 2.3. Triệu chứng 2.4. Chẩn đoán 2.5. Điều trị 2.6. Phòng bệnh <u>Bài 3: Nhiễm khuẩn đường tiêu</u> 2.1. Đại cương 2.2. Các yếu tố nguy cơ 2.3. Triệu chứng 2.4. Chẩn đoán 2.5. Điều trị 2.6. Phòng bệnh				
9	Phần 9: Truyền nhiễm <u>Bài 1: Viêm màng não mủ</u> 1.1. Đại cương 1.2. Dịch tễ học 1.3. Triệu chứng 1.4. Chẩn đoán 1.5. Điều trị 1.6. Phòng bệnh <u>Bài 2: Bệnh tay chân miệng</u> 2.1. Đại cương 2.2. Dịch tễ học 2.3. Triệu chứng 2.4. Chẩn đoán 2.5. Điều trị 2.6. Phòng bệnh <u>Bài 3: Sốt xuất huyết</u> 3.1. Đại cương Dịch tễ học 3.3. Triệu chứng 3.4. Chẩn đoán 3.5. Điều trị 3.6. Phòng bệnh	4	1	3	0
10	Phần 10: IMCI <u>Bài 1: Chiến lược lồng ghép và xử trí trẻ bệnh</u> 1.1. Dịch tễ học các bệnh thường gặp ở trẻ em và sự cần thiết của xử trí lồng ghép 1.2. Mục tiêu của chiến lược	12	1	10	1

1.3. Nội dung cấu thành chiến lược lồng ghép xử trí trẻ bệnh 1.4. Tiến trình xử trí lồng ghép 1.5. Lợi ích của chương trình IMCI <u>Bài 2: Thực hành IMCI</u> 2.1. Thực hành: đánh giá, phân loại và xử trí trẻ bệnh từ 2 tháng – 5 tuổi 2.2. Thực hành: đánh giá, phân loại và xử trí trẻ bệnh từ 0 tháng 2 tháng				
Tổng	45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết

Phần 1: Nhi khoa đại cương

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý cơ thể trẻ em; đặc điểm phát triển thể chất, tinh thần vận động và các thời kỳ phát triển của trẻ;
- Phân tích được các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em;
- Trình bày được đặc điểm của trẻ liên quan đến sử dụng thuốc, một số vấn đề khi dùng thuốc cho trẻ em;
- Tham vấn được cho bà mẹ cách chăm sóc trẻ an toàn, phù hợp;
- Hướng dẫn được trẻ và gia đình trẻ cách sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn, hợp lý
- Xác định được giải pháp chính phòng bệnh cho trẻ em ở từng thời kỳ;
- Hình thành và rèn luyện được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, chỉ đạo nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận;
- Vận dụng được kiến thức vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ cũng như tư vấn cho cộng đồng về cách theo dõi, chăm sóc nuôi dưỡng và phòng bệnh cho trẻ.

2. Nội dung

Bài 1: Đặc điểm giải phẫu sinh lý trẻ em

- 1.1. Đặc điểm hệ da - cơ - xương
- 1.2. Đặc điểm hệ hô hấp
- 1.3. Đặc điểm hệ tiêu hóa
- 1.4. Đặc điểm hệ tuần hoàn
- 1.5. Đặc điểm sự tạo máu và máu ngoại biên
- 1.6. Đặc điểm hệ tiết niệu
- 1.7. Đặc điểm hệ thần kinh

Bài 2: Các thời kỳ phát triển của trẻ em

2.1. Đại cương về sự phát triển

2.2. Đặc điểm phát triển của từng thời kỳ.

Bài 3: Đặc điểm phát triển thể chất ở trẻ em

3.1. Sự phát triển về cân nặng

3.2. Biểu đồ tăng trưởng

3.3. Sự phát triển chiều cao

3.3. Sự phát triển vòng đầu, vòng ngực và vòng cánh tay

3.4. Tỷ lệ giữa các phần trong cơ thể

3.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất trẻ em.

Bài 4: Sự phát triển tinh thần vận động của trẻ em

4.1. Những nguyên tắc chung của quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em

4.2. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình phát triển tâm thần và vận động ở trẻ em.

4.3. Những biểu hiện của sự phát triển tâm thần và vận động của trẻ em qua từng lứa tuổi

4.4. Một số bất thường về phát triển thường gặp ở trẻ em

Bài 5: Chăm sóc sức khỏe ban đầu

5.1. Khái niệm CSSKBĐ

5.2. Nội dung CSSKBĐ cho trẻ em

5.3. Các chương trình quốc gia trong CSSKBĐ cho trẻ em

Bài 6: Sử dụng thuốc ở trẻ em

6.1. Đặc điểm của trẻ liên quan đến sử dụng thuốc

6.2. Đặc điểm đường dẫn thuốc vào cơ thể trẻ

6.3. Cách tính liều lượng thuốc cho trẻ em

6.4. Một số vấn đề khi dùng thuốc cho trẻ em

Phần 2: Sơ sinh

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

+ Có kiến thức về cấu trúc và chức năng cơ thể trẻ sơ sinh đủ tháng, non tháng, già tháng, đặc biệt là về những thay đổi về sinh lý khi trẻ ra đời, đặc điểm giải phẫu sinh lý bình thường và bệnh lý;

+ Có kiến thức về khoa học xã hội để chăm sóc trẻ em phù hợp về văn hoá, xã hội và tâm sinh lý;

+ Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hợp tác với các nhân viên y tế khác, với bà mẹ, trẻ em và gia đình của họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe trẻ em;

- + Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nói chung, chăm sóc trẻ em nói riêng;
- + Có tinh thần tôn trọng, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp, trẻ em và gia đình họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.
- + Trung thực, khách quan, luôn cố gắng học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Nội dung

Bài 1: Đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng, già tháng

- 1.1. Trẻ sơ sinh đủ tháng khoẻ mạnh
- 1.2. Trẻ sơ sinh thiếu tháng (đẻ non)
- 1.3. Trẻ sơ sinh già tháng

Bài 2: Hội chứng vàng da sơ sinh

- 2.1. Các giai đoạn chuyển hoá bilirubin trong cơ thể
- 2.2. Nguyên nhân vàng da ở trẻ sơ sinh
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của hội chứng tăng Bilirubin trực tiếp
- 2.4. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và hậu quả của hội chứng tăng Bilirubin gián tiếp
- 2.5. Điều trị tăng Bilirubin tự do

Bài 3: Nhiễm khuẩn sơ sinh

- 3.1. Đại cương
- 3.2. Đặc điểm sinh lý bệnh
- 3.3. Nguyên nhân và các yếu tố liên quan
- 3.4. Một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp ở trẻ sơ sinh

Phần 3: Hô hấp

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- + Trình bày được các nguyên nhân cơ bản và các yếu tố thuận lợi dẫn đến những bệnh lý hô hấp thường gặp ở trẻ em;
- + Phân tích được triệu chứng lâm sàng các bệnh hô hấp thường gặp ở trẻ em;
- + Nhận định được triệu chứng của một số bệnh lý hô hấp thường gặp ở trẻ em;
- + Lập luận để đưa ra được chẩn đoán, điều trị phù hợp;
- + Tham vấn được các biện pháp phòng bệnh;
- + Hình thành và rèn luyện được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, chỉ đạo nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận;

+ Vận dụng được kiến thức vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ cũng như tư vấn cho cộng đồng về cách theo dõi, chăm sóc nuôi dưỡng và phòng bệnh.

2. Nội dung

Bài 1: Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính

- 1.1. Đại cương
- 1.2. Nguyên nhân
- 1.3. Triệu chứng
- 1.4. Phân loại bệnh và xử trí
- 1.5. Điều trị
- 1.6. Phòng bệnh

Bài 2: Viêm phế quản phổi trẻ em

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Chẩn đoán
- 2.5. Điều trị
- 2.6. Phòng bệnh

Bài 3: Hen phế quản

- 3.1. Đại cương
- 3.2. Các yếu tố khởi phát cơn hen phế quản cấp
- 3.3. Cơ chế bệnh sinh
- 3.4. Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của cơn hen phế quản cấp
- 3.5. Chẩn đoán
- 3.6. Điều trị
- 3.7. Phòng bệnh

Phần 4: Tiêu hóa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- + Trình bày được các nguyên nhân cơ bản và các yếu tố thuận lợi dẫn đến những bệnh lý tiêu hóa thường gặp ở trẻ em;
- + Phân tích được triệu chứng lâm sàng các bệnh tiêu hóa thường gặp ở trẻ em;
- + Nhận định được triệu chứng của một số bệnh lý tiêu hóa thường gặp ở trẻ em;
- + Lập luận để đưa ra được chẩn đoán, điều trị phù hợp;

- + Tham vấn được các biện pháp phòng bệnh;
- + Hình thành và rèn luyện được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, chỉ đạo nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận;
- + Vận dụng được kiến thức vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ cũng như tư vấn cho cộng đồng về cách theo dõi, chăm sóc nuôi dưỡng và phòng bệnh.

2. Nội dung

Bài 1: Bệnh tiêu chảy cấp

- 1.1. Đại cương
- 1.2. Nguyên nhân
- 1.3. Hậu quả
- 1.4. Triệu chứng
- 1.5. Phân loại bệnh và xử trí
- 1.6. Điều trị
- 1.7. Phòng bệnh

Bài 2: Táo bón ở trẻ em

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Sinh lý của quá trình thải phân
- 2.3. Nguyên nhân
- 2.4. Triệu chứng
- 2.5. Chẩn đoán
- 2.6. Điều trị
- 2.7. Phòng bệnh

Bài 3: Bệnh giun sán ở trẻ em

- 3.1. Dịch tễ học
- 3.2. Đặc điểm và chu trình sinh sản của giun
- 3.3. Tác hại
- 3.4. Triệu chứng
- 3.5. Biện chứng
- 3.6. Điều trị
- 3.7. Phòng bệnh

Bài 4: Nôn trớ ở trẻ em

- 4.1. Đại cương

4.2. Nguyên nhân

4.3. Triệu chứng lâm sàng

4.4. Điều trị

Bài 5: Đau bụng ở trẻ em

5.1. Đại cương

5.2. Nguyên nhân

5.3. Triệu chứng

5.4. Điều trị

5.5. Phòng bệnh

Phần 5: Dinh dưỡng

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

+ Vận dụng được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý cơ thể trẻ em và từng thời kỳ phát triển vào việc nuôi dưỡng trẻ;

+ Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng của các bệnh lý hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, tiết niệu để đưa ra chẩn đoán y khoa phù hợp với trẻ trong tình huống giảng dạy;

+ Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hợp tác với các nhân viên y tế khác, với bà mẹ, trẻ em và gia đình của họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe trẻ em;

+ Đưa ra được hướng xử trí và điều trị tại tuyến y tế cơ sở cho trẻ bệnh trong tình huống giảng dạy;

+ Tư vấn được cho bà mẹ cách phòng tránh cho trẻ các bệnh lý hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, tiết niệu trong tình huống giảng dạy;

+ Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị;

+Thể hiện được khả năng giao tiếp làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả

2. Nội dung

Bài 1: Dinh dưỡng trẻ em

1.1. Nhu cầu chất dinh dưỡng ở trẻ em

1.2. Nuôi dưỡng trẻ em

Bài 2: Bệnh còi xương thiếu vitamin D

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân gây bệnh còi xương

2.3. Triệu chứng

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị

2.6. Phòng bệnh

Bài 3: Suy dinh dưỡng

3.1. Định nghĩa

3.2. Nguyên nhân

3.2. Tác hại

3.3. Dấu hiệu và phân loại SDD

3.4. Điều trị

3.5. Phòng bệnh

Bài 4: Thiếu máu thiếu sắt

4.1. Định nghĩa

4.2. Nguyên nhân

4.3. Triệu chứng

4.4. Chẩn đoán

4.5. Điều trị

4.6. Phòng bệnh

Phần 6: Tim mạch

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

+ Trình bày được các nguyên nhân cơ bản và các yếu tố thuận lợi dẫn đến những bệnh lý tim bẩm sinh, tim mạch phải ở trẻ em;

+ Phân tích được triệu chứng lâm sàng các bệnh tim bẩm sinh, thấp tim;

+ Nhận định được triệu chứng của một số bệnh lý tim mạch thường gặp ở trẻ em

+ Lập luận để đưa ra được chẩn đoán, điều trị phù hợp;

+ Tham vấn được các biện pháp phòng bệnh;

+ Hình thành và rèn luyện được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, chỉ đạo nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận;

+ Vận dụng được kiến thức vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ cũng như tư vấn cho cộng đồng về cách theo dõi, chăm sóc nuôi dưỡng và phòng bệnh.

2. Nội dung

Bài 1: Bệnh tim bẩm sinh

1.1. Đại cương

1.2. Phân loại

1.3. Một số bệnh tim bẩm sinh thường gặp

1.4. Phòng bệnh

Bài 2: Thấp tim

2.1. Khái niệm

2.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.3. Triệu chứng

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị

2.6. Phòng bệnh

Phần 7: Thần kinh

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

+ Trình bày được các nguyên nhân cơ bản và các yếu tố thuận lợi dẫn đến những bệnh lý hệ thần kinh ở trẻ em;

+ Phân tích được triệu chứng lâm sàng các bệnh hệ thần kinh trẻ em;

+ Nhận định được triệu chứng của một số bệnh lý hệ thần kinh trẻ em;

+ Lập luận để đưa ra được chẩn đoán, điều trị phù hợp;

+ Tham vấn được các biện pháp phòng bệnh;

+ Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị;

+ Thể hiện được khả năng giao tiếp làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả

2. Nội dung

Bài 1: Hội chứng co giật ở trẻ em

1.1 Đại cương

1.2. Hội chứng co giật ở trẻ sơ sinh

1.3. Co giật ở trẻ nhũ nhi và trẻ lớn

1.4. Triệu chứng

1.5. Chẩn đoán

1.6. Điều trị

Bài 2: Co giật do sốt

2.1. Đại cương

2.2. Chẩn đoán

2.3. Tiên lượng

2.4. Điều trị

Bài 3: Xuất huyết não màng não

3.1. Đại cương

3.2. Nguyên nhân

3.2. Triệu chứng

3.4. Chẩn đoán

3.5. Điều trị

3.6. Phòng bệnh

Phần 8: Thận- Tiết niệu

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

+ Trình bày được các nguyên nhân cơ bản và các yếu tố thuận lợi dẫn đến những bệnh lý hệ tiết niệu ở trẻ em;

+ Giải thích được cơ chế bệnh sinh của bệnh;

+ Phân tích được triệu chứng lâm sàng các bệnh hệ tiết niệu ở trẻ em;

+ Nhận định được triệu chứng của một số bệnh lý hệ tiết niệu trẻ em;

+ Lập luận để đưa ra được chẩn đoán, điều trị phù hợp;

+ Tham vấn được các biện pháp phòng bệnh;

+ Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị;

+ Thể hiện được khả năng giao tiếp làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả.

2. Nội dung

Bài 1: Bệnh viêm cầu thận cấp

1.1. Đại cương

1.2. Nguyên nhân

1.3. Triệu chứng

1.4. Chẩn đoán

1.5. Điều trị

1.6. Phòng bệnh

Bài 2: Hội chứng thận hư

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị

2.6. Phòng bệnh

Bài 3: Nhiễm khuẩn đường tiểu

3.1. Đại cương

3.2. Các yếu tố nguy cơ

3.3. Triệu chứng

3.4. Chẩn đoán

3.5. Điều trị

3.6. Phòng bệnh

Phần 9: Truyền nhiễm Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- + Trình bày được các nguyên nhân cơ bản và các yếu tố thuận lợi dẫn đến những bệnh truyền nhiễm ở trẻ em;
- + Phân tích được đặc điểm dịch tễ, triệu chứng lâm sàng một số bệnh truyền nhiễm ở trẻ em;
- + Nhận định được triệu chứng của một số bệnh lý truyền nhiễm trẻ em;
- + Lập luận để đưa ra được chẩn đoán, điều trị phù hợp;
- + Tham vấn được các biện pháp phòng bệnh;
- + Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị;
- + Thể hiện được khả năng giao tiếp làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả

2. Nội dung

Bài 1: Viêm màng não mủ

1.1 Đại cương

1.2. Dịch tễ học

1.3. Triệu chứng

1.4. Chẩn đoán

1.5. Điều trị

1.6. Phòng bệnh

Bài 2: Bệnh tay chân miệng

2.1. Đại cương

- 2.2. Dịch tễ học
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Chẩn đoán
- 2.5. Điều trị
- 2.6. Phòng bệnh

Bài 3: Sốt xuất huyết

- 3.1. Đại cương
- 3.2. Dịch tễ học
- 3.3. Triệu chứng
- 3.4. Chẩn đoán
- 3.5. Điều trị
- 3.6. Phòng bệnh

Phần 10: IMCI

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

- + Trình bày được cách đánh giá, phân loại và xử trí các dấu hiệu bệnh lý của trẻ tại cộng đồng;
- + Nhận biết được các dấu hiệu nặng nguy hiểm, các dấu hiệu cần chuyển tuyến của trẻ em, các quy trình hồi sức cấp cứu và vận chuyển bệnh nhi an toàn;
- + Tư vấn được cho bà mẹ cách chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại nhà và nhận biết các dấu hiệu cần đưa trẻ tái khám;
- + Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ sơ sinh và trẻ dưới 5 tuổi;
- + Rèn luyện được kỹ năng tự học, kỹ năng thăm khám để đánh giá tình trạng của trẻ, phát hiện các dấu hiệu nặng nguy hiểm toàn thân; nâng cao năng lực thực hành giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng;
- + Rèn luyện được tác phong làm việc khẩn trương, nghiêm túc, đúng mực, tôn trọng người bệnh, gia đình bệnh nhân và đồng nghiệp trong quá trình thực hành tư vấn, chăm sóc trẻ;
- + Thể hiện được khả năng thuyết trình, biện luận, phản biện cá nhân.

2. Nội dung

Bài 1: Chiến lược lồng ghép và xử trí trẻ bệnh

- 1.1. Dịch tễ học các bệnh thường gặp ở trẻ em và sự cần thiết của xử trí lồng ghép
- 1.2. Mục tiêu của chiến lược
- 1.3. Nội dung cấu thành chiến lược lồng ghép xử trí trẻ bệnh

1.4. Tiến trình xử trí lồng ghép

1.5. Lợi ích của chương trình IMCI

Bài 2: Thực hành IMCI

2.1. Thực hành: đánh giá, phân loại và xử trí trẻ bệnh từ 2 tháng – 5 tuổi

2.2. Thực hành: đánh giá, phân loại và xử trí trẻ bệnh từ 0 tháng 2 tháng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên

- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.

- Mô hình.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống LS

4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn

- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;

- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- Xây dựng đề cương chi tiết môn học, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn quá trình học tập. Xây dựng vấn đề học tập. Giảng dạy theo đúng quy trình, phương pháp và kế hoạch theo đề cương chi tiết môn học. Tiến hành kiểm tra, lượng giá đúng quy trình. Xây dựng bộ câu hỏi đảm bảo đúng số lượng và chất lượng;

- Thảo luận nhóm: Giảng viên nêu vấn đề, chia nhóm, thảo luận nhóm, giáo viên giới hạn thời gian sẽ hoàn thành. Sau khi thảo luận xong các nhóm bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi thảo luận, người báo cáo và báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét và giảng viên có thể chấm điểm phần báo cáo và nhận xét.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).

+ Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Để học tập hiệu quả môn học này, sinh viên cần chủ động tìm tài liệu trên Web, nhận xét và thảo luận.

4.. Tài liệu học tập:

[1] *Bài giảng Nhi* - sách dùng cho cao đẳng y sĩ đa khoa, Bộ môn nhi - Trường cao đẳng y Thái Bình (2020).

4.2. Tài liệu tham khảo:

[1] *Bệnh học nhi khoa tập 1,2*, Nhà xuất bản Y học, 2020.

[2] *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em*, Bộ Y tế, 2015
Phác đồ điều trị nhi khoa, Nhà xuất bản y học, 2016.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG NHI

Mã mô đun: MD 20

Số tín chỉ: 2(0-2-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành.
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, đánh giá và thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh lý nhi khoa một cách thành thạo;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám và điều trị;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh nhi khoa có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;
- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nhi khoa hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buông bệnh thực hành	1	0	1	0
2	Hướng dẫn cách khám, chẩn đoán, điều trị trẻ mắc bệnh lý hô hấp	1	0	1	0
3	Thực hành khám, chẩn đoán, điều trị trẻ mắc bệnh hô hấp	6	0	6	0
4	Làm bệnh án hô hấp	2	0	1	1
5	Hướng dẫn khám, chẩn đoán, điều trị NB tiêu hóa – dinh dưỡng	1	0	1	0
6	Thực hành khám, chẩn đoán, điều trị NB tiêu hóa, dinh dưỡng	6	0	4	2
7	Làm bệnh án tiêu hóa, dinh dưỡng	2	0	2	0
8	Hướng dẫn thăm khám, chăm sóc trẻ sơ sinh	1	0	1	0
9	Thực hành thăm khám và chăm sóc trẻ sơ sinh	4	0	4	0
10	Làm bệnh án sơ sinh	2	0	2	0
11	Hướng dẫn thăm khám, chẩn đoán, điều trị trẻ mắc bệnh lý tim mạch	1	0	1	0
12	Thực hành thăm khám, chẩn đoán, điều trị trẻ mắc bệnh lý tim mạch	4	0	4	0
13	Làm bệnh án tim mạch	2	0	2	0
14	Hướng dẫn thăm khám, chẩn đoán, điều trị trẻ mắc bệnh lý thận tiết niệu	1	0	1	0
15	Thực hành thăm khám, chẩn đoán, điều trị trẻ mắc bệnh lý thận tiết niệu	6	0	6	0
16	Làm bệnh án thận tiết niệu	2	0	2	0
17	Hướng dẫn khám, chẩn đoán, điều trị trẻ mắc bệnh thần kinh	1	0	1	0
18	Thực hành khám trẻ mắc các bệnh lý thần kinh, truyền nhiễm	6	0	6	0
19	Làm bệnh án thần kinh, truyền nhiễm	2	0	1	1
20	Hướng dẫn đánh giá tình trạng cấp cứu ở trẻ em	1	0	1	0
21	Thực hành đánh giá tình trạng nặng, cấp cứu trong Nhi khoa	6	0	4	2
22	Làm bệnh án cấp cứu	2	0	2	0
Tổng		60	0	55	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

- Sinh viên nắm được quy định về nội quy, quy chế của bệnh viện, bộ môn và các khoa phòng lâm sàng trong thời gian thực hành lâm sàng tại bệnh viện;
- Xác định được chỉ tiêu, nhiệm vụ lâm sàng tại bệnh viện;

2. Nội dung

2.1. Giảng viên bộ môn gặp mặt Sinh viên vào 7h thứ hai tuần đầu tiên tại hội trường bộ môn.

2.2. GV phổ biến nội quy, quy chế bệnh viện, bộ môn.

2.3. Thực hành kỹ thuật rửa tay và sát khuẩn tay nhanh dưới sự hướng dẫn của trưởng khoa KSNK – Bệnh viện Nhi tỉnh Thái Bình.

2.4. Sinh viên được phân chia buồng bệnh, giao nhiệm vụ học tập cụ thể theo chỉ tiêu tại các khoa lâm sàng.

Bài 2,3,4

Thời gian 9 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện được các kỹ thuật thăm khám hệ hô hấp ở trẻ em;
- Thực hiện được một số thủ thuật trong chẩn đoán, chăm sóc và điều trị trẻ mắc một số bệnh lý hô hấp thường gặp: lấy dịch đường hô hấp soi tươi, nuôi cấy; vỗ rung long đờm, hút đờm dãi, thở khí dung, xịt thuốc, đo chức năng hô hấp...;
- Hướng dẫn được gia đình trẻ cách sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả;
- Hoàn thành được bệnh án Hô hấp Nhi khoa.

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thăm khám và các kỹ thuật khám trẻ mắc bệnh lý hô hấp tại buồng bệnh.

2.2. Bình bệnh án Hô hấp ít nhất 1 buổi/tuần

2.3. Chia nhóm sinh viên thực tập tại buồng bệnh dưới sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên và bác sĩ phụ trách theo chỉ tiêu.

2.4. Đánh giá lâm sàng qua lượng giá tại buồng bệnh, báo cáo chỉ tiêu và bệnh án tuần

Bài 5,6,7

Thời gian 9 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện được các kỹ thuật thăm khám hệ tiêu hóa ở trẻ em;
- Đánh giá được tình trạng dinh dưỡng ở trẻ em;
- Thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật trong chẩn đoán, chăm sóc và điều trị trẻ mắc

một số bệnh lý tiêu hóa thường gặp: lấy phân xét nghiệm, pha Oresol và bù dịch đường uống đúng cách cho trẻ bị tiêu chảy, cân đo cho trẻ, đo độ dày lớp mỡ dưới da; lựa chọn dịch truyền phù hợp và tính được thời gian truyền dịch;

- Hướng dẫn được gia đình trẻ cách sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả;
- Hoàn thành được bệnh án Tiêu hóa – Dinh dưỡng Nhi khoa.

2. Nội dung

- Giảng viên hướng dẫn các bước thăm khám và các kỹ thuật khám trẻ mắc bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng tại buồng bệnh;
- Bình bệnh án tiêu hóa ít nhất 1 buổi/tuần;
- Chia nhóm sinh viên thực tập tại buồng bệnh dưới sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên và bác sĩ phụ trách theo chỉ tiêu;
- Đánh giá lâm sàng qua lượng giá tại buồng bệnh, báo cáo chỉ tiêu và bệnh án tuần.

Bài 8,9,10:

Thời gian 7 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện được các kỹ thuật thăm khám trẻ sơ sinh;
- Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc trẻ sơ sinh: chăm sóc da, mắt, rốn; nuôi dưỡng sơ sinh, ủ ấm....;
- Hoàn thành được bệnh án sơ sinh.

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn cách thăm khám và các kỹ thuật chăm sóc trẻ sơ sinh tại buồng bệnh

2.2. Kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc trẻ sơ sinh: nuôi dưỡng đường tĩnh mạch, chiếu đèn...

2.3. Bình bệnh án sơ sinh ít nhất 1 buổi/tuần

2.4. Chia nhóm sinh viên thực tập tại buồng bệnh dưới sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên và bác sĩ phụ trách theo chỉ tiêu.

2.5. Đánh giá lâm sàng qua lượng giá tại buồng bệnh, báo cáo chỉ tiêu và bệnh án tuần.

Bài 11, 12, 13

Thời gian 7 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện được các kỹ thuật thăm khám hệ máu – tuần hoàn ở trẻ em.
- Đánh giá được kết quả xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý máu - tuần hoàn.
- Kiến tập một số thủ thuật trên bệnh nhi mắc bệnh lý máu – tuần hoàn.
- Hướng dẫn được gia đình và trẻ cách sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả.
- Hoàn thành được bệnh án tuần hoàn – huyết học

2.Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thăm khám khám trẻ mắc bệnh lý máu – tuần hoàn tại buồng bệnh.

2.2. Giảng viên hướng dẫn tham khảo và đánh giá các xét nghiệm có giá trị cho chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý huyết học – tuần hoàn.

2.3. Bình bệnh án Tuần hoàn – huyết học ít nhất 1 buổi/tuần

2.4. Chia nhóm sinh viên thực tập tại buồng bệnh dưới sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên và bác sĩ phụ trách theo chỉ tiêu.

2.5. Đánh giá lâm sàng qua lượng giá tại buồng bệnh, báo cáo chỉ tiêu và bệnh án tuần.

Bài 14,15,16

Thời gian 9 giờ

1.Mục tiêu

- Thực hiện được các kỹ thuật thăm khám hệ tiết niệu ở trẻ em;
- Đọc và đánh giá được kết quả xét nghiệm của bệnh nhân mắc bệnh lý thận – tiết niệu;
- Thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật trên bệnh nhi mắc bệnh lý thận – tiết niệu: lấy nước tiểu 24 giờ, lấy nước tiểu xét nghiệm, nuôi cấy;
- Kiến tập một số kỹ thuật, thủ thuật trên bệnh nhi mắc bệnh lý thận – tiết niệu;
- Hướng dẫn được gia đình và trẻ cách sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả;
- Hoàn thành được bệnh án thận – tiết niệu.

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thăm khám khám trẻ mắc bệnh lý thận tiết niệu tại buồng bệnh.

2.2. Giảng viên hướng dẫn tham khảo và đánh giá các xét nghiệm có giá trị cho chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý thận – tiết niệu.

2.3. Bình bệnh án Thận tiết niệu ít nhất 1 buổi/tuần

2.4. Chia nhóm sinh viên thực tập tại buồng bệnh dưới sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên và bác sĩ phụ trách theo chỉ tiêu.

2.5. Đánh giá lâm sàng qua lượng giá tại buồng bệnh, báo cáo chỉ tiêu và bệnh án tuần.

Bài 17,18, 19

Thời gian 9 giờ

1. Mục tiêu

- Thực hiện được các kỹ thuật thăm khám hệ thần kinh và một số bệnh lý truyền nhiễm ở trẻ em;
- Kiến tập một số thủ thuật trên bệnh nhân mắc các bệnh lý thần kinh;
- Thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật trên bệnh nhi mắc bệnh lý thần kinh, truyền nhiễm;

- Hướng dẫn được gia đình và trẻ cách sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả;
- Hoàn thành được bệnh án thần kinh, truyền nhiễm.

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn các bước thăm khám khám trẻ mắc bệnh lý thần kinh – truyền nhiễm tại buồng bệnh.

2.2. Bình bệnh án thần kinh – truyền nhiễm ít nhất 1 buổi/tuần

2.3. Chia nhóm sinh viên thực tập tại buồng bệnh dưới sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên và bác sĩ phụ trách theo chỉ tiêu.

2.4. Đánh giá lâm sàng qua lượng giá tại buồng bệnh, báo cáo chỉ tiêu và bệnh án tuần.

Bài 20, 21, 22

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đánh giá được các tình trạng nặng, cần cấp cứu trong nhi khoa
- Xử trí được các tình trạng cấp cứu Nhi khoa cơ bản theo phác đồ
- Hoàn thành bệnh án cấp cứu Nhi khoa

2. Nội dung

2.1. Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách nhận biết và đánh giá tình trạng nặng ở trẻ em tại các buồng cấp cứu và khoa cấp cứu.

2.2. Hướng dẫn sinh viên cách xử trí cấp cứu cơ bản theo phác đồ

2.3. Bình bệnh án cấp cứu ít nhất 1 buổi/tuần

2.4. Chia buồng thực tập dưới sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên và bác sĩ phụ trách.

2.5. Đánh giá lâm sàng qua lượng giá tại buồng bệnh, báo cáo chỉ tiêu và bệnh án tuần.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Các phòng bệnh tại các khoa nội, ngoại Bệnh viện 199 – Bộ Công An: Khoa cấp cứu, Sơ sinh, Hô hấp, Tiêu hóa – Dinh dưỡng, Tim mạch, Máu-Thận-Thần Kinh-Cơ xương khớp, Truyền nhiễm

2. Trang thiết bị máy móc: Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: điện tim, Mornitor, máy tính,..

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;
- Ống nghe, đồng hồ đeo tay

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Ý thức, thái độ	Quy chế đào tạo	10%
2	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%
3	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
4	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1] *Bệnh học trẻ em* - sách dùng cho cao đẳng y sĩ đa khoa. Bộ môn Nhi - Trường cao đẳng y Thái Bình (2020).

[2] *Bệnh học nhi khoa* - Nhà xuất bản Y học, Đại học Y Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: CẤP CỨU – CẤP CỨU NGOẠI VIỆN

Mã mô đun: MĐ 21

Số tín chỉ: 2(1-1-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc.
- Tính chất: Lý thuyết kết hợp tích hợp thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Áp dụng kiến thức về: các kỹ năng sơ cứu ban đầu để phát hiện, xử trí ban đầu và chuyển lên tuyến trên kịp thời, an toàn những trường hợp cấp cứu;
- Đưa ra được hướng xử trí và cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở phù hợp cho NB trong tình huống giảng dạy.

2.2. Về kỹ năng:

- Thực hiện thành thạo các kỹ năng cấp cứu ban đầu;
- Rèn luyện tác phong khản trương, cẩn thận, chính xác, chủ động và bình tĩnh ứng phó kịp thời với các tình huống cần cấp cứu.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực sơ cứu, cấp cứu nạn nhân tại cộng đồng;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra

1	Bài 1: Nhận định và kiểm soát ban đầu bệnh nhân cấp cứu	2	2	0	0
2	Bài 2: Xử trí cấp cứu nạn nhân bị ngộ độc	4	4	0	0
3	Bài 3: Xử trí, cấp cứu nạn nhân Bị điện giật.	1	1	0	0
4	Bài 4: Xử trí cấp cứu nạn nhân bị đuối nước	1	1	0	0
5	Bài 5: Xử trí cấp cứu nạn nhân bị rắn độc cắn	1	1	0	0
6	Bài 6: Xử trí cấp cứu nạn nhân bị nhiễm độc do côn trùng.	1	1	0	0
7	Bài 7: Xử trí say nắng, say nóng	1	1	0	0
8	Bài 8: Xử trí cấp cứu nạn nhân bỏng, An toàn cháy nổ	2	1	0	1
9	Bài 9: Xử trí dị vật đường thở	1	1	0	0
10	Bài 10: Cấp cứu ngừng hô hấp - Ngừng tuần hoàn	8	0	8	0
11	Bài 11: Sơ cứu chảy máu	4	0	4	0
12	Bài 12: Sơ cứu Gãy xương	8	0	7	1
13	Bài 13: Băng vết thương	8	0	8	0
Tổng		45	15	28	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Nhận định và kiểm soát ban đầu bệnh nhân cấp cứu Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các nguyên tắc chính khi tiếp cận và xử trí bệnh nhân cấp cứu;
- Trình bày được các nguyên tắc cần tuân thủ để tránh các sai lầm khi tiếp cận và xử trí cấp cứu;
- Rèn luyện kỹ năng thăm khám và cấp cứu bệnh nhân theo 2 bước;
- Rèn luyện tác phong khản trương và phản ứng theo trình tự.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về cấp cứu

2.2. Các đặc thù của cấp cứu

2.3. Các nguyên tắc chính khi tiếp nhận và xử trí bệnh nhân cấp cứu

2.4. Các nguyên tắc để tránh sai lầm

Bài 2: Xử trí cấp cứu nạn nhân bị ngộ độc

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của 1 số loại ngộ độc thường gặp;
- Nhận định được các triệu chứng của nạn nhân bị ngộ độc thường gặp;
- Chẩn đoán xác định được một số loại ngộ độc thường gặp;
- Xử trí ban đầu được nạn nhân ngộ độc thường gặp.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về ngộ độc

2.2. Xử trí một số trường hợp ngộ độc thường gặp ở cộng đồng

Bài 3: Xử trí, cấp cứu nạn nhân Bị điện giật

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận định được các triệu chứng của nạn nhân bị điện giật;
- Trình bày được các nguyên tắc khi tiếp cận và xử trí nạn nhân điện giật;
- Rèn luyện tác nhanh nhẹn, phong khẩn trương, chính xác khi cấp cứu nạn nhân điện giật.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Xử trí

Bài 4: Xử trí cấp cứu nạn nhân bị đuối nước

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Nêu được các nguyên nhân và nguy cơ đe dọa tính mạng của ngạt nước;
- Trình bày được các triệu chứng khi nạn nhân bị đuối nước;
- Trình bày được cách xử trí và chăm sóc người bệnh bị đuối nước;
- Rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương, chính xác khi cấp cứu nạn nhân đuối nước.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân bị ngạt nước

2.2. Nguy cơ sau ngạt nước

2.3. Triệu chứng

2.4. Xử trí và chăm sóc

Bài 5: Xử trí cấp cứu nạn nhân bị rắn độc cắn

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được đại cương rắn độc cắn;

- Trình bày được các triệu chứng khi bị rắn độc cắn;
- Đưa ra được các biện pháp xử trí khi bị rắn độc cắn.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Xử trí

Bài 6: Xử trí cấp cứu nạn nhân bị nhiễm độc do côn trùng Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Giải thích được khả năng phát bệnh của nhiễm độc bởi côn trùng;
- Giải thích đặc trưng cơ bản của nhiễm độc bởi côn trùng;
- Giải thích được các biện pháp sơ cứu với nhiễm độc bởi côn trùng;
- Sốc phản vệ định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, phòng ngừa, sơ cứu sốc phản vệ.

2.Nội dung

- 2.1. Tổn thương do ong và kiến gây ra
- 2.2. Vết thương do côn trùng đốt phản ứng quá mẫn

Bài 7: Xử trí say nắng, say nóng

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được hoàn cảnh xuất hiện của các trường hợp say nắng, say nóng;
- Trình bày được các triệu chứng thường gặp;
- Trình bày được cách xử trí cấp cứu;
- Trình bày được các trường hợp cần được theo dõi và xử trí tích cực/chuyển tuyến.

2. Nội dung

- 2.1. Hoàn cảnh xuất hiện
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Xử trí cấp cứu
- 2.4. Các trường hợp cần được theo dõi và xử trí tích cực hoặc chuyển tuyến trên.

Bài 8: An toàn cháy nổ - Xử trí cấp cứu bỏng

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Giải thích được về các loại cháy nổ;
- Giải thích được các phương pháp phòng cháy và biện pháp đối phó;
- Trình bày được phương pháp sơ tán trong hỏa hoạn;
- Trình bày được cách gọi hỏa hoạn;

- Trình bày được các loại bình chữa cháy và cách sử dụng;
- Đánh giá được mức độ bỏng. Trình bày được biến chứng và cách xử trí bỏng.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa và phân loại cháy nổ
- 2.2. Nguyên tắc dập cháy
- 2.3. Phương pháp phòng cháy
- 2.4. Phương pháp sơ tán trong hỏa hoạn
- 2.5. Cách gọi cứu hỏa
- 2.6. Bình chữa cháy
- 2.7. Xử trí cấp cứu bỏng

Bài 9: Xử trí dị vật đường thở

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân dẫn đến dị vật đường thở;
- Trình bày được chẩn đoán và cách xử trí và điều trị dị vật đường thở;
- Nêu được các biến chứng và cách phòng tránh dị vật đường thở;
- Thực hiện được các kỹ thuật sơ cứu nạn nhân bị dị vật đường thở;
- Rèn luyện được tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương, chính xác khi cấp cứu nạn nhân bị dị vật đường thở.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Nguyên nhân.
- 2.3. Chẩn đoán.
- 2.4. Điều trị.
- 2.5. Tiên lượng và biến chứng.
- 2.6. Phòng bệnh.

Bài 10: Cấp cứu ngừng hô hấp - Ngừng tuần hoàn

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các nguyên nhân, triệu chứng của ngừng thở, ngừng tim;
- Trình bày được nguyên tắc chung khi xử trí cấp cứu ngừng hô hấp, tuần hoàn;
- Thực hiện được kỹ thuật cấp cứu ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn theo đúng quy trình, đảm bảo an toàn và hiệu quả;

- Thể hiện được tác phong nhanh chóng, cẩn thận khi cấp cứu ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn.

2. Nội dung

A. Đại cương

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.3. Kỹ thuật kiểm tra hơi thở, mạch đập

2.4. Xử trí cấp cứu

2.5. Những dấu hiệu chứng tỏ ép tim-thổi ngạt có hiệu quả

B. Quy trình kỹ thuật.

2.6. Tiếp nhận và nhận định tình trạng nạn nhân

2.7. Chuẩn bị dụng cụ.

Bài 11: Sơ cứu chảy máu

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được dấu hiệu và phân loại chảy máu;
- Nêu được cách chẩn đoán vết thương mạch máu;
- Trình bày được các biện pháp sơ cứu nạn nhân chảy máu;
- Thực hiện được kỹ thuật garo cầm máu theo đúng quy trình kỹ thuật;
- Thể hiện được tác phong nhanh nhẹn, cẩn thận, thái độ ân cần khi thực hiện kỹ thuật.

2. Nội dung

A. Sơ cứu chảy máu

2.1. Dấu hiệu mất máu nhiều

2.2. Phân loại chảy máu

2.2. Chẩn đoán vết thương chảy máu

2.2.1. Vết thương động mạch

2.2.2. Vết thương tĩnh mạch

2.2.3. Vết thương mao mạch

2.3. Sơ cứu nạn nhân chảy máu ngoài

2.3.1. Phương pháp băng ép

2.3.2. Phương pháp băng nhồi

2.3.3. Phương pháp gấp chi tối đa

2.3.4. Phương pháp garo cầm máu

- 2.4. Theo dõi phát hiện và chăm sóc nạn nhân chảy máu trong
- 2.5. Nguyên nhân gây chảy máu trong
- 2.6. Dấu hiệu chảy máu trong
- 2.7. Chăm sóc nạn nhân chảy máu trong

B. Quy trình kỹ thuật

- 2.8. Tiếp nhận và nhận định tình trạng nạn nhân
- 2.9. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.10. Thực hiện kỹ thuật

Bài 12: Băng vết thương

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các kiểu băng cơ bản của băng cuộn;
- Trình bày được nguyên tắc băng vết thương bằng băng cuộn;
- Thực hiện được kỹ thuật băng các loại theo đúng quy trình, đảm bảo an toàn và hiệu quả;
- Thể hiện được tác phong nhanh chóng, cẩn thận khi băng vết thương.

2. Nội dung

A. Kiến thức liên quan đến bài học

- 2.1. Băng cuộn
- 2.2. Vật liệu để làm băng
- 2.3. Cách làm băng
- 2.4. Cách sử dụng băng cuộn
- 2.5. Nguyên tắc băng
- 2.6. Các kiểu băng cơ bản:
- 2.7. Ứng dụng các kiểu băng cơ bản để băng các vết thương trên cơ thể:

B. Quy trình kỹ thuật.

- 2.8. Tiếp nhận và nhận định tình trạng nạn nhân
- 2.9. Chuẩn bị dụng cụ.
- 2.10. Thực hiện kỹ thuật

Bài 13: Sơ cứu gãy xương

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, phân loại và triệu chứng của gãy xương;
- Trình bày được mục đích, nguyên tắc chung khi sơ cứu gãy xương;

- Thực hiện được kỹ thuật cố định gãy xương theo đúng quy trình, đảm bảo an toàn và hiệu quả;
- Thể hiện được tác phong nhanh chóng, cẩn thận khi sơ cứu gãy xương.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên nhân gây gãy xương.
- 2.2. Phân loại gãy xương.
- 2.3. Triệu chứng gãy xương.
- 2.4. Mục đích và nguyên tắc cố định gãy xương chi.
- 2.5. Dụng cụ để cố định gãy xương.
- 2.6. Cố định gãy xương chi
- 2.7. Sơ cứu gãy một số xương khác
- 2.8. Quy trình kỹ thuật.
 - 2.8.1. Tiếp nhận và nhận định tình trạng nạn nhân
 - 2.8.2. Chuẩn bị dụng cụ.
 - 2.8.3. Thực hiện kỹ thuật.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:
 - Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên
 - Phòng thực đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế, trang thiết bị phù hợp thực hành.
2. Trang thiết bị máy móc: Mô hình, dụng cụ phòng thực hành điều dưỡng, buồng bệnh mô phỏng.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống lâm sàng.
4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn
- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;

- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa, được giảng dạy vào kỳ II.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên;
- + Xây dựng các tình huống lâm sàng phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy. (lưu ý: các câu hỏi trong tình huống phải phù hợp với mục tiêu của bài);
- + Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có minh họa, động não.

- Đối với người học:

- + Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).
- + Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp. Các nhóm hoàn thành nội dung thảo luận và gửi mail cho HS trước buổi học 2 ngày.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giải phẫu, sinh lý hệ cơ, xương, khớp, thần kinh.
- Sinh lý, sinh lý bệnh về máu, tuyến nội tiết.
- Thuốc điều trị
- Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp

4.1. Tài liệu học tập

- [1] *Giáo trình hồi sức cấp cứu* – ĐHY dược Thành phố Hồ Chí Minh- 2008
- [2] *Giáo trình cấp cứu toàn tập* – Học viện quân y- 2021

[3] Các trang Web: Ykhoa.net; Hoidieuduong.org.vn; moh.gov.vn

[4] Hệ thống E-learning trên website nhà trường.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: LÂM SÀNG CẤP CỨU, CẤP CỨU NGOẠI VIỆN

Mã mô đun: MĐ 22

Số tín chỉ: 3(0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 55 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc và sinh viên phải hoàn thành học phần Cấp cứu - cấp cứu ngoại viện.
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Thực hiện đúng quy định, nội quy, quy chế các đơn vị cấp cứu ngoại viện như trung tâm cấp cứu, cơ sở y tế ban đầu...;
- Thực hiện nhận định và phân loại được người bệnh cấp cứu đúng quy định;
- Thực hành các kỹ thuật cấp cứu cụ thể cho người bệnh đạt hiệu quả dưới sự giám sát của giáo viên lâm sàng, giáo viên thỉnh giảng;
- Biết cách theo dõi, phát hiện và xử trí được các tai biến có thể xảy ra trong và sau khi thực hiện kỹ thuật cấp cứu trên người bệnh cụ thể.

2.2. Về kỹ năng:

- Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm.
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình;

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và lịch trình thực hiện học phần:

Học phần giúp sinh viên nhận biết được sơ đồ, tổ chức, nội quy, quy định của trung tâm cấp cứu, cơ sở y tế ban đầu. Thực hiện tốt các kỹ thuật cấp cứu ngoại viện. Giao tiếp hiệu quả

với nhân viên bệnh viện, người nhà và người bệnh. Giúp cho người học định hướng rõ ràng về chức năng nhiệm vụ chuyên ngành để học tập và phát triển bản thân.

TT	Nội dung thực hành	Chỉ tiêu thực hiện	Kiến tập
1	Nhận định và kiểm soát ban đầu bệnh nhân cấp cứu	10	
2	Xử trí cấp cứu nạn nhân bị ngộ độc	1	
3	Xử trí, cấp cứu nạn nhân bị điện giật	1	
4	Xử trí cấp cứu nạn nhân bị đuối nước	1	
5	Xử trí cấp cứu nạn nhân bị rắn độc cắn	1	
6	Xử trí cấp cứu nạn nhân bị nhiễm độc do côn trùng	1	
7	Xử trí say nắng, say nóng	1	
8	Xử trí cấp cứu bỏng	1	
9	Xử trí dị vật đường thở	1	
10	Cấp cứu ngừng hô hấp - Ngừng tuần hoàn	1	
11	Sơ cứu chảy máu	1	
12	Băng vết thương	5	
13	Sơ cứu Gãy xương	1	

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Trung tâm cấp cứu, cơ sở y tế ban đầu, Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy hút đờm, máy đo huyết áp, bộ cố định gãy xương, bộ garo cầm máu, bộ dụng cụ mở miệng...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Người bệnh

4. Các điều kiện khác:

- Các nhóm sinh viên thực tập tại các đơn vị cấp cứu được phân công và thực hiện các kỹ thuật dưới sự giám sát, giúp đỡ của cán bộ hoặc giáo viên lâm sàng;

- Đầy đủ trang phục theo quy định;

- Sinh viên phải có Smartphone và truy cập được internet.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Đáp ứng mục tiêu	Trọng số
1	Thực hiện các kỹ thuật theo sổ tay lâm sàng điện tử.	Theo quy định đào tạo	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	20%
2	Ý thức chuyên cần	Tham gia đầy đủ các buổi học, trực tại cơ sở thực tập	8	20%
2	Điểm thi kết thúc học phần	- Hình thức thi: thực hiện KT cấp cứu trên người bệnh - Đánh giá bằng bảng kiểm kỹ thuật và bảng kiểm giao tiếp.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng Y sỹ

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:
- + Lập kế hoạch giảng dạy lâm sàng, hướng dẫn sinh viên thực hiện các yêu cầu theo sổ tay lâm sàng điện tử.
- + Áp dụng các phương pháp giảng dạy: Giải quyết tình huống, cầm tay chỉ việc...
- Đối với người học:
- + Chấp hành nội quy – quy chế của cơ sở thực tập;
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ học;
- + **Báo cáo hàng ngày các nội dung công việc đã thực hiện theo đúng yêu cầu của môn học.**

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Thực hiện các quy trình kỹ thuật cấp cứu theo đúng quy định.

4. *Tài liệu*

4.1. *Tài liệu chính*

[1] Đỗ Đình Xuân, Trần Thị Thuận, *Hướng dẫn thực hành 55 Kỹ thuật điều dưỡng cơ bản*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, năm 2010.

[2] Đỗ Đình Xuân, *Điều dưỡng cơ bản tập 1+2*, Nhà xuất bản y học, năm 2007.

[3] Các trang Web: Ykhoa.net; Hoidieuduong.org.vn; moh.gov.vn

[4] Video các kỹ thuật điều dưỡng, Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình, năm 2018.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Y HỌC CỔ TRUYỀN – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã môn học: MH 11

Số tín chỉ: 2(2-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo.
- Tính chất: Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

2.1. Về kiến thức:

- Áp dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng bệnh lý y học cổ truyền- phục hồi chức năng để chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý y học cổ truyền- phục hồi chức năng thường gặp trong tình huống lâm sàng cụ thể;
- Sử dụng những bằng chứng phù hợp, áp dụng quy trình điều trị người bệnh, xác định các vấn đề ưu tiên, ra chẩn đoán, điều trị YHCT- PHCN phù hợp cho các bệnh nhân trong các tình huống lâm sàng về y học cổ truyền- phục hồi chức năng.

2.2. Về kỹ năng:

- Phân tích được các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến người bệnh mắc các bệnh y học cổ truyền- phục hồi chức năng trong điều trị và phòng bệnh cho người bệnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị;
- Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Chương 1: Học thuyết âm dương, ngũ hành, học thuyết thiên nhân hợp nhất, nguyên nhân gây bệnh. 1. Học thuyết âm dương 2. Học thuyết ngũ hành	4	4	0	0

	3. Học thuyết thiên nhân hợp nhất 4. Nguyên nhân gây bệnh				
2	Chương 2: Chức năng tạng phủ, tứ chẩn, bát cương, bát pháp 1. Chức năng tạng phủ 2. Tứ chẩn, bát cương, bát pháp 2.1. Tứ chẩn 2.2. Bát cương 3. Bát pháp	4	4	0	0
3	Chương 3: Hệ kinh lạc, Huyết, các xác định các huyết thường gặp, đại cương châm cứu. 1. Hệ kinh lạc 2. Huyết, cách xác định các huyết thường gặp 3. Đại cương châm cứu	4	4	0	0
4	Chương 4: XBH, dưỡng sinh, nhóm thuốc chữa bệnh thông thường. 1. XBBH 2. Dưỡng sinh 3. Nhóm thuốc chữa bệnh thông thường.	4	2	0	2
5	Chương 5: Đại cương phục hồi chức năng, quá trình tàn tật và biện pháp phòng ngừa, một số phương pháp VLTL-PHCN. 1. Đại cương phục hồi chức năng 2. Quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa 3. Một số phương pháp VLTL- PHCN	4	4	0	0
6	Chương 6: PHCN bại não, hô hấp. 1. Phục hồi chức năng bại não 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân Bại não 1.3. Dấu hiệu nhận biết sớm 1.4. Các thể lâm sàng 1.5. Phục hồi chức năng 2. Phục hồi chức năng Hô hấp 2.1. Lượng giá chức năng hô hấp 2.2. Mục đích 2.3. Phương pháp PHCN.	4	4	0	0
7	Chương 7: PHCN tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não. 1. Phục hồi chức năng Tổn thương tủy sống 1.1. Đại cương 1.2. Nguyên nhân 1.3. Chẩn đoán tổn thương tủy sống 1.4. Phân loại 1.5. Các giai đoạn phục hồi chức năng	4	4	0	0

	2. Phục hồi chức năng Tai biến mạch máu não 2.1. Đại cương 2.2. Phân loại 2.3. Biến chứng 2.4. Phục hồi chức năng 2.5. Giai đoạn hòa nhập cộng đồng.				
8	Chương 8: Phục hồi chức năng đau thần kinh tọa, gãy xương 1. Phục hồi chức năng đau thần kinh tọa 1.1. Đại cương 1.2. Lâm sàng 1.3. Cận lâm sàng 1.4. Chẩn đoán xác định TVĐĐ 1.5. Phục hồi chức năng 1.6. Phòng bệnh 2. Phục hồi chức năng Gãy xương 2.1. Đại cương 2.2. Phục hồi chức năng 2.2.1. Phục hồi chức năng cho bệnh nhân gãy xương chưa liền 2.2.2. Phục hồi chức năng gãy xương trước bó bột, phẫu thuật 2.2.3. Phục hồi chức năng cho bệnh nhân gãy xương đã liền (sau tháo bột) 2.3. Mục đích PHCN: 2.3.1. Phục hồi chức năng sau phẫu thuật mổ gãy xương 2.3.2. Gãy xương chi dưới 2.3.3. Phục hồi chức năng cho các trường hợp gãy xương đặc biệt	2	2	0	0
Tổng		30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Học thuyết âm dương, ngũ hành, học thuyết thiên nhân hợp nhất, nguyên nhân gây bệnh
Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được các kiến thức quy luật âm dương, ngũ hành, NN gây bệnh để ứng dụng vào trong y học cổ truyền;
- Vận dụng kiến thức bài học để bước đầu tư vấn được cho NB cách phòng và điều trị bệnh theo âm dương Ngũ hành và NN gây bệnh;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Học thuyết âm dương

2.1.1. Đại cương học thuyết âm dương

2.1.2. Những quy luật học thuyết âm dương

2.1.3. Biểu tượng của học thuyết âm dương

2.1.4. Ứng dụng của học thuyết âm dương

2.2. Học thuyết ngũ hành

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Những mối quan hệ ngũ hành

2.2.3. Ứng dụng của học thuyết ngũ hành

2.3. Học thuyết thiên nhân hợp nhất

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Hoàn cảnh và con người

2.3.3. Ứng dụng trong y học

2.3.4. Nguyên nhân gây bệnh

2.3.5. Nguyên nhân gây bệnh bên ngoài

2.3.6. Nguyên nhân gây bệnh bên trong

2.3.7. Những nguyên nhân gây bệnh khác.

Chương 2. Chức năng tạng phủ, tứ chẩn, bát cương, bát pháp Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức về chức năng tạng phủ để giải thích cơ chế gây bệnh theo bệnh lý tạng phủ.

- Vận dụng kiến thức bài học để bước đầu nhận định và điều trị, tư vấn được cho NB theo tứ chẩn bát cương bát pháp.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Chức năng tạng phủ

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Các tạng

2.1.3. Tạng tâm

2.1.4. Tạng can

2.1.4. Tạng Tỳ

2.1.5. Tạng phế

2.1.6. Tạng Thận

2. 2. Các phủ

2.2.1. Phủ đờm

2.2.2. Phủ vị

2.2.3. Tiểu trường

2.2.4. Đại trường

2.2.5. Bàng quang

2.2.5. Tam tiêu

2.3. Các thể chất khác

2.4. Tứ chẩn, bát cương, bát pháp

2.4.1. Tứ chẩn

2.4.1.1. Vọng

2.4.1.2. Văn

2.4.1.3. Vấn

2.4.1.4. Thiết

2.4.2. Bát cương

2.4.2.1. Chứng biểu

2.4.2.2. Chứng lý

2.4.2.3. Chứng hàn

2.4.2.4. Chứng nhiệt

2.4.2.5. Chứng hư

2.4.2.6. Chứng thực

2.4.2.7. Chứng âm

2.4.2.8. Chứng dương

2.4.2.9. Chứng âm hư – Dương hư

2.5. Bát pháp

2.5.1. Phép hãn

2.5.2. Phép thổ

2.5.3. Phép hạ

2.5.4. Phép hòa

2.5.5. Phép ôn

2.5.6. Phép thanh

2.5.6. Phép tiêu

2.5.7. Phép bổ.

Chương 3. Hệ kinh lạc, Huyệt, các xác định các huyệt thường gặp, đại cương châm cứu
Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Áp dụng kiến thức hệ kinh lạc và huyệt để xác định được đúng hệ kinh lạc, đường đi của kinh lạc và huyệt trên kinh lạc cụ thể;
- Vận dụng kiến thức hệ kinh lạc và huyệt để điều trị và xác định được các huyệt châm cứu;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để trang bị cho mình những kiến thức cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Hệ kinh lạc

2.1.1. Khái niệm hệ kinh lạc

2.1.2. Cấu trúc hệ kinh lạc

2.1.3. Tác dụng hệ kinh lạc

2.1.4. Hướng đi khái quát của 12 đường kinh chính và hai mạch nhâm đốc

2.2. Huyệt, cách xác định các huyệt thường gặp

2.2.1. Đại cương về huyệt

2.2.1.1. Định nghĩa

2.2.1.2. Tác dụng của huyệt

2.2.2. Các loại huyệt

2.2.2.1. Cách xác định huyệt

2.2.2. Dựa vào đo để xác định huyệt

2.2.2.3. Nhìn để xác định huyệt

2.2.3. Dựa vào sờ nắn để xác định huyệt

2.2.3.1. Cách phối hợp huyệt

2.2.3.2. Chọn huyệt phối huyệt đơn giản

2.2.3.3. Chọn huyệt theo biện chứng luận trị

2.2.4. Đại cương châm cứu

2.2.4.1. Lịch sử châm cứu Việt Nam

2.2.4.2. Định nghĩa châm cứu và các hình thức châm cứu

2.2.4.3. Cơ chế châm cứu

2.2.4.4. Chỉ định và chống chỉ định.

Chương 4. XBH, dưỡng sinh, nhóm thuốc chữa bệnh thông thường

Thời gian: 4 giờ

1.Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức về kinh lạc huyết để giải thích cơ chế chữa bệnh bằng xoa bóp dưỡng sinh;
- Vận dụng kiến thức bài học để bước đầu tư vấn được cho điều trị cách phòng, điều trị bệnh xoa bóp dưỡng sinh và vận dụng các nhóm thuốc chữa các bệnh thông thường;
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để trang bị cho mình những kiến thức cần thiết.

2.Nội dung

2.1. XBBH

2.1.1. Tác dụng của xoa bóp bấm huyết

2.1.2. Chỉ định

2.1.3. Chống chỉ định

2.1.4. Thủ thuật xoa bóp

2.2. Dưỡng sinh

2.2.1. Đại cương dưỡng sinh

2.2.2. Dưỡng sinh và tập luyện dưỡng sinh

2.2.3. Nội dung của tập luyện dưỡng sinh

2.2.4. Nguyên tắc tập luyện dưỡng sinh

2.2.5. Nội dung của luyện tập dưỡng sinh

2.3. Luyện thở

2.3.1. Tự xoa bóp

2.3.2. Luyện tinh thần

Chương 5. Đại cương phục hồi chức năng, quá trình tàn tật và biện pháp phòng ngừa, một số phương pháp VLTL-PHCN

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức về tổng quan về phục hồi chức năng, các biện pháp phòng ngừa, một số phương pháp VLTL-PHCN để lựa chọn các hình thức PHCN, các bước phòng ngừa hợp lý cho người bệnh;
- Vận dụng kiến thức sinh lý, triệu chứng để đưa ra phương pháp điều trị VLTL-PHCN

cho người bệnh trong tình huống cụ thể;

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để trang bị cho mình những kiến thức cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Đại cương phục hồi chức năng

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Mục đích của PHCN

2.1.3. Các hình thức PHCN

2.1.4. Phạm vi của PHCN

2.1.5. Nguyên tắc của PHCN

2.1.6. Khái niệm của PHCN dựa vào cộng đồng

2.1.7. Những hoạt động nội dung chủ yếu để PHCN có thể hoạt động tại cộng đồng

2.1.8. Các nguyên lý cơ bản về mặt tâm lý của phcn dựa vào cộng đồng

2.1.9. Vai trò của cán bộ trong PHCN

2.1.10. Thực trạng phục hồi chức năng ở việt nam

2.2. Quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa

2.2.1. Khái niệm về sức khỏe và tàn tật

2.2.2. Phân loại tàn tật

2.2.2. Nguyên nhân tàn tật

2.2.4. Hậu quả của tàn tật

2.3. Các biện pháp phòng ngừa

2.3.1. Phòng ngừa bước 1

2.3.2. Phòng ngừa bước 2

2.3.3. Phòng ngừa bước 3

2.4. Một số phương pháp VLTL-PHCN

2.4.1. Vận động trị liệu

2.4.2. Hoạt động trị liệu

2.4.3. Xoa bóp trị liệu

2.4.4. Kéo nắn trị liệu

2.4.5. Nhiệt trị liệu

2.4.6. Ánh sáng trị liệu

2.4.7. Tử ngoại

2.4.8. Hồng ngoại

2.4.9. Điện trị liệu

2.4.10. Dòng galvanic:

2.4.11. Dòng điện cao tần trị liệu

2.5. Siêu âm trị liệu.

Chương 6. Phục hồi chức năng bại não, hô hấp

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng các kiến thức giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng và áp kiến thức PHCN để nhận định được người bệnh mắc bệnh bại não, hô hấp trong các tình huống lâm sàng cụ thể;

- Vận dụng các chứng cứ phù hợp để xác định các vấn đề ưu tiên từ đó lập được kế hoạch điều trị PHCN người bệnh bị bại não, hô hấp, bỏng trong các tình huống lâm sàng cụ thể;

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để trang bị cho mình những kiến thức cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Phục hồi chức năng bại não

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân Bại não

2.2. Dấu hiệu nhận biết sớm

2.3. Các thể lâm sàng

2.4. Phục hồi chức năng

2. 5. Phục hồi chức năng Hô hấp

2.5.1. Lượng giá chức năng hô hấp

2.5.2. Mục đích

2.5.3. Phương pháp PHCN.

Chương 7. Phục hồi chức năng tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng các kiến thức giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng và áp kiến thức PHCN để điều trị được người bệnh mắc bệnh tổn thương tủy sống, BN tai biến mạch máu não trong các tình huống lâm sàng cụ thể;

- Vận dụng các chứng cứ phù hợp để xác định các vấn đề ưu tiên từ đó lập được kế hoạch điều trị PHCN người bệnh bị tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não trong các tình huống lâm sàng cụ thể.

2. Nội dung

2.1. Phục hồi chức năng Tổn thương tuỷ sống

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Chẩn đoán tổn thương tuỷ sống

2.4. Phân loại

2.5. Các giai đoạn phục hồi chức năng

2.2. Phục hồi chức năng Tai biến mạch máu não

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Phân loại

2.2.3. Biện chứng

2.2.4. Phục hồi chức năng

2.2.4. Giai đoạn hòa nhập cộng đồng.

Chương 8. Phục hồi chức năng đau thần kinh tọa, Gãy xương

Thời gian 2 giờ

1. Mục tiêu

- Vận dụng các kiến thức giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng và áp dụng quy trình điều dưỡng để nhận định được người bệnh mắc bệnh đau thần kinh tọa, gãy xương, tổn thương khớp gối trong các tình huống lâm sàng cụ thể;

- Vận dụng các chứng cứ phù hợp để xác định các vấn đề ưu tiên từ đó lập được kế hoạch điều trị PHCN người bệnh mắc bệnh lý bệnh đau thần kinh tọa, gãy xương, tổn thương khớp gối trong các tình huống lâm sàng cụ thể.

2. Nội dung

2.1. Phục hồi chức năng đau thần kinh tọa

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Lâm sàng

2.1.3. Cận lâm sàng

2.1.4. Chẩn đoán xác định TVĐĐ

2.1.5. Phục hồi chức năng

2.1.6. Phòng bệnh

2.2. Phục hồi chức năng gãy xương

2.2.1. Đại cương

2.2.3. Phục hồi chức năng

- 2.2.4. Phục hồi chức năng cho bệnh nhân gãy xương chưa liền
- 2.2.5. Phục hồi chức năng gãy xương trước bó bột, phẫu thuật
- 2.2.6. Phục hồi chức năng cho bệnh nhân gãy xương đã liền (sau tháo bột)
- 2.3. Mục đích Phục hồi chức năng
- 2.3.1. Phục hồi chức năng sau phẫu thuật mổ gãy xương
- 2.3.2. Gãy xương chi dưới
- 2.3.2. Phục hồi chức năng cho các trường hợp gãy xương đặc biệt

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:
 - Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên
 - Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế
- 2. Trang thiết bị máy móc:
 - Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.
 - Mô hình giải phẫu, búa phản xạ, thước dây, thước đo tầm vận động khớp, giường bệnh
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo án, giáo trình, các tình huống lâm sàng.
- 4. Các điều kiện khác: Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn
- Về kỹ năng: Sinh viên giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. *Phạm vi áp dụng môn học:* Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- Xây dựng đề cương chi tiết môn học, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn quá trình học tập. Xây dựng vấn đề học tập. Giảng dạy theo đúng quy trình, phương pháp và kế hoạch theo đề cương chi tiết môn học. Tiến hành kiểm tra, lượng giá đúng quy trình. Xây dựng bộ câu hỏi đảm bảo đúng số lượng và chất lượng;

- Thảo luận nhóm: Giảng viên nêu vấn đề, chia nhóm, thảo luận nhóm, giáo viên giới hạn thời gian sẽ hoàn thành. Sau khi thảo luận xong các nhóm bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi thảo luận, người báo cáo và báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét và giảng viên có thể chấm điểm phần báo cáo và nhận xét.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).

+ Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp.

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Để học tập hiệu quả môn học này, sinh viên cần chủ động tìm tài liệu trên Web, nhận xét và thảo luận.

4. Tài liệu:

[1] *Các phương pháp thức điều trị bằng vật lý*, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.

[2] *Lượng giá chức năng hệ vận động*, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.

[3] *Vận động trị liệu*, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.

[4] *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện*, Bộ Y tế - 2001

[5] Bộ môn phục hồi chức năng trường đại học Y Hà Nội, *Bài giảng vật lý trị liệu* 2003.

[6] *Triệu chứng học nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, 2003.

[7] *Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh*, Bộ Y tế - 2002

[8] Phạm Thị Minh Đức: *Sinh lý học* (Dành cho các trường Cao đẳng Y) (2007) Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: LÂM SÀNG Y HỌC CỔ TRUYỀN – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã mô đun: MD 23

Số tín chỉ: 2(0-2-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 55 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành, bắt buộc và sinh viên phải hoàn thành học phần y học cổ truyền – Phục hồi chức năng.

- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành YHCT-PHCN;

- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám điều trị và phòng bệnh;

- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;

- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;

- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nội khoa, ngoại khoa hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;

- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;

- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục.

- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành	1	0	1	0
2	Hướng dẫn các trang thiết bị máy móc chuyên ngành YHCT-PHCN	2	0	2	0
3	Thực hành khám sử dụng trang thiết bị máy móc chuyên ngành YHCT-PHCN	6	0	6	0
4	Hướng dẫn cách làm bệnh án YHCT-PHCN	2	0	2	0
5	Làm bệnh án YHCT-PHCN	2	0	2	0
6	Hướng dẫn cách khám Trĩ, viêm bàng quang	2	0	2	0
7	Thực hành khám NB Tai biến mạch máu não	6	0	5	1
8	Làm bệnh án tai biến mạch máu não	2	0	2	0
9	Hướng dẫn khám NB Đau lưng	2	0	2	0
10	Thực hành khám NB Đau thần kinh tọa	5	5	5	0
11	Làm bệnh án đau thần kinh tọa	2	0	2	0
12	Hướng dẫn khám NB liệt 7NB, tổn thương tủy sống	2	0	1	1
13	Thực hành khám NB liệt 7NB, tổn thương tủy sống	5	0	5	0
14	Làm bệnh án vẹo cổ, vẹo cột sống	2	0	2	0
15	Hướng dẫn khám Trẻ tự kỷ, bại não	2	0	2	0
16	Thực hành cách sử dụng điều ngải, châm cứu, giác hơi, thủy châm, điện châm	5	0	5	0
17	Làm bệnh án BN tổn thương tủy sống	2	0	1	1
18	Hướng dẫn khám NB thoái hóa khớp, đứt dây chằng	2	0	2	0
19	Thực hành xoa bóp cho bệnh nhân	6	0	4	2
20	Làm bệnh án cơ xương khớp	2	0	2	0
Tổng		60	0	55	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buong bệnh thực hành
Thời gian: 01 giờ

Địa điểm: Các khoa YHCT-PHCN tại **Bệnh viện 199 – Bộ Công An.**

Bài 2: Hướng dẫn các trang thiết bị máy móc chuyên ngành YHCT- PHCN
Thời gian: 02 giờ

Địa điểm: Địa điểm: Các khoa YHCT-PHCN **Bệnh viện 199 – Bộ Công An.**

Bài 3: Thực hành khám sử dụng trang thiết bị máy móc chuyên ngành YHCT- PHCN
Thời gian: 6 giờ

Địa điểm: Các khoa YHCT-PHCN **Bệnh viện 199 – Bộ Công An.**

Bài 4: Hướng dẫn cách làm bệnh án YHCT-PHCN
Thời gian: 02 giờ

1.Mục tiêu

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án.

2. Nội dung

2.1.Giáo viên hướng dẫn các bước làm bệnh án tại phòng giao ban các khoa

2.2.Sinh viên làm bệnh án ngoại khoa theo chỉ tiêu

Bài 5: Làm bệnh án YHCT-PHCN
Thời gian: 06 giờ

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án.

Bài 6: Hướng dẫn cách khám Trĩ, viêm bàng quang
Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2.Nội dung

2.1.Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh

2.2.Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 7: Thực hành khám NB Tai biến mạch máu não
Thời gian: 06 giờ

1.Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2.Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh

2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 8: Làm bệnh án tai biến mạch máu não

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước làm bệnh án tại phòng giao ban các khoa;
- Sinh viên làm bệnh án ngoại khoa theo chỉ tiêu

Bài 9: Thực hành khám NB Đau lưng

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh

2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 10: Thực hành khám NB Đau thần kinh tọa

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh

2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 11: Làm bệnh án đau thần kinh tọa Thời gian:

1. Mục tiêu

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án.

Bài 12: Hướng dẫn khám NB liệt 7NB, tổn thương tủy sống Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;

Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh

2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 13: Thực hành khám NB liệt 7NB, tổn thương tủy sống Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh

2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 14: Làm bệnh án vẹo cổ, vẹo cột sống

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án.

2. Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước làm bệnh án tại phòng giao ban các khoa

2.2. Sinh viên làm bệnh án ngoại khoa theo chỉ tiêu

Bài 15: Hướng dẫn khám Trẻ tự kỷ, bại não

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh

2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 16: Thực hành cách sử dụng điều ngải, châm cứu, giác hơi, thủy châm, điện châm

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh và sử dụng, châm cứu, điều ngải, giác hơi, điện châm;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện, làm được thủ thuật NB theo chỉ tiêu.

2.Nội dung

2.1.Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh

2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 17: Làm bệnh án BN tổn thương tủy sống

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án.

2. Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước làm bệnh án tại phòng giao ban các khoa

2.2. Sinh viên làm bệnh án ngoại khoa theo chỉ tiêu

Bài 18: Hướng dẫn khám NB thoái hóa khớp, đứt dây chằng

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh

2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 19: Thực hành xoa bóp cho bệnh nhân

Thời gian: 06 giờ

1.Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám và xoa bóp cho người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh;

- Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 20: Làm bệnh án cơ xương khớp

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án cơ xương khớp;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án cơ xương khớp.

2. Nội dung

2.1.Giáo viên hướng dẫn các bước làm bệnh án tại phòng giao ban các khoa

2.2. Sinh viên làm bệnh án ngoại khoa theo chỉ tiêu

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Tại các Khoa chuyên môn ở **Bệnh viện 199 – Bộ Công An**.

2. Trang thiết bị máy móc: Các máy tại cơ sở thực tập: điện tim, Mornitor, máy tính,..

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;

- Ống nghe, đồng hồ đeo tay.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. *Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Ý thức, thái độ	Quy chế đào tạo	10%
2	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập. (Hệ số 1)	10%
4	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định. (Hệ số 2)	20%
5	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hội thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:* Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng Y sỹ Đa khoa trình độ Cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Lập kế hoạch giảng dạy lâm sàng, hướng dẫn sinh viên thực hiện các yêu cầu theo sổ tay lâm sàng điện tử.

+ Áp dụng các phương pháp giảng dạy: Giải quyết tình huống, cầm tay chỉ việc...

- Đối với người học:

+ Chấp hành nội quy – quy chế của cơ sở thực tập;

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ học;

+ Báo cáo hàng ngày các nội dung công việc đã thực hiện theo đúng yêu cầu của mô đun.

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Thực hiện các quy trình kỹ thuật cấp cứu theo đúng quy định.

4. *Tài liệu tham khảo:*

[1] *Bài giảng Y học cổ truyền - Khoa YHCT - Trường ĐH Y Hà Nội*, Nhà xuất bản Y học năm 2012.

[2] *Các phương pháp thức điều trị bằng vật lý*, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.

[3] *Lượng giá chức năng hệ vận động*, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.

[4] *Vận động trị liệu*, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.

[5] *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện*, Bộ Y tế - 2001

[6] Bộ môn phục hồi chức năng trường đại học Y Hà Nội, *Bài giảng vật lý trị liệu* 2003.

[7] *Triệu chứng học nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, 2003.

[8] *Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh*, Bộ Y tế - 2002

[9] Phạm Thị Minh Đức: *Sinh lý học* (Dành cho các trường Cao đẳng Y) (2007) Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: BỆNH CHUYÊN KHOA

Mã môn học: MH 12

Số tín chỉ: 4 (4-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 55 giờ; Thảo luận/Thực hành/Bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: môn học Bệnh chuyên khoa là môn học bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Đây là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

Giải thích được những cơ chế bệnh sinh gây ra các bệnh lý mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da liễu thường gặp.

Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng của người bệnh khi mắc các bệnh lý mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt da liễu thường gặp.

Lập luận được chẩn đoán, đưa ra hướng điều trị và điều trị cụ thể cho NB trong các tình huống học tập.

Tham gia cải tiến chất lượng chăm sóc, nghiên cứu khoa học.

2.2. Kỹ năng:

Khám phát hiện được triệu chứng của người bệnh mắc các bệnh mắt, tai mũi họng và răng hàm mặt da liễu thường gặp.

Áp dụng các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để hoàn thành được bệnh án các bệnh mắt, tai mũi họng và răng hàm mặt da liễu thường gặp.

Vận dụng các kiến thức để phân tích các yếu tố ngoại cảnh, môi trường ảnh hưởng đến các cơ quan bộ phận từ đó đưa ra cách phòng bệnh.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh.

Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả.

Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục.

Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH	Kiểm tra
1	Phần 1: Mắt Chương 1: Giải phẫu và sinh lý mắt 1. Nhãn cầu 2. Các bộ phận phụ thuộc của mắt 3. Các đường dẫn truyền thần kinh và trung khu thị giác	1	1		
2	Chương 2: Phương pháp khám các chức năng thị giác 1. Thị lực 1.1. Khái niệm thị lực. 1.2. Mục đích đo thị lực. 1.3. Các loại bảng thị lực thông dụng. 1.4. Phương pháp đo thị lực. 1.4.1. Nguyên tắc. 1.4.2. Kỹ thuật đo thị lực. 1.4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến đo thị lực. 2. Nhãn áp 2.1. Định nghĩa 2.2. Chỉ định – chống chỉ định đo nhãn áp 2.3. Phương pháp đo nhãn áp 3. Thị trường 3.1. Định nghĩa 3.2. Chỉ định đo thị trường 3.3. Phương pháp đo thị trường	3	3		
3	Chương 3: Phương pháp khám mắt và làm các xét nghiệm cơ bản trong nhãn khoa 1. Bệnh sử 2. Khám bán phần trước 3. Xét nghiệm cơ bản	1	1		
4	Chương 4: Viêm kết mạc 1. Đại cương 2. Các thể viêm kết mạc sắp xếp dựa theo tiết tổ 2.1. Viêm kết mạc cấp tính có tiết tổ nhầy 2.2. Viêm kết mạc có tiết tổ mủ đặc	3	3		

	2.3. Viêm kết mạc có màng do liên cầu 2.4. Viêm kết mạc mùa xuân				
5	Chương 5: Viêm loét giác mạc 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
6	Chương 6: Chấn, lẹo, mộng mắt 1. Chấn mắt 1.1. Nguyên nhân 1.2. Triệu chứng 1.3. Chẩn đoán 1.4. Điều trị 1.5. Tiến triển và biến chứng 2. Lẹo mắt 2.1. Nguyên nhân 2.2. Triệu chứng 2.3. Chẩn đoán 2.4. Điều trị Tiến triển và biến chứng 3. Mộng mắt 3.1. Nguyên nhân 3.2. Triệu chứng 3.3. Chẩn đoán Điều trị	3	3		
7	Chương 7: Đục thủy tinh thể 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng	1	1		
8	Chương 8: Viêm màng bồ đào trước 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
9	Chương 9: Glôcôm nguyên phát góc đóng cơn cấp 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng	1	1		

	6. Phòng bệnh				
10	Chương 10: Bỏng mắt 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
11	Chương 11: Chấn thương mắt 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
12	Phần 2: Tai mũi họng Chương 1: Giải phẫu và sinh lý Tai Mũi Họng 1. Giải phẫu tai 2. Giải phẫu mũi 3. Giải phẫu họng 4. Sinh lý tai mũi họng	2	2		
13	Chương 2: Viêm VA 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
14	Chương 3: Viêm tai giữa 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
16	Chương 4: Viêm tai xương chũm 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
17	Chương 5: Viêm họng amidan 1. Đại cương 2. Triệu chứng	1	1		

	3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh				
18	Chương 6: Viêm mũi dị ứng 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
19	Chương 7: Viêm xoang 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
20	Chương 8: Chảy máu mũi 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
21	Chương 9: Viêm thanh quản cấp 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
22	Chương 10: Dị vật đường thở 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	2	2		
23	Chương 11: Dị vật đường ăn 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Tiến triển và biến chứng 6. Phòng bệnh	1	1		
24	Phần 3: Răng hàm mặt.	2	2		

	Chương 1: Giải phẫu - sinh lý răng hàm mặt 1. Số lượng răng 2. Hình thể giải phẫu của răng 3. Cấu tạo vùng quanh răng 4. Cấu tạo răng 5. Cách gọi tên răng 6. Sinh lý răng				
25	Chương 2: Sâu răng 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây sâu răng và diễn biến quá trình sâu răng 3. Triệu chứng 4. Biến chứng 5. Hướng điều trị 6. Phòng bệnh	1	1		
26	Chương 3: Viêm tủy và viêm quanh cuống răng 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Viêm tủy 4. Tiến triển và biến chứng 5. Hướng điều trị 6. Phòng bệnh	2	2		
27	Chương 4: Viêm lợi – Viêm quanh răng 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Tiến triển và biến chứng 5. Hướng điều trị 6. Phòng bệnh	1	1		
28	Chương 5: Nhổ răng 1. Đại cương 2. Chỉ định và chống chỉ định nhổ răng 3. Một số tai biến thường gặp khi nhổ răng	1	1		
29	Chương 6: Viêm mô tế bào vùng hàm mặt 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Một số thể định khu 4. Hướng điều trị	2	2		
30	Chương 7: Chấn thương vùng hàm mặt 1. Đại cương 2. Phân loại chấn thương phần mềm	1	1		

	3. Gãy xương hàm trên 4. Hướng điều trị				
31	Chương 8: Một số cấp cứu thông thường trong răng hàm mặt 1. Đau 2. Chảy máu 3. Trật khớp thái dương hàm 4. Chấn thương răng	1	1		
32	Phần 4: Da liễu Chương 1. Giải phẫu và sinh lý da 1. Sơ lược giải phẫu da 2. Sinh lý da	1	1		
33	Bài 2. Tổn thương cơ bản trong bệnh da liễu 1. Định nghĩa 2. Phân loại tổn thương cơ bản theo hình thái 3. Phân loại tổn thương cơ bản theo tiến triển	1	1		
34	Chương 3. Bệnh Eczema (chàm) 1. Đại cương 2. Căn nguyên và cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Các hình thái lâm sàng 5. Tiến triển và biến chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	2	2		
35	Chương 4. Bệnh chốc 1. Dịch tễ học 2. Căn nguyên và cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Tiến triển và biến chứng 5. Một số thể lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	2	2		
36	Chương 5. Bệnh nhiễm độc da do thuốc (dị ứng thuốc) 1. Đại cương 2. Căn nguyên và cơ chế bệnh sinh 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Các hình thái lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Hướng điều trị 7. Phòng bệnh	1	1		

37	Chương 6. Bệnh ghẻ 1. Nguyên nhân và lây truyền 2. Triệu chứng lâm sàng 3. Tiến triển và biến chứng 4. Chẩn đoán 5. Hướng điều trị 6. Phòng bệnh	1	1		
38	Chương 7. Bệnh vẩy nến 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Các thể lâm sàng 5. Tiến triển và biến chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị 8. Phòng bệnh	1	1		
39	Chương 8. Bệnh lậu 1. Nguyên nhân và lây truyền 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	1	1		
40	Chương 9. Bệnh giang mai 1. Nguyên nhân và lây truyền 2. Triệu chứng 3. Chẩn đoán 4. Điều trị 5. Phòng bệnh	1	1		
41	Chương 10. Bệnh zona 1. Dịch tễ học 2. Căn nguyên bệnh sinh 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Các thể lâm sàng 5. Tiến triển và biến chứng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị	1	1		
42	Chương 11. Bệnh viêm da tiếp xúc 1. Dịch tễ học 2. Căn nguyên bệnh sinh 3. Đặc điểm lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh	1	1		
43	Chương 12. Bệnh phong 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và tính chất lây truyền 3. Triệu chứng lâm sàng	1	1		

	4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh				
44	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng		60	55	0	5

2. Nội dung chi tiết

Phần I. Mắt

Chương 1. Giải phẫu và sinh lý mắt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Nhận biết được các cấu trúc giải phẫu của mắt trên hình ảnh giải phẫu.

Dựa vào cấu trúc giải phẫu mắt để giải thích được các đặc điểm sinh lý của mắt

Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

1. Nhãn cầu
2. Các bộ phận phụ thuộc của mắt
3. Các đường dẫn truyền thần kinh và trung khu thị giác

Chương 2: Phương pháp khám các chức năng thị giác

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

Áp dụng kiến thức để mô tả được các bước tiến hành thử thị lực, đo nhãn áp, đo thị trường.

Vận dụng kiến thức để đọc được kết quả của thị lực, nhãn áp, thị trường.

Thể hiện được năng lực làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

- 1.1. Thị lực
 - 1.1.1 Khái niệm thị lực.
 - 2.1.2. Mục đích đo thị lực.
 - 2.1.3. Các loại bảng thị lực thông dụng.
 - 2.1.4. Phương pháp đo thị lực.
 - 2.1.4.1. Nguyên tắc.
 - 2.1.4.2. Kỹ thuật đo thị lực.

2.1.4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến đo thị lực.

1.2. Nhãn áp

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Chỉ định – chống chỉ định đo nhãn áp

2.2.3. Phương pháp đo nhãn áp

1.3. Thị trường

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Chỉ định đo thị trường

2.3.3. Phương pháp đo thị trường

Chương 3. Phương pháp khám mắt và làm các xét nghiệm cơ bản trong nhãn khoa

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Trình bày được phương pháp khám mắt và làm các xét nghiệm cơ bản trong nhãn khoa.

2. Nội dung:

1. Bệnh sử

2. Khám bán phần trước

3. Xét nghiệm cơ bản

Chương 4. Bệnh viêm kết mạc

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2 Các thể viêm kết mạc sắp xếp dựa theo tiết tổ

2.3. Viêm kết mạc cấp tính có tiết tổ nhầy

2.4. Viêm kết mạc có tiết tổ mủ đặc

2.5. Viêm kết mạc có màng do liên cầu

2.6. Viêm kết mạc mùa xuân

Chương 5: Viêm loét giác mạc

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 6: Chấn, lẹo, mộng mắt

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 7: Đục thủy tinh thể

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 8: Viêm màng bồ đào trước

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 9: Glôcôm nguyên phát góc đóng cơn cấp

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Chẩn đoán
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Tiến triển và biến chứng
- 2.6. Phòng bệnh

Chương 10: Bỏng mắt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Chẩn đoán
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Tiến triển và biến chứng
- 2.6. Phòng bệnh

Chương 11: Chấn thương mắt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Chẩn đoán
- 2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Phần II: Tai mũi họng

Chương 1: Giải phẫu và sinh lý Tai Mũi Họng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Nhận biết được các cấu trúc giải phẫu của tai mũi họng.

Vận dụng kiến thức để giải thích các cơ chế hoạt động của tai mũi họng.

Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu tai

2.2. Giải phẫu mũi

2.3. Giải phẫu họng

2.4. Sinh lý tai mũi họng

Chương 2: Viêm VA

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 3: Viêm tai giữa

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 4: Viêm tai xương chũm Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 5: Viêm họng amidan Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Chẩn đoán
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Tiến triển và biến chứng
- 2.6. Phòng bệnh

Chương 6: Viêm mũi

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Chẩn đoán
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Tiến triển và biến chứng
- 2.6. Phòng bệnh

Chương 7: Viêm xoang

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Chẩn đoán
- 2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 8: Chảy máu mũi

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 9: Viêm thanh quản cấp

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 10: Dị vật đường thở

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 11: Dị vật đường ăn

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Phần III 3: Răng hàm mặt

Chương 1: Giải phẫu - sinh lý răng hàm mặt

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức về số lượng răng, cách gọi tên, sinh lý răng để xác định được đúng răng tổn thương trên người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Vận dụng kiến thức về hình thể răng, giải phẫu của răng và vùng quanh răng để nhận

định được mức độ tổn thương của răng nguyên nhân trên người bệnh trong tình huống giảng dạy

Rèn được kỹ năng tự học, làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo, giao tiếp, tìm hiểu và lựa chọn thông tin

2. Nội dung

1. Số lượng răng
2. Hình thể giải phẫu của răng
3. Cấu tạo vùng quanh răng
4. Cấu tạo răng
5. Cách gọi tên răng
6. Sinh lý răng

Chương 2: Sâu răng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Triệu chứng
- 2.3. Chẩn đoán
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Tiến triển và biến chứng
- 2.6. Phòng bệnh

Chương 3: Viêm tủy và viêm quanh cuống răng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 4: Viêm lợi – Viêm quanh răng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Chẩn đoán

2.4. Điều trị

2.5. Tiến triển và biến chứng

2.6. Phòng bệnh

Chương 5: Nhổ răng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung Đại cương

2.1. Chỉ định và chống chỉ định nhổ răng

2.2. Một số tai biến thường gặp khi nhổ răng

Chương 6: Viêm mô tế bào vùng hàm mặt

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Một số thể định khu

2.4. Hướng điều trị

Chương 7: Chấn thương vùng hàm mặt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại chấn thương phần mềm

2.3. Gãy xương hàm trên

2.4. Hướng điều trị

Chương 8: Một số cấp cứu thông thường trong răng hàm mặt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

- 2.1. Đau
- 2.2. Chảy máu
- 2.3. Trật khớp thái dương hàm
- 2.4. Chấn thương răng

Phần 4: Da liễu

Chương 1: Giải phẫu và sinh lý da

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Nhận biết được các cấu trúc giải phẫu của da trên hình ảnh giải phẫu.

Dựa vào cấu trúc giải phẫu da để giải thích được các đặc điểm sinh lý của da.

Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2. Nội dung

- 1. Sơ lược giải phẫu da
- 2. Sinh lý da

Chương 2: Tổn thương cơ bản trong bệnh da liễu

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Dựa vào đặc điểm của các loại tổn thương cơ bản trong bệnh da liễu để nhận biết được từng loại tổn thương cơ bản trong tình huống giảng dạy.

Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình, tìm kiếm và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

- 1. Định nghĩa
- 2. Phân loại tổn thương cơ bản theo hình thái
- 3. Phân loại tổn thương cơ bản theo tiến triển

Chương 3: Bài 3. Bệnh Eczema (chàm)

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

1. Đại cương
2. Căn nguyên và cơ chế bệnh sinh
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Các hình thái lâm sàng
5. Tiến triển và biến chứng
6. Chẩn đoán
7. Điều trị
8. Phòng bệnh

Chương 4. Bệnh chốc

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

1. Dịch tễ học
2. Căn nguyên và cơ chế bệnh sinh
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Tiến triển và biến chứng
5. Một số thể lâm sàng
6. Chẩn đoán
7. Điều trị
8. Phòng bệnh

Chương 5. Bệnh nhiễm độc da do thuốc (dị ứng thuốc)

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

1. Đại cương
2. Căn nguyên và cơ chế bệnh sinh
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Các hình thái lâm sàng
5. Chẩn đoán
6. Hướng điều trị
7. Phòng bệnh

Chương 6: Bệnh ghẻ

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

1. Đại cương
2. Triệu chứng lâm sàng
3. Tiến triển và biến chứng
4. Chẩn đoán
5. Hướng điều trị
6. Phòng bệnh

Chương 7. Bệnh vẩy nến

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

1. Đại cương
2. Nguyên nhân
3. Triệu chứng

4. Các thể lâm sàng
5. Tiến triển và biến chứng
6. Chẩn đoán
7. Điều trị
8. Phòng bệnh

Chương 8. Bệnh lậu

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

1. Nguyên nhân và lây truyền
2. Triệu chứng
3. Chẩn đoán
4. Điều trị
5. Phòng bệnh

Chương 9. Bệnh giang mai

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

1. Nguyên nhân và lây truyền
2. Triệu chứng
3. Chẩn đoán
4. Điều trị
5. Phòng bệnh

Chương 10. Bệnh zona

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

1. Dịch tễ học
2. Căn nguyên bệnh sinh
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Các thể lâm sàng
5. Tiến triển và biến chứng
6. Chẩn đoán
7. Điều trị

Chương 11. Bệnh viêm da tiếp xúc

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

1. Dịch tễ học
2. Căn nguyên bệnh sinh
3. Đặc điểm lâm sàng
4. Chẩn đoán
5. Điều trị
6. Phòng bệnh

Chương 12. Bệnh phong

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng để chẩn đoán được người bệnh trong

tình huống giảng dạy.

Đưa ra được phác đồ điều trị phù hợp cho người bệnh trong tình huống.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc cá nhân và phối hợp nhóm, kỹ năng báo cáo, tìm hiểu và lựa chọn thông tin.

2. Nội dung

1. Đại cương
2. Nguyên nhân và tính chất lây truyền
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Chẩn đoán
5. Điều trị
6. Phòng bệnh

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: phòng lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, bảng, phấn ...
3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn.
- Kỹ năng: giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: trình bày, báo cáo, tổ chức thảo luận nhóm, chuẩn bị trước các nội dung buổi học tại nhà.

2. Phương pháp

- Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập);
- Điểm bài tập (Làm bệnh án) (*trung bình cộng điểm của các giảng viên*).
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học*: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy chấm điểm sản phẩm tự học và thảo luận trên lớp sau đó nộp về giáo viên chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với sinh viên: Đọc tài liệu, làm test trên hệ thống E-Learning. Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học, nộp nội dung tự học cho GV trước buổi học 2 ngày

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các phần

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] *Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại* – Tài liệu nội bộ Trường cao đẳng y tế Thái bình, 2021.

[2] Bệnh viện Mắt Trung Ương- Bộ Y tế, *Nhãn khoa*, Nhà xuất bản y học, 2017.

[3] Đại học Y Hà Nội, *Thực hành nhãn khoa*, Nhà xuất bản y học, 2016.

[4] Đại học Y Hà Nội, *Bài giảng nhãn khoa*, Nhà xuất bản y học, 2015.

[5] Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh, *Nhãn khoa lâm sàng*, Nhà xuất bản y học, 2010.

[6] Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh, *Nhãn khoa cận lâm sàng*, Nhà xuất bản y học, 2007.

[7] Đại học Y Hà Nội, *Bài giảng Răng hàm mặt*, Nhà xuất bản y học, 2018.

[8] Đại học Y Hà Nội, *Bài giảng Tai Mũi Họng*, Nhà xuất bản y học, 2018.

[9] Trường Cao đẳng y Thái Bình - *Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ nội*, năm 2020.

[10] Bộ môn Da liễu – Trường Đại học Y Hà nội. *Bệnh học Da liễu, tập 1*, NXB y học, năm 2017.

[11] Phạm Văn Hiến. *Da liễu học*, NXB giáo dục, năm 2019

[12] *Bài giảng Da liễu*, trường Đại học y Thái bình, năm 2018.

[13] Bộ môn Da liễu – Học viện Quân y. *Bệnh da và hoa liễu*, NXB Quân đội nhân dân, năm 2018.

[14] Video các tình huống lâm sàng, Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình, năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: LÂM SÀNG BỆNH CHUYÊN KHOA

Mã mô đun: MD 25

Số tín chỉ: 3 (0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thảo luận/Thực hành/Bài tập: 85 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất mô đun

- Vị trí: mô đun Lâm sàng bệnh chuyên khoa là mô đun bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Đây là mô đun chuyên ngành, thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun

2.1. Về kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt một cách thành thạo.

Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt thường gặp.

Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

2.2. Kỹ năng:

Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên.

Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên.

Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nhân khoa, tai mũi họng, răng hàm mặt hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và điều trị bệnh.

Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả.

Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục.

Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn.

.III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH	Kiểm tra
1	Bài 1. Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân bổ công việc thực hành			1	
2	Bài 2. Hướng dẫn cách khám NB nhãn khoa			2	
3	Bài 3. Thực hành khám NB nhãn khoa			18	
4	Bài 4. Hướng dẫn cách làm bệnh án nhãn khoa			4	
5	Bài 5. Làm bệnh án nhãn khoa			4	
6	Bài 6. Hướng dẫn cách khám NB Tai mũi họng			2	
7	Bài 7. Thực hành khám NB tai mũi họng			18	
8	Bài 8. Hướng dẫn cách làm bệnh án tai mũi họng			4	
9	Bài 9. Làm bệnh án tai mũi họng			4	
10	Bài 10. Hướng dẫn cách khám NB răng hàm mặt			2	
11	Bài 11. Thực hành khám NB răng hàm mặt			18	
12	Bài 12. Hướng dẫn cách làm bệnh án răng hàm mặt			4	
13	Bài 13. Làm bệnh án răng hàm mặt			4	
14	Kiểm tra	5	0	0	5
Tổng		90	0	85	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân bổ công việc thực hành, Thời gian: 01 giờ

- Địa điểm: Tại hội trường các khoa Tại Mũi Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

Bài 2: Hướng dẫn cách khám Nhãn khoa, Thời gian: 02 giờ

Bài 3: Thực hành khám NB nhãn khoa, Thời gian: 18 giờ

Mục tiêu: Mô tả được các bước khám người bệnh nhãn khoa; Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh nhãn khoa theo chỉ tiêu.

Nội dung

Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân nhãn khoa tại phòng bệnh

Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân nhãn khoa tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 4: Hướng dẫn cách làm bệnh án nhãn khoa, Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu: Liệt kê được các mục trong bệnh án nhãn khoa; Vận dụng các kiến thức đã học để làm hoàn chỉnh bệnh án nhãn khoa.

Nội dung:

Hướng dẫn chi tiết từng mục trong bệnh án nhãn khoa

Hướng dẫn sinh viên làm bệnh án 1 NB tại buồng điều trị.

Bài 5: Làm bệnh án nhãn khoa, Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu: Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh nhãn khoa; Làm hoàn chỉnh bệnh án nhãn khoa theo chỉ tiêu

Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh nhãn khoa tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho giảng viên mỗi tuần 1 bệnh án.

Bài 6: Hướng dẫn cách khám Tai mũi họng, Thời gian: 02 giờ

Bài 7: Thực hành khám NB tai mũi họng, Thời gian: 18 giờ

Mục tiêu: Mô tả được các bước khám người bệnh tai mũi họng; Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh tai mũi họng theo chỉ tiêu.

Nội dung

Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tai mũi họng tại phòng bệnh

Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tai mũi họng tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 8: Hướng dẫn cách làm bệnh án tai mũi họng, Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu: Liệt kê được các mục trong bệnh án tai mũi họng; Vận dụng các kiến thức đã học để làm hoàn chỉnh bệnh án tai mũi họng.

Nội dung:

Hướng dẫn chi tiết từng mục trong bệnh án tai mũi họng

Hướng dẫn sinh viên làm bệnh án 1 NB tại buồng điều trị.

Bài 9: Làm bệnh án tai mũi họng, Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu: Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh tai mũi họng; Làm hoàn chỉnh bệnh án tai mũi họng theo chỉ tiêu.

Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho giáo viên mỗi tuần 1 bệnh án.

Bài 10: Hướng dẫn cách khám Răng hàm mặt, Thời gian: 02 giờ

Bài 11: Thực hành khám người bệnh răng hàm mặt, Thời gian: 18 giờ

Mục tiêu: Mô tả được các bước khám người bệnh răng hàm mặt; Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh răng hàm mặt theo chỉ tiêu.

Nội dung

Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân răng hàm mặt tại phòng bệnh

Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân răng hàm mặt tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 12: Hướng dẫn cách làm bệnh án răng hàm mặt, Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu: Liệt kê được các mục trong bệnh án răng hàm mặt; Vận dụng các kiến thức đã học để làm hoàn chỉnh bệnh án răng hàm mặt.

Nội dung:

Hướng dẫn chi tiết từng mục trong bệnh án răng hàm mặt

Hướng dẫn sinh viên làm bệnh án 1 NB tại buồng điều trị.

Bài 13: Làm bệnh án răng hàm mặt, Thời gian: 04 giờ

Mục tiêu: Khám phát hiện được các triệu chứng trên người bệnh răng hàm mặt; Làm hoàn chỉnh bệnh án răng hàm mặt theo chỉ tiêu

Nội dung: Sinh viên tự làm bệnh án người bệnh tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho giảng viên mỗi tuần 1 bệnh án.

Thi kết thúc vòng lâm sàng

Mục tiêu: Đánh giá kết quả thực tập lâm sàng Bệnh chuyên khoa. Hoàn thành được các tiêu chí của đợt thực tập.

Nội dung:

- Sinh viên bốc thăm người bệnh
- Hỏi bệnh, thăm khám và làm bệnh án nộp
- Giáo viên kiểm tra khám phát hiện triệu chứng trên người bệnh
- Chấm điểm, đánh giá kết thúc đợt thực tập.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Thực hành tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Trang thiết bị máy móc tại các phòng bệnh trong bệnh viện: Các máy tại cơ sở thực tập: Máy nội soi, máy sinh hiển vi, ghế răng, máy tính,...

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nhãn khoa, răng hàm mặt, tai mũi họng, đạo đực, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp

- Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập);
- Điểm bài tập (Làm bệnh án) (*trung bình cộng điểm của các giảng viên*).
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập mô đun

- Đối với giáo viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp sinh viên thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá sinh viên, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với sinh viên:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo

- [1] *Bệnh học nhãn khoa* - Nhà xuất bản Y học.
- [2] *Bệnh học tai mũi họng* - Nhà xuất bản Y học.
- [3] *Bệnh học răng hàm mặt* - Nhà xuất bản Y học

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Y HỌC GIA ĐÌNH

Mã môn học: MH 13

Số tín chỉ: 2 (2-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thảo luận/Thực hành/Bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: môn học Y học gia đình là môn học bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.
- Tính chất: Đây là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

Trình bày được các khái niệm cơ bản và các nguyên lý của Y học gia đình; các yêu cầu đạo đức trong Y học gia đình.

Phân tích được mối liên quan giữa vòng đời người và gia đình với sức khỏe, bệnh tật và áp dụng trong chăm sóc sức khỏe.

Mô tả được các công cụ đánh giá gia đình sử dụng trong Y học gia đình

Trình bày được các nguyên tắc và kỹ năng làm việc với các nhóm đối tượng CSSK khác nhau như hộ gia đình có trẻ dưới 5 tuổi, trẻ vị thành niên, phụ nữ mang thai và cho con bú, người cao tuổi.

Trình bày được các cấp độ của chăm sóc dự phòng; mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và nguyên tắc quản lý một số yếu tố nguy cơ sức khỏe.

Trình bày được nội dung một số chăm sóc sức khỏe dự phòng và nâng cao sức khỏe trong Y học gia đình: sàng lọc phát hiện sớm bệnh, chăm sóc sức khỏe tâm thần, một số chương trình nâng cao sức khỏe.

Trình bày được các kỹ năng giao tiếp - tư vấn cần thiết của BSGĐ và các phương pháp xác định nhu cầu và nội dung tư vấn, giáo dục sức khỏe theo Y học gia đình.

Cập nhật được một số kiến thức mới trong phát hiện và xử trí một số bệnh, vấn đề sức khỏe, cấp cứu thường gặp ở trẻ em và người lớn trong cộng đồng.

Trình bày được các nguyên tắc xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và các bước xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe trong YHGD.

Trình bày được các nguyên tắc và nội dung yêu cầu trong quản lý một số bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.

Trình bày được các tiêu chuẩn, nhiệm vụ của trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

2.2. Kỹ năng:

Xác định được nhu cầu, nội dung và thực hiện được việc tư vấn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng theo nguyên lý Y học gia đình.

Lập được kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe tại địa phương.

Phát hiện, xử trí cấp cứu ban đầu với các bệnh thường gặp tại địa phương.

Sử dụng được một số công cụ đánh giá gia đình trong thực hành chăm sóc sức khỏe theo Y học gia đình.

Áp dụng các nguyên lý của y học gia đình vào công tác chăm sóc dự phòng và nâng cao sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị.

Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, chủ động, hợp tác trong việc thực hiện nhiệm vụ của trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình

.III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Phần 1: YHGD và Trạm Y tế hoạt động theo nguyên lý YHGD Chương 1: Lịch sử phát triển, vai trò và các nguyên lý của YHGD 1.1. Tổng quan về Y học gia đình 1.2. Khái niệm về nguyên lý thực hành của Y học gia đình 1.3. Áp dụng các nguyên lý cơ bản của y học gia đình vào công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	2		
2	Chương 2: Mô hình Trạm Y tế xã hoạt động theo nguyên lý YHGD tại Việt Nam 2.1. Mô hình cơ sở y học gia đình hiện nay 2.2. Nhiệm vụ của cơ sở y học gia đình 2.3. Tiêu chuẩn của TYT hoạt động theo nguyên tắc YHGD 2.4. Nhiệm vụ của trạm y tế xã khi	2	2		

	2.5. hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình 2.6. Phân biệt được nhiệm vụ của các nhân viên y tế ở trạm y tế hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình so với nhiệm vụ theo quy định của nhà nước				
3	Chương 3: Vòng đời người, vòng đời gia đình và mối liên quan với sức khỏe, bệnh tật 3.1. Đại cương 3.2. Các giai đoạn vòng đời người 3.3. Các giai đoạn vòng đời gia đình	2	2		
4	Chương 4: Một số công cụ thường dùng trong đánh giá gia đình 4.1. Đại cương 4.2. Một số công cụ đánh giá gia đình trong y học gia đình	2	2		
5	Chương 5: Hồ sơ Quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý Y học gia đình 5.1. Một số khái niệm 5.2. Hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân và hộ gia đình 5.3. Quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử	2	2		
6	Chương 6: Kỹ năng làm việc nhóm 6.1. Khái niệm và quy trình làm việc nhóm 6.2. Vai trò của các thành viên trong làm việc nhóm 6.3. Một số phương pháp làm việc nhóm hiệu quả	2	2		
7	Phần 2: Chăm sóc dự phòng, tư vấn giáo dục và nâng cao sức khỏe Chương 1: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khỏe 1.1. Khái niệm 1.2. Nội dung dự phòng 1.3. Phòng bệnh trong chăm sóc sức khỏe gia đình 1.4. Thực hiện dự phòng	2	2		
8	Chương 2: Tiêm chủng phòng bệnh 2.1. Đại cương 2.2. Các bệnh truyền nhiễm trong chương trình TCMR 2.3. Vắc xin 2.4. Tiêm chủng	2	2		

	2.5. Tổ chức tiêm chủng				
9	Chương 3: Sàng lọc phát hiện sớm bệnh 3.1. Cơ sở khoa học của sàng lọc, khám sức khỏe định kỳ 3.2. Hoạt động khám định kỳ 3.3. Sàng lọc một số bệnh thường gặp	1	1		
10	Chương 4: Vệ sinh môi trường 4.1. Đại cương 4.2. Quan hệ giữa sức khỏe và môi trường 4.3. Những định hướng cơ bản cho môi trường lành mạnh	1	1		
11	Chương 5: Vệ sinh an toàn thực phẩm 5.1. Các mối nguy ô nhiễm vào thực phẩm và ô nhiễm thực phẩm 5.2. Phương pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm 5.3. Một số bệnh do thực phẩm thường gặp	1	1		
12	Chương 6: Hành vi sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe 6.1. Khái niệm 6.2. Các yếu tố nguy cơ sức khỏe 6.3. Mối liên quan giữa các yếu tố môi trường với sức khỏe 6.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thay đổi hành vi sức khỏe 6.5. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	2	2		
13	Chương 7: Tư vấn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng 7.1. Khái niệm 7.2. Mục đích 7.3. Nguyên tắc tư vấn 7.4. Phương pháp xác định nhu cầu và nội dung tư vấn giáo dục sức khỏe 7.5. Các bước của quá trình tư vấn	2	2		
14	Chương 8: Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo y học gia đình 8.1. Khái niệm 8.2. Phân loại kế hoạch 8.3. Các bước lập kế hoạch	1	1		
15	Phần 3: Cập nhật về xử trí một số vấn đề sức khỏe thường gặp tại cộng đồng theo nguyên lý y học gia đình	2	2		

	Chương 1. Quản lý các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng theo nguyên lý y học gia đình. 1.1 Tổng quan về phòng, chống bệnh không lây nhiễm trên thế giới và Việt Nam 1.2. Các yếu tố nguy cơ 1.3. Chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm phổ biến				
16	Chương 2: Chăm sóc sức khỏe tại nhà 2.1. Tính cấp thiết 2.2. Mục tiêu 2.3. Mô hình tổ chức 2.4. Phương thức hoạt động 2.5. Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe tại nhà cho bệnh nhân	2	2		
17	Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng		30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Phần 1: YHGD và Trạm Y tế hoạt động theo nguyên lý YHGD

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các khái niệm cơ bản và các nguyên lý của Y học gia đình; các yêu cầu đạo đức trong Y học gia đình.

Phân tích được mối liên quan giữa vòng đời người và gia đình với sức khỏe, bệnh tật và áp dụng trong chăm sóc sức khỏe.

Mô tả được các công cụ đánh giá gia đình sử dụng trong Y học gia đình

Trình bày được các nguyên tắc và kỹ năng làm việc với các nhóm đối tượng CSSK khác nhau như hộ gia đình có trẻ dưới 5 tuổi, trẻ vị thành niên, phụ nữ mang thai và cho con bú, người cao tuổi.

Trình bày được các tiêu chuẩn, nhiệm vụ của trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

Sử dụng được một số công cụ đánh giá gia đình trong thực hành chăm sóc sức khỏe theo Y học gia đình.

Áp dụng các nguyên lý của y học gia đình vào công tác chăm sóc dự phòng và nâng cao sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở.

Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị.

Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, chủ động, hợp tác trong việc thực hiện nhiệm vụ của trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình

2. Nội dung

Chương 1: Lịch sử phát triển, vai trò và các nguyên lý của YHGD

1.1. Tổng quan về Y học gia đình

1.2. Khái niệm về nguyên lý thực hành của Y học gia đình

1.3. Áp dụng các nguyên lý cơ bản của y học gia đình vào công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Chương 2: Mô hình Trạm Y tế xã hoạt động theo nguyên lý YHGD tại Việt Nam

2.1. Mô hình cơ sở y học gia đình hiện nay

2.2. Nhiệm vụ của cơ sở y học gia đình

2.3. Tiêu chuẩn của TYT hoạt động theo nguyên tắc YHGD

2.4. Nhiệm vụ của trạm y tế xã khi hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình

2.5. Phân biệt được nhiệm vụ của các nhân viên y tế ở trạm y tế hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình so với nhiệm vụ theo quy định của nhà nước

Chương 3: Vòng đời người, vòng đời gia đình và mối liên quan với sức khỏe, bệnh tật

3.1. Đại cương

3.2. Các giai đoạn vòng đời người

3.3. Các giai đoạn vòng đời gia đình

Chương 4: Một số công cụ thường dùng trong đánh giá gia đình

4.1. Đại cương

4.2. Một số công cụ đánh giá gia đình trong y học gia đình

Chương 5: Hồ sơ Quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý Y học gia đình

5.1. Một số khái niệm

5.2. Hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân và hộ gia đình

5.3. Quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử

Chương 6: Kỹ năng làm việc nhóm

6.1. Khái niệm và quy trình làm việc nhóm

6.2. Vai trò của các thành viên trong làm việc nhóm 6,3. Một số phương pháp là việc nhóm hiệu quả

Phần 2: Chăm sóc dự phòng, tư vấn giáo dục và nâng cao sức khỏe

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

Trình bày được các cấp độ của chăm sóc dự phòng; mô tả các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và nguyên tắc quản lý một số yếu tố nguy cơ sức khỏe.

Trình bày được nội dung một số chăm sóc sức khỏe dự phòng và nâng cao sức khỏe trong Y học gia đình: sàng lọc phát hiện sớm bệnh, chăm sóc sức khỏe tâm thần, một số chương trình nâng cao sức khỏe.

Trình bày được các kỹ năng giao tiếp - tư vấn cần thiết của BSGĐ và các phương pháp xác định nhu cầu và nội dung tư vấn, giáo dục sức khỏe theo Y học gia đình.

Trình bày được các nguyên tắc xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và các bước xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe trong YHGD.

Xác định được nhu cầu, nội dung và thực hiện được việc tư vấn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng theo nguyên lý Y học gia đình

Lập được kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe tại địa phương.

Áp dụng các nguyên lý của y học gia đình vào công tác chăm sóc dự phòng và nâng cao sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở.

Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị.

Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, chủ động, hợp tác trong quá trình chăm sóc sức khỏe nhân dân

2. Nội dung

Chương 1: Các cấp độ dự phòng và nâng cao sức khỏe

1.1. Khái niệm

1.2. Nội dung dự phòng

1.3. Phòng bệnh trong chăm sóc sức khỏe gia đình

1.4. Thực hiện dự phòng

Chương 2: Tiêm chủng phòng bệnh

2.1. Đại cương

2.2. Các bệnh truyền nhiễm trong chương trình TCMR

2.3. Vắc xin

2.4. Tiêm chủng

2.5. Tổ chức tiêm chủng

Chương 3: Sàng lọc phát hiện sớm bệnh

3.1. Cơ sở khoa học của sàng lọc, khám sức khỏe định kỳ

3.2. Hoạt động khám định kỳ

3.3. Sàng lọc một số bệnh thường gặp Bài 4: Vệ sinh môi trường

Chương 4.

4.1. Đại cương

4.2. Quan hệ giữa sức khỏe và môi trường

4.3. Những định hướng cơ bản cho môi trường lành mạnh

Chương 5: Vệ sinh an toàn thực phẩm

5.1. Các mối nguy ô nhiễm vào thực phẩm và ô nhiễm thực phẩm

5.2. Phương pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

5.3. Một số bệnh do thực phẩm thường gặp

Chương 6: Hành vi sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe

6.1. Khái niệm

6.2. Các yếu tố nguy cơ sức khỏe

6.3. Mối liên quan giữa các yếu tố môi trường với sức khỏe

6.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thay đổi hành vi sức khỏe

6.5. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe

Chương 7: Tư vấn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng

7.1. Khái niệm

7.2. Mục đích

7.3. Nguyên tắc tư vấn

7.4. Phương pháp xác định nhu cầu và nội dung tư vấn giáo dục sức khỏe

7.5. Các bước của quá trình tư vấn

Chương 8: Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo y học gia đình

8.1. Khái niệm

8.2. Phân loại kế hoạch

8.3. Các bước lập kế hoạch

Phần 3: Cập nhật về xử trí một số vấn đề sức khỏe thường gặp tại cộng đồng theo nguyên lý y học gia đình

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Cập nhật được một số kiến thức mới trong phát hiện và xử trí một số bệnh, vấn đề sức khỏe, cấp cứu thường gặp ở trẻ em và người lớn trong cộng đồng.

Trình bày được các nguyên tắc và nội dung yêu cầu trong quản lý một số bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng: tăng huyết áp, đái tháo đường, hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.

Áp dụng các nguyên lý Y học gia đình trong quản lý các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng..

Áp dụng kiến thức chăm sóc trẻ khỏe để tư vấn và chăm sóc trẻ tại gia đình

Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị.

Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, chủ động, hợp tác trong việc thực hiện nhiệm vụ của trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình.

2. Nội dung

Chương 1: Quản lý các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng theo nguyên lý y học gia đình.

1.1 Tổng quan về phòng, chống bệnh không lây nhiễm trên thế giới và Việt Nam

1.2. Các yếu tố nguy cơ

1.3. Chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm phổ biến

Chương 2: Chăm sóc sức khỏe tại nhà

2.1. Tính cấp thiết

2.2. Mục tiêu

2.3. Mô hình tổ chức

2.4. Phương thức hoạt động

Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe tại nhà cho bệnh

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Nắm bắt được kiến thức về y học gia đình. Lượng giá bằng bộ câu hỏi test.

- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.

- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm, có tư duy phản biện và thuyết trình.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

*** Cách tính điểm TBC bộ phận:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm thái độ: Trọng số 0,3

(2). Điểm kiểm tra thường xuyên + định kỳ: Trọng số 0,7

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = (Điểm thái độ x 0,3) + (Điểm kiểm tra x 0,7)

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

*** Cách tính điểm TBC môn học:**

Điểm TBC Môn học = Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) + Điểm thi kết thúc học phần (Trọng số 0,6)

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Môn học gắn liền với các tình huống cụ thể, sinh viên được thực hành tình huống sau mỗi bài học.

+ Xây dựng đề cương chi tiết môn học, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn quá trình học tập. Xây dựng vấn đề học tập. Giảng dạy theo đúng quy trình, phương pháp và kế hoạch theo đề cương chi tiết môn học. Tiến hành kiểm tra, lượng giá đúng quy trình. Xây dựng bộ câu hỏi đảm bảo đúng số lượng và chất lượng.

+ Thảo luận nhóm: Giảng viên nêu vấn đề, chia nhóm, thảo luận nhóm, giáo viên giới hạn thời gian sẽ hoàn thành. Sau khi thảo luận xong các nhóm bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi thảo luận, người báo cáo và báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét và giảng viên có thể chấm điểm phần báo cáo và nhận xét.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học:

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài.

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Bộ môn Y học gia đình. Trường Đại học Y Hà Nội: *Thực hành Y học gia đình trong chăm sóc sức khỏe ban đầu (2012)*. Nhà xuất bản Y học.

[2] Trung tâm đào tạo bác sĩ gia đình. Trường Đại Học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh, *Y học gia đình (2012)*, Nhà xuất bản Y học 2012

[3] Bộ môn YHGD trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch (2012), *Các nguyên tắc y học gia đình*.

[4] Bộ Y tế (2019), Thông tư số 21/2019/TT-BYT ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Bộ

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Y TẾ CỘNG ĐỒNG

Mã mô đun: MH 14

Số tín chỉ: 2 (2-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thảo luận/Thực hành/Bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: môn học Y tế cộng đồng là môn học bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo.
- Tính chất: Đây là môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

Trình bày được khái niệm về y tế cộng đồng, chức năng và nhiệm vụ của người y sỹ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng nói chung và vai trò, nhiệm vụ của người y sỹ trong cấp cứu thảm họa tại cộng đồng nói riêng.

Trình bày được những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng: Thăm hộ gia đình, Lập kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe của cộng đồng.

Trình bày được các kiến thức về cấp cứu trong thảm họa.

Phân tích được các yếu tố của quá trình dịch các bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng, giám sát dịch và nguyên lý phòng chống dịch.

2.2. Kỹ năng:

Vận dụng được các kiến thức về chăm sóc sức khỏe cộng đồng để xác định vấn đề sức khỏe của cộng đồng, từ đó thực hiện chăm sóc và giải quyết các vấn đề sức khỏe của cộng đồng dưới các hình thức : Thăm hộ gia đình và lập kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng có kiến thức về việc tự bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho bản thân.

Vận dụng các kiến thức về cấp cứu thảm họa, quá trình dịch các bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng vào việc thực hiện các kỹ năng sơ cứu, cấp cứu kịp thời trong các thảm họa tại cộng đồng, thực hiện công tác phòng chống dịch tại cộng đồng.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng giáo dục sức khỏe, tính tích cực trong học tập, có tư duy tư phản biện/ phê phán.

Rèn luyện kỹ năng ra quyết định đúng và kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Chương 1. Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng 1. Lịch sử phát triển y tế cộng đồng 2. Một số khái niệm 2.1. Cộng đồng 2.2. Sức khỏe 2.3. Y tế công cộng/ sức khỏe cộng đồng 2.4. Chăm sóc sức khỏe 2.5. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe 2.6. Chăm sóc sức khỏe ban đầu 3. Chăm sóc sức khỏe ban đầu 3.1. Nhận thức về chăm sóc sức khỏe 3.2. Nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu 4. Điều dưỡng cộng đồng 4.1. Khái niệm 4.2. Mục tiêu điều dưỡng cộng đồng 4.3. Vai trò, năng lực của điều dưỡng cộng đồng 4.4. Chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng cộng đồng	4	4		
2	Chương 2. Thăm và chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng 1. Khái niệm về gia đình 2. Sức khỏe gia đình 2.1. Định nghĩa sức khỏe gia đình 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe gia đình 2.3. Chăm sóc tại gia đình 3. Thăm và chăm sóc sức khỏe tại gia đình 3.1. Mục đích 3.2. Vai trò của người điều dưỡng trong hành nghề chăm sóc sức khỏe tại gia đình 3.3. Quy trình thăm hộ gia đình	4	4		

	3.4. Quy trình chăm sóc sức khỏe cho gia đình 3.5. Chăm sóc sức khỏe cho cá nhân trong cộng đồng 4. Kỹ năng hỗ trợ cộng đồng 4.1. Kỹ năng giao tiếp 4.2. Kỹ năng phỏng vấn 4.3. Kỹ năng hỏi và lắng nghe				
3	Chương 3. Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin 1. Các kỹ thuật thu thập thông tin sức khỏe cơ bản tại tuyến xã 1.1. Một số khái niệm 1.2. Quan sát 1.3. Vấn đáp (hỏi, nghe và ghi chép) 1.4. Hồi cứu, sử dụng các tư liệu sẵn có 1.5. Phối hợp các kỹ thuật thu thập thông tin, số liệu nghiên cứu 2. Bộ câu hỏi và sử dụng bộ câu hỏi 2.1. Nguyên tắc xây dựng bộ câu hỏi 2.2. Các loại câu hỏi 2.3. Cấu trúc của bộ câu hỏi 2.4. Kiểm tra tính sát hợp của bộ câu hỏi đã soạn thảo để hoàn thiện lần cuối 3. Bảng kiểm và sử dụng bản kiểm 4. Bệnh án nghiên cứu 4.1. Sự khác nhau giữa bệnh án trong phòng bệnh và bệnh án nghiên cứu 4.2. Biên soạn bệnh án nghiên cứu 4.3. Cấu trúc chung của bệnh án nghiên cứu 4.4. Thu thập thông tin về một trường hợp ốm đến khám bệnh tại trạm y tế xã (ví dụ về nghiên cứu trường hợp)	4	3		1
4	Chương 4. Phương pháp xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên 1. Đại cương 2. Các phương pháp xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng Phương pháp ghi chép từ phỏng vấn và thảo luận nhóm	2	2		

	Các phương pháp kích thích sự tham gia của cộng đồng vào xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên 3. Một số phương pháp hỗ trợ kiểm tra chéo thông tin 3.1. Nên hỏi và thảo luận với nhiều nhóm đối tượng khác nhau. 3.2. Nên áp dụng nhiều phương pháp thu thập thông tin				
5	Chương 5. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe tại cộng đồng 1. Khái niệm về kế hoạch và lập kế hoạch 2. Các cách lập kế hoạch 3. Các bước lập kế hoạch 3.1. Xác định vấn đề can thiệp 3.2. Phân tích vấn đề tìm nguyên nhân gốc rễ 3.3. Xác định mục tiêu can thiệp 3.4. Lựa chọn giải pháp 3.5. Viết kế hoạch hoạt động	2	2		
6	Chương 6. Cấp cứu trong thảm họa 1. Thảm họa 1.1. Định nghĩa về thảm họa 1.2. Thảm họa và mối nguy hiểm 2. Phân loại thảm họa 2.1. Thảm họa do tự nhiên 2.2. Thảm họa do con người 3. Tình hình thảm họa ở Việt Nam - Tình hình thảm họa tự nhiên ở Việt Nam (Thiên tai) - Tình hình thảm họa do con người ở Việt Nam 4. Cấp cứu trong thảm họa	4	4		
7	Chương 7. Quá trình dịch các bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng 1. Định nghĩa quá trình dịch 2. Các yếu tố của quá trình dịch 2.1. Động lực gián tiếp 2.2. Động lực trực tiếp - Nguồn truyền - Phương thức truyền nhiễm - Khỏi cơ thể cảm nhiễm	4	4		

	3. Nguyên tắc phân loại bệnh truyền nhiễm - Cơ chế truyền nhiễm - Phân loại				
8	Chương 8. Nguyên lý phòng chống dịch bệnh tại cộng đồng và giám sát dịch tễ 1. Nguyên lý phòng chống dịch 1.1. Các biện pháp nhà nước phòng chống dịch 1.2. Các biện pháp giáo dục sức khỏe 1.2. Các biện pháp y tế - Các biện pháp đối với nguồn truyền - Các biện pháp đối với đường truyền - Các biện pháp đối với khối cảm nhiễm 1.3. Các biện pháp tổng hợp 2. Giám sát dịch tễ học 2.1. Định nghĩa 2.2 Mục tiêu 2.3. Chức năng 2.4. Phân loại	4	3		1
9	Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng		30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Phân tích được khái niệm cộng đồng, định nghĩa sức khỏe (WHO)

Nêu được 10 nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu trong thời kỳ hiện nay

Phân biệt được y sỹ bệnh viện và y sỹ cộng đồng

Phân tích được chức năng, nhiệm vụ của điều dưỡng cộng đồng

Rèn luyện kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng báo cáo.

2. Nội dung:

1. Lịch sử phát triển y tế cộng đồng

2. Một số khái niệm

2.1. Cộng đồng

2.2.Sức khỏe

2.3.Y tế cộng đồng/ sức khỏe cộng đồng

2.4.Chăm sóc sức khỏe

2.5.Dịch vụ chăm sóc sức khỏe

2.6.Chăm sóc sức khỏe ban đầu

3. Chăm sóc sức khỏe ban đầu

3.1.Nhận thức về chăm sóc sức khỏe

3.2.Nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu

4. Điều dưỡng cộng đồng

4.1.Khái niệm

4.2.Mục tiêu điều dưỡng cộng đồng

4.3.Vai trò, năng lực của điều dưỡng cộng đồng

4.4. Chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng cộng đồng

Chương 2: Thăm và chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Áp dụng các kiến thức về chăm sóc sức khỏe cộng đồng để xác định được mục đích thăm và chăm sóc sức khỏe gia đình

Thực hiện quy trình thăm hộ gia đình

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc nhóm, kỹ năng tiếp xúc cộng đồng.

2. Nội dung:

1. Khái niệm về gia đình

2. Sức khỏe gia đình

2.1. Định nghĩa sức khỏe gia đình

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe gia đình

2.3. Chăm sóc tại gia đình

3. Thăm và chăm sóc sức khỏe tại gia đình

3.1. Mục đích

3.2. Vai trò của người điều dưỡng trong hành nghề chăm sóc sức khỏe tại gia đình

3.3. Quy trình thăm hộ gia đình

3.4. Quy trình chăm sóc sức khỏe cho gia đình

3.5. Chăm sóc sức khỏe cho cá nhân trong cộng đồng

4. Kỹ năng hỗ trợ cộng đồng

4.1. Kỹ năng giao tiếp

4.2. Kỹ năng phỏng vấn

4.3. Kỹ năng hỏi và lắng nghe

Chương 3: Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Nêu được những kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin tại cộng đồng

Xây dựng được các công cụ đơn giản để thu thập thông tin tại thực địa

Ghi nhận các thông tin mô tả một số bệnh tại cộng đồng

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình.

2. Nội dung:

1. Các kỹ thuật thu thập thông tin sức khỏe cơ bản tại tuyến xã

1.1. Một số khái niệm

1.2. Quan sát

1.3. Vấn đáp (hỏi, nghe và ghi chép)

1.4. Hồi cứu, sử dụng các tư liệu sẵn có

1.5. Phối hợp các kỹ thuật thu thập thông tin, số liệu nghiên cứu

2. Bộ câu hỏi và sử dụng bộ câu hỏi

2.1. Nguyên tắc xây dựng bộ câu hỏi

2.2. Các loại câu hỏi

2.3. Cấu trúc của bộ câu hỏi

2.4. Kiểm tra tính sát hợp của bộ câu hỏi đã soạn thảo để hoàn thiện lần cuối

3. Bảng kiểm và sử dụng bản kiểm

4. Bệnh án nghiên cứu

4.1. Sự khác nhau giữa bệnh án trong phòng bệnh và bệnh án nghiên cứu

4.2. Biên soạn bệnh án nghiên cứu

4.3. Cấu trúc chung của bệnh án nghiên cứu

4.4. Thu thập thông tin về một trường hợp ốm đến khám bệnh tại trạm y tế xã (ví dụ về nghiên cứu trường hợp)

Chương 4: Phương pháp xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được một số phương pháp xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên cho nghiên cứu hoặc cho can thiệp trong cộng đồng

Lựa chọn một số phương pháp và xây dựng công cụ thích hợp xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên theo phương pháp cộng đồng cùng tham gia

Sử dụng được các phương pháp và công cụ thích hợp để xác định ưu tiên tại cộng đồng.

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình và tiếp xúc cộng đồng.

2. Nội dung:

1. Đại cương

2. Các phương pháp xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng

2.1. Phương pháp ghi chép từ phỏng vấn và thảo luận nhóm

2.2. Các phương pháp kích thích sự tham gia của cộng đồng vào xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên

3. Một số phương pháp hỗ trợ kiểm tra chéo thông tin

3.1. Nên hỏi và thảo luận với nhiều nhóm đối tượng khác nhau.

3.2. Nên áp dụng nhiều phương pháp thu thập thông tin

Chương 5: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe tại cộng đồng; Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được khái niệm và các bước lập kế hoạch can thiệp cộng đồng

Phân tích được các yếu tố của 1 bản kế hoạch

Xây dựng 1 bản kế hoạch chi tiết giải quyết vấn đề sức khỏe của cộng đồng

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình.

2. Nội dung:

1. Khái niệm về kế hoạch và lập kế hoạch

2. Các cách lập kế hoạch

3. Các bước lập kế hoạch

3.1. Xác định vấn đề can thiệp

3.2. Phân tích vấn đề tìm nguyên nhân gốc rễ

3.3. Xác định mục tiêu can thiệp

3.4. Lựa chọn giải pháp

3.5. Viết kế hoạch hoạt động

Chương 6: Cấp cứu thảm họa

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Áp dụng các kiến thức cơ bản về thảm họa để phân loại được các dạng thảm họa

Phân loại được bệnh nhân trong thảm họa theo Start

Lựa chọn được các xử trí cơ bản thường gặp trong cấp cứu thảm họa tại cộng đồng

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình và ra quyết định.

2. Nội dung:

1. Thảm họa

1.1. Định nghĩa về thảm họa

1.2. Thảm họa và mối nguy hiểm

2. Phân loại thảm họa

2.1. Thảm họa do tự nhiên

2.2. Thảm họa do con người

3. Tình hình thảm họa ở Việt Nam

- Tình hình thảm họa tự nhiên ở Việt Nam (Thiên tai)
- Tình hình thảm họa do con người ở Việt Nam

4. Cấp cứu thảm họa

4.1. Định nghĩa

4.2. Phân biệt cấp cứu tại bệnh viện và cấp cứu trong thảm họa

4.3. Xử trí cấp cứu trong thảm họa

Chương 7: Quá trình dịch các bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng; Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Xác định được các yếu tố của quá trình dịch

Giải thích được vai trò của nguồn truyền nhiễm, đường truyền nhiễm và yếu tố cảm thụ trong quá trình lan truyền dịch, ảnh hưởng của yếu tố tự nhiên và xã hội tới quá trình dịch

Trình bày cơ chế truyền nhiễm và phân loại bệnh truyền nhiễm

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thuyết trình.

2. Nội dung:

1. Định nghĩa quá trình dịch

2. Các yếu tố của quá trình dịch

2.1. Động lực gián tiếp

2.2. Động lực trực tiếp

- Nguồn truyền
- Phương thức truyền nhiễm
- Khỏi cơ thể cảm nhiễm

3. Nguyên tắc phân loại bệnh truyền nhiễm

- Cơ chế truyền nhiễm
- Phân loại

Chương 8: Nguyên lý phòng chống dịch bệnh tại cộng đồng và giám sát dịch tễ

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được các biện pháp nhà nước, giáo dục sức khỏe nhằm đề phòng các bệnh truyền nhiễm

Phân tích được các biện pháp y tế nhằm phòng chống các bệnh truyền nhiễm

Rèn luyện kỹ năng tự học, làm việc nhóm, ra quyết định.

2. Nội dung:

1. Nguyên lý phòng chống dịch

1.1. Các biện pháp nhà nước phòng chống dịch

1.2. Các biện pháp giáo dục sức khỏe

1.3. Các biện pháp y tế

- Các biện pháp đối với nguồn truyền
- Các biện pháp đối với đường truyền
- Các biện pháp đối với khối cảm nhiễm

1.2. Các biện pháp tổng hợp

2. Giám sát dịch tễ học

2.1. Định nghĩa

2.2. Mục tiêu

2.3. Chức năng

2.4. Phân loại

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế
3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Trình bày được vai trò, chức năng, tầm quan trọng của y tế cộng đồng.
- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.
- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm, có tư duy phản biện và thuyết trình.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:
 - + Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
 - + Môn học gắn liền với các tình huống cụ thể, sinh viên được thực hành tình huống sau mỗi bài học.
 - + Xây dựng đề cương chi tiết môn học, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn quá trình học tập. Xây dựng vấn đề học tập. Giảng dạy theo đúng quy trình, phương pháp và kế hoạch theo

đề cương chi tiết môn học. Tiến hành kiểm tra, lượng giá đúng quy trình. Xây dựng bộ câu hỏi đảm bảo đúng số lượng và chất lượng.

+ Thảo luận nhóm: Giảng viên nêu vấn đề, chia nhóm, thảo luận nhóm, giáo viên giới hạn thời gian sẽ hoàn thành. Sau khi thảo luận xong các nhóm bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi thảo luận, người báo cáo và báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét và giảng viên có thể chấm điểm phần báo cáo và nhận xét.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học:

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Bộ Y tế, *Điều dưỡng cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học 2006.

[2] *Giáo trình Y tế công cộng* - Vụ Khoa học và Đào tạo Bộ Y tế-Nhà xuất bản Y học 2005.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Mã môn học: MH 15

Số tín chỉ: 3 (3-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 43 giờ; Thảo luận/Thực hành/Bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

- Vị trí: môn học Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng là môn học tự chọn nằm trong chương trình đào tạo.

- Tính chất: Đây là môn học chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành PHCN dựa vào cộng đồng; Các phương pháp điều trị và dự phòng trong chuyên ngành PHCN dựa vào cộng đồng. Nhận định, lập kế hoạch lượng giá điều trị PHCN cho người bệnh

II. Mục tiêu môn học

2.1. Về kiến thức:

Áp dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý, nguyên nhân, triệu chứng bệnh lý phục hồi chức năng để chẩn đoán được người bệnh mắc các bệnh lý PHCN hay gặp cộng đồng trong tình huống lâm sàng cụ thể.

Phân tích được các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến người bệnh mắc các bệnh phục hồi chức năng trong người bệnh.

2.2. Kỹ năng:

Áp dụng quy trình điều trị vào để điều trị cho người bệnh, xác định các vấn đề ưu tiên, ra quyết định điều trị PHCN phù hợp trong các tình huống lâm sàng về phục hồi chức năng.

2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Rèn luyện, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp để từng bước thiết lập được môi trường làm việc an toàn để giảm thiểu rủi ro trong môi trường điều trị.

Thể hiện được khả năng làm việc độc lập, giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra

1	Chương 1: Đại cương về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 1. Khái niệm cơ bản về chăm sóc sức khỏe ban đầu 2. Các khái niệm liên quan đến tàn tật 3. Phục hồi chức năng	4	4		
2	Chương 2: Vai trò của người khuyết tật và gia đình trong chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 1. Định nghĩa 2. Vai trò của gia đình 3. Vai trò bản thân 4. Vai trò của xã hội	4	4		
3	Chương 3. Vai trò của cán bộ phục hồi chức năng các cấp trong chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng 1. Dụng cụ trợ giúp- thích nghi tại cộng đồng 2. Sử dụng tài liệu huấn luyện người tàn tật tại cộng đồng 2.1. Định nghĩa 2.2. Nguyên nhân 2.3. Triệu chứng lâm sàng 2.4. Phục hồi chức năng	8	8	0	0
4	Chương 4. Phục hồi chức năng cho người khó khăn về vận động 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Phục hồi chức năng	4	4	0	0
5	Chương 5. Phục hồi chức năng cho người khó khăn về học 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Phục hồi chức năng	4	4	0	0
6	Chương 6. Phục hồi chức năng cho người động kinh 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Phục hồi chức năng	4	4	0	0
7	Chương 7. Phục hồi chức năng cho người khó khăn về nhìn 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân	4	4	0	0

	3. Triệu chứng lâm sàng 4. Phục hồi chức năng				
8	Chương 8. Phục hồi chức năng cho người khó khăn về nghe nói 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Phục hồi chức năng	4	4	0	0
9	Chương 9. Phục hồi chức năng cho người khó khăn về mất cảm giác (bệnh phong) 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Phục hồi chức năng	4	4	0	0
10	Chương 10. Phục hồi chức năng cho người có hành vi xa lạ 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng 4. Phục hồi chức năng	3	3	0	0
11	Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng		45	43	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Nhận định được người bệnh trong tình huống dạy học.

Phân tích được nguyên nhân, vai trò người khuyết tật PHCN

Lập được kế hoạch điều trị và phòng bệnh cho bệnh nhân trong tình huống.

2. Nội dung:

1. Khái niệm cơ bản về chăm sóc sức khỏe ban đầu

2. Các khái niệm liên quan đến tàn tật

3. Phục hồi chức năng

Chương 2: Vai trò của người khuyết tật và gia đình trong chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Nhận định được người bệnh trong tình huống dạy học.

Phân tích được nguyên nhân, vai trò, dụng cụ PHCN

Lập được kế hoạch điều trị và phòng bệnh cho bệnh nhân trong tình huống.

Thể hiện kỹ năng giao tiếp, báo cáo, làm việc nhóm hiệu quả.

2. Nội dung:

1. Định nghĩa
2. Vai trò của gia đình
3. Vai trò bản thân
4. Vai trò của xã hội

Chương 3. Vai trò của cán bộ phục hồi chức năng các cấp trong chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Nhận định được người bệnh trong tình huống dạy học.

Phân tích được tài liệu huấn luyện PHCN

Lập được kế hoạch điều trị và phòng bệnh cho bệnh nhân trong tình huống.

Thể hiện kỹ năng giao tiếp, báo cáo, làm việc nhóm hiệu quả.

Nhận định được người bệnh trong tình huống dạy học.

Phân tích nhu cầu của bệnh nhân trong tình huống

Lập được kế hoạch điều trị và phòng bệnh cho bệnh nhân trong tình huống.

Thể hiện kỹ năng giao tiếp, báo cáo, làm việc nhóm hiệu quả.

2. Nội dung:

1. Dụng cụ trợ giúp- thích nghi tại cộng đồng
2. Sử dụng tài liệu huấn luyện người tàn tật tại cộng đồng
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2.2. Nguyên nhân
 - 2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4. Phục hồi chức năng

Chương 4. Phục hồi chức năng cho người khó khăn về vận động, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Nhận định được người bệnh trong tình huống dạy học.

Phân tích nhu cầu của bệnh nhân trong tình huống

Lập được kế hoạch điều trị và phòng bệnh cho bệnh nhân trong tình huống.

Thể hiện kỹ năng giao tiếp, báo cáo, làm việc nhóm hiệu quả.

2. Nội dung:

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Phục hồi chức năng

Chương 5. Phục hồi chức năng cho người khó khăn về học, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Nhận định được người bệnh trong tình huống dạy học.

Phân tích nhu cầu của bệnh nhân trong tình huống

Lập được kế hoạch điều trị và phòng bệnh cho bệnh nhân trong tình huống.

Thể hiện kỹ năng giao tiếp, báo cáo, làm việc nhóm hiệu quả.

2. Nội dung:

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Phục hồi chức năng

Chương 6. Phục hồi chức năng cho người động kinh, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Nhận định được người bệnh trong tình huống dạy học.

Phân tích nhu cầu của bệnh nhân trong tình huống

Lập được kế hoạch điều trị và phòng bệnh cho bệnh nhân trong tình huống.

Thể hiện kỹ năng giao tiếp, báo cáo, làm việc nhóm hiệu quả

2. Nội dung

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân
3. Triệu chứng lâm sàng
4. Phục hồi chức năng

Chương 7. Phục hồi chức năng cho người khó khăn về nhìn, Thời gian 4

1. Mục tiêu:

Nhận định được người bệnh trong tình huống dạy học.

Phân tích nhu cầu của bệnh nhân trong tình huống

Lập được kế hoạch điều trị và phòng bệnh cho bệnh nhân trong tình huống.

Thể hiện kỹ năng giao tiếp, báo cáo, làm việc nhóm hiệu quả.

2. Nội dung:

1. Định nghĩa

2. Nguyên nhân

3. Triệu chứng lâm sàng

4. Phục hồi chức năng

Chương 8. Phục hồi chức năng cho người khó khăn về nghe nói, Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Nhận định được người bệnh trong tình huống dạy học.

Phân tích nhu cầu của bệnh nhân trong tình huống

Lập được kế hoạch điều trị và phòng bệnh cho bệnh nhân trong tình huống.

Thể hiện kỹ năng giao tiếp, báo cáo, làm việc nhóm hiệu quả.

2. Nội dung:

1. Định nghĩa

2. Nguyên nhân

3. Triệu chứng lâm sàng

4. Phục hồi chức năng

Chương 9. Phục hồi chức năng cho người khó khăn về mất cảm giác (bệnh phong), Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

Nhận định được người bệnh trong tình huống dạy học.

Phân tích nhu cầu của bệnh nhân trong tình huống

Lập được kế hoạch điều trị và phòng bệnh cho bệnh nhân trong tình huống.

Thể hiện kỹ năng giao tiếp, báo cáo, làm việc nhóm hiệu quả.

2. Nội dung:

1. Định nghĩa

2. Nguyên nhân

3. Triệu chứng lâm sàng

4. Phục hồi chức năng

Chương 10. Phục hồi chức năng cho người có hành vi xa lạ, Thời gian 3 tiết

1. Mục tiêu:

Nhận định được người bệnh trong tình huống dạy học.

Phân tích nhu cầu của bệnh nhân trong tình huống

Lập được kế hoạch điều trị và phòng bệnh cho bệnh nhân trong tình huống.

Thể hiện kỹ năng giao tiếp, báo cáo, làm việc nhóm hiệu quả.

2. Nội dung:

1. Định nghĩa

2. Nguyên nhân

3. Triệu chứng lâm sàng

4. Phục hồi chức năng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng lý thuyết.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, màn chiếu, máy lạnh, quạt, tăng âm, loa, mic, bàn ghế

3. Học liệu, dụng cụ: Bảng, tranh ảnh (liên quan đến tài liệu học tập).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: Lượng giá bằng bộ câu hỏi tự luận đóng và tình huống lâm sàng ngắn.
- Về kỹ năng: Sinh viên giải thích các tình huống lâm sàng cụ thể.
- Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm, có tư duy phản biện và thuyết trình.

2. Phương pháp

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học*: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy và học tập môn học

- Đối với giáo viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Môn học gắn liền với các tình huống cụ thể, sinh viên được thực hành tình huống sau mỗi bài học.

+ Xây dựng đề cương chi tiết môn học, xây dựng kế hoạch và hướng dẫn quá trình học tập. Xây dựng vấn đề học tập. Giảng dạy theo đúng quy trình, phương pháp và kế hoạch theo đề cương chi tiết môn học. Tiến hành kiểm tra, lượng giá đúng quy trình. Xây dựng bộ câu hỏi đảm bảo đúng số lượng và chất lượng.

+ Thảo luận nhóm: Giảng viên nêu vấn đề, chia nhóm, thảo luận nhóm, giáo viên giới hạn thời gian sẽ hoàn thành. Sau khi thảo luận xong các nhóm bốc thăm ngẫu nhiên câu hỏi thảo luận, người báo cáo và báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét và giảng viên có thể chấm điểm phần báo cáo và nhận xét.

- Đối với sinh viên: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Rèn luyện kỹ năng tự học.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý

Tất cả các bài

4. Tài liệu cần tham khảo

[1] Bộ Y tế (2017), *Quyết định về việc ban hành hướng dẫn quy trình Phục hồi chức năng*, Quyết định số 5737 /QĐ-BYT.

[2] *Các phương pháp thức điều trị bằng vật lý*, Nhà xuất bản giáo dục - 2016.

[3] Cao Minh Châu (2009), *Phục hồi chức năng*, dùng cho đào tạo cử nhân điều dưỡng, nhà xuất bản giáo dục.

[4] *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện*, Bộ Y tế - 2001

[5] Nguyễn Xuân Nghiên và CS (2002), *Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

[6] *Lượng giá chức năng hệ vận động*, Nhà xuất bản giáo dục - 2019.

[7] *Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng*, Nhà xuất bản y học-2019.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: LÂM SÀNG PHỤC HỒI CHỨC NĂNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Mã mô đun: MD 26

Số tín chỉ: 2(0-2-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 55 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: là mô đun tự chọn trong chương trình đào tạo
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh chuyên ngành PHCN dựa vào cộng đồng;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám điều trị và phòng bệnh;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên.
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên.
- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án PHCN hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;
- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buong bệnh thực hành	0	0	1	0
2	Bài 2: Hướng dẫn các trang thiết bị máy móc dụng cụ PHCN phù hợp cộng đồng	0	0	1	0
3	Bài 3: Thực hành khám sử dụng trang thiết bị máy móc chuyên ngành PHCN tại cộng đồng	0	0	8	0
4	Bài 4: Hướng dẫn cách làm bệnh án PHCN dựa vào cộng đồng	0	0	1	0
5	Bài 5: Làm bệnh án phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	0	0	1	0
6	Bài 6: Hướng dẫn cách liệt nửa người	0	0	1	0
7	Bài 7: Thực hành khám NB Tai biến mạch máu não	0	0	8	0
8	Bài 8: Làm bệnh án tai biến mạch máu não	0	0	1	0
9	Bài 9: Hướng dẫn khám NB chậm nói	0	0	1	0
10	Bài 10: Thực hành khám NB trẻ chậm nói	0	0	8	0
11	Bài 11: Làm bệnh án đau thần kinh tọa	0	0	1	0
12	Bài 12: Hướng dẫn khám NB khó khăn về nhìn	0	0	1	0
13	Bài 13: Thực hành khám NB liệt 7NB, tổn thương tủy sống	0	0	8	0
14	Bài 14: Làm bệnh án vẹo cổ, vẹo cột sống	0	0	1	0

15	Bài 15: Hướng dẫn khám Trẻ tự kỷ, bại não	0	0	1	0
16	Bài 16: Thực hành cách sử dụng cụ hỗ trợ điều trị tại cộng đồng	0	0	5	0
17	Bài 17: Làm bệnh án BN tổn thương tủy sống	0	0	1	0
18	Bài 18: Hướng dẫn khám NB hành vi xa lạ	0	0	1	0
19	Bài 19: Thực hành xoa bóp cho bệnh nhân	0	0	4	0
20	Bài 20: Làm bệnh án cơ xương khớp	0	0	1	0
21	Bài 21: Kiểm tra	0	0	0	5
	Tổng	60	0	55	05

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buồng bệnh thực hành
Thời gian: 01 giờ

Địa điểm: Tại hội trường các khoa YHCT-PHCN BV Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

Bài 2: Hướng dẫn các trang thiết bị máy móc dụng cụ PHCN phù hợp cộng đồng
Thời gian: 01 giờ

Địa điểm: Tại phòng hành chính các khoa YHCT-PHCN Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

Bài 3: Thực hành khám sử dụng trang thiết bị máy móc chuyên ngành PHCN
Thời gian: 08 giờ

Địa điểm: Tại phòng hành chính các khoa YHCT-PHCN Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

Bài 4: Hướng dẫn cách làm bệnh án phục hồi chức năng **Thời gian: 01 giờ**

1. Mục tiêu

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án.

2. Nội dung

2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước làm bệnh án tại phòng giao ban các khoa

2.2. Sinh viên làm bệnh án ngoại khoa theo chỉ tiêu

Bài 5: Làm bệnh án phục hồi chức năng

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước làm bệnh án tại phòng giao ban các khoa
- 2.2. Sinh viên làm bệnh án ngoại khoa theo chỉ tiêu

Bài 6: Hướng dẫn cách liệt nửa người

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh .
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 7: Thực hành khám NB Tai biến mạch máu não

Thời

gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 8: Làm bệnh án tia biến mạch máu não

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước làm bệnh án tại phòng giao ban các khoa
- 2.2. Sinh viên làm bệnh án ngoại khoa theo chỉ tiêu

Bài 9: Hướng dẫn khám NB chậm nói

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 10: Thực hành khám người bệnh chậm nói

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh .
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 11: Làm bệnh án đau thần kinh tọa

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước làm bệnh án tại phòng giao ban các khoa
- 2.2. Sinh viên làm bệnh án ngoại khoa theo chỉ tiêu

Bài 12: Hướng dẫn khám NB khó khăn về nhìn

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 13: Thực hành khám NB khóa khẩn về nhìn

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 14: Làm bệnh án vẹo cổ, vẹo cột sống

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án.

Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án.

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước làm bệnh án tại phòng giao ban các khoa
- 2.2. Sinh viên làm bệnh án ngoại khoa theo chỉ tiêu

Bài 15: Hướng dẫn khám Trẻ tự kỷ, bại não

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh;
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 16: Thực hành cách sử dụng cụ hỗ trợ điều trị tại cộng đồng

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh và sử dụng, chăm sóc, điều ngải, giá chơi, điện châm;

- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện, làm được thủ thuật NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 17: Làm bệnh án tổn thương tủy sống
giờ

Thời gian: 01

1. Mục tiêu

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước làm bệnh án tại phòng giao ban các khoa
- 2.2. Sinh viên làm bệnh án ngoại khoa theo chỉ tiêu

Bài 18: Hướng dẫn khám NB hành vi xa lạ

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh .
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 19: Thực hành xoa bóp cho bệnh nhân

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám và xoa bóp cho người bệnh .
- Áp dụng kiến thức đã học để khám và phát hiện được triệu chứng NB theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân tại phòng bệnh
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 20: Làm bệnh án BN tổn thương tủy sống

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê được đầy đủ và đúng trình tự các bước làm bệnh án cơ xương khớp;
- Áp dụng kiến thức đã học để làm được bệnh án cơ xương khớp.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước làm bệnh án tại phòng giao ban các khoa
- 2.2. Sinh viên làm bệnh án ngoại khoa theo chỉ tiêu

Bài 21: Kiểm tra/Thi kết thúc vòng LS

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

- Đánh giá kết quả thực tập lâm sàng YHCT-PHCN tại khoa YHCT-PHCN Bệnh viện 199 – Bộ Công An;
- Hoàn thành được các tiêu chí của đợt thực tập.

2. Nội dung

- 2.1. Sinh viên bốc thăm người bệnh
- 2.2. Hỏi bệnh, thăm khám và làm bệnh án nộp
- 2.3. Giáo viên kiểm tra khám phát hiện triệu chứng trên người bệnh
- 2.4. Chấm điểm, đánh giá kết thúc đợt thực tập.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Trung tâm cấp cứu, cơ sở y tế ban đầu
2. Trang thiết bị máy móc: Máy hút đờm, máy đo huyết áp, bộ cố định gãy xương, bộ garo cầm máu, bộ dụng cụ mở miệng...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Người bệnh.
4. Các điều kiện khác:
 - Các nhóm sinh viên thực tập tại các đơn vị cấp cứu được phân công và thực hiện các kỹ thuật dưới sự giám sát, giúp đỡ của cán bộ hoặc giáo viên lâm sàng;
 - Đầy đủ trang phục theo quy định;
 - Sinh viên phải có Smartphone và truy cập được internet.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp đánh giá:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Ý thức, thái độ	Quy chế đào tạo	10%

2	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập. (Hệ số 1)	10%
3	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định. (Hệ số 2)	20%
4	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng Y sỹ

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm

- Đối với sinh viên:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập;
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện;
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi;
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần;
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu

[1] Cao Minh Châu, *Các phương pháp thức điều trị bằng vật lý*, Nhà xuất bản giáo dục - 2010.

[2] *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật bệnh viện*, Bộ Y tế - 2001

[3] Nguyễn Xuân Nghiên và CS (2002), *Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

[4] *Lượng giá chức năng hệ vận động*, Nhà xuất bản y học - 2010.

[5] *Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng*, Nhà xuất bản y học-2019.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: BỆNH CHUYÊN KHOA NÂNG CAO

Mã môn học: MH 16

Số tín chỉ: 3(3-0-0)

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học tự chọn trong chương trình đào tạo.
- Tính chất: Lý thuyết.

II. Mục tiêu môn học:

2.1. Về kiến thức:

- Phân tích được các yếu tố của quá trình dịch các bệnh truyền nhiễm, lao, tâm thần kinh và nguyên lý phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng;
- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh truyền nhiễm, lao, tâm thần kinh thường gặp tại tuyến cơ sở;
- Áp dụng các kiến thức về dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm, lao, tâm thần kinh tại tuyến cơ sở.

2.2. Về kỹ năng:

Vận dụng các kiến thức về quá trình dịch các bệnh truyền nhiễm, lao, tâm thần kinh tại cộng đồng vào việc thực hiện công tác phòng chống dịch tại cộng đồng.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập, có tư duy tư phân biện/ phê phán;
- Rèn luyện kỹ năng ra quyết định đúng và kịp thời để thực hiện hiệu quả công tác phòng chống, xử trí các bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)
-----	-----------------	-----------------

		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Chương 1. Đại cương bệnh truyền nhiễm 1. Khái niệm 2. Đặc điểm của bệnh truyền nhiễm 3. Chẩn đoán và điều trị bệnh truyền nhiễm 4. Phòng bệnh truyền nhiễm	2	2	0	0
2	Chương 2. Tiếp cận chẩn đoán và xử trí tình trạng sốt 1. Đại cương 2. Các triệu chứng lâm sàng kèm theo sốt 3. Tiếp cận chẩn đoán và xử trí sốt 4. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong bệnh truyền nhiễm và liệu pháp xuống thang	2	2	0	0
3	Chương 3. Nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn 1. Định nghĩa 2. Các vi khuẩn thường gây nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Các xét nghiệm sinh học 6. Chẩn đoán 7. Điều trị	4	4	3	0
4	Chương 4. Viêm não – màng não 1. Đại cương 1.1. Viêm màng não 1.2. Viêm não 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Viêm màng não 2.2. Viêm não 3. Cận lâm sàng 4. Hướng điều trị 4.1. Điều trị nguyên nhân 4.2. Điều trị triệu chứng 5. Phòng bệnh	4	4	0	0
5	Chương 5. Bệnh mới nổi và tái nổi	8	8	0	0

	1.Đại cương 2. Một số bệnh mới nổi 3. Kháng kháng sinh				
6	Chương 6. Một số bệnh truyền nhiễm lây qua đường hô hấp 1. Bệnh cúm 2. Bệnh sởi 3. Bệnh quai bị 4. Bệnh thủy đậu	4	4	0	0
7	Chương 7. Một số bệnh truyền nhiễm lây qua đường da niêm mạc và vật chủ trung gian 1. Sốt xuất huyết Dengue 2. Bệnh uốn ván 3. Bệnh dại	5	0	4	1
8	Chương 8. Bệnh lao phổi 1. Đại cương về bệnh lao 1.1. Dịch tễ học. 1.2. Cơ chế bệnh sinh. 1.3. Nguyên nhân. 2. Triệu chứng bệnh lao phổi 2.1. Triệu chứng lâm sàng 2.2. Biến chứng 3. Chẩn đoán và điều trị 4. Phòng bệnh	4	4	0	0
9	Chương 9. Lao ngoài phổi I. Lao hạch 1. Đại cương về lao hạch 2. Triệu chứng. 3. Chẩn đoán và điều trị 4. Phòng bệnh II. Lao màng não 1. Đại cương về lao màng não 2. Triệu chứng. 3. Chẩn đoán và điều trị 4. Phòng bệnh III. Chương trình chống lao quốc gia	4	4	0	0
10	Chương 10. Tâm thần phân liệt và Rối loạn tâm thần do rượu 1. Tâm thần phân liệt 1.1. Đại cương	4	4	0	0

	1.2. Nguyên nhân 1.3. Triệu chứng lâm sàng 1.4. Chẩn đoán 1.5. Điều trị bệnh tâm thần phân liệt 1.7. Phòng bệnh tâm thần phân liệt 2. Rối loạn tâm thần do rượu 2.1. Nghiện rượu 2.2. Loạn thần do rượu				
11	Chương 11. Động kinh và rối loạn trầm cảm 1.Động kinh 1.1. Đại cương 1.2. Nguyên nhân và cơ chế 1.3. Triệu chứng 1.4. Chẩn đoán 1.5. Điều trị 2.Rối loạn trầm cảm 2.1. Đại cương 2.2. Nguyên nhân 2.3. Triệu chứng lâm sàng và chẩn đoán 2.4. Điều trị	4	3	0	1
Tổng		45	43	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương bệnh truyền nhiễm; Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày đại cương về bệnh truyền nhiễm;
- Áp dụng các kiến thức về dịch tễ học, đường truyền và mầm bệnh để thực hành tốt trong các khoa truyền nhiễm.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Đặc điểm của bệnh truyền nhiễm
- 2.3. Chẩn đoán và điều trị bệnh truyền nhiễm
- 2.4. Phòng bệnh truyền nhiễm

Chương 2: Tiếp cận chẩn đoán và xử trí tình trạng sốt; Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng sốt tại tuyến cơ sở.
- Áp dụng các kiến thức về dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán và điều trị sốt tại tuyến cơ sở.
- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Các triệu chứng lâm sàng kèm theo sốt
- 2.3. Tiếp cận chẩn đoán và xử trí sốt
- 2.4. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh và liệu pháp xuống thang

Chương 3: Nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn; Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn tại tuyến cơ sở;
- Áp dụng các kiến thức về dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn tại tuyến cơ sở;
- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Các vi khuẩn thường gây nhiễm khuẩn huyết và sốc nhiễm khuẩn
- 2.3. Cơ chế bệnh sinh
- 2.4. Lâm sàng
- 2.5. Các xét nghiệm sinh học
- 2.6. Chẩn đoán
- 2.7. Điều trị

Chương 4: Viêm não – màng não; Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm não - màng não tại tuyến cơ sở;

- Áp dụng các kiến thức về dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán và điều trị viêm não - màng não tại tuyến cơ sở;

- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Viêm màng não

2.3. Viêm não

2.4. Triệu chứng lâm sàng

2.5. Viêm màng não

2.6. Viêm não

2.7. Cận lâm sàng

2.8. Hướng điều trị

2.9. Điều trị nguyên nhân

2.10. Điều trị triệu chứng

2.11. Phòng bệnh

Chương 5: Bệnh mới nổi và tái nổi; Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- Nêu tình hình dịch tễ bệnh mới nổi hiện nay;

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh do virus Corona tại tuyến cơ sở;

- Áp dụng các kiến thức về dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán và điều trị bệnh do virus Corona tại tuyến cơ sở;

- Hiểu được tình hình kháng kháng sinh hiện nay;

- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập.

2. Nội dung

I. Đại cương

II. Một số bệnh mới nổi

III. Kháng kháng sinh

Chương 6: Một số bệnh truyền nhiễm lây qua đường hô hấp; Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh truyền nhiễm lây qua đường hô hấp tại tuyến cơ sở;
- Áp dụng các kiến thức về dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm lây qua đường hô hấp tại tuyến cơ sở;
- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập.

2. Nội dung

I. Bệnh cúm

II. Bệnh sởi

III. Bệnh quai bị

IV. Bệnh thủy đậu

Chương 7: Một số bệnh truyền nhiễm lây qua đường da niêm mạc và vật chủ trung gian; Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng một số bệnh truyền nhiễm lây qua đường da niêm mạc và vật chủ trung gian tại tuyến cơ sở;
- Áp dụng các kiến thức về dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm lây qua đường da niêm mạc và vật chủ trung gian tại tuyến cơ sở;
- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập.

2. Nội dung

I. Sốt xuất huyết Dengue

II. Bệnh uốn ván

III. Bệnh dại

Chương 8: Bệnh lao phổi

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh lao.
- Áp dụng các kiến thức về dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao.
- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về bệnh lao
- 2.2. Dịch tễ học.
- 2.3. Cơ chế bệnh sinh.
- 2.4. Nguyên nhân.
- 2.5. Triệu chứng bệnh lao phổi
- 2.6. Triệu chứng lâm sàng
- 2.7. Biến chứng
- 2.8. Chẩn đoán và điều trị
- 2.9. Phòng bệnh

Chương 9: Lao ngoài phổi

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng lao hạch và lao màng não;
- Áp dụng các kiến thức về dịch tễ, lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh lao hạch và lao màng não;
- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập.

2. Nội dung

- 2.1. Lao hạch
 - 2.1.1. Đại cương về lao hạch
 - 2.1.2. Triệu chứng.
 - 2.1.3. Chẩn đoán và điều trị
 - 2.1.4. Phòng bệnh

2.2. Lao màng não

- 2.2.1. Đại cương về lao màng não
- 2.2.1. Triệu chứng.
- 2.2.3. Chẩn đoán và điều trị
- 2.2.4. Phòng bệnh

2.3. Chương trình chống lao quốc gia

Chương 10. Tâm thần phân liệt và Rối loạn tâm thần do rượu; Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng tâm thần và rối loạn tâm thần;
- Áp dụng các kiến thức để chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh tâm thần và rối loạn tâm thần do rượu gây ra;
- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập.

2. Nội dung

1.1. Đại cương

1.2. Nguyên nhân

1.3. Triệu chứng lâm sàng

1.4. Chẩn đoán

1.5. Điều trị bệnh tâm thần phân liệt

1.7. Phòng bệnh tâm thần phân liệt

Chương 11. Động kinh và rối loạn trầm cảm

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Phân tích được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng động kinh và trầm cảm;
- Áp dụng các kiến thức để chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh động kinh và trầm cảm
- Hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm tính tích cực trong học tập.

2. Nội dung

1. Động kinh

1.1. Đại cương

1.2. Nguyên nhân và cơ chế

1.3. Triệu chứng

1.4. Chẩn đoán

1.5. Điều trị

2. Rối loạn trầm cảm

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng lâm sàng và chẩn đoán

2.4. Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:

- Phòng học lý thuyết: Phòng học đúng quy định, bàn ghế giáo viên, bàn ghế sinh viên
- Phòng thực hành tiền lâm sàng: phòng thực hành đủ tiêu chuẩn, bàn, ghế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy tính, máy chiếu, phấn, bảng.
- Mô hình giải phẫu, búa phản xạ, thước dây, thước đo tầm vận động khớp, giường bệnh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo án, giáo trình, các tình huống LS

4. Các điều kiện khác:

- Mạng LAN, Internet, SmartPhone.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quá trình dịch, công tác phòng chống, giám sát, chẩn đoán và điều trị các dịch bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng.

- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức để xác định được các yếu tố tác động tới quá trình dịch các bệnh truyền nhiễm từ đó đẩy mạnh công tác phòng chống và giám sát các dịch bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm, tính tích cực trong học tập từ đó đưa ra quyết định đúng và kịp thời để thực hiện có hiệu quả các công tác phòng chống và giám sát các bệnh dịch truyền nhiễm tại cộng đồng.

2. Phương pháp:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình;
- Phương pháp vấn đáp;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. *Phạm vi áp dụng môn học:* Dành cho đối tượng Y sĩ đa khoa

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:*

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo để cung cấp cho sinh viên;
- + Xây dựng các tình huống LS phù hợp với mục tiêu bài học được phân công giảng dạy. (lưu ý: các câu hỏi trong tình huống phải phù hợp với mục tiêu của bài);
- + Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, nêu vấn đề, phân tích, thuyết trình ngắn có minh họa, động não.

- Đối với người học:

- + Chuẩn bị trước nội dung buổi học ở nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên (thảo luận nhóm, nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên).
- + Tích cực, chủ động trong học tập: Dự lớp 80% các buổi học trên lớp, chuẩn bị bài học theo nội dung của bài...; Thảo luận: Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm 6 -7 học sinh nhóm thảo luận ở nhà; Thuyết trình báo cáo: chuẩn bị các tình huống LS đã cho trước ở nhà trên máy tính và báo cáo trong buổi thảo luận trên lớp. Các nhóm hoàn thành nội dung thảo luận .

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Quá trình dịch các bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng và công tác phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng;
- Chẩn đoán và xử trí một số vấn đề của bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng.

4.1. Tài liệu học tập

[1] Bài giảng Bệnh truyền nhiễm – Bộ môn Truyền nhiễm – ĐHY Hà Nội - NXB Y học 2016.

[2] Maladies infectieuses tropicales - PILLY trop 2016.

[3] Tổ chức Y tế thế giới: <https://www.who.int/home>

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC HÀNH BỆNH CHUYÊN KHOA NÂNG CAO

Mã mô đun: MĐ 27

Số tín chỉ: 2(0-2-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 25 giờ; Kiểm tra: 05 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: là mô đun tự chọn trong chương trình đào tạo.
- Tính chất: Thực hành lâm sàng trong bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng khai thác, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh truyền nhiễm, lao một cách thành thạo;
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi thăm khám và điều trị NB mắc bệnh truyền nhiễm, lao thường gặp;
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám, điều trị người bệnh.

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng và điều trị phù hợp với các bệnh truyền nhiễm, lao có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;
- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án truyền nhiễm, lao hoàn chỉnh.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm phán, thuyết phục;

- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Bài 1: Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buong bệnh thực hành	2	0	2	0
2	Bài 2: Hướng dẫn cách khám NB truyền nhiễm	2	0	2	0
3	Bài 3: Thực hành khám NB truyền nhiễm	20	0	20	2
4	Bài 4: Hướng dẫn cách làm bệnh án truyền nhiễm	3	0	3	1
5	Bài 5: Làm bệnh án truyền nhiễm	3	0	3	0
6	Bài 6: Hướng dẫn cách khám NB lao	2	0	2	2
7	Bài 7: Thực hành khám NB lao	20	0	20	2
8	Bài 8: Hướng dẫn cách làm bệnh án lao	4	0	4	0
9	Bài 9: Làm bệnh án lao	4	0	4	0
Tổng		60	0	55	5

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buong bệnh thực hành

Thời gian: 02 giờ

Địa điểm: Tại các khoa nội tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

Bài 2: Hướng dẫn cách khám Truyền nhiễm

Thời gian: 02 giờ

Bài 3: Thực hành khám NB truyền nhiễm

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh truyền nhiễm;

- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh truyền nhiễm theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân truyền nhiễm tại phòng bệnh
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân truyền nhiễm tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 4: Hướng dẫn cách làm bệnh án truyền nhiễm

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê được các mục trong bệnh án truyền nhiễm;
- Vận dụng các kiến thức đã học để làm hoàn chỉnh bệnh án truyền nhiễm.

2. Nội dung

- 2.1. Hướng dẫn chi tiết từng mục trong bệnh án truyền nhiễm
- 2.2. Hướng dẫn sinh viên làm bệnh án 1 NB tại buồng điều trị.

Bài 5: Làm bệnh án truyền nhiễm

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB truyền nhiễm;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án truyền nhiễm theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án NB truyền nhiễm tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 1 bệnh án.

Bài 6: Hướng dẫn cách khám Lao

Thời gian: 02 giờ

Bài 7: Thực hành khám NB lao

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu

- Mô tả được các bước khám người bệnh lao;
- Áp dụng các kiến thức đã học để khám được người bệnh lao theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

- 2.1. Giáo viên hướng dẫn các bước khám bệnh nhân lao tại phòng bệnh
- 2.2. Sinh viên chia nhóm khám bệnh nhân lao tại phòng bệnh theo chỉ tiêu

Bài 8: Hướng dẫn cách làm bệnh án lao

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Liệt kê được các mục trong bệnh án lao;

- Vận dụng các kiến thức đã học để làm hoàn chỉnh bệnh án lao.

2. Nội dung

- 2.1. Hướng dẫn chi tiết từng mục trong bệnh án lao
- 2.2. Hướng dẫn sinh viên làm bệnh án 1 NB tại buồng điều trị.

Bài 9: Làm bệnh án lao

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên NB lao;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án lao theo chỉ tiêu.

2. Nội dung

Sinh viên tự làm bệnh án NB tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 1 bệnh án.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Các phòng bệnh tại các khoa truyền nhiễm tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: Monitor, máy điện tim, máy tính,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;
- Ống nghe, đồng hồ đeo tay

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%

2	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (trung bình cộng điểm của các giảng viên)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
3	Thi kết thúc	Bắt buộc tham gia thi kết thúc tại các khoa thực tập (Hỏi thi LS: 40%, Chấm bệnh án thi: 20%)	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1] *Bệnh chuyên khoa*- sách dùng cho cao đẳng y sĩ đa khoa. Bộ môn chuyên khoa - Trường cao đẳng y Thái Bình (2020).

[2] *Bệnh học truyền nhiễm* - Nhà xuất bản Y học.

[3] *Bệnh học lao* - Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC HÀNH LÂM SÀNG NGHỀ NGHIỆP

Mã mô đun: MĐ 28

Số tín chỉ: 3(0-3-0)

Thời gian thực hiện mô đun: 120 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 116 giờ; Kiểm tra: 04 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành.
- Tính chất: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện.

II. Mục tiêu mô đun:

2.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nhận định, thăm khám phát hiện các triệu chứng thường gặp khi mắc các bệnh nội khoa, ngoại khoa, cấp cứu một cách thành thạo. Biết cách làm bệnh án nội, ngoại khoa thuần thực.
- Áp dụng các nguyên tắc thực hành dựa trên bằng chứng khi lên kế hoạch thăm khám và điều trị.
- Thể hiện sự hiểu biết ban đầu về việc đóng góp nghiên cứu cho thực hành thăm khám người bệnh

2.2. Về kỹ năng:

- Nhận định, thăm khám và ghi chép được các bằng chứng có liên quan từ các cơ sở dữ liệu để đưa ra các chẩn đoán lâm sàng, điều trị phù hợp với các bệnh nội khoa, ngoại khoa có hỗ trợ từ các giáo viên và bác sỹ cấp trên;
- Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để thiết lập mối quan hệ và giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và các nhóm đối tượng dưới sự giám sát của bác sỹ cấp trên;
- Tổng hợp, phân tích các dữ liệu để làm được bệnh án nội, ngoại khoa thành thực.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Duy trì, phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp trong lĩnh vực khám phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Rèn được kỹ năng tự học, tự tra cứu tài liệu một cách chủ động, có hiệu quả;
- Rèn được kỹ năng điều khiển, phân công và hoạt động nhóm, tập thể; khả năng đàm

phán, thuyết phục;

- Rèn luyện các phẩm chất cá nhân: chủ động học tập, tự tin, chủ động nghiên cứu, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên bài, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TL/KT	Kiểm tra
1	Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buong bệnh thực hành	2	0	2	0
2	Tiếp nhận bệnh nhân nhập viện	10	0	10	0
3	Hướng dẫn chế độ và nội qui bệnh viện, khoa phòng	14	0	14	0
4	Hướng dẫn chế độ điều trị bệnh nhân Nội khoa, ngoại khoa.	20	0	18	2
5	Thăm khám và chẩn đoán bệnh Nội khoa, ngoại khoa.	20	0	20	0
6	Làm bệnh án Nội khoa	6	0	6	0
7	Làm bệnh án ngoại khoa	6	0	6	0
8	Thực hiện các kỹ thuật truyền tĩnh mạch	8	0	8	0
9	Phụ giúp bác sĩ làm và đọc điện tim	2	0	2	0
10	Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng, màng phổi	15	0	13	2
11	Ghi chép bệnh án và thuốc điều trị theo ngày	10	0	10	0
12	Tư vấn phòng bệnh cho bệnh nhân Nội khoa, ngoại khoa	5	0	5	0
13	Kiểm tra	2	0	2	0
Tổng		120	0	116	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Gặp sinh viên, phổ biến nội quy khoa phòng, phân buong bệnh thực hành **Thời gian: 2 giờ**

- Địa điểm: Tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

Bài 2: Tiếp nhận bệnh nhân nhập viện

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Rèn kỹ năng giao tiếp với NB và người nhà;
- Hướng dẫn được người bệnh làm các thủ tục nhập viện điều trị.

2. Nội dung

- 2.1. Chào hỏi người bệnh (NB)
- 2.2. Tư vấn cho NB đến đúng phòng khám quy định
- 2.3. Hướng dẫn NB các thủ tục nhập viện (nếu phải nhập viện điều trị)
- 2.4. Hướng dẫn NB đến đúng khoa cần điều trị.
- 2.5. Sinh viên thực hiện tiếp nhận NB theo chỉ tiêu được phân.

Bài 3: Hướng dẫn chế độ và nội quy bệnh viện, khoa phòng

1. Mục tiêu

- Hiểu được nội quy, quy định của khoa, phòng, bệnh viện;
- Rèn kỹ năng giao tiếp với NB;
- Làm quen với công việc của người cán bộ y tế trong tương lai.

2. Nội dung

- 2.1. Hướng dẫn NB các nội quy khoa phòng khi nhập viện.
- 2.2. Giúp NB thực hiện tốt các nội quy khoa phòng trong thời gian điều trị tại bệnh viện.
- 2.3. Hoàn thành các chỉ tiêu được phân công.

Bài 4: Hướng dẫn chế độ điều trị BN nội, ngoại khoa

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

- Hiểu được chế độ điều trị thuốc, chế độ ăn khi điều trị các bệnh nội, ngoại khoa;
- Giải thích được cho NB hiểu và tuân thủ điều trị;
- Rèn kỹ năng giao tiếp với NB và người nhà;
- Làm quen với công việc của người cán bộ y tế trong tương lai.

2. Nội dung

- 2.1. Hướng dẫn NB thực hiện đúng chế độ ăn, dùng thuốc theo đúng y lệnh.
- 2.2. Giải thích được các thắc mắc của NB trong quá trình điều trị.

2.3. Giải thích được những vấn đề NB gặp phải trong quá trình điều trị.

2.4. Người bệnh và gia đình yên tâm điều trị

2.5. Hoàn thành các chỉ tiêu được phân công.

Bài 5: Thăm khám và chẩn đoán bệnh nội khoa, ngoại khoa **Thời gian: 20 giờ**

1. Mục tiêu

- Thăm khám người bệnh nội, ngoại khoa;
- Áp dụng các kiến thức đã học để đưa ra chẩn đoán bệnh phù hợp.

2. Nội dung

2.1. Sinh viên thực hành khám bệnh nhân nội, ngoại khoa tại phòng bệnh theo chỉ tiêu.

Bài 6,7: Làm bệnh án nội, ngoại khoa **Thời gian: 12 giờ**

1. Mục tiêu

- Khám phát hiện được các triệu chứng trên nội, ngoại khoa;
- Làm hoàn chỉnh bệnh án nội, ngoại khoa theo chỉ tiêu;
- Làm quen với công việc của nhân viên y tế trong tương lai.

2. Nội dung

2.1. Sinh viên tự làm bệnh án NB tại phòng được phân công theo chỉ tiêu và nộp cho GV mỗi tuần 3 bệnh án.

Bài 8: Thực hiện các kỹ thuật truyền tĩnh mạch **Thời gian: 8 giờ**

1. Mục tiêu

- Thực hiện đúng và thành thạo các kỹ thuật tiêm truyền tĩnh mạch;
- Hoàn thành chỉ tiêu.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn bị được người bệnh khi thực hiện kỹ thuật truyền TM.

2.2. Giải thích để người bệnh yên tâm, tin tưởng.

2.3. Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, thuốc để thực hiện kỹ thuật.

2.4. Sinh viên thực hiện y lệnh truyền tĩnh mạch trên NB.

2.5. Theo dõi NB sau khi được thực hiện kỹ thuật.

Bài 9: Phụ giúp bác sĩ đọc điện tim **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu

- Thực hiện được kỹ thuật làm điện tim;
- Biết được các bước đọc điện tim.

2. Nội dung

- 2.1. Chuẩn bị người bệnh làm điện tim
- 2.2. Làm điện tim trên NB
- 2.3. In kết quả điện tim và phụ giúp BS đọc kết quả
- 2.4. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu.

Bài 10: Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng, màng phổi **Thời gian: 15 giờ**

1. Mục tiêu

- Chuẩn bị được bộ dụng cụ chọc dò màng bụng, màng phổi;
- Phụ giúp bác sĩ trong quá trình thực hiện thủ thuật;
- Theo dõi được NB sau khi chọc dò.

2. Nội dung

- 2.1. Chuẩn bị người bệnh chọc dò màng phổi, màng bụng.
- 2.2. Giải thích được cho NB yên tâm.
- 2.3. Chuẩn bị dụng cụ chọc dò màng bụng, màng phổi.
- 2.4. Phụ giúp bác sĩ trong quá trình chọc dò.
- 2.5. Theo dõi NB sau khi chọc dò.
- 2.6. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu.

Bài 11: Ghi chép bệnh án và thuốc điều trị hàng ngày **Thời gian: 10 giờ**

1. Mục tiêu

- Biết cách ghi nhận xét hồ sơ bệnh án hàng ngày;
- Vận dụng kiến thức đã học để cho thuốc NB sau khi đã thăm khám

2. Nội dung

- 2.1. Thăm khám người bệnh tại buồng được phân công
- 2.2. Ghi nhận xét sau khi thăm khám người bệnh
- 2.3. Cho thuốc người bệnh trong ngày dựa trên kết quả đã thăm khám.
- 2.4. Thực hiện đầy đủ chỉ tiêu được giao.

Bài 12: Tư vấn phòng bệnh cho NB nội, ngoại khoa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Thăm khám được NB tại buồng được phân;
- Đưa ra được chẩn đoán phù hợp với NB;
- Tư vấn được cho NB cách phòng bệnh hợp lý.

2. Nội dung

- 2.1. Thăm khám NB tại buồng được phân.
- 2.2. Chẩn đoán phù hợp với NB
- 2.3. Tư vấn cho NB cách phòng bệnh hợp lý.
- 2.4. Thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu được giao.

Bài 13: Kiểm tra

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Đánh giá kết quả thực tập lâm sàng người lớn nội khoa;
- Hoàn thành được các tiêu chí của đợt thực tập.

2. Nội dung

- 2.1. Sinh viên bốc thăm người bệnh.
- 2.2. Hỏi bệnh, thăm khám và làm bệnh án nội.
- 2.3. Giáo viên kiểm tra khám phát hiện triệu chứng trên người bệnh.
- 2.4. Chấm điểm, đánh giá kết thúc đợt thực tập

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Các phòng bệnh tại Bệnh viện 199 – Bộ Công An.

2. Trang thiết bị máy móc: Các loại máy móc phục vụ học tập: Các máy tại cơ sở thực tập: điện tim, Mornitor, máy tính,..

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Tài liệu học tập;
- Ống nghe, đồng hồ đeo tay

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Kiến thức; Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành lâm sàng bệnh lý nội khoa người lớn, đạo đức, định hướng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn cá nhân.

2. Phương pháp:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Ý thức, thái độ	Quy chế đào tạo	10%
2	Điểm lượng giá thường xuyên (lượng giá sau mỗi tuần kết thúc khoa thực tập)	Bắt buộc tham gia kiểm tra tại các khoa thực tập.	20%
3	Điểm bài tập (Làm bệnh án). (<i>trung bình cộng điểm của các giảng viên</i>)	Làm đầy đủ các bệnh án theo đúng quy định.	20%
4	Làm báo cáo thực tập lâm sàng nghề nghiệp	Bắt buộc tham gia	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Các giảng viên tham gia giảng dạy thường xuyên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc giúp SV thực hiện tốt các kỹ năng thăm khám. Hàng tuần lượng giá SV, chấm bệnh án sau đó nộp về chủ giảng chậm nhất 1 tuần sau khi kết thúc giờ giảng để tổng hợp điểm.

- Đối với người học:

- + Thực hiện đúng nội quy khoa, phòng thực tập.
- + Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại bệnh viện.
- + Tham gia trực tại khoa thực tập tuần/1 buổi.
- + Tham gia lượng giá thường xuyên tại các khoa tuần/ 1 lần.
- + Làm đầy đủ số bệnh án nộp theo đúng quy định.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] *Bệnh nội khoa người lớn* - sách dùng cho cao y sĩ đa khoa. Bộ môn nội - Trường cao đẳng y Thái Bình (2020)
- [2] *Bệnh học nội khoa* - Nhà xuất bản Y học
- [3] *Bệnh học ngoại khoa người lớn* - Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình, năm 2017.
- [4] *Triệu chứng học nội khoa*- Trường Đại học y Hà Nội- 2020.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã mô đun: MĐ 29

Thời gian thực hiện mô đun: 300 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 285 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Học kỳ 6
- Tính chất:
 - + Điều kiện tiên quyết: hoàn thành chương trình mô đun.
 - + Là môn học bắt buộc.

II. Mục tiêu mô đun: Học xong mô đun này, người học có khả năng:

- **Kiến thức:** Là nội dung trình bày trong quyển khóa luận tốt nghiệp, tùy từng đề tài nghiên cứu của người học. Thể hiện hết những vấn đề đã học của học viên.

- **Kỹ năng:**

- + Hoàn thiện các kỹ năng chăm sóc sức khỏe người bệnh.
- + Nâng cao được trình độ chuyên môn, chuyên sâu trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu trong khóa luận.
- + Quản lý người bệnh áp dụng cho từng đối tượng cụ thể.
- + Hoàn thành kỹ năng mềm trong các vấn đề liên quan đến chăm sóc người bệnh.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Thể hiện khả năng trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp. Có hướng giải quyết đúng đắn khi gặp các bệnh thông thường và phức tạp.

II. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN/BT/TL	Kiểm tra
I	Cơ sở lý luận	15		15	
1	Các khái niệm chung	5		5	
2	Các khái niệm chi tiết liên quan đề tài khóa luận	10		10	

II	Thực trạng và phân tích thực trạng	220		220	
3	Sơ lược về tình hình thực tế (liên quan thực trạng)	20		20	
4	Nghiên cứu về đề tài và các vấn đề liên quan	30		30	
5	Sơ đồ cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng	30		30	
6	Phân tích chuyên sâu	80		80	
III	Đề xuất kiến nghị và giải pháp hoàn thiện	65		65	

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Cơ sở lý luận

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Về kiến thức: Học viên khái quát các khái niệm chung và các khái niệm chi tiết liên quan đến đề tài khóa luận tốt nghiệp đang nghiên cứu.

- Về kỹ năng:

+ Nắm được kiến thức khái quát và chuyên sâu các vấn đề cần nghiên cứu.

+ Có thể trả lời các câu hỏi liên quan đến đề tài.

+ Có khả năng rút ra những kiến thức hữu ích áp dụng vào đề tài.

- Về thái độ: Tinh thần tự giác và năng nổ tìm kiếm, học hỏi các khái niệm từ tổng quát đến chi tiết, từ các môn học đã qua cũng như từ kinh nghiệm thực tiễn đi thực tế.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm chung: Trình bày các khái niệm chung làm cơ sở lý luận trong đề tài khóa luận.

2.2. Khái niệm chi tiết liên quan đề tài khóa luận: Là các vấn đề liên quan trực tiếp đến đề tài, có khả năng được trích dẫn từ những khái niệm chung nêu trên.

Chương 2. Thực trạng và phân tích thực trạng

Thời gian: 220 giờ

1. Mục tiêu:

- Về kiến thức: Học viên hiểu rõ về thực trạng cũng như phân tích thực trạng liên quan trong đề tài đặt ra, từ đó nhận thức sâu sắc về vấn đề và làm rõ vấn đề.

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để thực hiện đề tài khóa luận.

+ Có thể áp dụng vấn đề nghiên cứu trong đề tài vào thực tiễn, giải quyết tồn đọng nếu có, phát triển những vấn đề liên quan tốt hơn và tạo ra những tiền đề mới giúp cho hộ sinh, phát triển cộng đồng.

+ Tích lũy kỹ năng mềm trong thực tiễn để hỗ trợ cho công việc sau này.

- Về thái độ: Thể hiện sự nghiêm khắc với bản thân, có tinh thần nhiệt huyết, tận tụy với nghề để từ đó tạo ra sự đam mê đích thực, phát triển theo hướng đúng với ngành nghề đã chọn đóng góp cho cộng đồng.

2. Nội dung chương:

2.1. Sơ lược về tình hình thực tế liên quan đến đề tài

2.2. Nghiên cứu về đề tài và các vấn đề liên quan

2.3. Sơ đồ cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng

Tùy vào tình hình đề tài mà hoàn thiện các sơ đồ như cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu và tầm nhìn, sứ mạng cụ thể cho đề tài đang thực hiện.

2.4. Phân tích sâu vào vấn đề đặt ra trong đề tài

Chương 3. Đề xuất kiến nghị và giải pháp hoàn thiện Thời gian: 65 giờ

1. Mục tiêu:

- Về kiến thức: Học viên hiểu rõ về thực trạng cũng như phân tích thực trạng liên quan trong đề tài đặt ra, từ đó nhận thức sâu sắc về vấn đề và làm rõ vấn đề. Đưa ra đề xuất, kiến nghị và các giải pháp cụ thể hoàn thiện vấn đề nêu ra trong đề tài.

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng đề xuất, kiến nghị các vấn đề tương tự.

+ Có thể áp dụng vấn đề nghiên cứu trong đề tài vào thực tiễn, giải quyết tồn đọng nếu có, phát triển những vấn đề liên quan tốt hơn và tạo ra những tiền đề mới giúp cho hộ sinh, phát triển cộng đồng bằng những giải pháp cụ thể của bản thân.

+ Tích lũy kỹ năng mềm trong thực tiễn để hỗ trợ cho công việc sau này.

- Về thái độ: Thể hiện sự nghiêm khắc với bản thân, có tinh thần nhiệt huyết, tận tụy với nghề để từ đó tạo ra sự đam mê đích thực, phát triển theo hướng đúng với ngành nghề đã chọn đóng góp cho cộng đồng.

2. Nội dung chương:

2.1. Đề xuất kiến nghị

2.2. Giải pháp hoàn thiện

2.3. Kết luận

IV.Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Cơ sở y tế thực hành, bệnh viện thực hành.
2. Trang thiết bị máy móc: Trang thiết bị y tế tại cơ sở y tế, bệnh viện.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tranh ảnh, mô hình, các phần mềm, dụng cụ y tế (liên quan đến thực tập)

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Từ đợt thực tập thực hành nghề nghiệp kết hợp với khóa luận tốt nghiệp, giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người y sĩ trong bệnh viện và y tế cơ sở, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khoẻ cho từng đối tượng cụ thể; mô tả và quản lý sức khoẻ tại cộng đồng; mô tả và đánh giá được qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, tại cộng đồng, ... Đồng thời đây còn là tiền đề để các học viên nghiêm túc với nghề, có nhiệt huyết, đam mê để theo đuổi theo con đường mà mình đã chọn.

- Về kỹ năng:

+ Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để thực hiện đề tài khóa luận.
+ Có thể áp dụng vấn đề nghiên cứu trong đề tài vào thực tiễn, giải quyết tồn đọng nếu có, phát triển những vấn đề liên quan tốt hơn và tạo ra những tiền đề mới giúp cho cán bộ y sĩ, phát triển cộng đồng.

+ Tích lũy kỹ năng mềm trong thực tiễn để hỗ trợ cho công việc sau này.

- Thái độ: : Thể hiện sự nghiêm khắc với bản thân, có tinh thần nhiệt huyết, tận tụy với nghề để từ đó tạo ra sự đam mê đích thực, phát triển theo hướng đúng với ngành nghề đã chọn đóng góp cho cộng đồng

2. Phương pháp, đánh giá:

- Áp dụng kiến thức chuyên môn đã học vào từng giờ thực hiện đề tài.
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp thảo luận nhóm
- Phương pháp thực hành, luyện tập, phân tích

Áp dụng Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI.Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: học kỳ 6 năm thứ 3, sau khi sinh viên hoàn thành chương trình.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên/ giảng viên: hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận.
- Đối với người học: chủ động, tích cực hoàn thành khóa luận theo đề tài đã chọn.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Đánh giá mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại cơ sở y tế, bệnh viện.
- Chức năng nhiệm vụ, vai trò của người y sĩ trong cơ sở y tế, bệnh viện.
- Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho từng đối tượng cụ thể
- Quy trình không chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện.
- Thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe cho người bệnh.